

PHỤ LỤC
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
Biểu mẫu 18
THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

A. Công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại

STT	Khối ngành	Quy mô sinh viên hiện tại							
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học		Cao đẳng sư phạm		Trung cấp sư phạm	
				Chính quy	Vừa làm vừa học	Chính quy	Vừa làm vừa học	Chính quy	Vừa làm vừa học
	Tổng số		78	3044	762				
1	Khối ngành I			895	223				
2	Khối ngành II			187	52	x	x	x	x
3	Khối ngành III			98		x	x	x	x
4	Khối ngành IV					x	x	x	x
5	Khối ngành V					x	x	x	x
6	Khối ngành VI					x	x	x	x
7	Khối ngành VII		78	1864	487	x	x	x	x

B. Công khai thông tin về sinh viên tốt nghiệp và tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm

STT	Khối ngành	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)			Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)*
			Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	
	Tổng số					
1	Khối ngành I	200		10.5%	72.5%	79%
2	Khối ngành II	32		9.4%	68%	78%
3	Khối ngành III					
4	Khối ngành IV					
5	Khối ngành V					
6	Khối ngành VI					
7	Khối ngành VII	267		10.5%	70%	56%

(*) Tỷ lệ SVTN có việc làm tính theo công thức: ((SL SVTN có việc làm + SL SVTN đang học nâng cao)/tổng số SVTN được khảo sát)* 100

C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành

STT	Tên môn	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Bộ môn Giáo dục đại cương			
1.	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	Cung cấp cho sinh viên một hệ thống những kiến thức cơ bản về các nguyên lý, các phạm trù, các quy luật của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Xác lập tư duy lý luận cho sinh viên để từ đó có thể tiếp cận được nội dung học phần Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng.	02	- Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau: + Điểm chuyên cần, thái độ :10% + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20%

2.	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	- Hiểu được một cách hệ thống những học thuyết kinh tế cơ bản nhất của chủ nghĩa Mác-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. - Hiểu được sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, tính tất yếu và nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa, quá trình hình thành và các giai đoạn phát triển của hình thái kinh tế xã hội cộng sản chủ nghĩa, những vấn đề chính trị xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa và triển vọng của chủ nghĩa xã hội.	03	+ Điểm thi kết thúc học phần (thi viết):70% - Thang điểm: 10
3.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Cung cấp cho người học nắm được toàn bộ hệ thống và nội dung cơ bản của học phần tư tưởng Hồ Chí Minh, cũng như ý nghĩa của việc học tập nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh, thông qua đó, hiểu được yêu cầu khách quan của việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp đổi mới.	02	
4.	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	Sinh viên nắm vững được đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn học, đồng thời nắm được những nội dung cơ bản về đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, từ cách mạng DTDCND đến cách mạng XHCN, đặc biệt là đường lối đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Từ đó, sinh viên nhận thức được đường lối đúng đắn của Đảng là nhân tố đầu tiên quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam: từ khi Đảng ra đời cho đến cách mạng tháng Tám năm 1945 đến kháng chiến chống Pháp, kháng chiến chống Mỹ và nhất là thành tựu bước đầu trong sự nghiệp đổi mới đất nước hiện nay.	03	
5.	Đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng Cộng sản Việt Nam	Cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức cơ bản và những quan điểm cũng như đường lối và chính sách của Đảng cộng sản Việt Nam, là hệ thống đường lối căn bản mang tính định hướng cho quá trình hình thành ý thức hệ của xã hội Việt Nam, cụ thể phân tích Đường lối văn hoá văn nghệ của Đảng cộng sản Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, trong đó tập trung vào ba nội dung cơ bản: Những quan điểm cơ bản của Đảng, Nhà nước về lĩnh vực văn hoá ; Sự lãnh đạo của Đảng trên lĩnh vực văn hoá văn nghệ; Toàn cầu hoá và sự phát triển văn hoá.	02	- Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau: + Điểm chuyên cần, thái độ :10% + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20% + Điểm thi kết thúc học phần (thi viết):70% - Thang điểm: 10
6.	Cơ sở văn hoá Việt Nam	Cung cấp các nội dung kiến thức về văn hoá và văn hoá Việt Nam: các vấn đề lý luận chung về văn hoá và văn hoá học; cấu trúc, các thành tố và chức năng của văn hoá; diễn trình lịch sử văn hoá Việt Nam và không gian văn hoá Việt Nam nhằm giúp sinh viên hiểu và nắm vững những hiểu biết căn bản văn hoá Việt Nam. Mặt khác, môn học cũng sẽ giúp sinh viên có ý thức giữ gìn, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay.	03	

7.	Pháp luật đại cương	<ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu cơ bản của học phần Pháp luật đại cương cung cấp cho người học một cách có hệ thống kiến thức pháp luật cơ bản, các khái niệm cơ bản cũng như nâng cao sự hiểu biết về vai trò của nhà nước và pháp luật trong đời sống, hiểu rõ và tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật. - Xác định được vị trí của Pháp luật trong xã hội. Đánh giá được vai trò của Pháp luật trong xã hội. Phân tích được các mối quan hệ của Pháp luật với kinh tế, chính trị và các quy phạm xã hội khác; - Phân tích được các hiện tượng pháp lý khác. Giải thích các khái niệm, thuật ngữ pháp lý cơ bản, biết liên hệ thực tiễn và ứng dụng kiến thức đã học vào trong học tập, công tác và trong đời sống. 	03	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau: + Điểm chuyên cần, thái độ :10% + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20% + Điểm thi kết thúc học phần (thi viết):70% - Thang điểm: 10
8.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Cung cấp hệ thống kiến thức lý luận về phương pháp, nguyên tắc và những yêu cầu trong nghiên cứu khoa học; nội dung cơ bản về khoa học, nghiên cứu khoa học và quy trình tổ chức, triển khai thực hiện đề tài khoa học.	02	
9.	Tâm lý học đại cương	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức được đối tượng, nhiệm vụ, ý nghĩa của tâm lý học. - Phân tích được bản chất hiện tượng tâm lý người, phân loại các hiện tượng tâm lý và mô tả được các nguyên tắc, phương pháp nghiên cứu tâm lý. - Xác định được cơ sở tự nhiên, cơ sở xã hội của hiện tượng tâm lý người. - Phân tích được bản chất và sự hình thành, phát triển tâm lý, ý thức. - Phân tích được bản chất, các qui luật của các quá trình nhận thức cảm tính, nhận thức lý tính và vai trò của nó trong hoạt động thực tiễn. - Phân tích được bản chất nhân cách, trình bày được các thuộc tính tâm lý nhân cách, chỉ ra được các con đường hình thành, phát triển nhân cách của cá nhân. 	03	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau: + Điểm chuyên cần, thái độ :10% + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20% + Điểm thi kết thúc học phần (thi viết):70% - Thang điểm: 10
10.	Nghệ thuật học đại cương	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp phương pháp lý luận, phương pháp tiếp cận, nghiên cứu về nghệ thuật học. - Hiểu biết về lịch sử hình thành và vai trò xã hội của Nghệ thuật trong xã hội loài người. 	02	
11.	Mỹ học đại cương	Trang bị những hiểu biết bước đầu về mỹ học để sinh viên có điều kiện tiếp cận cái đẹp trong các lĩnh vực đời sống xã hội và nghệ thuật. Trên cơ sở này cung cấp cho sinh viên những tri thức mang tính lý thuyết, trường quy về giáo dục thẩm mỹ.	02	

12.	Tin học đại cương	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về hệ điều hành Windows và Sử dụng hệ điều hành Windows 7; Sử dụng tiếng Việt trong windows và bảo vệ thông tin và phòng chống virus máy tính. - Cung cấp kiến thức và cách sử dụng mạng Internet trong việc truy cập, tìm kiếm thông tin, tài liệu phục vụ quá trình học tập. - Thông qua những phần học này sinh viên có thể ứng dụng để sử dụng (về cơ bản) các ứng dụng khác trong hệ thống phần mềm thuộc hệ điều hành Windows 7. - Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về bộ Microsoft office 2010. 	03	Học phần có cả lý thuyết và thực hành (tức là có tín chỉ lý thuyết và tín chỉ thực hành), thì điểm thi kết thúc học phần gồm 2 con điểm: điểm của bài thi đối với tín chỉ lý thuyết và điểm phần thực hành (đối với tín chỉ thực hành) làm trung bình chung.
13.	Lịch sử văn minh thế giới	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và trình bày được được cơ sở hình thành và những thành tựu cơ bản của các nền văn minh thế giới cổ trung đại (Văn minh Ai Cập, Lưỡng Hà, Arập, Ấn Độ, Trung Hoa, Đông Nam Á, Hy Lạp, La Mã, Văn minh Tây Âu thời kỳ trung đại); điều kiện ra đời và những thành tựu, những quy tắc hoạt động... của nền văn minh công nghiệp, Văn minh Thế giới thế kỷ XX. - Hiểu và lý giải được đặc trưng, tính chất của các nền văn minh. - Đánh giá được giá trị và những đóng góp của các nền văn minh đối với sự phát triển của lịch sử nhân loại 	03	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau: + Điểm chuyên cần, thái độ :10% + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20% + Điểm thi kết thúc học phần (thi viết):70% - Thang điểm: 10
14.	Tiếng Việt thực hành	Trang bị cho sinh viên kiến thức đại cương về tiếng Việt trong nói và viết nâng cao khả năng nắm bắt và sử dụng chuẩn xác tiếng Việt.	03	
15.	Logic học	Cung cấp một số kiến thức logic căn bản như là phương tiện tối thiểu để rèn luyện và nâng cao kỹ năng tư duy cho người học, giúp người học tư duy nhanh, chính xác, lập luận chặt, chứng minh, bác bỏ một cách thuyết phục, trình bày tư tưởng ngắn gọn, khúc chiết, rõ ràng, mạch lạc, biết phát hiện những đúng, sai, tráo trở, nguy hiểm trong tư duy, lập luận của người khác....Cung cấp một số tình huống, đặc biệt là các tình huống liên quan đến pháp luật (lập pháp, hành pháp, tư pháp) và một số tình huống đời thường để sinh viên vận dụng các kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn.	03	
2	Bộ môn Công tác xã hội			

16.	Xã hội học đại cương	Giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Xã hội học và phương pháp nghiên cứu xã hội học. Người học sẽ được tiếp cận với các khái niệm của xã hội học như: hành động xã hội, tương tác xã hội, tổ chức xã hội, cơ cấu xã hội, xã hội hoá, phân tầng xã hội, bất bình đẳng xã hội... để nắm bắt và vận dụng vào nghiên cứu các vấn đề xã hội ở nước ta hiện nay.	02	
17.	Tâm lý học xã hội	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được đối tượng, nhiệm vụ của TLH xã hội, trình bày được nội dung các nguyên tắc, phương pháp nghiên cứu của TLH xã hội. - Trình bày được nội dung và nêu ứng dụng của các quy luật hình thành các hiện tượng tâm lý xã hội - Phân tích được: Khái niệm, cấu trúc tâm lý, cơ chế hình thành của Nhóm, đám đông và tập thể, vấn đề thủ lĩnh nhóm và người lãnh đạo tập thể. - Trình bày được: Bản chất, vai trò và cơ chế hình thành các hiện tượng tâm lý xã hội: Bầu không khí tâm lý XH, tâm trạng XH, truyền thống XH, dư luận XH. - Trình bày được một số vấn đề chung về giao tiếp xã hội, vấn đề ảnh hưởng lẫn nhau trong quá trình giao tiếp xã hội. - Phân tích được khái niệm, cơ sở hình thành hành vi xã hội, ảnh hưởng của nhóm đến hành vi xã hội của cá nhân; Cấu trúc, phân loại nhân cách trong TLH xã hội, các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và sự thay đổi nhân cách. 	02	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần, thái độ :10% + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20% + Điểm thi kết thúc học phần (thi viết):70% - Thang điểm: 10
18.	Thực hành các phương pháp xử lý thông tin SPSS	<ul style="list-style-type: none"> + Giúp cho sinh viên hiểu rõ mục đích, ý nghĩa, vai trò của phần mềm SPSS, của phân tích, xử lý thông tin trong nghiên cứu khoa học; + Giúp cho sinh viên nắm rõ về qui trình thu thập, xử lý thông tin trong nghiên cứu khoa học; + Giúp cho sinh viên nắm rõ về các nguyên tắc, phương pháp khởi tạo biến, mã hóa biến trong SPSS; + Giúp cho sinh viên nắm rõ những khái niệm trong việc phân tích, xử lý thông tin khi sử dụng phần mềm SPSS; + Giúp cho sinh viên hiểu rõ ý nghĩa của từng phương pháp phân tích thông tin, phương pháp kiểm định mà SPSS sử dụng; + Trang bị cơ sở lý thuyết về các phương pháp phân tích, xử lý thông tin, các phương pháp kiểm định mà SPSS sử dụng. 	02	

19.	Nhập môn công tác xã hội	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành và phát triển của ngành Công tác xã hội trên thế giới cũng như ở Việt Nam; Trang bị cho người học những vấn đề lý luận về các lĩnh vực của Công tác xã hội; Hình thành một số khái niệm về Công tác xã hội.	02	
20.	Lý thuyết công tác xã hội	Giúp sinh viên hiểu bản chất, các nội dung chủ yếu và phân tích được cấu trúc của từng lý thuyết trong Công tác xã hội. Đồng thời, qua việc phân tích, đánh giá các lý thuyết, sinh viên sẽ biết cách áp dụng các mô hình lý luận khác nhau vào trong hoạt động thực hành Công tác xã hội.	02	
21.	Hành vi con người và môi trường xã hội	<ul style="list-style-type: none"> - Các khái niệm cơ bản của học phần: Nội dung cơ bản về thuyết hành vi cổ điển, thuyết hành vi mới và những ứng dụng của chúng trong xã hội. - Giải thích được khái niệm cơ bản về hành vi con người; các loại hành vi và môi trường xã hội. - Mối quan hệ tác động qua lại giữa hành vi con người và môi trường xã hội và các biện pháp tác động đến hành vi con người. - Phân biệt được những hành vi con người hợp chuẩn và không hợp chuẩn; nắm được những tệ nạn xã hội cấp bách hiện nay, nguyên nhân và biện pháp phòng ngừa, khắc phục các tệ nạn đó. 	02	
22.	Giới và phát triển	Học phần cung cấp cho người học hệ thống kiến thức lý thuyết khoa học cơ bản về giới, các luật pháp, chính sách của quốc tế và Việt Nam có liên quan đến vấn đề giới, đặc biệt là phương pháp phân tích giới và lồng ghép giới trong các chính sách chương trình, dự án phát triển. Đồng thời học phần cũng giúp người học nhận diện được mối quan hệ giữa giới và phát triển xã hội, cuộc sống của phụ nữ, vai trò và vị thế của họ trong xu thế phát triển chung; tình hình và thực trạng của bình đẳng giới ở nước ta, nhằm giúp phụ nữ có thể làm tốt nhiệm vụ xã hội của họ, thực hiện tốt chức năng của họ trong công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước	02	

23.	Giáo dục giới tính và định hướng sức khỏe vị thành niên	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về tâm, sinh lý, về những biến đổi và những khác biệt của em trai, em gái. - Những hiểu biết về tình bạn, tình yêu của tuổi vị thành niên và cả những thất bại tâm lý trong những lần rung động giới tính đầu đời - Biết được những hậu quả của việc thiếu hiểu biết về giới tính, các nguy hại phải gánh chịu lâu dài nếu vị thành niên vượt qua “trái cấm” - Nhận thức được ý nghĩa của giáo dục giới tính ở vị thành niên. 	03	
24.	Các phương pháp và kỹ năng cơ bản trong công tác xã hội	Hệ thống các kiến thức cơ bản về các phương pháp và kỹ năng cơ bản trong công tác xã hội nhằm giúp người học nắm vững các phương pháp và kỹ năng của công tác xã hội để thực hành chuyên môn.	03	
25.	Công tác xã hội cá nhân và nhóm	Trang bị những kiến thức cơ bản về lý thuyết, các bước thực hiện trong tiến trình công tác xã hội với cá nhân. Ngoài ra, học phần còn giúp người học nắm vững một phương pháp của công tác xã hội để thực hành chuyên môn.	04	
26.	Tổ chức và phát triển cộng đồng	Trang bị cho sinh viên những nội dung kiến thức chung nhất và cơ bản về lý thuyết cũng như thực hành nghề Phát triển cộng đồng - một ngành nghề trong hệ thống các Khoa học xã hội và nhân văn.	03	
27.	Xã hội học truyền thông đại chúng và dư luận xã hội	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu biết về ảnh hưởng của các phương tiện truyền thông đại chúng đến đời sống xã hội - Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và có hệ thống về nguồn gốc, bản chất, vai trò, ảnh hưởng của dư luận xã hội và các phương pháp điều tra DLXH. 	02	
28.	Tham vấn và thực hành tham vấn	Cung cấp cho sinh viên một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản về tham vấn như: các nguyên tắc tham vấn, các kỹ năng tham vấn, chu trình thực hiện các bước trong một quá trình tham vấn và trong một buổi tham vấn cá nhân, tham vấn gia đình hay tham vấn nhóm. Thông qua những kiến thức cơ bản này, sinh viên có thể thực hành các bài tập trải nghiệm quá trình làm tham vấn.	02	

29.	Thực hành công tác xã hội cá nhân và nhóm	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên có thể vận dụng các lý thuyết đã học, trong đó có tiến trình công tác xã hội cá nhân để tiếp cận thân chủ, xác định các vấn đề khó khăn của thân chủ, phân tích được nguyên nhân của vấn đề, cùng thân chủ lên kế hoạch can thiệp và trợ giúp thân chủ huy động nguồn lực, tự vươn lên giải quyết vấn đề. - Sinh viên có khả năng tổng hợp, đánh giá giữa lý thuyết công tác xã hội nhóm với thực tiễn, từ thực tiễn giúp sinh viên phân tích được những lý thuyết đã học để thực hành tại cơ sở. - Ứng dụng được các kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tế tại cơ sở thực hành. 	05	
30.	Đạo đức nghề nghiệp trong công tác xã hội	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được những vấn đề chung về đạo đức và đạo đức nghề công tác xã hội; - Phân tích được quy điều đạo đức nghề công tác xã hội trên thế giới và ở Việt Nam; - Xác định được trách nhiệm đạo đức của người làm công tác xã hội; 	02	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau: +Đánh giá của kiểm huấn viên cơ sở 10% +Đánh giá của giảng viên hướng dẫn 20% +Báo cáo thực hành: 70% - Thang điểm: 10
31.	Công tác xã hội trong lĩnh vực bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình	<p>Học phần nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công tác xã hội trong lĩnh vực bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lí luận chung về CTXH trong lĩnh vực bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình - Hệ thống công cụ làm việc chủ yếu của công tác xã hội trong lĩnh vực bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình - Các mô hình và dịch vụ can thiệp, hỗ trợ trong công tác xã hội lĩnh vực bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình 	03	
32.	Xây dựng và quản lý dự án công tác xã hội	<ul style="list-style-type: none"> + Sinh viên có kiến thức về quản lý dự án xã hội, nhận diện được những vấn đề xã hội cần can thiệp, giải quyết bằng một dự án xã hội + Sinh viên có thể thực hiện hoặc tham gia thiết kế, xây dựng dự án xã hội, cũng như có kỹ năng cơ bản trong quản lý dự án nhằm giúp cộng đồng thay đổi, cải thiện điều kiện sống 	03	

33.	Chính sách và an sinh xã hội	<p>Truyền đạt cho người học kiến thức về lịch sử và khái niệm hệ thống an sinh xã hội; Về mối quan hệ giữa an sinh xã hội và công tác xã hội; Mục tiêu của an sinh xã hội cũng như cơ chế, điều kiện để xây dựng phát triển một xã hội an sinh cho mọi người, mọi gia đình, mọi cộng đồng; Ngoài ra, học phần còn đề cập đến tính chất của bộ máy an sinh xã hội, sự cần thiết của bộ máy an sinh xã hội.</p> <p>Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về một số chính sách pháp luật liên quan đến Công tác vực xã hội. Giúp sinh viên nhận thức đầy đủ về các vấn đề xã hội đang diễn ra trong cuộc sống và vai trò của chính sách pháp luật đối với việc giải quyết các vấn đề đó. Đồng thời nâng cao khả năng phân tích và vận dụng chính sách pháp luật vào thực hành Công tác xã hội</p>	03	
34.	Thực hành phát triển cộng đồng	<p>- Liên hệ lý thuyết phát triển cộng đồng với thực tiễn, từ thực tiễn giúp sinh viên hiểu rõ hơn, sâu hơn những lý thuyết đã học. Ứng dụng được các kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tế tại cơ sở thực hành.</p> <p>- Phân tích được bức tranh toàn diện về tình hình, kinh tế, xã hội, chính trị, văn hóa, tình hình an sinh xã hội... của một cộng đồng cụ thể.</p>	05	<p>- Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau: + Đánh giá của kiểm huấn viên cơ sở 10%; Đánh giá của giảng viên hướng dẫn: 20%; Báo cáo thực hành: 70% - Thang điểm: 10</p>
35.	Công tác xã hội với trẻ em	Trang bị cho sinh viên những kiến thức về lý thuyết cũng như thực hành nghề công tác xã hội với trẻ em như: khái niệm trẻ em, chính sách của Đảng, nhà nước về trẻ em, những đặc trưng tâm sinh lý, những kiến thức cơ bản về sự phát triển của trẻ, đặc biệt là những trẻ có hoàn cảnh khó khăn - một trong những đối tượng yếu thế nhất mà công tác xã hội phải can thiệp, giúp đỡ.	03	
36.	Công tác xã hội với người cao tuổi	Trang bị cho sinh viên những kiến thức về lý thuyết cũng như thực hành nghề công tác xã hội với người cao tuổi như: khái niệm về người cao tuổi, những kiến thức về đặc điểm tâm sinh lý và nhu cầu của người cao tuổi, nắm bắt được một số văn bản pháp lý quan trọng của Việt Nam liên quan đến người cao tuổi	03	

37.	Công tác xã hội với người khuyết tật	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được các khái niệm, định nghĩa về người khuyết tật (tàn tật, người có nhu cầu đặc biệt). Nguyên nhân, cách phân loại người khuyết tật. - Biết được thực trạng của việc bảo vệ, chăm sóc cũng như giáo dục cho người khuyết tật. Các văn bản quy phạm pháp luật về quyền của người khuyết tật. - Trình bày được các lý thuyết, kỹ năng, phương pháp công tác xã hội khi làm việc với người khuyết tật. 	03	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần, thái độ :10% + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20% + Điểm thi kết thúc học phần: 70% - Thang điểm: 10
38.	Công tác xã hội với người nghèo	Trang bị cho người học những kiến thức chung nhất, cơ bản nhất về nghèo đói, xoá đói giảm nghèo, chuẩn nghèo. Nêu được thực trạng nghèo đói ở thế giới và Việt Nam; Phân tích được nguyên nhân nghèo đói, đặc điểm tâm lý – xã hội của người nghèo; một số và công tác xã hội với người nghèo.	03	
39.	Công tác xã hội với nhóm dân tộc thiểu số	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các vấn đề lý luận, vị trí, vai trò của Công tác xã hội đối với nhóm dân tộc thiểu số.	03	
40.	Công tác xã hội trong bệnh viện	<ul style="list-style-type: none"> - Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về vai trò, chức năng, nhiệm vụ của nhân viên công tác xã hội khi hỗ trợ bệnh nhân khám chữa bệnh trong bệnh viện. - Sinh viên hiểu được cụ thể vai trò của Công tác xã hội trong lĩnh vực y tế nói chung và trong bệnh viện nói riêng; đồng thời biết được thực trạng hệ thống y tế hiện nay cũng như những chính sách chăm sóc sức khỏe tại Việt Nam. Nắm vững được các kiến thức về đặc điểm thể chất và tâm lý người bệnh, kỹ năng, phương pháp công tác xã hội khi làm việc với các nhóm bệnh nhân cụ thể. 	03	
41.	Công tác xã hội với nhóm ma túy, mại dâm và HIV	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ma túy, mại dâm; các giải pháp phòng chống ma túy, mại dâm; thực hành công tác xã hội với mại dâm nghiện ma túy	03	

42.	Thực hành công tác xã hội	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và các hoạt động công tác xã hội tại cơ sở thực tập; - Phân biệt được công tác xã hội với hoạt động nhân đạo, từ thiện; với việc thực hiện chính sách xã hội, phúc lợi xã hội, hoạt động xã hội, phong trào xã hội; - Phân biệt được nhân viên công tác xã hội với cán bộ các tổ chức, đoàn thể; cán bộ, nhân viên của các cơ sở bảo trợ xã hội... - Nêu được vai trò của ngành công tác xã hội trong hệ thống an sinh xã hội. Liên hệ thực tiễn với lý thuyết đã học. 	05	
43.	Thực tập cuối khóa	<ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng những kiến thức liên quan đến hành vi con người và môi trường xã hội cũng như các phương pháp, cách tiếp cận CTXH trong việc giúp đỡ cá nhân và các đối tượng xã hội có vấn đề về tâm lý và xã hội. - Thực tập các nguyên tắc, quy chuẩn đạo đức và các giá trị trong CTXH khi làm việc với cá nhân. 	08	
3	Bộ môn Luật			
44.	Lịch sử nhà nước và pháp luật	Giới thiệu để sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản về nhà nước từ chế độ chiếm hữu nô lệ, chế độ phong kiến, chế độ tư sản và chế độ XHCN ở các nước trên thế giới; nắm được các kiến thức cơ bản về nhà nước phong kiến, nhà nước XHCN ở Việt Nam; Nắm được kiến thức cơ bản về pháp luật qua các chế độ xã hội trong lịch sử Việt nam và thế giới	04	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau: + Điểm chuyên cần, thái độ :10% + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20% + Điểm thi kết thúc học phần: 70% - Thang điểm: 10
45.	Luật kinh tế	Cung cấp cho sinh viên những lý luận cơ bản về luật kinh tế và pháp luật về chủ thể kinh doanh. Pháp luật về hợp đồng thương mại và hợp đồng trong thương mại, pháp luật về phá sản và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh.	03	

46.	Luật hành chính	Sinh viên sẽ nắm được những kiến thức cơ bản về lí luận và thực tiễn quản lí hành chính nhà nước và pháp luật về quản lí hành chính nhà nước cũng như địa vị pháp lí của các chủ thể trong quan hệ pháp luật hành chính; thủ tục hành chính, quyết định hành chính,vi phạm hành chính và xử lí vi phạm hành chính, và các vấn đề về tổ tụng hành chính. Sinh viên được trang bị những kiến thức cần thiết để vận dụng pháp luật về quản lí hành chính nhà nước và hoạt động giải quyết các vụ án hành chính vào thực tiễn.	03	
47.	Luật tổ tụng hành chính	Sinh viên sẽ nắm được những kiến thức cơ bản về lí luận và thực tiễn quản lí hành chính nhà nước và pháp luật về quản lí hành chính nhà nước cũng như địa vị pháp lí của các chủ thể trong quan hệ pháp luật hành chính; thủ tục hành chính, quyết định hành chính,vi phạm hành chính và xử lí vi phạm hành chính, và các vấn đề về tổ tụng hành chính. Sinh viên được trang bị những kiến thức cần thiết để vận dụng pháp luật về quản lí hành chính nhà nước và hoạt động giải quyết các vụ án hành chính vào thực tiễn.	02	
48.	Luật hình sự	Sinh viên cần nắm vững nội dung cơ bản hệ thống các khái niệm, phạm trù về Tội phạm; cấu thành tội phạm với tư cách là môn học nền tảng của chuyên ngành luật hình sự. Sinh viên cần nắm vững nội dung cơ bản hệ thống các loại tội phạm	04	
49.	Luật Tổ tụng hình sự	Giới thiệu để sinh viên nắm được các khái niệm, nguyên tắc cơ bản của luật tổ tụng hình sự. Nắm được những kiến thức cơ bản các giai đoạn và nội dung của từng giai đoạn tổ tụng hình sự.	04	
50.	Luật dân sự	Giới thiệu để sinh viên nắm được các khái niệm cơ bản của luật dân sự Việt Nam. Nắm được những kiến thức cơ bản về các chế định cơ bản như: quan hệ pháp luật dân sự, giao dịch dân sự,tài sản và quyền sở hữu, nghĩa vụ dân sự và hợp đồng dân sự, quyền thừa kế.	04	

51.	Luật Tố tụng dân sự	Giới thiệu để sinh viên nắm được các quy định cơ bản của Luật tố tụng dân sự về thẩm quyền của tòa án nhân dân, cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng, chứng minh và chứng cứ trong tố tụng dân sự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự tại tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm.	04	
52.	Luật hôn nhân và gia đình	Giới thiệu để sinh viên nắm được các quy định cơ bản của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam về kết hôn, các điều kiện kết hôn, ly hôn, điều kiện ly hôn, quyền và nghĩa vụ các thành viên trong gia đình	03	
53.	Luật thương mại	Giới thiệu để sinh viên nắm được các khái niệm cơ bản về Luật Thương mại, phân biệt khái niệm Luật Thương mại, Luật Kinh tế và pháp luật kinh tế. Nắm được những kiến thức cơ bản của Luật Thương mại như: Các hành vi thương mại, thương nhân, các loại hình doanh nghiệp, hợp đồng trong lĩnh vực thương mại, phá sản doanh nghiệp, giải quyết tranh chấp thương mại.	05	
54.	Luật lao động	Giới thiệu để học viên nắm được khái quát về luật lao động, quan hệ pháp luật lao động và các vấn đề riêng của Luật lao động như: địa vị pháp lý của Công đoàn, hợp đồng lao động, thời giờ làm việc, nghỉ ngơi; tiền lương; an toàn, vệ sinh trong lao động; quản lý lao động; tranh chấp và giải quyết tranh chấp trong lao động; Giúp học viên nắm được những kiến thức cơ bản về vai trò của quản lý nhà nước trong lĩnh vực này; Giúp học viên biết phân tích, thảo luận, bình luận, đánh giá về các tình huống phức tạp có thể xảy ra từ các vấn đề trong nội dung học.	04	
55.	Luật Tài chính	Giới thiệu để sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản: Những vấn đề lý luận và các quy định cơ bản của pháp luật về các loại thuế đang áp dụng tại Việt Nam; Những vấn đề cơ bản về Ngân sách nhà nước, cơ cấu của Ngân sách nhà nước cũng như những nội dung cơ bản của pháp luật về Ngân sách nhà nước.	04	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau: + Điểm chuyên cần, thái độ :10% + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20% + Điểm thi kết thúc học phần: 70% - Thang điểm: 10
56.	Luật học so sánh	Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng về các hệ thống pháp luật trên thế giới, từ đó có thể so sánh các hệ thống pháp luật với nhau nhằm tìm ra những điểm tương đồng và khác biệt điển hình giữa chúng	03	

57.	Luật sở hữu trí tuệ	Môn học trang bị cho người học những kiến thức đại cương về cơ sở của bảo hộ trí tuệ, các đối tượng được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, các cơ quan nhà nước và thực thi quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ.	03	
58.	Luật công pháp và tư pháp quốc tế	Giới thiệu để sinh viên nắm được các khái niệm cơ bản của công pháp quốc tế: nguồn gốc, quá trình phát triển, các nguyên tắc cơ bản, chủ thể,... ; nắm được những kiến thức cơ bản về lãnh thổ, luật biển, luật ngoại giao lãnh sự, các cơ quan tài phán quốc tế và trách nhiệm pháp lý quốc tế. Yêu cầu sinh viên có những kiến thức cơ bản về một số ngành luật chuyên ngành của Công pháp quốc tế, như: Luật điều ước quốc tế, Luật biển quốc tế, Luật ngoại giao và lãnh sự. Ngoài ra còn có các kiến thức về các cơ quan tài phán quốc tế.	04	
59.	Học thuyết tam quyền phân lập	Giúp sinh viên hiểu Học thuyết này đã được các nhà tư tưởng tư sản thế kỷ XVII-XVIII mà điển hình là John Locke và Montesquieu kế thừa, phát triển và hoàn thiện nó, coi đó là cơ sở để bảo đảm quyền lực của nhân dân và chống chế độ độc tài chuyên chế. Montesquieu đã phát triển một cách toàn diện học thuyết phân quyền và sau này khi nhắc tới học thuyết “tam quyền phân lập” là nhắc tới tên tuổi của ông. Nó đã được thể hiện và áp dụng trong việc tổ chức bộ máy Nhà nước của nhiều nước trên thế giới ở các mức độ khác nhau, được ghi nhận một cách trang trọng trong các bản Tuyên ngôn và Hiến pháp của một số nước.	03	
60.	Xây dựng văn bản pháp luật	Hiểu biết những vấn đề cơ bản về VBPL và xây dựng VBPL; về kỹ năng trình bày hình thức và nội dung của VBPL; về kỹ năng kiểm tra và xử lý VBPL ứng dụng lý thuyết vào tình huống cụ thể để soạn thảo VBPL	03	
61.	Lý luận Nhà nước pháp quyền	Giới thiệu tổng quát giúp người học biết được Nhà nước pháp quyền Việt Nam là học điều gì và học như thế nào.	04	
62.	Luật Hiến pháp nước ngoài	Sinh viên cần nắm vững nội dung cơ bản hệ thống các khái niệm, phạm trù về Hiến pháp ở các nước với tính cách là môn học đối chiếu, so sánh với Hiến pháp Việt Nam.	03	
63.	Luật hành chính so sánh	Sinh viên sẽ nắm được những kiến thức cơ bản về lý luận và thực tiễn về hành chính so sánh, nền hành chính giữa các nước.	03	
				- Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau: + Điểm chuyên cần, thái độ :10% + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20% + Điểm thi kết thúc học phần: 70% - Thang điểm: 10

64.	Công chứng và chứng thực	Học phần công chứng, chứng thực nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản về hoạt động công chứng và chứng thực ở Việt nam và trên thế giới, những khái niệm, đặc điểm, xu thế xã hội hóa hoạt động công chứng, chứng thực.	03	
65.	Sự hạn chế quyền lực Nhà nước	Giới thiệu để người học nắm được những kiến thức lý luận cơ bản và nội dung của việc hạn chế quyền lực nhà nước.	02	
66.	Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính	Giới thiệu để người học nắm được những kiến thức lý luận cơ bản về văn bản và kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính thông dụng	02	
67.	Luật an sinh xã hội	Giới thiệu để người học hiểu được khái niệm an sinh xã hội và sự cần thiết của hệ thống an sinh xã hội ở một quốc gia, nắm bắt được hệ thống an sinh xã hội Việt Nam và một số chính sách an sinh xã hội (chính sách xã hội) và Tiếp cận, nghiên cứu và phân tích được các vấn đề xã hội, đặc biệt một số vấn đề xã hội nóng bỏng ở nước ta.	02	
68.	Luật Đất đai và môi trường	Trang bị những kiến thức cơ bản mang tính lý luận về ngành Luật Đất đai cho người học; Nhận thức được chế độ sở hữu toàn dân đối với đất đai ở Việt Nam mang tính đặc biệt chi phối việc quản lý và sử dụng đất đai; Nắm được khái niệm, nhận diện được bản chất, đặc thù của môi trường, bảo vệ môi trường và luật môi trường; Nắm được cơ sở hình thành, nội dung pháp lý và bản chất của các quy định pháp luật về kiểm soát ô nhiễm môi trường, về bảo tồn đa dạng sinh học; Nắm được đặc thù của pháp luật bảo vệ từng nguồn tài nguyên thiên nhiên; Nhận diện, hiểu bản chất và đưa ra hướng giải quyết các tranh chấp đất đai, môi trường.	04	

69.	Pháp luật về thị trường chứng khoán	Hiểu và nắm được một số khái niệm cơ bản trong lĩnh vực pháp luật chứng khoán; các phương pháp nghiên cứu cơ bản trong khoa học luật chứng khoán; Nhận diện được bản chất, đặc thù của các quan hệ pháp luật trong lĩnh vực chứng khoán; Nắm được nội dung cơ bản của các văn bản pháp luật hiện hành điều chỉnh trong lĩnh vực chứng khoán; Có được những kiến thức cơ bản về thực tiễn hoạt động chứng khoán.	03	<p>- Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau:</p> <p>+ Điểm chuyên cần, thái độ :10%</p> <p>+ Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20%</p> <p>+ Điểm thi kết thúc học phần: 70%</p> <p>- Thang điểm: 10</p>
70.	Luật cạnh tranh	Giới thiệu để người học nắm được những kiến thức lý luận cơ bản về luật cạnh tranh	03	
71.	Luật đầu tư	Có những hiểu biết toàn diện về hoạt động đầu tư và pháp luật về đầu tư trong nền kinh tế thị trường; Hiểu rõ cách thức thực hiện quy trình, thủ tục đầu tư và triển khai dự án đầu tư; Hiểu rõ quy định về các biện pháp bảo đảm và khuyến khích đầu tư, đối tượng và phạm vi áp dụng các biện pháp đó; Hiểu biết đầy đủ về quy chế pháp lý các khu kinh tế đặc biệt; Hiểu biết các quy định cơ bản về đầu tư trực tiếp theo hợp đồng; Nắm được những nội dung cơ bản của pháp luật về đầu tư ra nước ngoài; Nắm được nội dung của hoạt động đầu tư kinh doanh vốn nhà nước.	02	
72.	Giải quyết tranh chấp đất đai	Trang bị cho sinh viên những kiến thức để nhận dạng được các loại chủ thể và hình thức sử dụng đất; Các quyền và nghĩa vụ cơ bản của người sử dụng đất; các dạng tranh chấp đất đai và khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai và thể hiện cụ thể của nó trong các quy phạm pháp luật đất đai để từ đó vận dụng giải quyết các tình huống trong thực tế.	02	
73.	Pháp luật Doanh nghiệp	Giúp sinh viên nắm được bản chất pháp lý của các loại hình doanh nghiệp, quy định pháp luật về việc thành lập, đăng ký những thay đổi của doanh nghiệp, một số tranh chấp điển hình phát sinh trong nội bộ doanh nghiệp.	02	
74.	Pháp luật hợp đồng thương mại	Giúp sinh viên nắm được những vấn đề chung về hợp đồng thương mại, nắm rõ một số loại hợp đồng thương mại thông dụng, cũng như những kiến thức cần trang bị về kỹ năng soạn thảo các hợp đồng thương mại.	02	

75.	Pháp luật về hợp đồng	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận chung và quy định của pháp luật về hợp đồng, các biện pháp bảo đảm quyền lợi của các chủ thể trong quan hệ hợp đồng, trách nhiệm do vi phạm hợp đồng. Sau khi nắm vững những quy định chung về hợp đồng, sinh viên sẽ tiếp tục nghiên cứu về một số hợp đồng dân sự thông dụng trong đời sống. Giúp người học nắm được những vấn đề thủ tục giải quyết các loại tranh chấp liên quan đến hợp đồng, các mẫu hợp đồng thông dụng.	04	<p>- Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau:</p> <p>+ Điểm chuyên cần, thái độ :10%</p> <p>+ Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20%</p> <p>+ Điểm thi kết thúc học phần: 70%</p> <p>- Thang điểm: 10</p>
76.	Thủ tục tố tụng dân sự đặc biệt	Giới thiệu để sinh viên nắm được các quy định cơ bản về thủ tục đặc biệt giải quyết vụ án dân sự (bao gồm thủ tục giám đốc thẩm và thủ tục tái thẩm), thủ tục giải quyết vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài cũng như những kiến thức và quy định về tương trợ tư pháp trong hoạt động tố tụng dân sự của VN.	03	
77.	Thi hành án dân sự	Nắm được khái niệm, vai trò, nhiệm vụ của LTHADS; đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của LTHADS. Nắm được khái niệm, đặc điểm của quan hệ pháp luật THADS và kiến thức lý luận về xã hội hoá THADS. Nhận thức được khái niệm, ý nghĩa, các biện pháp cưỡng chế thi hành án và xử lý tài sản cưỡng chế THADS. Nắm được các kiến thức cơ bản về khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong THADS; kháng nghị và xử lý vi phạm về THADS.	03	
78.	Thi hành án hình sự	Sinh viên cần nắm vững khái niệm, nhiệm vụ, nguồn, các nguyên tắc cơ bản và các vấn đề lý luận cơ bản khác của Luật thi hành án Hình sự Việt Nam; hệ thống tổ chức thi hành án hình sự, cơ chế đảm bảo thi hành án hình sự; nắm được quy trình thi hành hình phạt và các biện pháp tư pháp trong pháp luật thi hành án Hình sự Việt Nam.	03	
79.	Hành nghề Luật sư	Trang bị cho người học những kiến thức về nghề luật sư, trách nhiệm nghề nghiệp, các quy tắc đạo đức và ứng xử nghề nghiệp luật sư. Môn học góp phần phát triển số lượng và chất lượng luật sư đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp và yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.	02	

80.	Chứng cứ	Học phần Chứng cứ nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về tình hình tội phạm và chứng cứ của việc thực hiện tội phạm, đặc trưng của chứng cứ và các thuộc tính của chứng cứ, các vấn đề pháp lý về chứng cứ.	02	
81.	Hoạt động tư pháp	Giới thiệu để người học nắm được những kiến thức lý luận cơ bản về tổ chức và hoạt động của hệ thống cơ quan tư pháp. Vị trí của hệ thống cơ quan tư pháp trong mối quan hệ với hệ thống cơ quan quyền lực và hệ thống cơ quan quản lý nhà nước.	02	
82.	Thực tế nghề nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Thực tế nghề nghiệp là một phần quan trọng trong chương trình đào tạo của Khoa Luật – Quản lý Nhà nước. Chương trình thực tế này là một giai đoạn chuyển tiếp giữa môi trường học tập với môi trường xã hội thực tiễn. Mục tiêu của đợt thực tế này nhằm tạo điều kiện cho sinh viên có cơ hội cọ sát với thực tế, gắn kết những lý thuyết đã học được trên ghế giảng đường với môi trường thực tiễn bên ngoài. - Giúp người học phát triển các kỹ năng, phương pháp xem, quan sát, khảo sát tổ chức hoạt động các công sở, cơ quan hành chính khu vực công và khu vực dân sự. 	04	
83.	Thực tập cuối khóa	<ul style="list-style-type: none"> - Giúp người học hoàn thiện các kỹ năng, phương pháp xem, quan sát, khảo sát tổ chức hoạt động các công sở, cơ quan hành chính khu vực công và khu vực dân sự. - Giúp người học nắm được phương pháp nghiên cứu, ghi chép, phỏng vấn, thu thập tư liệu tổng làm tư liệu phục vụ nhận định, đánh giá, đổi mới của sinh viên giai đoạn kết thúc thực tập và làm báo cáo thực tập. 	08	
4	Bộ môn Quản lý nhà nước			

84.	Đạo đức công vụ	<ul style="list-style-type: none"> - SV hiểu được các khái niệm cơ bản về đạo đức và đạo đức công vụ, biết được các quan điểm tiếp cận trong nghiên cứu đạo đức và đạo đức công vụ. - Sinh viên nắm được đạo đức nghề nghiệp một số nghề tiêu biểu - Sinh viên nắm được đạo đức của người công chức trong thi hành công vụ để ứng dụng vào thực tiễn công việc sau này. - Trình bày được những kiến thức về lý thuyết và nắm vững pháp luật thực thi đạo đức công vụ của Việt Nam cũng như một số nước trên thế giới.. - Người học nắm vững hệ thống kiến thức nói trên để vận dụng trong quá trình thực thi nhiệm vụ được giao sau khi tốt nghiệp đại học ngành quản lý nhà nước 	02	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau: + Điểm chuyên cần, thái độ :10% + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20% + Điểm thi kết thúc học phần: 70% - Thang điểm: 10
85.	Hiến pháp và luật tổ chức bộ máy nhà nước	<ul style="list-style-type: none"> -Với môn học này, SV sẽ có được những kiến thức cơ bản về chế độ chính trị, kinh tế, văn hoá, giáo dục, khoa học, công nghệ, chính sách đối ngoại, an ninh quốc phòng của nước Cộng hoà XHCN Việt Nam, các quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, chế độ bầu cử, cơ cấu tổ chức, hoạt động của các cơ quan trong bộ máy nhà nước, các cơ quan hiến định độc lập. -Sau khi học xong môn học, SV có thể vận dụng những kiến thức được trang bị để phân tích, giải thích, đánh giá các sự kiện và các vấn đề chính trị, kinh tế, văn hoá giáo dục, khoa học, công nghệ mang tính thời sự, đặc biệt là về tổ chức, hoạt động của các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương, các thiết chế hiến định độc lập. -Những phương pháp nghiên cứu khoa học sẽ được áp dụng để truyền đạt cho SV kiến thức không chỉ mang tính thời sự theo hiến pháp và pháp luật hiện hành mà còn trên cơ sở phân tích, đối chiếu để làm rõ sự kế thừa và phát triển qua các bản hiến pháp Việt Nam. 	03	

86.	Lịch sử hành chính nhà nước Việt Nam	<p>- Nắm vững những đặc trưng cơ bản về quá trình diễn biến của hành chính nhà nước Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử.</p> <p>- Phân tích, đánh giá, vận dụng, kế thừa và phát huy những giá trị lịch sử trong việc xây dựng, củng cố và phát triển nền hành chính nhà nước ta trong thời kỳ hiện đại hóa, công nghiệp hóa, thực hiện thành công cuộc cải cách hành chính nhà nước theo đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước ta hiện nay.</p>	03	
87.	Văn bản quản lý nhà nước	Trang bị những kiến thức cơ bản và phương pháp nghiên cứu về văn bản quản lý nhà nước, kỹ thuật soạn thảo văn bản văn bản hành chính nhà nước và một số văn bản khác cho sinh viên.	03	
88.	Công vụ - Công chức	- Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức về công vụ như khái niệm, phân biệt khu vực công với hành chính công; những đặc trưng và nguyên tắc trong hoạt động công vụ; các yếu tố cơ bản để thực thi công vụ; đồng thời tìm hiểu một số mô hình công vụ điển hình.	02	
89.	Lý luận về Nhà nước và Pháp luật	Cung cấp cho sinh viên sẽ tiếp thu được những kiến thức cơ bản về nguồn gốc, bản chất, chức năng, hình thức, kiểu, vai trò của nhà nước và pháp luật; bộ máy nhà nước; mối quan hệ giữa nhà nước, pháp luật với các hiện tượng xã hội khác; quá trình vận động và phát triển của nhà nước và pháp luật; quy phạm pháp luật; quan hệ pháp luật; thực hiện pháp luật; ý thức pháp luật; vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí; pháp chế, nhà nước pháp quyền.	02	

90.	Hành chính công	Sinh viên hiểu biết cơ bản về hành chính công, quyền hành pháp trong hệ thống quyền lực nhà nước, một số nguyên tắc hoạt động của hành chính nhà nước; những quan niệm về hành chính công; thể chế hành chính nhà nước; chức năng và phương pháp hành chính nhà nước; quyết định quản lý hành chính; kiểm soát đối với hành chính nhà nước.	03	
91.	Tổ chức bộ máy hành chính nhà nước	Cung cấp những kiến thức mang tính khái quát chung về tổ chức bộ máy hành chính nhà nước nói chung và tổ chức bộ máy hành chính nhà nước của nước CHXHCN Việt Nam nói riêng.	03	
92.	Nhân sự hành chính nhà nước	Đây là môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về nhân sự trong các tổ chức nói chung và nhân sự trong hệ thống hành chính nhà nước. Hai nhóm vấn đề mà sinh viên cần phải hiểu: Những vấn đề chung về nguồn lực, nhân sự và quản lý nguồn nhân lực nhân sự trong tổ chức; Những vấn đề nguồn nhân lực, nhân sự và quản lý nguồn nhân lực và nhân sự trong hệ thống hành chính nhà nước.	03	
93.	Kỹ thuật điều hành công sở	Cung cấp cho người học về khối lượng kiến thức về: - Công sở và những hoạt động chủ yếu của công sở. - Những nguyên tắc và kỹ thuật điều hành công sở. - Những điều kiện làm việc, trang thiết bị trong công sở. - Phương pháp lãnh đạo và quản lý điều hành trong công sở. - Đổi mới kỹ thuật điều hành trong cải cách hành chính nhà nước	03	
94.	Quản lý nhà nước về kinh tế	Nắm được lý thuyết quản lý nói chung, quản lý nhà nước nói riêng về kinh tế; hiểu được nền kinh tế thị trường nói chung và nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nói riêng; biết được vì sao nhà nước phải quản lý nói chung và quản lý nhà nước về kinh tế nói riêng;	03	

95.	Quản lý nguồn nhân lực xã hội	Học phần cung cấp đến sinh viên những kiến thức cơ bản về sự hình thành, phát triển, tái sản xuất, phân bố đến việc được sử dụng nguồn nhân lực xã hội vào các hoạt động của sản xuất xã hội. Đối với từng cá nhân người lao động thì các quá trình này diễn ra theo một trình tự trước sau (sinh ra, lớn lên, đi học, tham gia vào các hoạt động sản xuất ở một ngành, lĩnh vực, được trả lương, kết thúc quá trình tham gia lao động và được hưởng bảo hiểm xã hội) nhưng xét cho đến toàn xã hội thì các quá trình trên diễn ra đồng thời. Trong mỗi quá trình đó con người tham gia vào các quan hệ xã hội, trong đó có các quan hệ lao động (quan hệ trong việc tham gia giáo dục, đào tạo, tham gia vào lao động sản xuất, tham gia vào quá trình phân phối, thông qua tiền lương, tiền công và bảo hiểm xã hội..)	03	<p>- Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần, thái độ :10% + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20% + Điểm thi kết thúc học phần: 70% - Thang điểm: 10 -
96.	Quản lý nhà nước về hành chính - tư pháp	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận về hoạt động tư pháp, quản lý nhà nước lĩnh vực tư pháp; công tác thi hành án, công chứng, chứng thực, quản lý luật sư và việc hành nghề luật sư, công tác hộ tịch, hộ khẩu, quốc tịch, hòa giải cơ sở của nền Hành chính tư pháp nước CHXHCN Việt Nam.	03	
97.	Thủ tục hành chính	Sinh viên hiểu biết quan niệm chung và phân loại về thủ tục hành chính; Nguyên tắc xây dựng và yêu cầu, nghĩa vụ thực hiện thủ tục hành chính; Thủ tục hành chính của một số lĩnh vực cụ thể và Cải cách thủ tục hành chính và giải pháp thực hiện cải cách hành chính.	03	
98.	Ứng dụng tin học trong hoạt động quản lý	Cung cấp cho sinh viên sự hiểu biết về một số vấn đề văn bản, nghị định, thông tư về lĩnh vực công nghệ thông tin và bài học trong xây dựng chính phủ điện tử. Nó cũng giúp sinh viên có khả năng thực hiện xây dựng, phân tích cơ sở dữ liệu cho các phần mềm quy mô vừa và nhỏ về các công tác tổ chức, quản lý các hoạt động.	02	

99.	Hoạch định và phân tích chính sách công	<p>Đây là môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về chính sách nói chung và chính sách trong khu vực công nói riêng</p> <p>Ba nhóm vấn đề mà sinh viên cần phải hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức cơ bản về chính sách công - Hoạch định chính sách - Phân tích chính sách 	03	
100.	Thanh tra và giải quyết khiếu nại hành chính	<p>Đây là môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về hệ thống các quy định pháp luật về thanh tra và giải quyết khiếu nại hành chính</p> <p>Hai nhóm vấn đề mà sinh viên cần phải hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những vấn đề cơ bản về thanh tra - Những vấn đề cơ bản về khiếu nại và khiếu nại hành chính 	02	
101.	Quản lý nhà nước về Dân tộc và Tôn giáo	<ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức cơ bản về tôn giáo, dân tộc và những vấn đề cơ bản về tôn giáo, dân tộc ở Việt Nam. - Kiến thức về nội dung quản lý nhà nước đối với các hoạt động tôn giáo và dân tộc ở Việt Nam. 	02	
102.	Quản lý nhà nước về nông nghiệp và nông thôn	<p>Quản lý Nhà nước về Nông nghiệp và Nông thôn là học phần thuộc chương trình đào tạo đại học ngành Quản lý Nhà nước, có mục đích trang bị cho sinh viên, học viên hệ đại học Quản lý nhà nước những kiến thức cơ bản nhất về nông nghiệp, nông thôn, định hướng phát triển nông nghiệp nông thôn Việt Nam và một số lĩnh vực chủ yếu của Quản lý nhà nước đối với nông nghiệp, nông thôn nước ta hiện nay, giúp học viên hiểu và vận dụng những đường lối chính sách, quy định của Đảng và Nhà nước vào thực tế công tác quản lý nông nghiệp và nông thôn, làm cơ sở nghiên cứu chuyên sâu về quản lý nhà nước về nông nghiệp và nông thôn.</p>	02	<p>- Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần, thái độ :10% + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20% + Điểm thi kết thúc học phần: 70% <p>- Thang điểm: 10</p>

103.	Quản lý nhà nước về Đô thị	Cung cấp và hệ thống hóa, cập nhật những kiến thức mới tiêu biểu về quản lý đô thị và quản lý nhà nước về đô thị; Cung cấp một số cơ sở để phát triển kỹ năng phân tích, đánh giá, và xây dựng giải pháp về các vấn đề trong quản lý nhà nước về đô thị.	02	
104.	Thực tế nghề nghiệp	- Thực tế nghề nghiệp là một phần quan trọng trong chương trình đào tạo của Khoa Luật – Quản lý Nhà nước. Chương trình thực tế này là một giai đoạn chuyển tiếp giữa môi trường học tập với môi trường xã hội thực tiễn. Mục tiêu của đợt thực tế này nhằm tạo điều kiện cho sinh viên có cơ hội cọ sát với thực tế, gắn kết những lý thuyết đã học được trên ghế giảng đường với môi trường thực tiễn bên ngoài. - Giúp người học phát triển các kỹ năng, phương pháp xem, quan sát, khảo sát tổ chức hoạt động các công sở, cơ quan hành chính khu vực công và khu vực dân sự.	04	
105.	Thực tập cuối khóa	- Giúp người học hoàn thiện các kỹ năng, phương pháp xem, quan sát, khảo sát tổ chức hoạt động các công sở, cơ quan hành chính khu vực công và khu vực dân sự. - Giúp người học nắm được phương pháp nghiên cứu, ghi chép, phỏng vấn, thu thập tư liệu tổng làm tư liệu phục vụ nhận định, đánh giá, đổi mới của sinh viên giai đoạn kết thúc thực tập và làm khóa luận tốt nghiệp.	08	
5	Bộ môn Quản lý thể thao			
106.	Tâm lý Thể dục thể thao	- Trang bị cho người học nắm vững những đặc điểm tâm lý của người quản lý (phẩm chất, năng lực, uy tín, giao tiếp của người quản lý....) - Sinh viên nhận thức được đối tượng, nhiệm vụ, bản chất, phân loại các hiện tượng tâm lý và nguyên tắc, phương pháp nghiên cứu tâm lý thể dục thể thao. - Phân tích được bản chất, sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức của người tham gia tập luyện và huấn luyện thể dục thể thao.	03	- Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau: + Điểm chuyên cần, thái độ :10% + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20% + Điểm thi kết thúc học phần: 70% - Thang điểm: 10

107.	Giải phẫu học Thể dục thể thao	Trang bị những kiến thức về giải phẫu học Thể dục Thể thao không chỉ giúp sinh viên chuyên ngành hiểu được bản chất hoạt động của cơ thể trong các kỹ thuật động tác, phương pháp luyện tập mà còn hiểu biết sâu hơn về vấn đề sức khỏe, nâng cao trình độ kỹ thuật, phòng tránh chấn thương và phát hiện những hướng nghiên cứu mới thiết thực trong lĩnh vực quản lý TDTT.	03	
108.	Đo lường Thể dục thể thao	+ Sinh viên biết cách trình bày số liệu và tính các tham số đặc trưng. + Sinh viên biết cách so sánh hai hay nhiều phương pháp huấn luyện giảng dạy + Sinh viên nắm được khái niệm về đo lường và vận dụng cho nhiều lĩnh vực + Cập nhật nguồn tri thức đo lường cơ bản và hiện đại, đặc biệt là các hệ thống phương pháp, phương tiện đo lường tiên tiến phục vụ cho thể dục thể thao quần chúng, tuyển chọn tài năng thể thao và nâng cao thành tích thể thao	03	
109.	Lịch sử Thể dục thể thao	Nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lịch sử phát triển của thể dục thể thao thế giới và Việt Nam qua các thời kỳ phát triển của lịch sử loài người.	02	
110.	Lý luận và phương pháp Thể dục thể thao	+ Nắm được hệ thống các khái niệm cơ bản trong lĩnh vực TDTT, các hình thức TDTT trong xã hội, chức năng TDTT, mục đích nhiệm vụ và các nguyên tắc chung trong TDTT, biết sử dụng hệ thống các phương tiện, phương pháp dạy học, và quán triệt được hệ thống các nguyên tắc về phương pháp trong TDTT, cách thức trong giảng dạy động tác, các phương pháp giáo dục tổ chức thể lực và cơ sở xây dựng một buổi tập TDTT một cách có khoa học. + Nắm được kiến thức cơ bản của các ngành học khác như tâm lý học đại cương, tâm lý học TDTT, giáo dục học TDTT, sinh lý, giải phẫu, sinh cơ. Để hiểu và vận dụng trong học tập. + Hiểu biết được ý nghĩa tầm quan trọng của TDTT trong xã hội hiện đại là một phương tiện không thể thiếu để bù đắp “sự đói vận động” do xã hội hiện đại và là một phương tiện hồi phục và giải trí cho người dân. + Nhận thức được sự phát triển thể dục thể thao của nước ta trong khu vực và thế giới. + Nắm được hệ thống kiến thức và biết vận dụng trong thực tiễn.	03	

111.	Lý luận và phương pháp Thể dục thể thao trường học	<p>-Yêu cầu nắm được đặc điểm tâm, sinh lý của học sinh để sử dụng các phương pháp quản lý, nhằm đạt hiệu quả cao từ đó nắm được cơ sở khoa học để phân chia một buổi tập thể thao hợp lý và biết điều khiển được lượng vận động trong tập luyện.</p> <p>+ Nắm được kiến thức cơ bản của các ngành học khác như tâm lý học đại cương, tâm lý học TĐTT, giáo dục học TĐTT, lý luận TĐTT Để hiểu và vận dụng trong học tập.</p> <p>+ Hiểu biết được ý nghĩa tầm quan trọng của TĐTT trường học trong xã hội hiện đại là một phương tiện góp phần quan trọng trong việc phát triển con người cân đối và toàn diện.</p> <p>+ Nhận thức được sự phát triển thể dục thể thao trường học vai trò của TĐTT trường học trong việc phát triển con người cân đối và toàn diện.</p> <p>+ Nắm được hệ thống kiến thức và biết vận dụng trong thực tiễn.</p>	03	
112.	Sinh lý học Thể dục thể thao	<p>- Hiểu được cấu tạo giải phẫu của cơ thể phù hợp với những chức năng sống và ảnh hưởng đến mọi quá trình vận động.</p> <p>- Nắm được cơ chế của các quá trình sinh lý diễn ra bên trong cơ thể.</p> <p>- Nắm vững quá trình sinh lý TĐTT xảy ra bên trong cơ thể vận động viên.</p>	03	
113.	Sinh hoá Thể dục thể thao	<p>- Cung cấp một số kiến thức cơ bản về cấu tạo, tính chất của các chất trong cơ thể. Thành phần hóa học, quá trình chuyển hóa các chất và năng lượng trong cơ thể sống cũng như mối tương quan giữa quá trình chuyển hóa và chức năng trong cơ thể</p> <p>- Nắm được các quá trình biến đổi và chuyển hoá các chất trong cơ thể sống khi tập luyện TĐTT, sự co cơ; các quá trình tạo năng lượng cho hoạt động của cơ; diễn biến các quá trình sinh hoá khi hoạt động cơ; những biến đổi sinh hoá khi mệt mỏi và hồi phục.</p>	02	

114.	Vệ sinh Thể dục thể thao	<p>- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp vệ sinh cá nhân, vệ sinh cộng đồng, vệ sinh dinh dưỡng, vệ sinh môi trường và vệ sinh luyện tập thể dục thể thao nhằm đề ra các tiêu chuẩn và các biện pháp tăng cường sức khỏe, nâng cao khả năng hoạt động thể chất và thành tích thể thao của sinh viên.</p> <p>- Biết cách giữ gìn vệ sinh thân thể, phòng chống một số bệnh thường gặp, kiểm tra các chức năng và các hoạt động để tăng cường sức khỏe thể lực cũng như phòng tránh, khắc phục một số hiện tượng thường gặp trong hoạt động TDTT và nắm được nguyên tắc vệ sinh trong luyện tập TDTT và vận dụng nó vào quá trình tập luyện, thi đấu</p>	02	
115.	Điền kinh	Trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng về cách thức biên soạn lịch thi đấu, điều lệ thi đấu, biết thực hành kỹ thuật động tác, biết giảng dạy + huấn luyện, làm tốt phương pháp tổ chức thi đấu - trọng tài. Biết lựa chọn các bài tập bổ trợ chuyên môn để phát triển thể lực và cách thức tuyển chọn vận động viên các nội dung điền kinh.	03	
116.	Thể dục	Mục đích của môn học là trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hệ thống thể dục đại cương. Nắm vững vị trí và nhiệm vụ của thể dục trong hệ thống giáo dục thể chất, nắm vững hệ thống khái niệm, thuật ngữ cơ bản của môn thể dục, đặc biệt là thể dục phát triển chung, thể dục cơ bản và thể dục thể hình.	03	- Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
117.	Bóng đá	Trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng về cách thức biên soạn lịch thi đấu, điều lệ thi đấu, biết thực hành kỹ thuật động tác, biết giảng dạy + huấn luyện, làm tốt phương pháp tổ chức thi đấu - trọng tài. Biết lựa chọn các bài tập bổ trợ chuyên môn để phát triển thể lực và cách thức tuyển chọn vận động viên bóng đá.	03	

118.	Bóng chuyền	Trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng về cách thức biên soạn lịch thi đấu, điều lệ thi đấu, biết thực hành kỹ thuật động tác, biết giảng dạy + huấn luyện, làm tốt phương pháp tổ chức thi đấu - trọng tài. Biết lựa chọn các bài tập bổ trợ chuyên môn để phát triển thể lực và cách thức tuyển chọn vận động viên các nội dung Bóng chuyền.	03	
119.	Đá cầu	+ Mục đích của môn học là trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ thuật, chiến thuật, lịch sử phát triển, luật thi đấu, tổ chức thi đấu, làm trọng tài môn Đá cầu. Trên cơ sở đó sinh viên có thể giảng dạy và huấn luyện môn Đá cầu ngoài ra còn có thể lấy môn học làm các bài tập bổ trợ cho các môn học khác, hoạt động khác. + Hiểu được nguồn gốc, đặc điểm và ý nghĩa tác dụng của môn Đá cầu. + Biết được những kiến thức cơ bản về kỹ, chiến thuật, luật và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài Đá cầu	02	
120.	Bóng rổ	Trang bị cho người học nắm vững những cơ sở lý luận của môn bóng rổ, năng lực thực hành kỹ - chiến thuật động tác; phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài; đảm nhiệm được nhiệm vụ giảng dạy ở các trường Đại học, Cao đẳng và Trung học chuyên nghiệp, trong các trường năng khiếu, các cơ sở, trung tâm thể dục thể thao.	03	Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
121.	Cầu lông	+ Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về môn Cầu lông + Sinh viên nắm được ý nghĩa, tác dụng tập luyện và thi đấu Cầu lông. + Sinh viên nắm được phương pháp tổ chức thi đấu Cầu lông. Có hiểu biết về các nguyên lý kỹ thuật cơ bản môn cầu lông; có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu học tập rèn luyện, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. + Có kiến thức cơ bản về luật thi đấu môn cầu lông, công tác tổ chức thi đấu, trọng tài.	03	
122.	Bóng bàn	- Hiểu rõ nguồn gốc, sự phát triển, đặc điểm và ý nghĩa tác dụng của môn bóng bàn. - Nắm vững những kỹ thuật và chiến thuật bóng bàn theo quy định của chương trình. - Biết được phương pháp quản lý, huấn luyện bóng bàn, tuyển chọn vận động viên, tổ chức thi đấu và trọng tài bóng bàn.	03	

123.	Võ thuật	<ul style="list-style-type: none"> + Trang bị cho người học sự phát triển toàn diện về các mặt: Đức – Trí – Thể - Mỹ. + Nắm vững các kiến thức cơ bản về lý thuyết và thực hành trong giáo dục thể chất nói chung và Taekwondo nói riêng: Hiểu rõ về lịch sử phát triển, tính chất, đặc điểm, vai trò của môn võ Taekwondo và những nguyên lý thực hiện Kỹ - Chiến thuật. + Nắm và vận dụng các phương pháp giảng dạy, tổ chức thi đấu và trọng tài Taekwondo. + Hiểu được thực trạng, xu thế phát triển môn Taekwondo trong nước và trên thế giới. 	03	
124.	Aerobic	<p>Sau khi học xong học phần này, sinh viên sẽ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết phương pháp giảng dạy động tác Aerobic. - Hiểu biết tác dụng trong tập luyện môn Aerobic. - Hiểu các bước biên soạn và tổ chức tập luyện bài thể dục Aerobic đơn giản. 	03	Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
125.	Khiêu vũ thể thao	<ul style="list-style-type: none"> + Biết phương pháp giảng dạy động tác Khiêu vũ thể thao + Hiểu biết tác dụng trong tập luyện môn Khiêu vũ thể thao + Biết được lịch sử của vũ điệu chachacha và vũ điệu Rumba. + Phân biệt được tiết tấu, giai điệu nhạc Chachacha và vũ điệu Rumba. + Nắm được nguyên lý kỹ thuật cơ bản của vũ điệu Chachacha và vũ điệu Rumba. + Hiểu biết một thêm một số nét văn hoá vũ hội (thời trang, giao tiếp, ứng xử...). 	03	
126.	Tổ chức thi đấu Thể dục thể thao	<ul style="list-style-type: none"> + Nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức về phương thức quản lý, tổ chức kiểm tra đánh giá rõ được vai trò của hoạt động tuyên truyền đối với công tác quản lý thi đấu Thể dục thể thao + Biết thực hiện các quy trình thi đấu của một giải đấu, cung cấp cho sinh viên những kỹ năng cần thiết khi tham gia tổ chức giải. + Cách thức tổ chức các phong trào về Thể dục thể thao các câu lạc bộ, cung cấp cho sinh viên những kiến thức về luật thi đấu và cách tổ chức một giải đấu độc lập. 	03	

127.	Quản lý thể thao quần chúng và thành tích cao	Nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thể dục thể thao quần chúng. Bước đầu trang bị những kiến thức và kỹ năng về cách thức tổ chức giải đấu TDTT phong trào và đồng thời phát triển thể dục thể thao quần chúng ở cơ sở.	03	<p>- Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau:</p> <p>+ Điểm chuyên cần, thái độ :10%</p> <p>+ Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20%</p> <p>+ Điểm thi kết thúc học phần: 70%</p> <p>- Thang điểm: 10</p>
128.	Quản lý báo trí và truyền thông thể thao	Nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về báo chí truyền thông. Bước đầu trang bị những kiến thức và kỹ năng về báo chí TDTT, như : Viết tin tức TDTT, tổ chức tiến hành cuộc phỏng vấn báo chí thể thao.	03	
129.	Quản lý sân bãi, công trình Thể dục thể thao	Trang bị cho sinh viên những kiến thức về tính tổng thể của TDTT và cơ sở lý luận của thực tiễn quản lý sân bãi công trình TDTT nhằm công tác quản lý ra kỹ năng vận dụng của người cán bộ TDTT trong quản lý sân bãi, xây dựng các công trình, cơ sở vật chất kỹ thuật của TDTT như: quy hoạch đất đai cho TDTT, thiết kế xây dựng công trình TDTT, quy hoạch mạng lưới công trình TDTT	03	
130.	Kế hoạch hóa Thể dục thể thao	Trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận và thực tiễn về công tác lập các kế hoạch phát triển TDTT dài hạn và trung hạn (chiến lược, quy hoạch, chương trình mục tiêu, đề án). Sinh viên nắm vững những kiến thức lý luận về phương pháp lập kế hoạch để vận dụng vào thực tiễn; có khả năng phân tích, đánh giá, bình luận về những kiến thức liên quan đến môn học	02	
131.	Cờ vua	<p>- Sinh viên phải nắm vững những tri thức cơ bản, những lý luận cơ bản và hiện đại của Cờ Vua, nắm vững lý luận và phương pháp giảng dạy Cờ Vua cho các đối tượng, nắm vững và vận dụng thành thạo trong thực tiễn phương pháp tổ chức thi đấu - trọng tài môn Cờ Vua ở các cấp, có hiểu biết những phương pháp tự nghiên cứu môn Cờ Vua và phương pháp NCKH trong Cờ Vua.</p> <p>- Nắm vững và vận dụng thành thạo các kỹ chiến thuật của môn học, biết vận dụng các tri thức được trang bị vào thực tiễn ván đấu, thực tiễn công tác trong các đợt thực tập sư phạm và thực tập nghiệp vụ.</p>	03	

132.	Trò chơi vận động	<ul style="list-style-type: none"> + Trang bị kiến thức nguồn gốc, đặc điểm, cách phân loại và ý nghĩa tác dụng của trò chơi vận động đối với học sinh, sinh viên + Nắm được cấu trúc (cách chơi) một số trò chơi, phương pháp giảng dạy và cách tổ chức cho học sinh chơi. + Biết được cách cải biên, phát triển những trò chơi đã có và sưu tầm những trò chơi dân gian để phục vụ cho dạy và học trò chơi vận động ở trường THCS. 	03	<p>- Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.</p>
133.	Ném bóng đẩy tạ	<p>Sv Có được sự hiểu biết chung về các môn ném đẩy và tác dụng của việc luyện tập môn này đối với mọi người.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm chắc những vấn đề cơ bản của lý thuyết bộ môn: - Nguyên lý kỹ thuật ném đẩy - Kỹ thuật các giai đoạn - Phương pháp giảng dạy kỹ thuật ném bóng (trúng đích, xa trúng hướng) và đẩy tạ (vai và lưng hướng ném). - Cách tổ chức, trọng tài và luật thi đấu ném bóng xa trúng hướng và đẩy tạ 	03	
134.	Bơi lội	<ul style="list-style-type: none"> - Trang bị cho sinh viên ngành biết được nguồn gốc, sự phát triển, đặc điểm và ý nghĩa tác dụng của môn bơi lội 	03	
135.	Bóng ném	<p>Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lịch sử, nguồn gốc, ý nghĩa, tác dụng của môn Bóng ném, các kỹ - chiến thuật cơ bản, phương pháp giảng dạy, luật và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn bóng ném.</p>	03	
136.	Chạy việt dã	<p>Trang bị cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng về cách thức biên soạn lịch thi đấu, điều lệ thi đấu, biết thực hành kỹ thuật động tác, biết giảng dạy + huấn luyện, làm tốt phương pháp tổ chức thi đấu - trọng tài. Biết lựa chọn các bài tập bổ trợ chuyên môn để phát triển thể lực và cách thức tuyển chọn vận động viên các nội dung điền kinh.</p>	03	
137.	Đẩy gậy	<ul style="list-style-type: none"> - Có được sự hiểu biết chung về môn đẩy gậy. Nắm được tác dụng của việc tập luyện đẩy gậy đối với mọi người và đặc biệt là HSSV. - Nắm chắc những vấn đề cơ bản của lý thuyết bộ môn như: + Lịch sử hình thành và phát triển môn đẩy gậy + Các kỹ thuật cơ bản của môn đẩy gậy + Phương pháp giảng dạy đẩy gậy + Cách tổ chức, trọng tài và luật thi đấu của môn đẩy gậy 	03	

138.	Múa – Khiêu vũ	Giúp sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về những động tác vũ quốc tế từ đó có thể tổ chức tốt các hoạt động văn nghệ trong nhà trường phổ thông và trong hoạt động nghệ thuật.	04	
139.	Nghiệp vụ sư phạm Thể dục thể thao	Sinh viên nắm được các yếu tố hợp thành năng lực sư phạm của người giáo viên dạy học môn GDTC tại các trường phổ thông và chuyên nghiệp.	03	
140.	Thực tập cuối khóa	+ Nhằm trang bị cho sinh viên các kiến thức về phương thức quản lý, tổ chức kiểm tra đánh giá rõ được vai trò của hoạt động tuyên truyền đối với công tác quản lý thi đấu Thể dục thể thao + Biết thực hiện các công việc của quy trình thi đấu của một giải đấu, cung cấp cho sinh viên những kỹ năng cần thiết khi tham gia thực tập tổ chức giải. + Cách thức tổ chức, điều hành các câu lạc bộ, phát triển phong trào về Thể dục thể thao quần chúng cung cấp cho sinh viên những kiến thức về luật thi đấu và cách tổ chức một giải đấu độc lập. + Biết quản lý tổ chức lớp năng khiếu các môn thể thao, chỉ dẫn, hướng dẫn cho các em tập luyện, điều hành quá trình tập luyện thời gian tập.	05	Điểm thi kết thúc học phần gồm 2 con điểm: điểm của đơn vị thực tập đánh giá, điểm của giáo viên hướng dẫn thực tập đánh giá. Điểm kết thúc là điểm trung bình của 2 con điểm công lại chia 2 là điểm kết quả của quá trình thực tập.
6	Bộ môn Quản lý văn hoá			
141.	Dân tộc học đại cương	Giúp sinh viên nắm được kiến thức tổng quan về Dân tộc học từ đối tượng, nhiệm vụ, lịch sử hình thành đến những vấn đề nghiên cứu cơ bản của Dân tộc học nói chung: chủng tộc, tộc người, ngữ hệ, xã hội thời nguyên thủy... - Tiếp cận một số kiến thức Dân tộc học phục vụ cho việc bảo tồn và phát huy bản sắc dân tộc.		Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau: + Điểm chuyên cần, thái độ :10% + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20% + Điểm thi kết thúc học phần: 70% - Thang điểm: 10
142	Văn hóa các dân tộc Việt Nam	- Người học được cung cấp những kiến thức cơ bản: lý luận chung về tộc người, nhận thức tổng quan về các dân tộc ở Việt Nam từ góc độ lịch sử, kinh tế, văn hóa... - Người học có thể nhận diện được văn hóa của một số dân tộc tiêu biểu ở từng ngữ hệ khác nhau tại Việt Nam. Đồng thời thấy được cội nguồn văn hóa bản địa, phi bản địa cũng như sự tiếp biến văn hóa qua các thời kỳ lịch sử khác nhau giữa các dân tộc, giữa các vùng miền, khu vực.	03	

143	Tín ngưỡng và tôn giáo Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Giúp sinh viên nhận thức các vấn đề liên quan đến tâm linh, triết học, tín ngưỡng tôn giáo, văn hóa truyền thống thông qua các loại hình tín ngưỡng-tôn giáo ở Việt Nam. - Người học nhận thức được vai trò, vị trí và những ảnh hưởng của tín ngưỡng, tôn giáo trong đời sống văn hóa- tâm linh, trong đời sống xã hội hàng ngày 	02	
144	Văn hóa dân gian Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được các khái niệm về văn hóa dân gian, các nguyên tắc, phương pháp và quan điểm khoa học trong nghiên cứu văn hóa dân gian. - Hiểu được nguồn gốc phương thức sáng tạo những đặc trưng cơ bản của văn hóa dân gian, các loại hình của văn hóa dân gian . - Người học hiểu và nắm bắt, cập nhật các vấn đề còn đang tranh luận trong nghiên cứu, bảo tồn, quản lý và khai thác phát huy các giá trị văn hóa dân gian trong đời sống văn hóa hiện nay. 	02	
145	Làng xã Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> + Kiến thức về làng xã cổ truyền Việt Nam, đặt trong sự so sánh giữa làng xã miền Bắc với miền Nam, làng xã người Việt và làng bản dân tộc thiểu số. + Sự biến đổi của làng xã Việt Nam trên các phương diện kinh tế, văn hóa, xã hội trong bối cảnh hội nhập quốc tế. 	02	
146	Khu vực học	<ul style="list-style-type: none"> - SV hiểu được các khái niệm cơ bản trong nghiên cứu khu vực học, nắm được quá trình nghiên cứu khu vực từ khi ra đời đến nay, cần biết được quan điểm tiếp cận trong nghiên cứu khu vực. - Lý giải được đối tượng và phương pháp nghiên cứu khu vực khi thực hiện các đề tài nghiên cứu tổng hợp. - Trình bày được những kiến thức về lý thuyết và nắm vững một số phương pháp nghiên cứu Khu vực học hiện đang được áp dụng rộng rãi trong lĩnh vực khoa học xã hội - nhân văn và khoa học phát triển, đặc biệt hữu ích với những chuyên gia Việt Nam nghiên cứu theo hướng khu vực học. 		<p>Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần, thái độ :10% + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20% + Điểm thi kết thúc học phần: 70% - Thang điểm: 10

147	Đại cương khoa học quản lý	Học phần cung cấp và giúp sinh viên nắm vững hệ thống cơ sở lý luận và phương pháp luận để nhận thức một cách đúng đắn về khoa học quản lý trên cơ sở nghiên cứu các kiến thức căn bản: Tổng quan về quản lý các tổ chức; Sự phát triển của các tư tưởng quản lý; Đặc trưng cơ bản của KHQL; Vận dụng các quy luật và các nguyên tắc trong quản lý; Phương pháp quản lý; Các chức năng của quy trình quản lý: Chức năng lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, lãnh đạo, kiểm tra	03	
148	Văn hóa học đại cương	- Cung cấp cho người học hệ thống những kiến thức cơ bản về văn hóa và văn hóa học; nhận thức và có quan điểm trong nghiên cứu văn hóa, văn hóa dân tộc. - Giúp người học có những nhận thức về phương pháp khoa học, bản lĩnh khoa học trong thực hiện những nghiên cứu và triển khai công tác quản lý về lĩnh vực văn hóa.	03	
149	Tiến trình lịch sử Việt Nam	- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản và tổng quan về quá trình phát triển liên tục của lịch sử Việt Nam từ thời kỳ nguyên thủy cho tới ngày nay. - Cung cấp cho sinh viên những bài học kinh nghiệm lịch sử quý báu về truyền thống chống giặc ngoại xâm, xây dựng và củng cố đất nước..., góp phần xây dựng tình yêu quê hương đất nước.	03	
150	Kinh tế học văn hóa	Học phần cung cấp cho người học những hiểu biết về mối quan hệ tác động qua lại giữa kinh tế và văn hóa cụ thể như: khái niệm, chức năng, vai trò, mục tiêu đối tượng nghiên cứu của kinh tế học văn hóa. Cung cấp kiến thức nền tảng về các quy luật kinh tế chi phối các hoạt động văn hóa, yêu cầu khách quan về việc đầu tư các nguồn lực kinh tế cho lĩnh vực văn hóa, thương mại hóa sản phẩm văn hóa và quản lý thị trường văn hóa trong bối cảnh hội nhập quốc tế.	02	

151	Quản lý nhà nước về văn hóa, thể thao & du lịch	<p>Học phần giúp người học nhận thức tốt và đúng về hệ thống chính sách lãnh vực văn hóa, thể thao và du lịch; Nội dung quản lý các hoạt động VH,TT&DL của Đảng, Nhà nước Việt Nam, từ đó sinh viên hình thành quan điểm, bản lĩnh, trình độ, nghiệp vụ khi thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước lãnh vực VH,TT&DL. Đồng thời, cung cấp cho người học hệ thống kiến thức về khoa học quản lý lãnh vực Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Quan điểm, nguyên tắc, phương thức cơ bản của Đảng, Nhà nước trong quản lý lãnh vực VH,TT&DL; Cách thức triển khai, tổ chức thực hiện các văn bản quản lý nhà nước, các chương trình hoạt động thuộc lãnh vực sVH,TT&DL; Hệ thống kiến thức về luật pháp và các văn bản dưới luật liên quan đến lãnh vực VH,TT&DL.</p>	03	
152	Văn hóa gia đình	<p>Trang bị cho sinh viên những kiến thức lí luận chung về gia đình, giúp sinh viên có khả năng nhận diện những nét cơ bản trong Văn hóa gia đình Việt Nam truyền thống; thực trạng, xu hướng biến đổi, những cơ hội và thách của Văn hoá gia đình Việt Nam trong bối cảnh đương đại. Đồng thời nêu lên những vấn đề đặt ra trong công tác xây dựng văn hoá gia đình Việt Nam trong bối cảnh đương đại và những cơ sở pháp lý để thực hiện.</p>	03	
153	Chính sách văn hóa	<p>Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chính sách văn hóa: Khái niệm, vai trò, đặc tính và cấu trúc của chính sách văn hóa, chính sách văn hóa của một số nước trên thế giới và những vấn đề cốt yếu trong chính sách văn hóa Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử, đặc biệt là thời kỳ đổi mới.</p>	02	

154	Các ngành công nghiệp văn hóa	<p>Cung cấp cho người học hệ thống kiến thức cơ bản về các ngành công nghiệp văn hóa như:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hệ thống khái niệm về các ngành công nghiệp văn hóa + Quy trình sáng tạo và phân phối sản phẩm văn hóa trong ngành công nghiệp văn hóa + Đặc điểm và vai trò của công nghiệp văn hóa trong sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của mỗi quốc gia, vùng, miền. + Nghiên cứu xu hướng phát triển các ngành công nghiệp văn hóa trong bối cảnh nền kinh tế tri thức và quá trình toàn cầu hóa. 	02	
155	Marketing văn hóa nghệ thuật	<p>Giúp cho người học nắm bắt được 4 phối thức trong hoạch định, tổ chức và thực hiện một chiến lược marketing hỗn hợp (Marketing Mix): chiến lược phát triển sản phẩm (Product), chiến lược định giá sản phẩm (Price), chiến lược phân phối (Place), chiến lược xúc tiến hỗn hợp (Promotion) trong hoạt động marketing của doanh nghiệp.</p> <p>Cung cấp cho người học về khối lượng kiến thức về thị trường kinh doanh, kiến thức về khách hàng, về các chính sách giá, sản phẩm dịch vụ trong hoạt động marketing.</p> <p>Những kiến thức này gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được khái niệm, tầm quan trọng, bản chất, các chức năng cơ bản của Marketing. - Nắm được khái niệm và sức ảnh hưởng của môi trường Marketing. - Nắm được hành vi của người tiêu dùng và doanh nghiệp. - Nắm được quy trình nghiên cứu thị trường, cách phân khúc, lựa chọn và định vị thị trường. - Nắm được chiến lược phát triển sản phẩm mới. - Nắm được chiến lược định giá. - Nắm được chiến lược phân phối, các hoạt động truyền thông marketing, các chiến lược chiêu thị và cổ động. - Nắm được lập kế hoạch, tổ chức, thực hiện và kiểm soát Marketing. 	02	<p>Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần, thái độ :10% + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20% + Điểm thi kết thúc học phần: 70% - Thang điểm: 10

156	Văn hóa công sở	<p>Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng quan chung về công sở như: khái niệm, chức năng, vai trò, các yếu tố cấu thành, đặc trưng của công sở... - Những vấn đề cơ bản về văn hoá công sở và nội dung cơ bản trong Văn hóa công sở như: Văn hóa giao tiếp, ứng xử; Văn hóa trang phục; Văn hóa làm việc và Bài trí trong công sở. - Xây dựng Văn hóa công sở trong bối cảnh hiện nay. 	02	<p>Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần, thái độ :10% + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20% + Điểm thi kết thúc học phần: 70% - Thang điểm: 10
157	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	Cung cấp kiến thức cơ bản về thể thức, quy trình soạn thảo và ban hành văn bản hành chính thông thường trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, tổ chức và doanh nghiệp hiện nay.	02	
158	Thực tế chuyên ngành	<ul style="list-style-type: none"> - Giúp sinh viên hoàn thiện các kỹ năng, phương pháp xem, quan sát, khảo sát các mô hình thiết chế văn hóa. - Giúp sinh viên nắm được phương pháp nghiên cứu, ghi chép, phỏng vấn, thu thập tư liệu tổng làm tư liệu phục vụ nhận định, đánh giá, đổi mới của sinh viên giai đoạn kết thúc thực tập và làm bài khóa luận tốt nghiệp. 	04	
159	Quản lý các thiết chế văn hóa	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp cho người học hệ thống và khối lượng kiến thức về chính sách, pháp luật, pháp lệnh về lĩnh vực quản lý thiết chế Văn hóa để người học hình thành tư duy logic, khoa học trong xử lý và giải quyết các vấn đề trong công tác quản lý. - Học phần cũng nhằm mục tiêu làm rõ các vấn đề mang tính lý luận và thực tiễn để người học quản lý các thiết chế Văn hóa theo đúng đường lối, chủ trương của Nhà nước, những quy định của pháp luật. 	03	

160	Quản lý di sản văn hóa	<p>Cung cấp cho người học hệ thống kiến thức cơ bản về công tác quản lý di sản văn hóa bao gồm: Hệ thống khái niệm về di sản văn hóa; Các tiêu chí để xác định và phân loại di sản văn hóa; Phương pháp, nguyên tắc trong quản lý di sản văn hóa; Nội dung, qui trình quản lý di sản văn hóa; Khai thác và phát huy các giá trị của hệ thống di sản văn hóa;</p> <p>Cung cấp cho sinh viên hệ thống các văn bản pháp quy của Nhà nước trong công tác quản lý di sản văn hoá bao gồm: Các công ước quốc tế về di sản văn hóa; Luật di sản văn hóa năm 2002 và hướng dẫn sử dụng luật di sản; Các văn bản dưới luật bao gồm chỉ thị, nghị định, qui chế.... qui định về công tác quản lý di sản văn hóa của nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và công ước quốc tế về văn hóa và di sản văn hóa.</p>	03	<p>Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần, thái độ :10% + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20% + Điểm thi kết thúc học phần: 70% - Thang điểm: 10
161	Tổ chức sự kiện	<p>SV nắm vững các kiến thức cơ bản về: các khái niệm (sự kiện, tổ chức sự kiện), phân loại được các sự kiện, nắm được những yếu tố ảnh hưởng đến tổ chức sự kiện, quy trình tổ chức sự kiện, các hạng mục công việc trong tổ chức sự kiện</p>	02	
162	Quản lý nguồn nhân lực trong các tổ chức văn hóa nghệ thuật	<p>- Học phần cung cấp đến sinh viên những kiến thức cơ bản về nguồn nhân lực, nguồn nhân lực hoạt động trong các lĩnh vực liên quan đến văn hóa - nghệ thuật. Qua đó sinh viên hiểu được trách nhiệm và nhiệm vụ của mình trên những cương vị công tác có liên quan đến ngành nghề lĩnh vực văn hóa nghệ thuật sau khi tốt nghiệp ra trường.</p> <p>- Giúp SV phương pháp tiếp cận, nghiên cứu và sử dụng hợp lý các nguồn lực trong các tổ chức văn hóa-nghệ thuật ở thực tiễn xã hội khi đứng ở vị trí quản lý.</p>	03	

163	Quản lý hoạt động thông tin - truyền thông	<p>-Các kiến thức chung Thông tin – Truyền thông</p> <p>-Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Bộ máy quản lý nhà nước về bưu chính viễn thông và công nghệ thông tin. Kỹ năng.</p> <p>-Khái quát chung về tình hình thị trường bưu chính Việt Nam và chiến lược phát triển;</p> <p>-Chính sách quản lý nhà nước về bưu chính tại Việt Nam bao gồm: Quản lý mạng và dịch vụ bưu chính; quản lý tem bưu chính, các điều kiện hoạt động bưu chính và vấn đề cấp phép; quản lý mã bưu chính; vấn đề giải quyết khiếu nại, tranh chấp và bồi thường thiệt hại trong cung cấp và sử dụng dịch vụ.</p> <p>-Khái quát chung về tình hình thị trường viễn thông Việt Nam và chiến lược phát triển;</p> <p>-Chính sách quản lý nhà nước về viễn thông tại Việt Nam bao gồm: Quản lý về mạng và dịch vụ Viễn thông; Các bên cung cấp, sử dụng dịch vụ và cấp giấy phép viễn thông; Cung cấp dịch vụ viễn thông công ích và Quỹ dịch vụ viễn thông công ích; Giá cước viễn thông và Giải quyết tranh chấp.</p> <p>-Những nội dung cơ bản liên quan đến chính sách quản lý nhà nước về Internet tại Việt Nam</p>	03	<p>Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau:</p> <p>+ Điểm chuyên cần, thái độ :10%</p> <p>+ Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20%</p> <p>+ Điểm thi kết thúc học phần: 70%</p> <p>- Thang điểm: 10</p>
164	Quản lý hoạt động nghệ thuật (<i>quảng cáo, triển lãm, hoạt động biểu diễn nghệ thuật, khu vui chơi giải trí</i>)	<p>Học phần Quản lý hoạt động nghệ thuật trang bị cho sinh viên một khối lượng kiến thức cơ bản về cách thức quản lý, và hệ thống Nghị định, thông tư của nhà nước ta về hoạt động biểu diễn chuyên nghiệp, hoạt động triển lãm, quảng cáo, hoạt động karaoke, vũ trường; phương pháp quản lý đối với hoạt động nghệ thuật không chuyên. Vận dụng những kiến thức về quan điểm, chính sách, pháp luật của nhà nước trong hoạt động văn hóa nghệ thuật</p>	02	

165	Quản lý hoạt động văn hóa cơ sở	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chính sách, quan điểm của Đảng và nhà nước về xây dựng đời sống văn hóa cơ sở; các loại hình hoạt động văn hóa cơ sở; kỹ năng xây dựng kế hoạch, tổ chức quản lý nhà nước về hoạt động của trung tâm văn hóa thể thao xã, nhà văn hóa xã... hoạt động thông tin tuyên truyền., gia đình văn hóa, làng văn hóa, khu phố văn hóa, xã văn hóa, hoạt động văn nghệ quần chúng, thể dục thể thao tại xã, việc cưới, tang ở cơ sở.	03	<p>- Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau:</p> <p>+ Điểm chuyên cần, thái độ: 10%</p> <p>+ Điểm các bài kiểm tra thực hành cuối mỗi tín chỉ 2 và 3: 90%</p> <p>- Thang điểm: 10</p>
166	Quản lý dự án văn hóa	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản: Các vấn đề chung về dự án và dự án văn hóa nghệ thuật; Tầm quan trọng của việc hình thành ý tưởng dự án văn hóa nghệ thuật; Các bước xây dựng dự án văn hóa nghệ thuật. Tính đặc thù của dự án văn hóa nghệ thuật; Phương pháp và cách thức tổ chức thực hiện, quản lý một dự án nói chung và dự án văn hóa nghệ thuật nói riêng; Sinh viên có thể hình thành ý tưởng sáng tạo mới, viết bản đề xuất dự án, lên kế hoạch và quản lý thực hiện một dự án. Làm bài tập thực hành về xây dựng một số bản kế hoạch và dự án cho các đơn vị/ cơ quan văn hóa hoặc các địa phương về lĩnh vực văn hóa nghệ thuật	03	
167	Xây dựng văn hóa cộng đồng	<p>+ Các lý thuyết về xây dựng văn hóa cộng đồng;</p> <p>+ Thực trạng văn hóa cộng đồng, khuynh hướng phát triển của văn hóa cộng đồng ở Việt Nam.</p> <p>+ Quy trình, phương pháp xây dựng văn hóa cộng đồng</p>	03	
168	Địa chí văn hóa	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các vấn đề liên quan đến lịch sử, văn hóa, tâm linh, triết học, tín ngưỡng tôn giáo, văn hoá vật chất-tinh thần của các địa phương trong từng bối cảnh và giai đoạn lịch sử. Đồng thời nâng cao hiểu biết về kiến thức lịch sử-văn hóa để làm tốt công tác chuyên môn của bản thân.	03	

169	Dàn dựng chương trình nghệ thuật tổng hợp	Trang bị cho sinh viên một khối lượng kiến thức cơ bản về khái niệm, phân loại, vai trò, chức năng của các loại hình nghệ thuật bao gồm ca múa nhạc quần chúng và sân khấu không chuyên, các phương pháp và kiến thức về biên tập, dàn dựng và đạo diễn các chương trình nghệ thuật tổng hợp mang tính quần chúng. Đồng thời, giúp sinh viên sau khi ra trường có thể vận dụng những kiến thức đó để thực hành dàn dựng và đạo diễn các chương trình nghệ thuật tạo cơ sở hoặc tại các cơ quan, đơn vị.	04	Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau: + Điểm chuyên cần, thái độ: 10% + Điểm các bài kiểm tra thực hành cuối mỗi tín chỉ 2,3,4 : 90% - Thang điểm: 10
170	Quan hệ công chúng	Trình bày được khái niệm, định nghĩa QHCC Trình bày được cơ sở lý thuyết truyền thông của QHCC Trình bày được lịch sử QHCC Trình bày được vai trò, chức năng và nhiệm vụ của QHCC Phân biệt được QHCC với một số hoạt động truyền thông khác. Trong đó xác định mối liên hệ, vai trò hỗ trợ lẫn nhau của PR, QC và tiếp thị trong 1 chiến dịch IMC Hiểu được xu thế làm PR ở Việt Nam và trên thế giới Hiểu được các hoạt động và công cụ của QHCC được sử dụng trên các loại hình, phương tiện truyền thông khác nhau Hiểu được các vấn đề liên quan đến luật và đạo đức PR	03	Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau: + Điểm chuyên cần, thái độ :10% + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20% + Điểm thi kết thúc học phần: 70% - Thang điểm: 10
171	Quản lý dịch vụ văn hóa	- Cung cấp cho người học hệ thống kiến thức cơ bản về quản lý các dịch vụ văn hóa như: + Hệ thống khái niệm về các dịch vụ văn hóa + Kiến thức về quản lý văn hóa + Xác định các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý dịch vụ văn hóa + Tìm hiểu các dịch vụ văn hóa điển hình - Sinh viên nắm vững hệ thống kiến thức chuyên môn và lý luận căn bản về quản lý dịch vụ văn hóa ở Việt Nam.	02	Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau: + Điểm chuyên cần, thái độ :10% + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20% + Điểm thi kết thúc học phần: 70% - Thang điểm: 10

172	Truyền thông quốc tế	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu biết về khái niệm, vai trò, chức năng, lịch sử và các lý thuyết truyền thông quốc tế - Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và có hệ thống về truyền thông quốc tế trong thời kỳ hội nhập: trật tự truyền thông mới, sức mạnh của thông tin truyền thông, xu hướng phát triển của truyền thông quốc tế. - Các khái niệm, các yêu cầu, và các kỹ thuật được sử dụng để đảm bảo chất lượng dịch vụ từ đầu này đến đầu kia của truyền thông đa phương tiện. - Các yêu cầu và cơ chế đồng bộ hoá trong truyền thông đa phương tiện 	02	
173	Thực tập cuối khóa	<ul style="list-style-type: none"> - Biết thao tác, làm thử các nghiệp vụ chuyên môn trong tổ chức, vận hành, quản lý các thiết chế văn hóa. - Xây dựng được một phương án mới hoàn chỉnh về nội dung, khả thi về ứng dụng các mô hình thiết chế văn hóa. 	8	
7	Bộ môn Thông tin học			
174	Tin học đại cương	<p>Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về hệ điều hành Windows và Sử dụng hệ điều hành Windows 7; Sử dụng tiếng Việt trong windows và bảo vệ thông tin và phòng chống virus máy tính.</p> <p>Cung cấp kiến thức và cách sử dụng mạng Internet trong việc truy cập, tìm kiếm thông tin, tài liệu phục vụ quá trình học tập.</p> <p>Thông qua những phần học này sinh viên có thể ứng dụng để sử dụng (về cơ bản) các ứng dụng khác trong hệ thống phần mềm thuộc hệ điều hành Windows 7.</p> <p>Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về bộ Microsoft office 2010.</p>	03	Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tin chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

175	Thông tin học đại cương	<p>Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về hệ điều hành Windows và Sử dụng hệ điều hành Windows 7; Sử dụng tiếng Việt trong windows và bảo vệ thông tin và phòng chống virus máy tính.</p> <p>Cung cấp kiến thức và cách sử dụng mạng Internet trong việc truy cập, tìm kiếm thông tin, tài liệu phục vụ quá trình học tập.</p> <p>Thông qua những phân học này sinh viên có thể ứng dụng để sử dụng (về cơ bản) các ứng dụng khác trong hệ thống phần mềm thuộc hệ điều hành Windows 7.</p> <p>Cung cấp cho sinh viên các kiến thức về bộ Microsoft office 2010.</p>	03	<p>Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần, thái độ :10% + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20% + Điểm thi kết thúc học phần: 70% <p>- Thang điểm: 10</p>
176	Toán học trong hoạt động thông tin	<ul style="list-style-type: none"> + Nắm được một hệ thống những kiến thức cơ bản về các nguyên lý, các phạm trù, các quy luật của toán học. + Các ứng dụng trong phương pháp suy luận đặt vấn đề cho từng lĩnh vực nghiên cứu tìm hiểu thông tin. 	03	
177	Cơ sở công nghệ thông tin	Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về máy vi tính. Giúp cho sinh viên hiểu được cấu tạo của một máy vi tính, chức năng của nó như thế nào, và nguyên tắc hoạt động của máy tính. Hiểu được nguyên tắc hoạt động của các thiết bị media, các chức năng nhỏ của từng thiết bị cấu thành máy vi tính	03	
178	Cơ sở dữ liệu	Sinh viên có kiến thức, hiểu biết về cơ sở dữ liệu, ngôn ngữ cơ sở dữ liệu, các mô hình dữ liệu và cách khai thác, truy vấn dữ liệu trong hệ thống	03	
179	Lập trình căn bản	<p>Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lập trình cấu trúc thông qua ngôn ngữ lập trình C#.</p> <p>Học phần này là nền tảng để tiếp thu hầu hết các môn học khác trong chương trình đào tạo. Mặt khác, nắm vững ngôn ngữ C# là cơ sở để phát triển các ứng dụng và đảm bảo chuẩn đầu ra cho sinh viên.</p>	04	

180	Đại số tuyến tính	Bài giảng Đại số tuyến tính gồm 5 chương: chương 1 trình bày định nghĩa, các tính chất của ma trận - định thức và các phương pháp cơ bản tính định thức, chương 2 nghiên cứu về hệ phương trình tuyến tính, chương 3 và 4 nghiên cứu không gian vectơ và các ánh xạ giữa các không gian ấy - ánh xạ tuyến tính, chương 5 nghiên cứu nghiên cứu về Không gian Euclide và dạng toàn phương trên R^n		
181	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Học phần “Cấu trúc dữ liệu và giải thuật” đề cập tới Khái niệm về cấu trúc dữ liệu, cấu trúc lưu trữ, giải thuật; Phương pháp thiết kế và đánh giá giải thuật; Giải thuật đệ quy; Cấu trúc dữ liệu mảng, ngăn xếp, hàng đợi, danh sách liên kết đơn, danh sách liên kết vòng, danh sách liên kết kép; Giải thuật sắp xếp chọn, chèn, sủi bọt; Tìm kiếm tuần tự.		
182	Các phương pháp tối ưu hóa	Môn học này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của: Lý thuyết Thuật toán; Lý thuyết đồ thị: Khái niệm, định nghĩa, các thuật toán trên đồ thị, đồ thị Euler, Đồ thị Hamilton, một số bài toán có ứng dụng thực tiễn quan trọng trong lĩnh vực tin học của lý thuyết đồ thị như bài toán: tô màu đồ thị, xếp lịch thi...; Cây và một số ứng dụng của cây, Sau khi kết thúc môn học, sinh viên tăng khả năng tư duy suy luận logic, sáng tạo và có được một số kiến thức là nền tảng phục vụ cho các môn học khác như Lập trình căn bản, Các mô hình toán trong tin học...	03	Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau: + Điểm chuyên cần, thái độ :10% + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20% + Điểm thi kết thúc học phần: 70% - Thang điểm: 10

183	<p>Ứng dụng tin học trong hoạt động quản lý</p>	<ul style="list-style-type: none"> -Các kiến thức chung Thông tin – Truyền thông -Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Bộ máy quản lý nhà nước về bưu chính viễn thông và công nghệ thông tin. Kỹ năng. -Khái quát chung về tình hình thị trường bưu chính Việt Nam và chiến lược phát triển; -Chính sách quản lý nhà nước về bưu chính tại Việt Nam bao gồm: Quản lý mạng và dịch vụ bưu chính; quản lý tem bưu chính, các điều kiện hoạt động bưu chính và vấn đề cấp phép; quản lý mã bưu chính; vấn đề giải quyết khiếu nại, tranh chấp và bồi thường thiệt hại trong cung cấp và sử dụng dịch vụ. -Khái quát chung về tình hình thị trường viễn thông Việt Nam và chiến lược phát triển; -Chính sách quản lý nhà nước về viễn thông tại Việt Nam bao gồm: Quản lý về mạng và dịch vụ Viễn thông; Các bên cung cấp, sử dụng dịch vụ và cấp giấy phép viễn thông; Cung cấp dịch vụ viễn thông công ích và Quỹ dịch vụ viễn thông công ích; Giá cước viễn thông và Giải quyết tranh chấp. -Những nội dung cơ bản liên quan đến chính sách quản lý nhà nước về Internet tại Việt Nam -Nắm được những kiến thức về quy hoạch tần số vô tuyến điện cấp phép, kiểm tra và kiểm soát, đăng ký quốc tế và giải quyết khiếu nại liên quan đến vi phạm về chính sách của Nhà nước về tần số vô tuyến điện. -Chính sách của Nhà nước về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin. -Nội dung và trách nhiệm quản lý nhà nước về công nghệ thông tin -Quản lý nhà nước về ứng dụng công nghệ thông tin. -Quản lý nhà nước về phát triển công nghệ thông tin - Nguyên tắc quản lý báo chí - Xử lý vi phạm trong lĩnh vực báo chí. - Nguyên tắc quản lý của nhà nước về xuất bản 	03	46
-----	---	--	----	----

184	Hệ điều hành	<p>Hệ điều hành là một chương trình quản lý phần cứng máy tính. Nó cung cấp nền tảng cho các chương trình ứng dụng, thi hành và đóng vai trò trung gian giao tiếp giữa người dùng và phần cứng máy tính, cung cấp các khái niệm cơ bản về hệ thống máy tính, tài nguyên của hệ thống máy tính, các khái niệm về hệ điều hành và dịch vụ của hệ điều hành.</p> <p>Đây là môn học cần thiết trong lĩnh vực Công nghệ thông tin cung cấp cái nhìn tổng quát làm nền tảng để xây dựng các ứng dụng trên hệ thống máy tính và rất cần thiết với việc phát triển hệ thống</p>	02	
185	Thư viện học đại cương	<ul style="list-style-type: none"> + Hiểu các khái niệm, mục đích ý nghĩa phát triển nguồn tin. + Nắm vững triển khai công việc: Bổ sung - trao đổi, chia sẻ nguồn lực thông tin. + Hiểu rõ các hình thức phát triển nguồn tin. + Nắm vững kiến thức để tổ chức và quản lý khai thác và trao đổi nguồn tin 	02	
186	Thư viện công cộng và công tác địa chỉ	<p>Môn học Thư viện công cộng và công tác địa chỉ trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về thư viện công cộng: định nghĩa, lịch sử hình thành và phát triển, vai trò, chức năng của thư viện công cộng; Những vấn đề về tổ chức và hoạt động của thư viện công cộng trên thế giới: IFLA, UNesco và thư viện công cộng, tuyên ngôn của UNesco về thư viện công cộng; Tổ chức và hoạt động của thư viện công cộng ở các nước Đông Nam Á và trên thế giới; Hệ thống thư viện công cộng ở Việt Nam.</p> <p>Giới thiệu các kiến thức cơ bản về công tác địa chỉ: Khái niệm, vai trò, nhiệm vụ của công tác địa chỉ; Bổ sung, xử lý, bảo quản tài liệu địa chỉ; Tổ chức bộ máy tra cứu địa chỉ hiện đại và truyền thống; Tổ chức phục vụ thông tin địa chỉ cho bạn đọc trong thư viện.</p>	02	

187	Công tác văn thư và lưu trữ	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên nắm được những vấn đề chung của công tác văn thư và công tác lưu trữ - Nắm được hình thức quản lý văn bản đi và văn bản đến. Quản lý và sử dụng con dấu trong công tác văn thư. - Tổ chức lập hồ sơ hiện hành và giao nộp vào lưu trữ cơ quan - Nắm được các hệ thống lưu trữ thông tin - Nắm được nội dung các khâu trong hoạt động lưu trữ: xác định giá trị và thu thập bổ sung tài liệu lưu trữ; Xử lý tài liệu lưu trữ; Bảo quản và thống kê tài liệu lưu trữ; Tổ chức sử dụng tài liệu lưu trữ. - Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác văn thư lưu trữ 	03	<p>Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần, thái độ :10% + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20% + Điểm thi kết thúc học phần: 70% - Thang điểm: 10
188	Pháp chế và tiêu chuẩn hóa hoạt động Thông tin – Thư viện	<p>Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về các văn bản pháp chế và các tiêu chuẩn hóa trong hoạt động thông tin – thư viện. Bao gồm: các khái niệm chung về pháp chế, về tiêu chuẩn hóa; Các yêu cầu, nguyên tắc của pháp chế thông tin – thư viện; Vai trò của pháp chế và các tiêu chuẩn hóa thông tin thư viện đối với các cơ quan thông tin, thư viện. Môn học làm rõ được các văn bản pháp chế hoạt động thông tin thư viện của các cơ quan, tổ chức nước ngoài và các văn bản quy phạm pháp luật về công tác thông tin – thư viện ở Việt Nam. Các vấn đề về tiêu chuẩn hóa quốc tế và Việt Nam trong hoạt động thông tin – thư viện cũng được làm rõ trong môn học này.</p>	02	
189	Thư viện trường học	<p>Học phần “Thư viện trường học ” đưa ra các khái niệm, chức năng, vai trò, mối quan hệ thư viện trường học; Đề cập tới các tiêu chuẩn trong hoạt động thư viện trường học và tổ chức hoạt động nghiệp vụ, hệ thống thư viện trường học và công tác quản lý thư viện trường học.</p>	02	

190	Thông tin phục vụ lãnh đạo và quản lý	<ul style="list-style-type: none"> + Hiểu được một số khái niệm cơ bản về thông tin quản lý hỗ trợ quyết định. + Hiểu được vai trò và đặc điểm của thông tin trong công tác quản lý/lãnh đạo; Nắm được những nguyên tắc, cơ sở khoa học và các bước đi cụ thể trong quá trình xây dựng hệ thống thông tin khoa học công nghệ phục vụ lãnh đạo/quản lý; Nắm được một số hệ thống thông tin khoa học công nghệ phục vụ quản lý/lãnh đạo. 	02	-
191	Truyền thông đa phương tiện	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu biết về khái niệm, vai trò, chức năng, lịch sử và các lý thuyết truyền thông quốc tế - Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và có hệ thống về truyền thông quốc tế trong thời kỳ hội nhập: trật tự truyền thông mới, sức mạnh của thông tin truyền thông, xu hướng phát triển của truyền thông quốc tế. - Các yêu cầu và cơ chế đồng bộ hoá trong truyền thông đa phương tiện. 	02	
192	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	<ul style="list-style-type: none"> Biết được các khái niệm cơ bản về hệ thống, hệ thống thông tin và vai trò của HTTT. Biết các kỹ năng cần có của một người phân tích thiết kế HTTT. Hiểu các giai đoạn phát triển một HTTT. Biết các vai trò của các thành phần tham gia các giai đoạn phát triển một HTTT. Hiểu mô hình dữ liệu mức quan niệm, mô hình dữ liệu mức luận lý và mô hình dữ liệu mức vật lý. Hiểu lưu đồ dòng dữ liệu và phương pháp thiết kế lưu đồ dòng dữ liệu. Hiểu được cách đặc tả cho một ô xử lý trên lưu đồ dòng dữ liệu. Hiểu mô hình chức năng và quá trình phân rã các chức năng của một phần mềm hệ thống thông tin. Phân biệt được các khái niệm biểu mẫu (form), báo cáo (report), giao diện (interface) và hộp thoại (dialogue). 	04	

193	Mạng máy tính (Lý thuyết mạng, LAN, WAN)	<p>Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về máy tính. Cách thức bảo đảm an ninh, an toàn cho người sử dụng, Đáp ứng nhu cầu người dùng về vấn đề an toàn thông tin.</p> <p>Nắm bắt được các mô hình của mạng máy tính, các hình thức kết nối của mạng máy tính, nghiên cứu về đường truyền của mạng máy tính</p> <p>Sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về an toàn thông tin, các phương pháp tiếp cận hệ thống mạng máy tính. Hiểu và nắm bắt được sự quan trọng của mạng máy tính là như thế nào.</p>	04	Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
194	Tra cứu thông tin	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được các nguồn tin để thực hiện việc tìm kiếm thông tin. - Nắm được các loại hình tra tìm tin. Hiểu và có thể sử dụng được các ngôn ngữ tìm tin khác nhau. - Nắm được các khái niệm về hệ thống tìm tin. Hiểu và nắm vững về các bước tìm tin/chiến lược tìm tin. - Nắm được các phương pháp tìm tin truyền thống và phương pháp tìm tin hiện đại. - Đánh giá được tính phù hợp của kết quả tìm đối với yêu cầu tin 	03	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau: + Điểm chuyên cần, thái độ: 10% + Điểm các bài tập nhóm, bài tập cá nhân: 20% + Điểm thi kết thúc tín chỉ (điểm của bài thi đối với tín chỉ lý thuyết và điểm phần thực hành làm trung bình chung): 70% - Thang điểm: 10
195	Kiến trúc máy tính	Học phần kiến trúc máy tính nghiên cứu hoạt động của hệ thống máy tính dựa trên các thành phần cấu trúc là bus, bộ xử lý, bộ nhớ, hệ thống vào-ra, tập lệnh. Nắm vững kiến trúc máy tính là tiền đề cho việc học các môn học sau như: Hệ điều hành, mạng máy tính...	03	
196	Lập trình nâng cao	<p>Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về đệ quy, kiểm thử tính đúng đắn của chương trình, kiến thức về logic. Học xong môn này, sinh viên ngành thông tin học nắm được các vấn đề sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm về đệ quy. - Các bài toán về đệ quy. - Khử đệ quy. - Kiểm chứng chương trình. - Một số kiến thức về logic. 	03	

197	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	Được trang bị kiến thức về hệ quản trị cơ sở dữ liệu như: các tính năng, tiện ích và cơ chế dang nhập, cấu trúc cơ sở dữ liệu SQL Server; Cách tạo chỉ mục, khung nhìn, thủ tục và hàm; Cách thiết lập kết nối truy xuất theo cơ chế máy chủ và máy trạm; Cài đặt ràng buộc toàn vẹn dữ liệu cho ngôn ngữ định nghĩa dữ liệu và ngôn ngữ thao tác dữ liệu; Quản lý truy xuất dữ liệu trong môi trường nhiều người dùng; Các cơ chế khóa và quản lý giao dịch; Sao lưu, phục hồi cơ sở dữ liệu và quản trị người dùng.	03	
198	Khai phá dữ liệu	<p>+ Hiểu và phân biệt được các khái niệm dữ liệu, thông tin, tri thức. Hiểu được vai trò của tri thức trong tổ chức và nền kinh tế. Nắm bắt được nội dung các bước cơ bản của quá trình phát hiện tri thức từ dữ liệu. Phân biệt được phương pháp khai phá dữ liệu (KPD L) với các phương pháp xử lý dữ liệu truyền thống. Hiểu được vai trò đặc biệt của chuyên gia miền ứng dụng, người sử dụng trong quá trình KPD L. Hiểu được lý do của các phương pháp KPD L và giải thích được vì sao các phương pháp như vậy không thích hợp trong các tiếp cận truyền thống. Biết được xu thế phát triển hiện đại của KPD L;</p> <p>+ Hiểu và vận dụng được các phương pháp hiểu dữ liệu; các bài toán và các phương pháp tiền xử lý dữ liệu; các thuật toán khai phá luật kết hợp điển hình; các thuật toán phân cụm điển hình; các thuật toán phân lớp điển hình; các lỗi điển hình khi thực hiện dự án KPD L và phương hướng khắc phục; một vài nguồn tài nguyên điển hình về KPD L.</p>	04	
199	An toàn và bảo mật thông tin	Giới thiệu các nguy cơ với một hệ thống thông tin bao gồm về kỹ thuật và các vấn đề về quản lý, con người. Những vấn đề cần chú ý khi xây dựng chính sách, tiêu chuẩn về an toàn và bảo mật hệ thống thông tin. Qui trình và các điểm chú ý khi xây dựng một chương trình bảo đảm an toàn bảo mật hệ thống thông tin, một số chính sách điển hình trong hệ thống thông tin. Một số vấn đề kỹ thuật liên quan đến tấn công mạng máy tính, các lỗi tiềm tàng của lập trình viên trong tấn công các ứng dụng được phát triển, và bảo mật mạng máy tính. Các kỹ thuật mã hóa tiêu biểu và vấn đề đảm bảo an toàn thông tin trong lưu trữ và truyền thông tin trên mạng máy tính.	02	

200	Đồ họa vi tính 1(Photoshop,Corel, Illustrator)	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về kỹ thuật xử lý phần mềm đồ họa vi tính Corel Draw, Photoshop, Illustrator - phương tiện hỗ trợ tạo hình cho thiết kế đồ họa chuyên nghiệp. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng xác định mục tiêu, lựa chọn phương pháp, giải pháp tối ưu trong ứng dụng Corel Draw, Photoshop, Illustrator trong thiết kế in ấn, thiết kế đồ họa đa phương tiện và các đồ họa trực tuyến...thông qua các bài tập ở lớp và thực hành. Hướng dẫn sinh viên tham khảo, ý thức tìm hiểu nâng cao khả năng sử dụng phần mềm.	03	
201	Đồ họa vi tính 2(AutoCad 2D, 3D)	Qua các bài học thực hành, sinh viên nắm rõ những vấn đề cốt lõi của đồ họa vi tính 2 như: - Autocad 2D - Autocad 3D	02	
202	Quản lý dự án công nghệ thông tin	Cung cấp những kiến thức và kỹ năng cho phép học viên có thể hiểu rõ và vận dụng được những phương pháp, kỹ thuật và cả kỹ năng về quản lý dự án trong việc xây dựng, triển khai các dự án Công nghệ thông tin(CNTT). Kết thúc môn học, học viên cần có được kiến thức và kỹ năng đảm bảo: - Hiểu được vai trò quan trọng của quản lý dự án trong việc nâng cao hiệu quả, thành công của dự án CNTT; hiểu được ảnh hưởng của ngữ cảnh trong việc thực hiện dự án. - Làm chủ được những khái niệm và phương tiện chính để quản lý dự án CNTT như các chuẩn quản lý dự án, ba ràng buộc trong quản lý dự án, 09 vùng tri thức cần có trong quản lý dự án. - Vận dụng thành thạo một số kỹ thuật và công cụ phần mềm hỗ trợ quản lý dự án CNTT, - Có ý thức làm việc nhóm và có kỹ năng quản lý nhóm làm việc.	02	

203	Lập trình Web	Sinh viên có kiến thức, hiểu biết về cơ sở dữ liệu, ngôn ngữ lập trình HTML, các mô hình web và cách khai thác, ứng dụng đối với một công cụ soạn thảo web.	03	Học phần có cả lý thuyết và thực hành (tức là có tín chỉ lý thuyết và tín chỉ thực hành), thì điểm thi kết thúc học phần gồm 2 con điểm: điểm của bài thi đối với tín chỉ lý thuyết và điểm phần thực hành (đối với tín chỉ thực hành) làm trung bình chung.
204	Thông tin phục vụ lãnh đạo và quản lý	<ul style="list-style-type: none"> + Hiểu được một số khái niệm cơ bản về thông tin quản lý hỗ trợ quyết định. + Hiểu được vai trò và đặc điểm của thông tin trong công tác quản lý/lãnh đạo; Nắm được những nguyên tắc, cơ sở khoa học và các bước đi cụ thể trong quá trình xây dựng hệ thống thông tin khoa học công nghệ phục vụ lãnh đạo/quản lý. + Nắm được một số hệ thống thông tin khoa học công nghệ phục vụ quản lý/lãnh đạo. 	02	Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần, thái độ :10% + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20% + Điểm thi kết thúc học phần: 70% - Thang điểm: 10
205	Truyền thông đa phương tiện	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu biết về khái niệm, vai trò, chức năng, lịch sử và các lý thuyết truyền thông quốc tế - Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và có hệ thống về truyền thông quốc tế trong thời kỳ hội nhập: trật tự truyền thông mới, sức mạnh của thông tin truyền thông, xu hướng phát triển của truyền thông quốc tế. - Các khái niệm, các yêu cầu, và các kỹ thuật được sử dụng để đảm bảo chất lượng dịch vụ từ đầu này đến đầu kia của truyền thông đa phương tiện. - Các yêu cầu và cơ chế đồng bộ hoá trong truyền thông đa phương tiện. 	02	<ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần, thái độ :10% + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20% + Điểm thi kết thúc học phần: 70% - Thang điểm: 10

206	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	<p>Biết được các khái niệm cơ bản về hệ thống, hệ thống thông tin và vai trò của HTTT.</p> <p>Biết các kỹ năng cần có của một người phân tích thiết kế HTTT. Hiểu các giai đoạn phát triển một HTTT.</p> <p>Biết các vai trò của các thành phần tham gia các giai đoạn phát triển một HTTT.</p> <p>Hiểu mô hình dữ liệu mức quan niệm, mô hình dữ liệu mức luận lý và mô hình dữ liệu mức vật lý.</p> <p>Hiểu lưu đồ dòng dữ liệu và phương pháp thiết kế lưu đồ dòng dữ liệu.</p> <p>Hiểu được cách đặc tả cho một ô xử lý trên lưu đồ dòng dữ liệu.</p> <p>Phân biệt được các khái niệm biểu mẫu (form), báo cáo (report), giao diện (interface) và hộp thoại (dialogue).</p>	04	<p>Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các điểm tín chỉ. Bao gồm điểm kiểm tra kết thúc của các tín chỉ lý thuyết và điểm thực hành của các tín chỉ 3,4.</p> <p>- Thang điểm: 10</p>
207	Mạng máy tính (Lý thuyết mạng, LAN, WAN)	<p>Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về máy tính. Cách thức bảo đảm an ninh, an toàn cho người sử dụng, Đáp ứng nhu cầu người dùng về vấn đề an toàn thông tin.</p> <p>Nắm bắt được các mô hình của mạng máy tính, các hình thức kết nối của mạng máy tính, nghiên cứu về đường truyền của mạng máy tính</p> <p>Sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về an toàn thông tin, các phương pháp tiếp cận hệ thống mạng máy tính. Hiểu và nắm bắt được sự quan trọng của mạng máy tính là như thế nào.</p>		<p>Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.</p>
208	Tra cứu thông tin	<ul style="list-style-type: none"> -Nắm được các nguồn tin để thực hiện việc tìm kiếm thông tin. - Nắm được các loại hình tra tìm tin. Hiểu và có thể sử dụng được các ngôn ngữ tìm tin khác nhau. - Nắm được các khái niệm về hệ thống tìm tin. Hiểu và nắm vững về các bước tìm tin/chiến lược tìm tin. - Nắm được các phương pháp tìm tin truyền thống và phương pháp tìm tin hiện đại.- - Đánh giá được tính phù hợp của kết quả tìm đối với yêu cầu tin 		

209	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	<p>Được trang bị kiến thức về hệ quản trị cơ sở dữ liệu như: các tính năng, tiện ích và cơ chế đăng nhập, cấu trúc cơ sở dữ liệu SQL Server; Cách tạo chỉ mục, khung nhìn, thủ tục và hàm; Cách thiết lập kết nối truy xuất theo cơ chế máy chủ và máy trạm; Cài đặt ràng buộc toàn vẹn dữ liệu cho ngôn ngữ định nghĩa dữ liệu và ngôn ngữ thao tác dữ liệu; Quản lý truy xuất dữ liệu trong môi trường nhiều người dùng; Các cơ chế khóa và quản lý giao dịch; Sao lưu, phục hồi cơ sở dữ liệu và quản trị người dùng.</p>	03	<p>Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các điểm tín chỉ. Bao gồm điểm kiểm tra kết thúc của các tín chỉ lý thuyết và điểm thực hành của các tín chỉ.</p>
210	Khai phá dữ liệu	<p>+ Hiểu và phân biệt được các khái niệm dữ liệu, thông tin, tri thức. Hiểu được vai trò của tri thức trong tổ chức và nền kinh tế. Phân biệt được phương pháp khai phá dữ liệu (KPDL) với các phương pháp xử lý dữ liệu truyền thống. Hiểu được vai trò đặc biệt của chuyên gia miền ứng dụng, người sử dụng trong quá trình KPDL. Hiểu được lý do của các phương pháp KPDL và giải thích được vì sao các phương pháp như vậy không thích hợp trong các tiếp cận truyền thống. Biết được xu thế phát triển hiện đại của KPDL;</p> <p>+ Hiểu và vận dụng được các phương pháp hiểu dữ liệu; các bài toán và các phương pháp tiền xử lý dữ liệu; các thuật toán khai phá luật kết hợp điển hình; các thuật toán phân cụm điển hình; các thuật toán phân lớp điển hình; các lỗi điển hình khi thực hiện dự án KPDL và phương hướng khắc phục; một vài nguồn tài nguyên điển hình về KPDL.</p>	04	<p>Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần, thái độ :10% + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20% + Điểm thi kết thúc học phần: 70% <p>- Thang điểm: 10</p>

211	Quản lý dự án công nghệ thông tin	<p>Cung cấp những kiến thức và kỹ năng cho phép học viên có thể hiểu rõ và vận dụng được những phương pháp, kỹ thuật và cả kỹ năng về quản lý dự án trong việc xây dựng, triển khai các dự án Công nghệ thông tin(CNTT).</p> <p>Kết thúc môn học, học viên cần có được kiến thức và kỹ năng đảm bảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được vai trò quan trọng của quản lý dự án trong việc nâng cao hiệu quả, thành công của dự án CNTT; hiểu được ảnh hưởng của ngữ cảnh trong việc thực hiện dự án. - Làm chủ được những khái niệm và phương tiện chính để quản lý dự án CNTT như các chuẩn quản lý dự án, ba ràng buộc trong quản lý dự án, 09 vùng tri thức cần có trong quản lý dự án. - Vận dụng thành thạo một số kỹ thuật và công cụ phần mềm hỗ trợ quản lý dự án CNTT, - Có ý thức làm việc nhóm và có kỹ năng quản lý nhóm làm việc. 	02	<p>Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần, thái độ :10% + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20% + Điểm thi kết thúc học phần: 70% - Thang điểm: 10
212	Lập trình Web	Sinh viên có kiến thức, hiểu biết về cơ sở dữ liệu, ngôn ngữ lập trình HTML, các mô hình web và cách khai thác, ứng dụng đối với một công cụ soạn thảo web.	03	Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
213	Trí tuệ nhân tạo	Học phần gồm 6 chương nói lên tổng quan của trí tuệ nhân tạo, một số phương pháp đánh giá cụ thể từng vấn đề, đi sâu thêm vào thuật toán và giải thuật	03	
214	Công nghệ phần mềm	Học phần Công nghệ phần mềm cung cấp cho người học các nguyên lý cơ bản trong kỹ thuật phần mềm trên ba lĩnh vực yêu cầu, thiết kế và kiểm tra; Kỹ thuật phân tích dựa trên sơ đồ dòng dữ liệu (DFD); Các phân tích hướng đối tượng sử dụng UML; Các mô hình phát triển phần mềm; Kiểm tra đánh giá hệ thống; Quản trị và ước lượng dự án; Ngoài ra môn học có luyện tập về qui trình xây dựng một sản phẩm phần mềm	03	

215	Mạng máy tính 2(Cấu hình thiết bị, Swicth)	Nội dung chính của học phần này là khảo sát thành phần cấu trúc và hoạt động của router, đồng thời hướng dẫn người học cấu hình cơ bản cho router, kiểm tra truy cập và xử lý các sự cố cho router.	03	
216	Mạng máy tính 3(Quản trị Server)	<p>Quản trị mạng là một công việc rất phức tạp, có liên quan đến hàng loạt vấn đề như:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Quản lý lỗi. * Quản lý cấu hình. * Quản lý an ninh mạng * Quản lý hiệu quả. * Quản lý tài khoản. <p>Để làm được điều này một cách có hiệu quả phải theo dõi một cách toàn diện tình trạng hoạt động của mạng bằng cách sử dụng các nghi thức quản trị mạng.</p>	03	
217	Xây dựng và phát triển nguồn lực thông tin	<p>+ Hiểu các khái niệm, mục đích ý nghĩa phát triển nguồn tin.</p> <p>+ Nắm vững triển khai công việc: Bổ sung - trao đổi, chia sẻ nguồn lực thông tin.</p> <p>+ Hiểu rõ các hình thức phát triển nguồn tin.</p> <p>+ Nắm vững kiến thức để tổ chức và quản lý khai thác và trao đổi nguồn tin .</p>	02	
218	Biên mục mô tả	<p>+ Cung cấp cho sinh viên kiến thức về khái niệm, vai trò, công đoạn biên mục mô tả tài liệu và hình thức tổ chức biên mục tự động hóa, Lịch sử hình thành phát triển biên mục mô tả tài liệu, hiểu rõ Tiêu chuẩn biên mục, Quy tắc và Khổ mẫu biên mục tự động</p> <p>+ Hiểu rõ vấn đề kiểm soát thư mục và quản trị biên mục</p> <p>+ Cung cấp các phương pháp chung mô tả tài liệu và các phương pháp mô tả ấn phẩm thông tin và tài liệu điện tử cho từng loại hình tài liệu theo Tiêu chuẩn quốc tế (viết tắt ISBD), qui tắc biên mục Anh –Mỹ (viết tắt AACR2), khổ mẫu biên mục đọc máy (viết tắt MARC21)</p>	03	<p>Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các điểm tín chỉ. Bao gồm điểm kiểm tra kết thúc của các tín chỉ lý thuyết và điểm thực hành của các tín chỉ.</p> <p>- Thang điểm: 10</p>

219	Phân loại tài liệu	<p>Giúp sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về lý luận chung của phân loại, phân loại khoa học, phân loại tài liệu</p> <p>Hiểu rõ vai trò của phân loại trong đời sống xã hội và phân loại tài liệu trong hoạt động thông tin - thư viện</p> <p>Nắm được lịch sử phân loại khoa học và phân loại tài liệu trên thế giới qua các thời kỳ lịch sử và những xu hướng cơ bản trong phân loại tài liệu hiện đại</p> <p>Hiểu được các yêu cầu đối với chuyên gia phân loại tài liệu và người quản lý công tác phân loại</p>	02	
220	Xử lý thông tin	<p>Cung cấp cho sinh viên kiến thức về khái niệm, vai trò, mục đích, công đoạn xử lý thông tin/tài liệu; Cung cấp sinh viên các lịch sử phát triển và tính hình xử lý thông tin/ tài liệu trong nước và quốc tế; khái niệm, vai trò, nguyên tắc yêu cầu đặt ra đối với định chủ đề và định từ khóa tài liệu, chú giải và tóm tắt tài liệu. Cung cấp đầy đủ các phương pháp xử lý nội dung thông tin bao gồm Định chủ đề tài liệu, định từ khóa tài liệu, biên soạn bài tóm tắt tài liệu, chú giải tài liệu.</p>	03	<p>Học phần có cả lý thuyết và thực hành (tức là có tín chỉ lý thuyết và tín chỉ thực hành), thì điểm thi kết thúc học phần gồm 2 con điểm: điểm của bài thi đối với tín chỉ lý thuyết và điểm phần thực hành (đối với tín chỉ thực hành) làm trung bình chung.</p>
221	Tổ chức và bảo quản tài liệu	<p>Học phần “Tổ chức và Bảo quản tài liệu” cung cấp cho sinh viên: Các kiến thức cơ bản về khái niệm tổ chức vốn tài liệu, ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tổ chức vốn tài liệu trong các cơ quan thông tin – thư viện; Cơ sở và cách phân chia các loại kho tài liệu trên phạm vi toàn quốc và trong một thư viện ; Các yêu cầu và phương pháp sắp xếp tài liệu trong một thư viện; Nhiệm vụ, quy trình và các phương pháp kiểm kê vốn tài liệu (cả phương pháp kiểm kê truyền thống và phương pháp kiểm kê hiện đại); Các kiến thức cơ bản về khái niệm, ý nghĩa và nhiệm vụ của công tác bảo tồn, bảo quản vốn tài liệu trong các cơ quan thông tin – thư viện; Các nhóm nguyên nhân gây huỷ hoại tài liệu; Nội dung công tác bảo quản vốn tài liệu trong các cơ quan thông tin – thư viện</p>	03	

222	Người dùng tin	<p>Học phần “Người dùng tin” trình bày các khái niệm cơ bản về người dùng tin, công tác phục vụ người dùng tin...; Vai trò, nhiệm vụ, các nguyên tắc của công tác phục vụ người dùng tin trong thư viện và trung tâm thông tin; Các phương pháp nghiên cứu, khảo sát nhu cầu của người dùng tin trong xã hội. Đồng thời, đưa ra các biện pháp thực hiện tổ chức các dịch vụ thông tin thích hợp cho từng nhóm người dùng tin là cán bộ nghiên cứu khoa học, người dùng tin đại chúng, các sản phẩm và dịch vụ phù hợp với đặc điểm tâm lý và nhu cầu tin của từng nhóm người dùng tin; Tổ chức các hoạt động đào tạo người dùng tin giúp người dùng tin sử dụng nguồn lực thông tin một cách có hiệu quả nhất.</p>	03	
223	Sản phẩm và dịch vụ Thông tin – Thư viện	<p>+ Cung cấp cho sinh viên các khái niệm, lịch sử hình thành phát triển, mối quan hệ, vai trò của sản phẩm và dịch vụ thông tin, thư viện; Các yếu tố tác động quá trình tồn tại, phát triển sản phẩm và dịch vụ thông tin, thư viện. + Cung cấp kiến thức về các loại sản phẩm và dịch vụ thông tin, thư viện; Quy trình tạo lập, xây dựng phát triển một sản phẩm dịch vụ thông tin, thư viện qua đó có thể đánh giá, thẩm định được các sản phẩm thông tin, thư viện + Cung cấp kiến thức các khái niệm marketing, vai trò, các yếu tố marketing và cách tổ chức Marketing sản phẩm và dịch vụ thông tin, thư viện.</p>	02	<p>Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau: + Điểm chuyên cần, thái độ :10% + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20% + Điểm thi kết thúc học phần: 70% - Thang điểm: 10</p>
224	Tự động hóa hoạt động Thông tin – Thư viện	<p>Học phần “Tự động hóa hoạt động Thông tin - Thư viện” sẽ trang bị cho sinh viên kiến thức tổng quan về tự động hóa và hiện đại hóa trong các khâu, các hoạt động nghiệp vụ của các cơ quan Thông tin – thư viện hiện đại. Bao gồm các nội dung sau: nội dung và nguyên tắc của tự động hóa; ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ quan Thông tin – thư viện; hệ thống các phần mềm chuyên dụng, phân tích các dự án mẫu về đầu tư công nghệ thông tin; các chuẩn công nghệ và chuẩn nghiệp vụ đang được áp dụng trong ngành Thông tin – thư viện; tìm hiểu các quy trình được tự động hóa trong cơ quan Thông tin – thư viện; các trang thiết bị đang được sử dụng hiện nay</p>	03	

225	Tổ chức và quản lý hoạt động Thông tin - Thư viện	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu các khái niệm, mục đích ý nghĩa tổ chức và quản lý hoạt động thông tin thư viện. - Nắm vững tổ chức lao động khoa học trong hoạt động thông tin thư viện. - Hiểu rõ cơ cấu tổ chức các loại hình và mạng lưới thông tin thư viện ở nước ta, những nguyên tắc và phương pháp quản lý cơ quan thông tin thư viện. - Nắm vững kiến thức để xây dựng kế hoạch, thống kê, định mức lao động khoa học, quản lý ngân sách, cơ sở vật chất thiết bị, thanh tra... Những hình thức tổ chức quản lý cơ quan thông tin thư viện truyền thống và hiện đại. 	02	<p>Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần, thái độ :10% + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20% + Điểm thi kết thúc học phần: 70% <p>- Thang điểm: 10</p>
226	Marketing trong hoạt động Thông tin – Thư viện	<p>Môn học “Marketing trong hoạt động Thông tin-Thư viện” cung cấp cho sinh viên kiến thức về Marketing căn bản, mối quan hệ giữa Marketing với hoạt động Thông tin Thư viện và phương thức tiến hành Marketing trong cơ quan Thông tin Thư viện.</p> <p>Cung cấp kiến thức giúp sinh viên có khả năng nghiên cứu, xây dựng, đánh giá chiến lược kế hoạch, tổ chức, kiểm tra, chính sách Marketing của cơ quan Thông tin Thư viện và giải quyết những tình huống cụ thể trong thực tế.</p>	02	
227	Thực tế chuyên ngành	<ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức cho sinh viên thâm nhập thực tế nâng cao chuyên môn nghề nghiệp ở các Trung tâm thông tin, trung tâm thư viện, trung tâm công nghệ thông tin; các trường học, cơ quan nhà nước, doanh nghiệp. - Qua đợt thực tập sinh viên thu thập, tích lũy những tư liệu, kinh nghiệm, kỹ năng nghiệp vụ tại các Trung tâm thông tin, trung tâm thư viện, trung tâm công nghệ thông tin; các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp. - Củng cố hệ thống kiến thức chuyên ngành, kỹ năng nghề đã được học trong chương trình đào tạo. 	04	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá của bộ môn:100% - Hết đợt thực tập, mỗi sinh viên phải làm một báo cáo kết quả theo chương trình thực tập đã được xây dựng. Cán bộ hướng dẫn trực tiếp của cơ sở thực tập căn cứ vào quá trình hướng dẫn và vào báo cáo thực tập của sinh viên để ghi ý kiến đánh giá nhận xét cơ sở các tiêu chí: - Ý thức tổ chức kỷ luật. - Công tác chuyên môn

228	Thực tập tốt nghiệp	Học phần Thực tập tốt nghiệp sẽ trang bị cho sinh viên kiến thức thực tế về hoạt động của một cơ quan thông tin thư viện ở tất cả các khâu nghiệp vụ, bao gồm: thu thập và bổ sung tài liệu/thông tin, xử lý tài liệu/thông tin, tổ chức quản lý tài liệu/thông tin, phục vụ bạn đọc và chuyển giao tài liệu/thông tin. Thông qua đó giúp sinh viên xâm nhập vào thực tế, tập khảo sát, phát hiện và phân tích các vấn đề liên quan đến nghiệp vụ ngành thông tin - thư viện. Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn tổ chức hoạt động của cơ quan thông tin – thư viện đến thực tập. Sinh viên còn được bổ sung kiến thức về nội quy làm việc, tác phong làm việc của cán bộ công chức. Cuối khoá thực tập mỗi sinh viên phải có báo cáo thu hoạch và tổng kết chuyên môn.	08	- Các đóng góp cụ thể cho cơ sở thực tập. Sau khi về trường, bộ môn tổ chức đánh giá kết quả thực tập thông qua báo cáo thực tập của sinh viên bằng cho điểm theo thang điểm 10. Kết quả thực tập của sinh viên được tính là điểm bằng điểm trung bình chung của hội đồng bộ môn đánh giá.
8	Bộ môn Giáo dục mầm non			
229	Tâm lý học lứa tuổi mầm non	<ul style="list-style-type: none"> - Trang bị hệ thống tri thức khoa học về sự phát triển tâm lý và sự hình thành nhân cách của trẻ em lứa tuổi nhà trẻ (0- 3 tuổi) và mẫu giáo (3 - 6 tuổi). - Những cơ sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu, tìm hiểu tâm lý trẻ mầm non trong dạy học và giáo dục. - Nắm được sự cần thiết và nội dung chuẩn bị về mặt tâm lý cho trẻ mẫu giáo vào lớp một. 	03	<p>Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần, thái độ :10% + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20% + Điểm thi kết thúc học phần: 70% - Thang điểm: 10
230	Giáo dục học mầm non	<ul style="list-style-type: none"> - Những kiến thức lý luận chung của Giáo dục học mầm non: Giáo dục học mầm non là một khoa học; giáo dục và sự phát triển nhân cách; giáo dục mầm non trong hệ thống giáo dục quốc dân và nguyên tắc giáo dục mầm non. - Hiểu biết về những nhiệm vụ giáo dục mầm non: Giáo dục thể chất, giáo dục trí tuệ, giáo dục đạo đức, giáo dục thẩm mỹ và giáo dục lao động. - Hiểu được về tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ ở trường Mầm non. 	05	

231	Sinh lý học trẻ em	Trang bị cho SV kiến thức cơ bản về đặc điểm giải phẫu sinh lý trẻ lứa tuổi nhà trẻ, mẫu giáo. Từ đó có biện pháp chăm sóc và giáo dục, bảo vệ trẻ.	02	
232	Hát	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ thuật thanh nhạc gồm: + Nắm được những yếu tố cơ bản về kỹ thuật hát + Chỉ huy thành thạo các bài nhịp 2/4, 3/4, 4/4,6/8; Nắm được cấu trúc của bài hát + Hát đúng nhạc, lời và thể hiện được tính chất, sắc thái các bài hát trong chương trình	02	Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
233	Âm nhạc cơ bản	+ Nắm được những kiến thức cơ bản về nhạc lý, hiểu được các ký tự trong âm nhạc + Nắm được các khái niệm về nhịp, phách, dấu hóa, cung, quãng + Hiểu về gam, giọng, điệu thức, hợp âm và nhận biết được giọng điệu thông qua bản nhạc; Biết đọc nhạc, hát đúng các bài hát trong chương trình MN	02	
234	Đàn Organ	Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về tính năng nhạc cụ của đàn Organ, biết phân tích, tìm hiểu được cấu trúc âm nhạc của bài hát; phân biệt được tiết tấu của các loại nhịp 2/4; 3/4; 4/4... một số bài tập kỹ thuật luyện ngón để ứng dụng vào thực hành và đệm được những bài hát trong chương trình giáo dục mầm non. Nâng cao năng lực nghề nghiệp, nâng cao chất lượng dạy học, góp phần giáo dục thẩm mỹ cho trẻ.	02	

235	Vệ sinh và dinh dưỡng trẻ em	<ul style="list-style-type: none"> - Những kiến thức lý luận chung của vệ sinh và dinh dưỡng trẻ em: Cung cấp một số kiến thức cơ bản, những kỹ năng cần thiết giúp sinh viên sau khi ra trường có thể áp dụng vào việc tổ chức dinh dưỡng tốt cho trẻ mầm non ở các lứa tuổi và các đối tượng khác nhau. - Nghiên cứu ảnh hưởng của các chất dinh dưỡng đối với cơ thể trẻ em và xác định nhu cầu về các chất dinh dưỡng đó. - Phương pháp nuôi dưỡng trẻ em, hợp lí từng độ tuổi. 	03	
236	Bệnh học trẻ em	<p>Trang bị cho sinh viên cơ sở khoa học và sự hiểu biết chung về các vấn đề sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được đặc điểm bệnh tật ở trẻ em qua các giai đoạn. - Biết được cách đề phòng và chăm sóc ban đầu đối với một số bệnh thường gặp ở trẻ em. - Biết cách sơ cứu một số tai nạn thường gặp ở trẻ em. - Xác định được đầy đủ về mục tiêu chương trình giáo dục sức khoẻ, các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, sách giáo khoa và tài liệu học tập. 	03	<p>Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần, thái độ :10% + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20% + Điểm thi kết thúc học phần: 70% <p>- Thang điểm: 10</p>
237	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	<p>Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, khoa học, hiện đại về phương pháp dạy nói cho trẻ từ 0-6 tuổi.</p> <p>Giúp sinh viên hiểu được những vấn đề chung về phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non. Phương pháp phát âm, Phương pháp xây dựng vốn từ, dạy trẻ nói đúng ngữ pháp, phát triển ngôn ngữ mạch lạc cho trẻ và dạy trẻ làm quen với chữ cái.</p>	03	
238	Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về lý luận Phương pháp cho trẻ mầm non làm quen với tác phẩm văn học. - Nắm vững nội dung, kết cấu chương trình của môn cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học hiện nay ở trường mầm non. 	03	<p>Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần, thái độ :10% + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20% + Điểm thi kết thúc học phần: 70%

239	Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non	Trang bị cho sinh viên những kiến thức chung nhất về lý luận giáo dục thể chất mầm non, cũng như những kiến thức cơ bản, hiện đại về phương pháp tổ chức hoạt động phát triển vận động cho trẻ mầm non qua các độ tuổi.	03	- Thang điểm: 10
240	Phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non	<p>Người học hiểu và giải thích được vấn đề: tại sao phải hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non.</p> <p>Trang bị cho sinh viên một hệ thống các khái niệm, kiến thức cơ bản về lý luận dạy học toán cho trẻ mầm non, các kỹ năng tổ chức thực hành bộ môn và biết cách liên hệ, vận dụng chúng một cách linh hoạt trong quá trình hình thành cho trẻ các biểu tượng toán học cơ bản ban đầu.</p> <p>Tạo cơ sở, tạo tiền đề vững chắc giúp sinh viên có khả năng tự học, tự bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học giáo dục để nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ trong công tác hình thành các biểu tượng toán học cho trẻ.</p> <p>Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về một hệ thống các nguyên tắc, các phương pháp và các hình thức tổ chức dạy học toán cho trẻ mầm non, nhằm giúp sinh viên có tầm nhìn rộng rãi và sâu sắc đối với quá trình tổ chức hình thành các biểu tượng toán học cơ bản ban đầu cho trẻ mầm non..</p> <p>Trang bị cho sinh viên những khái niệm, kiến thức cơ sở về nội dung, phương pháp và biện pháp hình thành các biểu tượng toán cho trẻ mầm non với các nội dung: Hình thành cho trẻ các biểu tượng về tập hợp – số - đếm, về hình dạng, kích thước, về định hướng trong không gian và các biểu tượng về định hướng thời gian, nhằm giúp sinh viên sau đào tạo có thể tự tin, chủ động thiết kế xây dựng bài dạy, soạn giáo án và thực hiện tổ chức các hoạt động nhận thức hình thành các biểu tượng toán cho trẻ.</p> <p>Như vậy, thông qua hệ thống các khái niệm kiến thức này sinh viên sẽ có đuwợc tầm nhìn rộng rãi và sâu sắc về cách thức tổ chức thực hiện chong trình hình thành các biểu tượng toán cho trẻ sau này ở các trường mầm non.</p>	03	Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

241	Phương pháp cho trẻ khám phá môi trường xung quanh	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản, những vấn đề lý luận chung nhất của học phần: Đối tượng, nhiệm vụ, cơ sở khoa học, phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu môn học. - Sinh viên hiểu sâu sắc về mục đích, nhiệm vụ, nội dung, phương tiện hướng dẫn trẻ khám phá môi trường xung quanh. - Nắm vững các phương pháp, biện pháp và các hình thức tổ chức hướng dẫn trẻ khám phá môi trường xung quanh. 	03	<p>Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần, thái độ :10% + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20% + Điểm thi kết thúc học phần: 70% - Thang điểm: 10
242	Phương pháp tổ chức hoạt động âm nhạc cho trẻ mầm non	<ul style="list-style-type: none"> - Trang bị cho sinh viên cơ sở lý luận và phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ trong trường mầm non trên cơ sở nắm được đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi của trẻ có liên quan đến các hoạt động âm nhạc. - Sinh viên có kỹ năng, nghiệp vụ dạy trẻ, biết tổ chức cho trẻ hoạt động âm nhạc một cách khoa học, góp phần giáo dục thẩm mỹ, phát triển nhân cách toàn diện cho trẻ. 	03	<p>Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thang điểm: 10
243	Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non	<p>Trang bị cho sinh viên ngành giáo dục mầm non những kiến thức cơ bản về phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non. Đó là những vấn đề về nguyên tắc, nội dung, phương pháp, hình thức dạy học, vai trò của hoạt động tạo hình, đặc điểm phát triển tạo hình của trẻ và các phương pháp dạy học vẽ, nặn, xé, cắt dán cụ thể. Sau đó có kế hoạch hướng dẫn thực hiện nội dung chương trình.</p>	03	
244	Giáo dục hòa nhập	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được các đặc điểm của trẻ thuộc các dạng thông dụng: khuyết tật trí tuệ, khiếm thính, khiếm thị, khuyết tật ngôn ngữ. - Phân tích được các khái niệm cơ bản của giáo dục hòa nhập, các yếu tố của giáo dục hòa nhập trong giáo dục mầm non. - Nêu được cách thức tổ chức hoạt động giáo dục hòa nhập ở trường mầm non. 	03	<p>Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần, thái độ :10% + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20% + Điểm thi kết thúc học phần: 70% - Thang điểm: 10

245	Nghề giáo viên mầm non	Sinh viên có hiểu biết về bậc học mầm non trong hệ thống giáo dục quốc dân, mục tiêu của giáo dục mầm non; có kiến thức và hiểu biết về nghề giáo viên mầm non; hoạt động sư phạm của giáo viên mầm non, hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; Chế độ sinh hoạt hàng ngày của trẻ; đặc điểm hoạt động sư phạm của giáo viên mầm non; nhiệm vụ và quyền hạn của người giáo viên mầm non. - Có kiến thức chuyên sâu về giao tiếp sư phạm và ứng xử sư phạm của người giáo viên mầm non.	03	
246	Làm đồ dùng dạy học và đồ chơi cho trẻ mầm non	- SV có hiểu biết cơ bản về vai trò, tác dụng và cách thức sử dụng đồ chơi trong việc tổ chức chăm sóc giáo dục trẻ mầm non. - SV được trang bị những kiến thức lí luận cơ bản về đồ chơi như: Khái niệm về đồ chơi; Đặc điểm đặc trưng của đồ chơi; Quan hệ giữa đồ chơi và trò chơi; Ý nghĩa giáo dục của đồ chơi đối với trẻ Mầm non; Các nguyên tắc của làm đồ chơi; Phân loại đồ chơi; Nguyên tắc phân bố và bảo quản đồ chơi trong trường mầm non ; Các nguyên liệu và kỹ thuật làm đồ chơi từ các nguyên liệu khác nhau.	03	Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
247	Múa và phương pháp biên đạo múa	SV nắm được những kiến thức cơ bản về vai trò ý nghĩa của múa trong đời sống, các loại hình nghệ thuật múa, một số động tác múa dân gian Việt Nam cơ bản, các bài múa và phương pháp dạy trẻ múa và vận động theo âm nhạc	03	
248	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1	Giúp sinh viên có những hiểu biết, kiến thức về chăm sóc sức khỏe trẻ lứa tuổi mầm non và vận dụng được kiến thức vào thực tiễn chăm sóc sức khỏe và giáo dục sức khỏe dinh dưỡng cho trẻ mầm non	01	
249	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2	Giúp sinh viên có những hiểu biết, kiến thức về hoạt động giáo dục ở các lĩnh vực phát triển trẻ lứa tuổi mầm non và vận dụng được kiến thức vào thực tiễn tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ mầm non.	01	Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau: + Điểm chuyên cần, thái độ :10% + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20% + Điểm thi kết thúc học phần: 70% - Thang điểm: 10

250	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 3	Giúp sinh viên có những hiểu biết, kiến thức về hoạt động giáo dục ở các lĩnh vực phát triển trẻ lứa tuổi mầm non và vận dụng được kiến thức vào thực tiễn tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ mầm non.	01	- Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
251	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 4	Giúp sinh viên có những hiểu biết, kiến thức về hoạt động giáo dục ở các lĩnh vực phát triển trẻ lứa tuổi mầm non và vận dụng được kiến thức vào thực tiễn tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ mầm non.	01	- Thang điểm: 10
252	Toán cơ sở	<p>+ Sinh viên hiểu sâu sắc những khái niệm, kiến thức cơ bản của lý thuyết tập hợp như: Tập hợp, các phép toán tập hợp, quan hệ, ánh xạ và một số khái niệm cơ bản của giải tích tổ hợp (hoán vị, tổ hợp, chỉnh hợp).</p> <p>+ Sinh viên hiểu sâu sắc cách giải một số bài toán suy luận logic đơn giản mà không cần dùng tới công cụ của logic toán. Nắm vững những khái niệm, kiến thức cơ bản nhất của logic mệnh đề .</p> <p>+ Sinh viên hiểu và mô tả được số tự nhiên, cách xây dựng dãy số tự nhiên cùng với các tính chất của nó. Sinh viên nắm vững bản chất của phép đếm và hệ thống ghi số.</p> <p>+ Sinh viên hiểu và mô tả được các hình hình học cơ bản, tính chất đặc trưng của nó, ứng dụng và dạy cho trẻ mầm non</p> <p>+ Sinh viên hiểu và có thể mô tả được những ứng dụng của học phần toán cơ sở vào việc tìm hiểu và triển khai thực hiện chương trình dạy học toán cho trẻ mầm non.</p>	02	<p>Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau:</p> <p>+ Điểm chuyên cần, thái độ :10%</p> <p>+ Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20%</p> <p>+ Điểm thi kết thúc học phần: 70%</p> <p>- Thang điểm: 10</p>

253	Thực hành chế biến món ăn cho trẻ mầm non	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu, cung cấp các hiểu biết, kiến thức cơ bản về hoạt động sản xuất, chế biến món ăn. - Cung cấp một số kỹ năng quan trọng trong việc thực hành chế biến một số món ăn dinh dưỡng cho trẻ mầm non và thực hành chế biến một số món bánh sẽ giúp cho bộ phận chế biến món ăn tại các trường mầm non một cách tốt nhất 	03	Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
254	Ứng dụng CNTT trong GDMN	Giải thích được cơ sở lý luận của việc ứng dụng công nghệ thông tin (UDCNTT) trong giáo dục Mầm non. Xác định được các chức năng cơ bản của một số phần mềm công cụ và phần mềm dạy học để xây dựng các trò chơi, hoạt động dạy học theo hướng phát huy tính tích cực của trẻ ở tất cả các môn học ở Mầm non.	02	
255	Mỹ thuật ứng dụng (Cắt dán, xé dán, nặn, gấp giấy)	<p>Tiếp thu được một số vấn đề lý luận cơ bản của nghệ thuật tạo hình về trang trí ứng dụng, những kiến thức chung về môn về nghệ thuật điêu khắc, kiến thức cơ bản về nghệ thuật xếp dán, bố cục, về màu sắc, về chất liệu ... nắm vững các yêu cầu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + <i>Về bố cục:</i> <ul style="list-style-type: none"> - Biết vận dụng lý thuyết về bố cục để tạo được những bức tranh rõ về nội dung về hình thức thể hiện phù hợp với giáo dục mầm non. Nắm được các hình thức bố cục tạo hình để vận dụng vào các bài tập. - Biết áp dụng các hình thức tạo hình phù hợp với cách tạo hình của trẻ em. + <i>Về màu sắc:</i> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được tương quan về màu sắc biết sử dụng tốt các hoà sắc và cách sử dụng màu để thể hiện rõ và phù hợp với nội dung tranh xếp dán. + <i>Về chất liệu:</i> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Với chất liệu nặn:</i> Phân tích được hai thể loại chính trong điêu khắc: Tượng tròn, phù điêu và nắm được các kỹ thuật cơ bản về nặn tạo hình. - <i>Với chất liệu xếp dán:</i> Biết cách sử dụng các kỹ thuật khác nhau để tạo hiệu quả phong phú trong chất liệu giấy màu, biết vận dụng các chất liệu khác trong quá trình làm bài tập. - Vận dụng tốt những kiến thức kỹ năng tạo hình đã học để làm đồ dùng dạy học, đồ chơi và trang trí lớp học. 	02	
256	Quản lý trường mầm non	Những cơ sở phương pháp luận và khái niệm cơ bản về quản lý trường mầm non; Chức năng, mục tiêu, nguyên tắc và phương pháp quản lý trường mầm non; Vị trí, tính chất, nhiệm vụ của trường mầm non.	03	Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được

257	Aerobic dành cho trẻ mầm non	<p>Biết phương pháp giảng dạy động tác Thể dục Aerobic đơn giản.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu biết tác dụng tập luyện môn Aerobic. - Hiểu các bước biên soạn và tổ chức tập luyện bài Thể dục Aerobic đơn giản. 	03	<p>làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thang điểm: 10
258	Phương pháp Giáo dục giá trị sống và Kỹ năng sống cho trẻ mầm non	<p>Trang bị cho sinh viên những kiến thức lý thuyết và thực hành về giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cho trẻ mầm non như: khái niệm, cách thức, phương pháp tổ chức triển khai các hoạt động giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống cho trẻ mầm non.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng những kiến thức, sử dụng những phương pháp và cách thức tổ chức các hoạt động giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cho trẻ mầm non để đưa vào các bài giảng, phục vụ cho hoạt động nghề nghiệp sau này. - Giúp sinh viên nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của học phần, từ đó nói lên được quan điểm cá nhân về sự liên hệ những kiến thức và kỹ năng đã học vào trong hoạt động công việc giảng dạy. 	03	
259	Kiến tập sư phạm	<p>Giúp sinh viên có thêm những hiểu biết, kiến thức về hoạt động giáo dục ở các lĩnh vực phát triển trẻ lứa tuổi mầm non và vận dụng được kiến thức đó vào thực tiễn tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ mầm non các độ tuổi.</p>	03	<p>Việc đánh giá kết quả tập giảng toàn đợt của SV dựa trên hai mặt cơ bản:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1/ tinh thần, thái độ rèn luyện và 2/ kết quả công việc. - Tất cả các giáo viên trong lớp tham gia đánh giá tinh thần, ý thức của sinh viên trong suốt quá trình tham gia đợt kiến tập sư phạm. - Tất cả giáo viên trong lớp chủ nhiệm tham gia đánh giá về giáo án, kết quả giờ dạy của sinh viên. <p>*Kết quả môn học chính là điểm TBC (trung bình chung) toàn đợt kiến tập sư phạm do trường cơ sở đánh giá</p>

260	Giáo dục trẻ tự kỉ	<p>+ Sinh viên nắm được khái niệm tự kỷ, khái niệm giáo dục trẻ tự kỷ; đặc điểm, nguyên nhân các dạng tự kỷ; phân loại tự kỷ ,mức độ và phạm vi mắc bệnh tự kỷ. Các tiêu chí chẩn đoán tự kỷ.</p> <p>+ Những khó khăn mà trẻ tự kỷ gặp phải, Một số yêu cầu và kỹ thuật trong chăm sóc - giáo dục trẻ tự kỷ, nắm được quy trình tiến hành can thiệp cho trẻ tự kỷ, những kỹ năng cần thiết cho trẻ tự kỷ sống hòa nhập.</p>	03	<p>Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau:</p> <p>+ Điểm chuyên cần, thái độ :10%</p> <p>+ Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20%</p> <p>+ Điểm thi kết thúc học phần: 70%</p> <p>- Thang điểm: 10</p>
261	Hướng dẫn kể chuyện cho trẻ mầm non	<p>Hướng dẫn cho sinh viên kỹ thuật cơ bản về luyện thanh, luyện giọng nói, giọng kể truyện, biết phân tích tác phẩm, biết chuyển dịch từ ngôn ngữ văn học thành ngôn ngữ hành động.</p>	03	<p>Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.</p> <p>- Thang điểm: 10</p>
262	Thực tế giáo dục mầm non	<p>- Giúp sinh viên có thêm những hiểu biết, kiến thức về hoạt động giáo dục ở các lĩnh vực phát triển trẻ lứa tuổi mầm non và vận dụng được kiến thức đó vào thực tiễn tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ mầm non các độ tuổi.</p> <p>- Sinh viên được củng cố hiểu biết, kinh nghiệm về thực tiễn tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ ở trường mầm non ở 5 lĩnh vực phát triển tại các trường đạt chuẩn trong phạm vi cả nước.</p> <p>- Quán triệt nguyên lý giáo dục, gắn lý thuyết với thực hành, lý luận với thực tế trong quá trình đào tạo giáo viên, có sự gắn kết chặt chẽ hơn nữa giữa nơi đào tạo và nơi sử dụng giáo viên.</p> <p>- Tạo điều kiện cho sinh viên sư phạm mầm non sớm được tiếp xúc với thực tế giáo dục, được thường xuyên thực hành, luyện tập các kỹ năng sư phạm, làm cơ sở để hình thành phẩm chất và năng lực sư phạm của người giáo viên.</p>	3	

263	Thực tập sư phạm	<ul style="list-style-type: none"> + Hoàn thiện những kỹ năng về công tác chủ nhiệm lớp, công tác giáo dục, nâng cao tình cảm, đạo đức nghề nghiệp. + Giúp sinh viên có thêm những hiểu biết, kiến thức về hoạt động giáo dục ở các lĩnh vực phát triển trẻ lứa tuổi mầm non và vận dụng được kiến thức đó vào thực tiễn tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ mầm non các độ tuổi. 	04	<p>Việc đánh giá kết quả tập giảng toàn đợt của SV dựa trên hai mặt cơ bản:</p> <p>1/ tinh thần, thái độ rèn luyện và 2/ kết quả công việc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tất cả các giảng viên bộ môn đánh giá tinh thần, ý thức của sinh viên trong suốt quá trình tham gia đánh giá giờ giảng của sinh viên. - Tất cả giảng viên đánh giá về giáo án của sinh viên theo lĩnh vực mình phụ trách để làm căn cứ lấy điểm giữa kì. - Tất cả các giảng viên bộ môn đánh giá kết quả giờ dạy của sinh viên để lấy điểm thực hành (điểm thi cuối kì).
9	Bộ môn Sư phạm âm nhạc			
264	Giáo dục học	<p>Thông qua học phần, trang bị cho sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những vấn đề chung của giáo dục học và vấn đề đổi mới giáo dục trên thế giới và ở nước ta hiện nay. - Những vấn đề cơ bản của lý luận dạy học và lý luận giáo dục ở trường phổ thông. 	4	<p>Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần, thái độ :10% + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20% + Điểm thi kết thúc học phần: 70% - Thang điểm: 10
265	Quản lý hành chính nhà nước & quản lý ngành Giáo dục đào tạo	<p>Trang bị cho sinh viên một số vấn đề chung về Nhà nước, bộ máy quản lý nhà nước; Hệ thống pháp luật, pháp chế xã hội chủ nghĩa; Quản lý hành chính nhà nước, văn bản quản lý nhà nước; Quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo; hiểu Pháp lệnh cán bộ công chức; nắm vững Luật Giáo dục, nội dung đổi mới chương trình giáo dục phổ thông; hiểu Chiến lược phát triển giáo dục đào tạo; Điều lệ trường phổ thông và thực tiễn giáo dục Việt Nam.</p>	02	
266	Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm	<ul style="list-style-type: none"> + Những cơ sở phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu, tìm hiểu tâm lý học sinh trong dạy học và giáo dục. + Bản chất và những qui luật tâm lý của quá trình dạy học và giáo dục. + Đặc trưng lao động sư phạm của người giáo viên, nhân cách và con đường hình thành nhân cách sư phạm của người giáo viên. 	03	

267	Phương pháp dàn dựng chương trình Ca - Múa - Nhạc	<ul style="list-style-type: none"> - Có ý niệm tương đối rõ ràng, cụ thể về một số hình thức biểu diễn ca - múa - nhạc cho đối tượng học sinh phổ thông. - Hát và dàn dựng được một số bài hát thuộc các thể loại ca khúc, nhất là ca khúc viết cho thiếu niên, nhi đồng. 	02	Kết quả đánh giá điểm học phần thực hành của sinh viên được tính bằng điểm trung bình cộng của các tín chỉ trong học phần và được làm tròn đến một chữ số thập phân.
268	Nhập môn sáng tác	<p>Trình bày những kiến thức mong muốn sinh viên tích lũy được sau khi hoàn thành học phần.</p> <p>Trang bị cho sinh viên kiến thức khái quát về nền âm nhạc thế giới, âm nhạc Việt Nam, kiến thức về các hình thức âm nhạc đơn giản (một, hai, ba đoạn đơn) và kiến thức cơ bản về sáng tác ca khúc.</p>	02	<p>Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần, thái độ :10% + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20% + Điểm thi kết thúc học phần: 70% - Thang điểm: 10
269	Phương pháp dạy học âm nhạc	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về cơ sở lí luận, về phương pháp dạy học và giáo dục âm nhạc hoạt động dạy học âm nhạc ở trường phổ thông: phương pháp xây dựng kế hoạch bài giảng, thiết kế đồ dùng dạy học, phương pháp triển khai tiết học, cách đánh giá một bài giảng, cách tổ chức một hoạt động ngoại khoá âm nhạc... - Qua hoạt động thực hành sư phạm, sinh viên tập vận dụng lý thuyết để thực hành thiết kế bài giảng, thiết kế đồ dùng dạy học, triển khai các hoạt động ngoại khoá âm nhạc và thực hành các kỹ năng dạy học âm nhạc theo hướng chủ động, tích cực, sáng tạo, độc lập; rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo, thói quen sư phạm cần thiết phát triển năng lực nghề nghiệp, nâng cao chất lượng đào tạo thế hệ trẻ đáp ứng yêu cầu xã hội 	03	
270	Nghệ vụ sư phạm	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống hoá kiến thức đã học về nghiệp vụ sư phạm như: Tâm lí học, Giáo dục học, phương pháp dạy học bộ môn bằng hành động thực hành thường xuyên. - Sinh viên vận dụng kiến thức về tam lý lứa tuổi học sinh, lí luận dạy học và lí luận giáo dục tìm hiểu thực tiễn giáo dục phổ thông, qua đó bồi dưỡng thêm tình cảm yêu ngành, yêu nghề, xác định đúng đắn động cơ nghề nghiệp, thúc đẩy quá trình tự nghiên cứu, rèn luyện tay nghề, để chuẩn bị một cách toàn diện cho đợt kiến tập tốt nghiệp ở năm thứ 3. - Sinh viên làm quen một số công việc về giáo dục và giảng dạy của người giáo viên. 	01	

271	Công tác Đội Thiếu niên tiên phong HCM	Cung cấp cho người học hiểu biết khái quát những nguyên tắc và phương pháp hoạt động của Đội TNTP Hồ Chí Minh. Đồng thời trong học phần cũng đề cập đến nội dung và hình thức hoạt động của Đội TNTP Hồ Chí Minh.	03	
272	Kiến tập sư phạm	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo sinh phải nắm được đầy đủ, chi tiết, hiểu biết toàn diện, sâu sắc về tất cả nội dung, chương trình thực tập sư phạm 1 ở trường THCS. - Qua đợt thực tập sư phạm 1, mọi giáo sinh phải có được những tiến bộ rõ rệt trong nhận thức chức năng: “dạy chữ, dạy nghề, dạy người” trong đào tạo ĐHSP và chức năng, nhiệm vụ của trường THCS, của người giáo viên THCS. - Thực hiện xong đợt thực tập sư phạm 1, giáo sinh phải hình thành được những kỹ năng nghề nghiệp cơ bản trong dạy học, giáo dục, nghiên cứu khoa học, tạo tiền đề cho sự phát triển năng lực sư phạm của người giáo viên tương lai. - Cùng với hệ thống kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp, giáo sinh cần tập luyện để có một số kỹ năng quan trọng trong việc tổ chức cuộc sống hàng ngày. 	03	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm tổng hợp thực tập sư phạm được tính như sau: + Điểm giảng dạy (GD): Hệ số 1 + Điểm chủ nhiệm (CN): Hệ số 2 + Điểm ngoại khoá (NK): Hệ số 2 + Báo cáo thu hoạch (BCTH): Hệ số 1 + Ý thức tổ chức kỷ luật (TCKL): Hệ số 1. <p>Kết quả KTSP được tính bằng 1 học phần có 4 tín chỉ trong chương trình đào tạo.</p>
273	Chỉ huy hợp xướng	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về nghệ thuật chỉ huy các tác phẩm đồng ca, hợp xướng để áp dụng thực hành trong các hoạt động văn hóa nghệ thuật ở cơ sở.- Tạo điều kiện tiên quyết cho người học tự rèn luyện thêm để chỉ huy được các tác phẩm âm nhạc không lời (khí nhạc) đơn giản, phục vụ cho các hoạt động văn hóa văn nghệ trong nhà trường cũng như ngoài xã hội. 	02	<p>Kết quả đánh giá điểm học phần thực hành của sinh viên được tính bằng điểm trung bình cộng của các tín chỉ trong học phần và được làm tròn đến một chữ số thập phân.</p>

274	Thực tập sư phạm	<p>Giúp giáo sinh nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò, ý nghĩa của giáo dục trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và những thành tựu trong công cuộc đổi mới toàn diện của đất nước, đặc biệt là của giáo dục và đào tạo.</p> <p>Giáo sinh có sự hiểu biết sâu sắc về mối quan hệ “sư phạm - phổ thông” trong công tác đào tạo giáo viên, nắm vững những quy định về nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của người giáo viên THCS để có thể hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao trong đợt thực tập sư phạm.</p> <p>Giáo sinh phải nắm vững toàn bộ nội dung chương trình thực tập sư phạm để làm tốt công tác chuẩn bị và triển khai có hiệu quả ở trường phổ thông.</p> <p>Giáo sinh chủ động vận dụng sáng tạo kiến thức vào quá trình dạy học và giáo dục học sinh, củng cố, hoàn thiện và phát triển các kỹ năng nhằm phát triển mạnh mẽ năng lực sư phạm của người giáo viên THCS.</p> <p>Tăng cường bồi dưỡng cho giáo sinh những kỹ năng hoạt động ngoại khoá và tham gia các hoạt động xã hội, tổ chức cuộc sống có văn hoá sư phạm trong cộng đồng.</p>	04	<p>- Điểm tổng hợp TTSPII được tính như sau:</p> <p>+ Điểm giảng dạy (GD): Hệ số 3</p> <p>+ Chủ nhiệm (CN): Hệ số 2</p> <p>+ Ngoại khoá (NK): Hệ số 2</p> <p>+ Báo cáo thu hoạch (BCTH): Hệ số 1</p> <p>+ Ý thức tổ chức kỷ luật (TCKL): Hệ số 1.</p> <p>Kết quả TTSP 2 được tính bằng một môn, một học phần gồm 4 tín chỉ trong chương trình đào tạo và là điểm xét điều kiện thi tốt nghiệp.</p>
275	Thực hành SPAN tổng hợp	Tổng hợp, hệ thống hóa, khái quát hóa, củng cố kiến thức cơ bản về kỹ thuật thanh nhạc, nhạc cụ, phương pháp dạy học.	08	
10	Bộ môn Sư phạm mỹ thuật			
276	Trang trí 2 (Trang trí ứng dụng 1)	<p>- Giúp sinh viên nắm vững, hiểu sâu và ứng dụng thành thạo những kiến thức về trang trí trong các bài thực hành trang trí ứng dụng. Hiểu và nắm vững đặc điểm, tính chất đặc trưng của chất liệu, các kỹ thuật cơ bản sử dụng chất liệu, thành thạo các kỹ năng và phương pháp thực hành sáng tác những bài trang trí ứng dụng.</p> <p>- Sinh viên tiếp thu, nắm vững và rèn luyện kỹ thuật sử dụng chất liệu Bột màu từ thành thạo đến thuần thục, đạt hiệu quả thẩm mỹ trong bài vẽ trang trí ứng dụng.</p>	02	Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

277	Trang trí 3 (Trang trí ứng dụng 2)	<p>- Giúp sinh viên nắm vững, hiểu sâu và ứng dụng thành thạo những kiến thức về trang trí trong các bài thực hành trang trí ứng dụng. Hiểu và nắm vững đặc điểm, tính chất đặc trưng của chất liệu, các kỹ thuật cơ bản sử dụng chất liệu, thành thạo các kỹ năng và phương pháp thực hành sáng tác những bài trang trí ứng dụng.</p> <p>- Giúp sinh viên nâng cao nhận thức và bồi dưỡng cảm xúc thẩm mỹ tạo hình qua các bài vẽ trang trí ứng dụng.</p>	02	
278	Bố cục 1: <i>Chủ đề thiếu nhi và lao động (chất liệu Bột màu)</i>	Giúp sinh viên thực hành các bài tập sáng tác các tác phẩm Nghệ thuật tạo hình bằng ngôn ngữ Hội họa với chất liệu bột màu. Sinh viên được trang bị kiến thức và kỹ thuật thể hiện chất liệu, vẽ được tranh bố cục có chủ đề bằng chất liệu bột màu. Hỗ trợ kỹ năng thị phạm trong quá trình rèn luyện các học phần chuyên ngành Sư phạm Mỹ thuật. Hỗ trợ khả năng định hướng phong cách sáng tạo Hội họa, Đồ họa.	02	
279	Bố cục 2: <i>Chủ đề sinh hoạt và lễ hội (chất liệu Sơn dầu)</i>	Giúp sinh viên thực hành các bài tập sáng tác các tác phẩm Nghệ thuật tạo hình bằng ngôn ngữ Hội họa với chất liệu sơn dầu. Sinh viên được trang bị kiến thức và kỹ thuật thể hiện chất liệu, vẽ được tranh bố cục có chủ đề bằng chất liệu sơn dầu. Hỗ trợ kỹ năng thị phạm trong quá trình rèn luyện các học phần chuyên ngành Sư phạm Mỹ thuật. Hỗ trợ khả năng định hướng phong cách sáng tạo Hội họa, Đồ họa.	02	
280	Bố cục 3: <i>Chủ đề phong cảnh và tự chọn 1 (chất liệu Lụa)</i>	Giúp sinh viên thực hành các bài tập sáng tác các tác phẩm Nghệ thuật tạo hình bằng ngôn ngữ Hội họa với chất liệu lụa. Sinh viên được trang bị kiến thức và kỹ thuật thể hiện chất liệu, vẽ được tranh phong cảnh và tranh bố cục chủ đề tự chọn bằng chất liệu lụa. Hỗ trợ kỹ năng thị phạm trong quá trình rèn luyện các học phần chuyên ngành Sư phạm Mỹ thuật. Hỗ trợ khả năng định hướng phong cách sáng tạo Hội họa.	02	Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

281	Bố cục 4: <i>Chủ đề phong cảnh và tự chọn 2 (chất liệu Khắc gỗ)</i>	Giúp sinh viên thực hành các bài tập sáng tác các tác phẩm Nghệ thuật tạo hình bằng ngôn ngữ Đồ họa với chất liệu khắc gỗ. Sinh viên được trang bị kiến thức và kỹ thuật thể hiện chất liệu, sáng tác được tranh phong cảnh và tranh bố cục chủ đề tự chọn bằng chất liệu khắc gỗ. Hỗ trợ kỹ năng thi phạm trong quá trình rèn luyện các học phần chuyên ngành Sư phạm Mỹ thuật. Hỗ trợ khả năng định hướng phong cách sáng tạo Đồ họa.	02	
282	Bố cục 5: <i>Chủ đề chép tranh dân gian và tự chọn (chất liệu Sơn mài)</i>	Giúp sinh viên thực hành các bài tập sáng tác các tác phẩm Nghệ thuật tạo hình bằng ngôn ngữ Hội họa với chất liệu sơn mài. Sinh viên được trang bị kiến thức và kỹ thuật thể hiện chất liệu, chép được tranh dân gian và sáng tác được tranh bố cục chủ đề tự chọn bằng chất liệu sơn mài. Hỗ trợ kỹ năng thi phạm trong quá trình rèn luyện các học phần chuyên ngành Sư phạm Mỹ thuật. Hỗ trợ khả năng định hướng phong cách sáng tạo Hội họa.	02	
283	Bố cục 6: <i>Chủ đề tự chọn (chất liệu Tự chọn)</i>	Giúp sinh viên thực hành các bài tập sáng tác các tác phẩm Nghệ thuật tạo hình bằng ngôn ngữ Hội họa, Đồ họa với chất liệu tự chọn. Sinh viên được trang bị kiến thức và kỹ thuật thể hiện chất liệu, sáng tác được các tranh bố cục chủ đề tự chọn bằng chất liệu tự chọn. Hỗ trợ kỹ năng thi phạm trong quá trình rèn luyện các học phần chuyên ngành Sư phạm Mỹ thuật. Hỗ trợ khả năng định hướng phong cách sáng tạo Hội họa, Đồ họa.	03	
284	Phương pháp dạy học mỹ thuật	Thông qua học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về phương pháp dạy học Mỹ thuật ở trường phổ thông, phương pháp xây dựng kế hoạch bài giảng, phương pháp triển khai tiết học, phương pháp thiết kế đồ dùng trực quan, phương pháp đánh giá một bài giảng, phương pháp tổ chức một hoạt động ngoại khoá mỹ thuật.	03	Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.

285	Nghiên cứu mỹ thuật truyền thống Việt nam	<p>Hiểu được cái quý giá của nghệ thuật truyền thống của dân tộc, thấy được giá trị to lớn về óc sáng tạo của ông cha về Mỹ thuật.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được giá trị nghệ thuật, tính kế thừa và phát huy vốn cổ dân tộc trong từng giai đoạn lịch sử. - Biết vận dụng những ghi chép và những kiến thức hiểu biết về vốn cổ dân tộc kết hợp với họa tiết trang trí hiện đại để sáng tạo và trang trí. - Thông qua hệ thống câu hỏi ở từng phần để ôn tập và tiến hành bài luận (thu hoạch) 	02	<p>Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần, thái độ :10% + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20% + Điểm thi kết thúc học phần: 70% - Thang điểm: 10
287	Nghệ thuật sắp đặt	<p>Học phần Cung cấp cho sinh viên kiến thức về nghệ thuật sắp đặt trong không gian ba chiều, nắm được cách nhìn tổng hợp tất cả các phương tiện biểu đạt từ không gian hai chiều, ba chiều và môi trường không gian.</p>	02	
288	Kiến tập sư phạm	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo sinh phải nắm được đầy đủ, chi tiết, hiểu biết toàn diện, sâu sắc về tất cả nội dung, chương trình thực tập sư phạm 1 ở trường THCS. - Qua đợt thực tập sư phạm 1, mọi giáo sinh phải có được những tiến bộ rõ rệt trong nhận thức chức năng: “dạy chữ, dạy nghề, dạy người” trong đào tạo ĐHSP và chức năng, nhiệm vụ của trường THCS, của người giáo viên THCS. - Thực hiện xong đợt thực tập sư phạm 1, giáo sinh phải hình thành được những kỹ năng nghề nghiệp cơ bản trong dạy học, giáo dục, nghiên cứu khoa học, tạo tiền đề cho sự phát triển năng lực sư phạm của người giáo viên tương lai. 	03	<p>Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.</p>

289	Thực tập sư phạm	<p>Giúp giáo sinh nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò, ý nghĩa của giáo dục trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và những thành tựu trong công cuộc đổi mới toàn diện của đất nước, đặc biệt là của giáo dục và đào tạo.</p> <p>Giáo sinh có sự hiểu biết sâu sắc về mối quan hệ “sư phạm - phổ thông” trong công tác đào tạo giáo viên, nắm vững những quy định về nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của người giáo viên THCS để có thể hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao trong đợt thực tập sư phạm.</p> <p>Giáo sinh phải nắm vững toàn bộ nội dung chương trình thực tập sư phạm để làm tốt công tác chuẩn bị và triển khai có hiệu quả ở trường phổ thông.</p> <p>Tăng cường bồi dưỡng cho giáo sinh những kỹ năng hoạt động ngoại khoá và tham gia các hoạt động xã hội, tổ chức cuộc sống có văn hoá sư phạm trong cộng đồng.</p>	04	
290	Thực tế chuyên ngành	<p>- Đi thực tế chuyên môn là quá trình thâm nhập cuộc sống thực tế để đem những kiến thức đã được học tại trường, vận dụng vào việc ghi chép tài liệu, lấy tư liệu từ đời sống, rèn luyện khả năng chất lọc, tìm tòi những cái hay, cái đẹp của cuộc sống, phục vụ cho việc học tập và sáng tác mỹ thuật. Quá trình thực tế chuyên môn là không thể thiếu được đối với người sáng tác nghệ thuật. Đặc biệt, đối với sinh viên học mỹ thuật thì đi thực tế chuyên môn chính là sự khẳng định bản thân trong quá trình thâm nhập thực tế thông qua nghề nghiệp.</p>	03	Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
291	Thực hành SPMT tổng hợp	<p>Học phần này giúp sinh viên thực hành các bài tập sáng tác các tác phẩm Nghệ thuật tạo hình bằng ngôn ngữ Hội họa, Đồ họa với chất liệu tự chọn. Sinh viên được trang bị kiến thức và kỹ thuật thể hiện chất liệu, sáng tác được các tranh bố cục chủ đề tự chọn bằng chất liệu tự chọn. Hỗ trợ kỹ năng thị phạm trong quá trình rèn luyện các học phần chuyên ngành Sư phạm Mỹ thuật. Hỗ trợ khả năng định hướng phong cách sáng tạo Hội họa, Đồ họa.</p>	08	

292	Phân tích tác phẩm mỹ thuật	Sinh viên tích lũy được những nội dung nghiên cứu sâu sắc về cách phân tích các tác phẩm mỹ thuật tiêu biểu của Việt Nam và thế giới từ thời cổ đại đến hiện đại sau khi hoàn thành học phần.	02	Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau: + Điểm chuyên cần, thái độ :10% + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20% + Điểm thi kết thúc học phần: 70% - Thang điểm: 10
11	Bộ môn Lý luận âm nhạc			
293	Lịch sử âm nhạc phương Tây	- Cung cấp phương pháp lý luận, phương pháp tiếp cận, nghiên cứu nền âm nhạc các nước phương Tây từ thời Nguyên thủy đến nay. - Hiểu biết về lịch sử hình thành và vai trò xã hội của nền âm nhạc các nước phương Tây	3,0	Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau: + Điểm chuyên cần, thái độ :10% + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20% + Điểm thi kết thúc học phần: 70% - Thang điểm: 10
294	Lịch sử âm nhạc phương Đông	- Học phần giới thiệu tiến trình hình thành và phát triển nền âm nhạc phương Đông; Nghiên cứu và tìm hiểu những kiến thức cơ bản liên quan đến lý luận âm nhạc, thành tựu âm nhạc của nền âm nhạc phương Đông. - Một số tác giả sáng tác và tác phẩm tiêu biểu điển hình cho từng phong cách sáng tác (hình thức, thể loại âm nhạc), trường phái âm nhạc để định vị và nhận dạng quá trình phát triển có tính tích cực của nền âm nhạc phương Đông	3,0	
295	Âm nhạc truyền thống Việt Nam	Giúp SV nắm vững những kiến thức cơ bản và tổng quát về âm nhạc cổ truyền Việt Nam. Từ đó có thể nhận biết và phân biệt được đặc trưng một số loại nhạc khí tiêu biểu, một số thể loại dân ca và kịch hát cổ truyền phổ biến ở Việt Nam. Bước đầu làm quen với công tác sưu tầm các thể loại dân ca, góp phần gìn giữ, bảo tồn, phát huy những giá trị của nó phục vụ phát triển kinh tế, xã hội	2.0	

296	Phân tích tác phẩm âm nhạc	Trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan về nền âm nhạc thế giới, kiến thức cơ bản về Phân tích tác phẩm âm nhạc (hình thức Một đoạn đơn, Hai đoạn đơn, Ba đoạn đơn, phương pháp phân tích ca khúc, chùm ca khúc, tác giả ca khúc); Từ đó giúp cho sinh viên có khả năng áp dụng việc phân tích vào việc học tập các môn chuyên ngành...	03	<p>Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần, thái độ :10% + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20% + Điểm thi kết thúc học phần: 70% - Thang điểm: 10
297	Lý thuyết âm nhạc 1	Thông qua học phần, trang bị cho sinh viên: <ul style="list-style-type: none"> - Cao độ của âm thanh. - Trường độ. - Tiết tấu - Tiết nhịp và loại nhịp. Nhịp độ. - Quãng 	02	
298	Lý thuyết âm nhạc 2	Môn Lý thuyết âm nhạc cung cấp những kiến thức âm nhạc cơ bản về âm thanh, tiết tấu, quãng, điệu thức, hợp âm, tính chất họ hàng của các giọng...; thông qua lý thuyết và các bài tập thực hành, sinh viên sẽ nắm vững về các vấn đề cơ bản của âm nhạc. Đây là những kiến thức mang tính chất nền tảng giúp sinh viên có thể tiếp cận được tới những vấn đề sâu hơn về âm nhạc như hoà thanh, hình thức âm nhạc... Do vậy, Lý thuyết âm nhạc là môn học bắt buộc đối với các ngành học âm nhạc hiện nay tại các Học viện và các trường đào tạo Âm nhạc trên toàn quốc cũng như trên thế giới như. <ul style="list-style-type: none"> - Điệu thức và giọng. - Quãng trong các giọng trưởng và thứ - Xác định giọng – Dịch giọng – Chuyển giọng - Giai điệu - Ký hiệu cách diễn tấu - các dạng âm tô điểm - Giới thiệu sơ lược về lý thuyết âm nhạc truyền thống Việt Nam 	03	
299	Hoà âm 1	Đối với các tác phẩm âm nhạc, đặc biệt là các tác phẩm nhạc đàn, hoà âm là một trong những phương tiện biểu hiện rất quan trọng, là một yếu tố cấu thành, một bộ phận không thể thiếu trong tổng thể âm nhạc, nhất là âm nhạc thời nay.	02	

300	Hoà âm 2	Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức về: Chuyển giọng tạm; Các hợp âm át phụ và hạ át phụ - Chuyển giọng; Chuyển giọng công năng cấp I; Cách viết phần đệm đơn giản cho ca khúc; Hợp âm và cách viết phần đệm cho giai điệu trên thang 5 âm	02	
301	Nhạc khí phổ thông	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các loại nhạc khí phương Tây thuộc dàn nhạc giao hưởng và một số nhạc khí trong dàn nhạc dân tộc Việt Nam;	02	
302	Ký xướng âm 1	<p><i>* Phần xướng âm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định giọng, nhịp; đọc rải gam, trục gam lên và xuống, - Đọc lên xuống các loại quãng từ đơn giản đến phức tạp; - Giảng viên hướng dẫn sinh viên đọc, gõ các mẫu câu tiết tấu trong bài; - Phần bài tập đọc nhạc thì Giảng viên cho đọc tiết tấu riêng, cao độ riêng, lưu ý phần sắc thái của từng câu, sau đó cho ghép hoàn chỉnh bài. - Gọi cá nhân đọc bài (có thể từng câu, từng đoạn hoặc cả bài, cả lớp theo dõi đọc thầm để có thể đọc tiếp theo câu nhạc mà giảng viên yêu cầu). Có thể chia bài thành từng phần rồi gọi từng nhóm đọc theo các phần giảng viên yêu cầu,... - Giảng viên đọc mẫu hoặc đàn mẫu bài học; Giảng viên phân tích, đánh giá và nhận xét cuối cùng về chất lượng thực hiện và kết quả của buổi học; giao bài tập về nhà cho sinh viên luyện tập... <p><i>* Phân ghi âm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảng viên cho sinh viên nghe âm thanh mẫu theo đàn Piano, từ đó dùng phương pháp đọc bước lần lên, xuống để tìm âm đầu của giai điệu sau đó tiếp tục dùng phương pháp đọc liền bậc lên, xuống hoặc dựa vào các âm trong trục gam, hoặc dùng phương pháp đo quãng (từ học phần II), sau đó tìm âm chủ, từ đó tìm ra giọng chủ của bài. - Nếu cho biết giọng trước đối với học phần đầu, giảng viên cho sinh viên đọc rải gam, trục gam lên xuống, đọc các loại quãng theo yêu cầu của bài học, tiếp đến là phân ghi âm tiết tấu, ghi âm giai điệu của bài tập... 	02	

303	Ký xướng âm 2	<p>Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp đọc nhạc các bài giọng trưởng và thứ 2,3 dấu giáng; 3, 4 dấu thăng: + Đọc hợp âm chủ rải + Đọc rải gam + Đọc quãng + Thị xướng + Đọc, gõ tiết tấu + Đọc hoàn thiện các bài tập có tiết tấu phức tạp, có nhịp biến đổi. + Đọc hoàn thiện các bài có biến âm, các bài có quãng tăng, quãng giảm,... + Đọc các loại quãng. - Phương pháp ghi nhạc các bài giọng trưởng và thứ 2, 3 dấu giáng; 3, 4 dấu thăng. 	02	
304	Ký xướng âm 3	<p>-Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Phương pháp đọc nhạc các bài giọng trưởng và thứ 2,3 dấu giáng; 3, 4 dấu thăng: + Đọc hợp âm chủ rải + Đọc rải gam + Đọc quãng + Thị xướng + Đọc, gõ tiết tấu + Đọc hoàn thiện các bài tập có tiết tấu phức tạp, có nhịp biến đổi. + Đọc hoàn thiện các bài có biến âm, các bài có quãng tăng,quãng giảm,... + Đọc các loại quãng. - Phương pháp ghi nhạc các bài giọng trưởng và thứ 2, 3 dấu giáng; 3, 4 dấu thăng. 	02	<p>Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần, thái độ :10% + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20% + Điểm thi kết thúc học phần: 70% - Thang điểm: 10

305	Ký xướng âm 4	<p>Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Phương pháp đọc nhạc các bài giọng trưởng và thứ 4 dấu giáng; 6, 7 dấu thăng: + Đọc hợp âm chủ rải + Đọc rải gam + Đọc quãng + Thị xướng + Đọc, gõ tiết tấu + Đọc hoàn thiện các bài tập có tiết tấu phức tạp, có nhịp biến đổi. + Đọc hoàn thiện các bài có biến âm, các bài có quãng tăng, quãng giảm,... + Đọc các loại quãng. + Xướng âm khóa Đô; Xướng âm 2 bè - Phương pháp ghi nhạc các bài giọng trưởng và thứ 4 dấu giáng; 6, 7 dấu thăng 		
306	Ký xướng âm 5	<ul style="list-style-type: none"> - Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp đọc nhạc như: + Đọc hợp âm chủ rải + Đọc rải gam + Đọc quãng + Thị xướng + Đọc, gõ tiết tấu + Xướng âm hoàn thiện các bài tập có tiết tấu phức tạp, có nhịp biến đổi. + Xướng âm hoàn thiện các bài có biến âm, các bài có quãng tăng, quãng giảm,... +Đọc các loại quãng. 	02	

307	Ký xướng âm 6	<p>Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp đọc, ghi nhạc như:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc hợp âm chủ rãi; Đọc rãi gam; Đọc quãng; Thị xướng; Đọc, gõ tiết tấu - Xướng âm hoàn thiện các bài tập có tiết tấu phức tạp, có nhịp biến đổi. - Xướng âm hoàn thiện các bài có biến âm, các bài có quãng tăng, quãng giảm,... - Đọc các loại quãng. - Ghi âm một hoặc hai bè các giọng dur, moll (Hòa thanh, Giai điệu) có hoặc không có biến âm,... 	02	<p>Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần, thái độ :10% + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20% + Điểm thi kết thúc học phần: 70% <p>- Thang điểm: 10</p>
308	Tin học chuyên ngành	<p>Giúp SVHS cài đặt và sắp xếp các thanh công trên giao diện của chương trình chép nhạc Encore 4.5.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giúp SVHS hiểu tác dụng của các thanh công cụ cũng như trình đơn của Encore 4.5. - Sử dụng thành thạo phần mềm Encore 4.5 	02	
13	Bộ môn Thanh nhạc			
309	Thanh nhạc 1	<p>Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ thuật thanh nhạc gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao kỹ thuật về hơi thở, khẩu hình và vị trí âm thanh. - Nâng cao kỹ thuật hát liền giọng, hát nảy, hát lướt. 	02	<p>- Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm điểm trung bình cộng của hai tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.</p> <p>- Thang điểm: 10</p>
310	Thanh nhạc 2	<p>Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ thuật thanh nhạc gồm:</p> <p>Phương pháp hát chuyển giọng, thống nhất vị trí âm thanh, âm sắc với các nguyên âm khác nhau.</p> <p>Vận dụng các kỹ thuật kỹ năng vào các bài luyện thanh(Vocalise) và các tác phẩm Thanh nhạc</p>	02	

311	Thanh nhạc 3	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ thuật thanh nhạc gồm: - Tiếp tục phát triển những yêu cầu về kỹ thuật và nghệ thuật hát. - Mở rộng dần về âm vực và tính chất linh hoạt của giọng hát.	02	
312	Thanh nhạc 4	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ thuật thanh nhạc gồm: - Phương pháp hát chuyên giọng, thống nhất vị trí âm thanh, âm sắc với các nguyên âm khác nhau. - Áp dụng các kỹ thuật vào các tác phẩm thanh nhạc với những yêu cầu phức tạp hơn, mở rộng hơn ở nhiều mặt. Hướng dẫn sinh viên tự luyện thanh và tập bài hát.	02	
313	Thanh nhạc 5	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ thuật thanh nhạc gồm: - Tiếp tục nâng cao giải quyết các kỹ thuật cơ bản để trở thành thói quen đúng như hơi thở, vị trí âm thanh. - Tiếp tục nâng cao các kỹ thuật hát Legato, Staccato, Passage	02	
314	Thanh nhạc 6	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ thuật thanh nhạc gồm: - Nâng cao phát triển mở rộng âm vực, kỹ thuật âm thanh đóng tiếng của giọng nam ở các âm khu cao của giọng hát. - Xây dựng tác phẩm với nhiều phong cách khác nhau, hình thành thẩm mỹ nghệ thuật; tăng cường khả năng tự rèn luyện của Sinh viên.	02	
315	Thanh nhạc 7	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ thuật thanh nhạc gồm: - Nâng cao và hoàn thiện các kỹ thuật thanh nhạc - Nâng cao các kỹ thuật hát và phát triển âm vực của giọng hát.		
316	Thanh nhạc 8	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kỹ thuật thanh nhạc gồm: - Nâng cao và hoàn thiện về kỹ thuật xử lý tác phẩm - Hoàn thiện xử lý tác phẩm với sự nhuần nhuyễn của các kỹ thuật Thanh nhạc đã học để chuẩn bị chương trình thi Tốt nghiệp	02	

317	Hợp xướng 1	<p>- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp hát và biểu diễn các tác phẩm hợp xướng từ đơn giản (hai bè) đến tương đối phức tạp (ba bè).</p> <p>- Sinh viên nắm được những kiến thức tổng quát về nghệ thuật hát hòa giọng và các phương pháp dàn dựng thể loại hợp xướng</p>	02	
318	Hợp xướng 2	<p>Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp hát và biểu diễn các tác phẩm hợp xướng 4 bè.</p> <p>- Sinh viên nắm được những kiến thức tổng quát về nghệ thuật hát hòa giọng và các phương pháp dàn dựng thể loại hợp xướng.</p>	02	
319	Múa - Khiêu vũ	<p>Múa dân gian trang bị cho sinh viên những kiến thức về những động tác múa của các dân tộc Việt Nam như: Kinh, Tày, Mông, Thái, Các dân tộc Tây Nguyên, Khơme.</p> <p>- Giúp SV nắm được những kiến thức cơ bản về những động tác múa cơ bản của các dân tộc Việt Nam từ đó có thể tổ chức tốt các hoạt động văn nghệ trong nhà trường phổ thông và trong hoạt động nghệ thuật</p>	04	<p>- Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau: + Điểm chuyên cần, thái độ :10% + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20% + Điểm thi kết thúc học phần: 70% - Thang điểm: 10</p>
320	Kỹ thuật diễn viên	<p>Luyện tập cho sinh viên những bài tập về kỹ thuật cơ bản về thể nghiệm tâm lý và tạo hình (hình thể) trên sân khấu thông qua những tình huống kịch và biểu diễn thanh nhạc: Romance; Opera; Ca khúc Việt Nam.</p>	03	

321	Phương pháp sư phạm Thanh nhạc	Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về lý luận phương pháp dạy học thanh nhạc, bao gồm: Hơi thở, khẩu hình, phân loại giọng, vị trí âm thanh; tiêu chuẩn âm thanh sau vị trí âm thanh	02	
322	Thực tập nghề nghiệp thường xuyên trong trường	Trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng hợp cơ bản về kỹ thuật Thanh nhạc để thực hành biểu diễn với các hình thức và thể loại khác nhau nhằm ứng dụng vào thực tiễn trong hoạt động nghề nghiệp biểu diễn thường xuyên tại trường	04	Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau: + Điểm trung bình cộng của các tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành. - Thang điểm: 10 - Hình thức kiểm tra: Biểu diễn thực hành Sân khấu.
323	Thực tập nghề nghiệp ngoài trường	Trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng hợp cơ bản về kỹ thuật Thanh nhạc để thực tập thực hành biểu diễn với các hình thức và thể loại khác nhau nhằm ứng dụng vào thực tiễn trong hoạt động nghề nghiệp biểu diễn ngoài trường	04	Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau: + Điểm trung bình cộng của các tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành. - Thang điểm: 10 - Hình thức kiểm tra: Biểu diễn thực hành Sân khấu.

324	Chương trình biểu diễn cuối khoá	Hướng dẫn Sinh viên hoàn thiện các tác phẩm Thanh nhạc nằm trong chương trình biểu diễn cuối khoá, giúp các em hoàn thiện các kỹ thuật Thanh nhạc cơ bản, thể hiện các tác phẩm một cách nhuần nhuyễn và chuyên nghiệp, đáp ứng chuẩn đầu ra của ngành học	08	- Hình thức kiểm tra: Biểu diễn thực hành Sân khấu.(Cá nhân) bài Romance cổ điển., ca khúc đương đại. 3 ca khúc nghệ thuật Việt Nam; 1 bài dân ca Việt Nam..
14	Bộ môn Nhạc cụ			
325	Piano 1	Nắm vững được những lý luận cơ bản về yêu cầu thể hiện và phương pháp tập luyện các tác phẩm âm nhạc ở mức độ đơn giản. - Giúp SV bước đầu nắm được một số tính năng cũng như kỹ thuật cơ bản về Đàn PIANO, từ đó có thể độc tấu và hoà tấu được một số tác phẩm âm nhạc ở mức độ đơn giản.		- Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau: +Điểm chuyên cần, thái độ :10% + Điểm các bài thực hành tín chỉ:
326	Piano 2	Nắm vững được những lý luận cơ bản về yêu cầu thể hiện và phương pháp tập luyện các tác phẩm âm nhạc ở mức độ đơn giản. - Giúp SV bước đầu nắm được một số tính năng cũng như kỹ thuật cơ bản về Đàn PIANO, từ đó có thể độc tấu và hoà tấu được một số tác phẩm âm nhạc ở mức độ đơn giản.	02	20% + Điểm thi kết thúc học phần (thi viết, trắc nghiệm, vấn đáp): 70% -Thang điểm:10
327	Nhạc cụ 1	Trang bị thêm cho sinh viên một số kỹ năng, kỹ thuật cũng như kiến thức về đàn phím điện tử. Giúp cho sinh viên có thể vận dụng kiến thức để đệm và tự soạn đệm được các ca khúc trong chương trình Hát nhạc bậc Trung học cơ sở và Tiểu học, các bài hát tập thể, đồng thời có thể độc tấu và hoà tấu được một số tác phẩm âm nhạc ở mức độ vừa phải.	02	

328	Nhạc cụ 2	Trang bị thêm cho sinh viên một số kỹ năng, kỹ thuật cũng như kiến thức về đàn phím điện tử. Giúp cho sinh viên có thể vận dụng kiến thức để đệm và tự soạn đệm được các ca khúc trong chương trình Hát nhạc bậc Trung học cơ sở và Tiểu học, các bài hát tập thể, đồng thời có thể độc tấu và hoà tấu được một số tác phẩm âm nhạc ở mức độ vừa phải.	02	
329	Nhạc cụ 3	Nắm vững được những lý luận cơ bản về yêu cầu thể hiện và phương pháp tập luyện các tác phẩm âm nhạc ở mức độ đơn giản. - Giúp SV bước đầu nắm được một số tính năng cũng như kỹ thuật cơ bản về Đàn phím điện tử, từ đó có thể độc tấu và hoà tấu được một số tác phẩm âm nhạc ở mức độ đơn giản	3.0	
14	Bộ môn hội họa			
330	Lịch sử mỹ thuật thế giới	Sinh viên tích lũy được những nội dung nghiên cứu sâu sắc về mỹ thuật thế giới từ thời nguyên thủy đến hiện đại; qua đó sinh viên cần nắm bắt được đặc trưng, thể loại, phong cách của mỗi trường phái nghệ thuật tạo hình sau khi hoàn thành học phần.	03	<p>Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần, thái độ :10% + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20% + Điểm thi kết thúc học phần (thi viết, trắc nghiệm, vấn đáp): 70% - Thang điểm: 10
331	Lịch sử mỹ thuật Việt Nam	Cung cấp phương pháp lý luận, phương pháp tiếp cận, nghiên cứu về Mỹ thuật Việt Nam truyền thống một cách tổng quát. - Hiểu biết về lịch sử hình thành, nội dung, hình thức và vai trò xã hội của Mỹ thuật Việt Nam.	02	
332	Mỹ thuật cơ bản	Giúp sinh viên có hướng phát triển là sự kết nối với môn nghệ thuật học, mỹ học, trong quá trình nghiên cứu lịch sử mỹ thuật trong cách tiếp cận đa ngành.	02	
332	Giải phẫu tạo hình	Trang bị cho SV những kiến thức cơ bản về Giải phẫu cơ thể người (tỷ lệ, cấu trúc xương và cơ toàn thân người). SV nắm được phương pháp học tập và nghiên cứu giải phẫu trong nghệ thuật tạo hình sau khi hoàn thành học phần	02	

334	Luật xa gần	<p>- Môn học cung cấp phương pháp lý luận, phương pháp nghiên cứu về không gian thực tại.</p> <p>- Trang bị kiến thức cơ bản về quy luật của tự nhiên, những yếu tố tác động tới sự xuất hiện và thay đổi hình ảnh của các vật thể trong phối cảnh. Phương pháp thể hiện không gian ba chiều trên mặt phẳng hai chiều</p>	02	Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành
335	Lý thuyết Bố cục	Trang bị cho sinh viên các nguyên tắc và quy luật về bố cục; sử dụng được các yếu tố tạo hình như: đường nét, hình thể, màu sắc, để bố cục một tác phẩm có ý tưởng, có cảm xúc của người vẽ. Từ những hiểu biết về một số phương pháp bố cục cơ bản đó, sinh viên sẽ có những sáng tạo riêng.	02	
336	Hình họa 1: Tượng chân dung và tượng bán thân nam, nữ (Chất liệu chì đen)	Học phần này giúp sinh viên bước đầu làm quen với hình họa nghiên cứu cơ thể con người qua các bài hình họa nghiên cứu tượng chân dung và bán thân người. Rèn luyện các kỹ thuật sử dụng chất liệu chì đen trên giấy croqui, rèn luyện các phương pháp và kỹ năng nghiên cứu trong môn học Hình họa, đạt yêu cầu hiểu và mô tả sâu được các mẫu tượng theo chương trình học phần. Qua đó hiểu thêm về cơ thể con người để ứng dụng trong các bài tập sáng tác nghệ thuật Hội họa	02	
337	Hình họa 2: Chân dung người và bán thân nam, nữ (Chất liệu chì đen)	Học phần này giúp sinh viên nâng cao khả năng hình họa nghiên cứu cơ thể con người qua các bài nghiên cứu chân dung và bán thân người. Rèn luyện các kỹ thuật sử dụng chất liệu chì đen trên giấy croqui, rèn luyện các phương pháp và kỹ năng nghiên cứu trong môn học Hình họa, đạt yêu cầu hiểu và mô tả sâu được các chân dung và bán thân mẫu người theo chương trình học phần. Qua đó hiểu thêm về cơ thể con người để ứng dụng trong các bài tập sáng tác nghệ thuật Hội họa.	02	

338	Hình họa 3: Toàn thân nam, nữ khóa thân 1 (Chất liệu than vẽ)	Học phần này giúp sinh viên rèn luyện nâng cao khả năng hình họa nghiên cứu cơ thể con người qua các bài nghiên cứu toàn thân cơ thể người khỏa thân. Rèn luyện các kỹ thuật sử dụng chất liệu than vẽ trên giấy croqui, rèn luyện các phương pháp và kỹ năng nghiên cứu trong môn học Hình họa, đạt yêu cầu hiểu và mô tả sâu được toàn thân mẫu người theo chương trình học phần. Qua đó hiểu thêm về cơ thể con người để ứng dụng trong các bài tập sáng tác nghệ thuật Hội họa.	02	
339	Hình họa 3: Toàn thân nam, nữ khóa thân 1 (Chất liệu than vẽ)	Giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng thực hành các bài tập hình họa nghiên cứu toàn thân cơ thể người bằng chất liệu than vẽ trên giấy croqui,... để ứng dụng trong sáng tác tác phẩm Nghệ thuật tạo hình. Rèn luyện kỹ thuật sử dụng chất liệu, rèn luyện kỹ năng vẽ hình họa nghiên cứu	02	
340	Hình họa 3: Toàn thân nam, nữ khóa thân 1 (Chất liệu than vẽ)	Giúp sinh viên hiểu và ứng dụng các kỹ thuật sử dụng chất liệu, các phương pháp và kỹ năng nghiên cứu trong môn học Hình họa, đạt yêu cầu hiểu kỹ và mô tả được cơ thể con người, áp dụng vào sáng tạo nghệ thuật Hội họa.	02	
341	Hình họa 3: Toàn thân nam, nữ khóa thân 1 (Chất liệu than vẽ)	Giúp sinh viên thực hành được các bài tập hình họa nghiên cứu cơ thể con người bằng các chất liệu Hội họa như chì đen, chì than, than vẽ, sơn dầu,... để ứng dụng trong sáng tạo Nghệ thuật tạo hình.	02	
342	Hình họa 4: Tĩnh vật phức hợp và bán thân bán thân nam, nữ (Chất liệu sơn dầu)	Học phần này giúp sinh viên rèn luyện nâng cao khả năng hình họa nghiên cứu qua các bài nghiên cứu tĩnh vật và bán thân người. Rèn luyện các kỹ thuật sử dụng chất liệu sơn dầu trên vải, rèn luyện các phương pháp và kỹ năng nghiên cứu trong môn học Hình họa, đạt yêu cầu hiểu và mô tả sâu được các phức hợp tĩnh vật và bán thân mẫu người theo chương trình học phần. Qua đó hiểu thêm về cơ thể con người để ứng dụng trong các bài tập sáng tác nghệ thuật Hội họa.	02	

343	Hình họa 4: Tĩnh vật phức hợp và bán thân nam, nữ (Chất liệu sơn dầu)	Giúp sinh viên hiểu và ứng dụng các kỹ thuật sử dụng chất liệu, các phương pháp và kỹ năng nghiên cứu trong môn học Hình họa, đạt yêu cầu hiểu kỹ và mô tả được cơ thể con người, áp dụng vào sáng tạo nghệ thuật Hội họa.	02	
344	Hình họa 4: Tĩnh vật phức hợp và bán thân bán thân nam, nữ (Chất liệu sơn dầu)	Giúp sinh viên thực hành được các bài tập hình họa nghiên cứu cơ thể con người bằng các chất liệu Hội họa như chì đen, chì than, than vẽ, sơn dầu,... để ứng dụng trong sáng tạo Nghệ thuật tạo hình.	02	
345	Hình họa 4: Tĩnh vật phức hợp và bán thân nam, nữ (Chất liệu sơn dầu)	Giúp sinh viên hiểu và ứng dụng các kỹ thuật sử dụng chất liệu, các phương pháp và kỹ năng nghiên cứu trong môn học Hình họa, đạt yêu cầu hiểu kỹ và mô tả được cơ thể con người, áp dụng vào sáng tạo nghệ thuật Hội họa.	02	
346	Hình họa 5: Toàn thân nam nữ khóa thân 2 (Chất liệu than, sơn dầu)	Học phần này giúp sinh viên rèn luyện nâng cao khả năng hình họa nghiên cứu cơ thể con người qua các bài nghiên cứu toàn thân cơ thể người khỏa thân. Rèn luyện các kỹ thuật sử dụng chất liệu than vẽ trên giấy croqui và sơn dầu trên vải, rèn luyện các phương pháp và kỹ năng nghiên cứu trong môn học Hình họa, đạt yêu cầu hiểu và mô tả sâu được toàn thân mẫu người theo chương trình học phần. Qua đó hiểu thêm về cấu trúc cơ thể con người để ứng dụng trong các bài tập sáng tác nghệ thuật Hội họa.	2.0	
347	Hình họa 5: Toàn thân nam nữ khóa thân 2 (Chất liệu than, sơn dầu)	Học phần này giúp sinh viên rèn luyện nâng cao khả năng hình họa nghiên cứu cơ thể con người qua các bài nghiên cứu toàn thân cơ thể người khỏa thân. Rèn luyện các kỹ thuật sử dụng chất liệu than vẽ trên giấy croqui và sơn dầu trên vải, rèn luyện các phương pháp và kỹ năng nghiên cứu trong môn học Hình họa, đạt yêu cầu hiểu và mô tả sâu được toàn thân mẫu người theo chương trình học phần. Qua đó hiểu thêm về cấu trúc cơ thể con người để ứng dụng trong các bài tập sáng tác nghệ thuật Hội họa.	2.0	

348	Hình họa 5: Toàn thân nam nữ khóa thân 2 (Chất liệu than, sơn dầu)	Giúp sinh viên thực hành được các bài tập hình họa nghiên cứu cơ thể con người bằng các chất liệu Hội họa như chì đen, chì than, than vẽ, sơn dầu,... để ứng dụng trong sáng tạo Nghệ thuật tạo hình.	02	
349	Hình họa 5: Toàn thân nam nữ khóa thân 2 (Chất liệu màu nước)	Giúp sinh viên hiểu và ứng dụng các kỹ thuật sử dụng chất liệu, các phương pháp và kỹ năng nghiên cứu trong môn học Hình họa, đạt yêu cầu hiểu kỹ và mô tả được cơ thể con người, áp dụng vào sáng tạo nghệ thuật Hội họa.	02	
350	Hình họa 6: Toàn thân nam nữ khóa thân 3 (Chất liệu than, sơn dầu)	Học phần này giúp sinh viên rèn luyện nâng cao và hoàn thiện khả năng hình họa nghiên cứu cơ thể con người qua các bài nghiên cứu toàn thân cơ thể người khóa thân. Rèn luyện nâng cao các kỹ thuật sử dụng chất liệu than vẽ trên giấy croqui và sơn dầu trên vải, rèn luyện các phương pháp và kỹ năng nghiên cứu trong môn học Hình họa, đạt yêu cầu hiểu và mô tả sâu được toàn thân mẫu người theo chương trình học phần. Qua đó hiểu thêm về cơ thể con người để ứng dụng trong các bài tập sáng tác nghệ thuật Hội họa	2.0	
351	Hình họa 6: Toàn thân nam nữ khóa thân 3 (Chất liệu than, sơn dầu)	Giúp sinh viên thực hành được các bài tập hình họa nghiên cứu cơ thể con người bằng các chất liệu Hội họa như chì đen, chì than, than vẽ, sơn dầu,... để ứng dụng trong sáng tạo Nghệ thuật tạo hình.	02	
352	Hình họa 6: Toàn thân nam nữ khóa thân 3 (Chất liệu than, sơn dầu)	Giúp sinh viên hiểu và ứng dụng các kỹ thuật sử dụng chất liệu, các phương pháp và kỹ năng nghiên cứu trong môn học Hình họa, đạt yêu cầu hiểu kỹ và mô tả được cơ thể con người, áp dụng vào sáng tạo nghệ thuật Hội họa.	02	

353	Hình họa 7: Toàn thân người mẫu đôi khóa thân (Than vẽ - Sơn dầu)	Học phần này giúp sinh viên rèn luyện nâng cao và hoàn thiện khả năng hình họa nghiên cứu cơ thể con người qua các bài nghiên cứu toàn thân mẫu đôi khóa thân. Rèn luyện nâng cao các kỹ thuật sử dụng chất liệu than vẽ trên giấy croqui và sơn dầu trên vải, rèn luyện các phương pháp và kỹ năng nghiên cứu trong môn học Hình họa, đạt yêu cầu hiểu và mô tả sâu được toàn thân mẫu người theo chương trình học phần. Qua đó hiểu thêm về cơ thể con người để ứng dụng trong các bài tập sáng tác nghệ thuật Hội họa	5.0	
354	Trang trí 1: Nghiên cứu thiên nhiên và xây dựng họa tiết	Giúp sinh viên nắm vững, hiểu sâu và ứng dụng thành thạo những kiến thức về trang trí trong các bài thực hành trang trí ứng dụng. Hiểu và nắm vững đặc điểm, tính chất đặc trưng của chất liệu, các kỹ thuật cơ bản sử dụng chất liệu, thành thạo các kỹ năng và phương pháp thực hành sáng tác những bài trang trí ứng dụng, thể nghiệm các khả năng xử lý thể hiện.	2.0	
355	Trang trí 2: Màu sắc và bố cục trang trí	Giúp sinh viên hiểu nội dung yêu cầu của từng bài và ứng dụng các phương pháp tư duy, kỹ thuật, kỹ năng đặc thù của các chất liệu để thể hiện các chủ đề trong đời sống xã hội vào sáng tạo bài mang ý nghĩa của các tác phẩm Nghệ thuật tạo hình bằng ngôn ngữ trang trí .	02	
356	Trang trí 3: Sáng tác tranh cổ động	- Cung cấp cho Sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về nghệ thuật trang trí Nghệ thuật đồ họa . Phương pháp tiến hành trang trí trên mặt phẳng xử lý đậm nhạt, màu sắc không gian	03	
357	Trang trí 4: Sáng tác tranh tĩnh vật, tranh phong cảnh, tranh đề tài (Bột màu)	- Giúp sinh viên nắm vững, hiểu sâu và ứng dụng thành thạo những kiến thức về trang trí trong các bài thực hành trang trí tĩnh vật và trang trí phong cảnh. Hiểu và nắm vững đặc điểm, tính chất đặc trưng của chất liệu, các kỹ thuật cơ bản sử dụng chất liệu, thành thạo các kỹ năng và phương pháp thực hành sáng tác những bài trang trí ứng dụng. - Sinh viên tiếp thu, nắm vững và rèn luyện kỹ thuật sử dụng chất liệu Bột màu từ thành thạo đến thuần thục, đạt hiệu quả thẩm mỹ trong bài vẽ trang trí ứng dụng.	02	

358	Bộ cục 1: Chất liệu Sơn mài - Cơ bản.	Học phần này giúp sinh viên thực hành các bài tập cơ bản sáng tác các tác phẩm Nghệ thuật tạo hình bằng ngôn ngữ Hội họa với chất liệu sơn mài. Sinh viên được trang bị kiến thức khái quát và những kỹ thuật cơ bản thể hiện chất liệu, chép được tranh dân gian, sáng tác được tranh bộ cục phong cảnh và tranh bộ cục chủ đề tự chọn bằng chất liệu sơn mài. Bước đầu định hướng phong cách sáng tạo Hội họa.	03	
359	Bộ cục 2: Chất liệu Sơn dầu, Lụa - Cơ bản	Học phần này giúp sinh viên thực hành các bài tập cơ bản sáng tác các tác phẩm Nghệ thuật tạo hình bằng ngôn ngữ Hội họa với chất liệu sơn dầu và lụa. Sinh viên được trang bị kiến thức khái quát và những kỹ thuật cơ bản thể hiện chất liệu, sáng tác được tranh tĩnh vật và tranh bộ cục phong cảnh bằng chất liệu sơn dầu và chất liệu lụa. Bước đầu định hướng phong cách sáng tạo Hội họa.	02	
360	Bộ cục 3: Chất liệu Sơn dầu - Chuyên sâu	Học phần này giúp sinh viên thực hành các bài tập sáng tác chuyên sâu các tác phẩm Nghệ thuật tạo hình bằng ngôn ngữ Hội họa với chất liệu sơn dầu. Sinh viên được trang bị kiến thức nâng cao và những kỹ thuật chuyên sâu thể hiện chất liệu, sáng tác được tranh bộ cục phong cảnh và tranh bộ cục chủ đề bằng chất liệu sơn dầu chuyên sâu. Hỗ trợ định hướng phong cách sáng tạo Hội họa.	04	
361	Bộ cục 4: Chất liệu Sơn mài - Chuyên sâu	Học phần này giúp sinh viên thực hành các bài tập sáng tác chuyên sâu các tác phẩm Nghệ thuật tạo hình bằng ngôn ngữ Hội họa với chất liệu sơn mài. Sinh viên được trang bị kiến thức nâng cao và những kỹ thuật chuyên sâu thể hiện chất liệu, sáng tác được tranh bộ cục phong cảnh và tranh bộ cục chủ đề bằng chất liệu sơn mài chuyên sâu. Hỗ trợ định hướng phong cách sáng tạo Hội họa.	04	
362	Bộ cục 5: Chất liệu Lụa - Chuyên sâu	Học phần này giúp sinh viên thực hành các bài tập sáng tác chuyên sâu các tác phẩm Nghệ thuật tạo hình bằng ngôn ngữ Hội họa với chất liệu lụa. Sinh viên được trang bị kiến thức nâng cao và những kỹ thuật chuyên sâu thể hiện chất liệu, sáng tác được tranh bộ cục phong cảnh và tranh bộ cục chủ đề bằng chất liệu lụa chuyên sâu. Hỗ trợ định hướng phong cách sáng tạo Hội họa.	04	

363	Đồ họa vi tính	Môn học Đồ họa vi tính cung cấp cho sinh viên kiến thức về kỹ thuật xử lý phần mềm đồ họa vi tính Corel Draw, Photoshop, Illustrator - phương tiện hỗ trợ tạo hình cho thiết kế đồ họa chuyên nghiệp. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng xác định mục tiêu, lựa chọn phương pháp, giải pháp tối ưu trong ứng dụng Corel Draw, Photoshop, Illustrator trong thiết kế in ấn, thiết kế đồ họa đa phương tiện và các đồ họa trực tuyến... thông qua các bài tập ở lớp và thực hành. Hướng dẫn sinh viên tham khảo, ý thức tìm hiểu nâng cao khả năng sử dụng phần mềm.	03	
364	Điều khắc	- Cung cấp cho sinh viên phương pháp, kỹ thuật thực hành điều khắc cơ bản thông qua các bài tập từ dễ đến khó, từ phù điêu đến tượng tròn. - Thông qua môn học điều khắc luân phiên (không chuyên ngành điều khắc) sinh viên nâng cao năng lực về tạo hình, khối trong không gian thực.	02	
365	Trang trí 1 (Trang trí cơ bản)	Giúp sinh viên nắm vững, hiểu sâu và ứng dụng thành thạo những kiến thức về trang trí trong các bài thực hành trang trí ứng dụng. Hiểu và nắm vững đặc điểm, tính chất đặc trưng của chất liệu, các kỹ thuật cơ bản sử dụng chất liệu, thành thạo các kỹ năng và phương pháp thực hành sáng tác những bài trang trí ứng dụng, thể nghiệm các khả năng xử lý thể hiện.	02	
15	Bộ môn Đồ họa			
366	Nghiên cứu thiên nhiên	- Học phần giới thiệu hệ thống kiến thức cơ bản giúp SV nắm được những nguyên tắc của bộ màu cơ bản, các yếu tố cơ bản của bố cục tạo hình nhằm giúp cho sinh viên có cái nhìn tổng thể về màu sắc trong thiết kế Đồ họa - Học phần giúp các sinh viên có cảm nhận tốt nhất về màu sắc, bố cục... nhằm hỗ trợ cho các thiết kế sau này như: tạo dáng các sản phẩm mỹ thuật công nghiệp, vẽ kiểu mẫu thời trang, đồ họa, nội thất ...v.v... - Sinh viên rèn luyện những kỹ thuật cơ bản sử dụng bút chì, bút sắt, bút kim để diễn tả, ghi chép thực tế	03	Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành

367	Cơ sở tạo hình 1 <i>Nghiên cứu cơ sở</i>	<p>Học phần giới thiệu hệ thống kiến thức cơ bản giúp SV nắm được những nguyên tắc của bộ màu cơ bản, các yếu tố cơ bản của bố cục tạo hình nhằm giúp cho sinh viên có cái nhìn tổng thể về màu sắc trong thiết kế Đồ họa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học phần giúp các sinh viên có cảm nhận tốt nhất về màu sắc, bố cục... nhằm hỗ trợ cho các thiết kế sau này như: tạo dáng các sản phẩm mỹ thuật công nghiệp, vẽ kiểu mẫu thời trang, đồ họa, nội thất ...v.v... - Sinh viên rèn luyện những kỹ thuật cơ bản sử dụng bút chì, bút sắt, bút kim để diễn tả, ghi chép thực tế 	2.0	Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành
368	Cơ sở tạo hình 2 <i>Bố cục tạo hình cơ bản</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Học phần giới thiệu hệ thống kiến thức cơ bản giúp SV nắm được những nguyên tắc của bộ màu cơ bản, các yếu tố cơ bản của bố cục tạo hình nhằm giúp cho sinh viên có cái nhìn tổng thể về màu sắc trong thiết kế Đồ họa - Học phần giúp các sinh viên có cảm nhận tốt nhất về màu sắc, bố cục... nhằm hỗ trợ cho các thiết kế sau này như: tạo dáng các sản phẩm mỹ thuật công nghiệp, vẽ kiểu mẫu thời trang, đồ họa, nội thất ...v.v... - Sinh viên rèn luyện những kỹ thuật cơ bản sử dụng bút chì, bút sắt, bút kim để diễn tả, ghi chép thực tế. 	2.0	
369	Cơ sở tạo hình 3 <i>Bố cục hình khối</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Học phần giới thiệu hệ thống kiến thức cơ bản giúp SV nắm được những nguyên tắc của bộ màu cơ bản, các yếu tố cơ bản của bố cục tạo hình nhằm giúp cho sinh viên có cái nhìn tổng thể về màu sắc trong thiết kế Đồ họa - Học phần giúp các sinh viên có cảm nhận tốt nhất về màu sắc, bố cục, không gian, ánh sáng... nhằm hỗ trợ cho các thiết kế sau này như: tạo dáng các sản phẩm mỹ thuật công nghiệp, vẽ kiểu mẫu thời trang, đồ họa, nội thất ...v.v... - Sinh viên rèn luyện những kỹ thuật cơ bản sử dụng bút chì, bút sắt, bút kim, cọ vẽ... để diễn tả, ghi chép thực tế 	2.0	

370	Sáng tác Thiết kế 1 - <i>Tranh khắc</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Biết thực hành các thể loại tranh khắc - Giới thiệu chất liệu khắc gỗ. Ngôn ngữ tạo hình đặc trưng của tranh khắc. - Nâng cao kiến thức và kỹ năng sử dụng nét. - Trang bị những kiến thức cơ bản về loại hình tranh khắc, trở, những kiến thức mỹ thuật cơ bản.(thông qua bài tập: từ ký họa đến hình thành phác thảo). Giúp sinh viên nắm bắt sơ lược lịch sử, đặc điểm, ngôn ngữ tạo hình, phương pháp sáng tác loại hình tranh khắc, trở 	3.0	
371	Sáng tác Thiết kế 2 - <i>Bìa sách, Minh họa, Thiết kế tạp chí, dàn trang</i>	<ul style="list-style-type: none"> -Trang bị kiến thức cơ bản về thiết kế bìa sách, thiết kế đầu báo, minh họa,... - Giúp sinh viên hiểu thêm một dạng ngôn ngữ đồ họa 2 chiều, phát huy sự hiểu biết tính độc lập sáng tạo. Sinh viên phải nghiên cứu nhiều các nền văn hóa các dân tộc Việt Nam, thế giới, tham khảo các mẫu bìa sách, bìa tạp chí, tem thư bưu chính.. trên thư viện trường, thư viện tỉnh các đại lý sách khác,.. - Trang bị cho sinh viên kiến thức để thiết kế được một bìa sách, -Qua bài học này sinh viên phải thiết kế được một bìa sách, bìa tạp chí đẹp. 	4.0	
372	Sáng tác Thiết kế 3 - <i>Lịch</i>	Học phần này giúp cho sinh viên nắm rõ bản chất của các loại lịch và phương pháp kết hợp một cách hài hòa giữa hai yếu tố cơ bản giữa phần thiết kế và phần hình ảnh..	2.0	
373	Sáng tác <i>Logo</i>	<ul style="list-style-type: none"> -Giúp sinh viên nắm được các kỹ thuật cơ bản trong sáng tác thiết kế đồ họa tờ rơi, catalogue,... Quy cách và tiêu chuẩn cho từng loại sản phẩm. - Sinh viên rèn luyện những kỹ thuật cơ bản để thực hiện ý tưởng thiết kế trên máy vi tính thông qua các phần mềm đồ họa. - Giúp sinh viên có khả năng thiết kế đồ họa tờ rơi, catalogue,... cảm thụ thẩm mỹ cũng như khả năng quan sát, tư duy trừu tượng để người đọc, người xem dễ hiểu. 	2.0	
374	Sáng tác Thiết kế 5 - <i>Bao bì</i>	Đặc điểm kiến thức mới: Trang bị những kiến thức khái quát, cơ bản về thiết kế bao bì	2.0	

374	Sáng tác Thiết kế 8 - <i>Thiết kế đồng bộ sản phẩm</i>	Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức về tính đồng bộ của sản phẩm đồ họa (nhận diện thương hiệu). Trong đó tập trung nghiên cứu về phương pháp thiết kế bộ sản phẩm đồ họa thông qua ngôn ngữ nghệ thuật, các yếu tố tạo hình, xây dựng ý tưởng và áp dụng nghệ thuật chữ cho đối tượng thiết kế	2.0	
375	Sáng tác Thiết kế 6 - <i>Tranh cổ động, Poster</i>	- Cung cấp cho Sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về nghệ thuật trang trí Nghệ thuật đồ họa . Phương pháp tiến hành trang trí trên mặt phẳng xử lý đậm nhạt, màu sắc không gian	3.0	
376	Sáng tác Thiết kế 7 - <i>Brochure, Catalogue</i>	-Giúp sinh viên nắm được các kỹ thuật cơ bản trong sáng tác thiết kế đồ họa tờ rơi, catalogue,... Quy cách và tiêu chuẩn cho từng loại sản phẩm. - Sinh viên rèn luyện những kỹ thuật cơ bản để thực hiện ý tưởng thiết kế trên máy vi tính thông qua các phần mềm đồ họa. - Giúp sinh viên có khả năng thiết kế đồ họa tờ rơi, catalogue,... cảm thụ thẩm mỹ cũng như khả năng quan sát, tư duy trừu tượng để người đọc, người xem dễ hiểu.	2.0	
377	Phát triển ý tưởng	- Trang bị những kiến thức khái quát, ngôn ngữ, các kỹ năng sử dụng bài học và ứng dụng để phát triển ý tưởng quảng cáo. - Phương pháp luyện nét, luyện mảng, sử dụng màu, xử lý đậm nhạt, Trang bị các kiến thức nền tảng ,về lý luận của môn học xây dựng ý tưởng - Phát hiện, kích thích bồi dưỡng những ý tưởng, xây dựng các giải pháp sáng tạo của sinh viên qua đó công nhận các công trình nghiên cứu các giá trị khoa học và thực tiễn của sinh viên, đồng thời góp phần tạo cầu nối quan trọng giữa giảng đường và thực tiễn đời sống. - Phát huy khả năng tư duy, sáng tạo, tạo sân chơi khoa học, trí tuệ và bổ ích cho sinh viên.	3.0	
378	Vẽ kỹ thuật	Cung cấp các khái niệm cơ bản cũng như cách thức trình bày, đọc hiểu một bản vẽ kỹ thuật.	2.0	

379	Đồ họa vi tính 1 (<i>Photoshop, Corel, Illustrator</i>)	Môn học Đồ họa vi tính cung cấp cho sinh viên kiến thức về kỹ thuật xử lý phần mềm đồ họa vi tính Corel Draw, Photoshop, Illustrator - phương tiện hỗ trợ tạo hình cho thiết kế đồ họa chuyên nghiệp. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng xác định mục tiêu, lựa chọn phương pháp, giải pháp tối ưu trong ứng dụng Corel Draw, Photoshop, Illustrator trong thiết kế in ấn, thiết kế đồ họa đa phương tiện và các đồ họa trực tuyến... thông qua các bài tập ở lớp và thực hành. Hướng dẫn sinh viên tham khảo, ý thức tìm hiểu nâng cao khả năng sử dụng phần mềm	3.0	
380	Nghệ thuật chữ	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm bắt phần lý luận thiết kế tạo dáng các kiểu chữ, nghệ thuật sử dụng chữ . -Phương pháp luyện nét, luyện mảng, sử dụng màu, xử lý đậm nhạt, xử lý không gian -Phương pháp phân tách mảng, cách điệu chữ. -Học phần này giúp cho Sinh viên hiểu và nắm bắt được sự ra đời và phát triển của các dạng chữ cơ bản và ứng dụng chữ La tinh vào các lĩnh vực của đời sống xã hội và các môn chuyên ngành mỹ thuật ứng dụng - Kết hợp các kiến thức về màu sắc nhằm sử dụng sáng tạo, linh hoạt các kiến thức này trong công việc sáng tác, thiết kế được tốt, đảm bảo được các yêu cầu về thẩm mỹ tạo hình và thông tin. - Thực hành bài tập trang trí chữ bằng nét (bút lông, bút sắt), xử lý hình, mảng, sử dụng màu, đậm nhạt, xử lý không gian trên một số tác phẩm bìa sách như thơ, văn học, truyện (tiểu thuyết, truyện ngắn), truyện tranh, báo, tạp chí, quảng cáo, bao bì, nhãn hiệu... - Sinh viên được học, rèn luyện kỹ năng nghề thông qua các bài học từ dễ đến khó, đơn giản đến phức tạp - Sinh viên được học và rèn luyện kỹ năng, phương pháp sử dụng kiểu chữ, chữ số vào từng nội dung, kích thước cụ thể 	3.0	

381	Đồ họa ảnh	<ul style="list-style-type: none"> - Giúp sinh viên nắm vững qui luật về bố cục, màu sắc, và các nguyên lý cơ bản về màu. Kỹ thuật xử lý trên máy ảnh, trên phần mềm đồ họa - Dựa trên hệ thống nhận thức các nguyên lý của hệ thống lý thuyết, học viên sẽ thể hiện những bài tập về sáng tác ảnh nghệ thuật năng sử dụng phần mềm. 	3.0	
382	Thiết kế giao diện Website	<ul style="list-style-type: none"> - Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về Internet, Website. Giúp sinh viên hiểu được nguyên tắc thiết kế một Website đơn giản sử dụng các phần thiết kế như Photoshop, Illustrator. 	2.0	
383	Ký họa	<ul style="list-style-type: none"> - Học phần cung cấp kiến thức và những kỹ năng từ cơ bản đến nâng cao trong ký họa. - Giúp sinh viên có được sự nhận thức và bồi dưỡng tình cảm thẩm mỹ và định hướng sáng tạo trong sáng tạo Nghệ thuật tạo hình chuyên ngành. 	2.0	
384	Thiết kế gian hàng, triển lãm hội chợ	<ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu cần đạt được về kiến thức và kỹ năng sau khi kết thúc học phần: Sau khi hoàn thành tốt học phần này sinh viên có khả năng suy luận và tư duy sáng tạo cho thiết kế các ứng dụng của chuyên ngành mình học. Thực hiện xử lý các phát sinh nảy sinh từ công việc 	2.0	Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau:
385	Bố cục sơn dầu	<ul style="list-style-type: none"> Học phần này giúp sinh viên thực hành các bài tập sáng tác chuyên sâu các tác phẩm Nghệ thuật tạo hình bằng ngôn ngữ Hội họa với chất liệu sơn dầu. Sinh viên được trang bị kiến thức nâng cao và những kỹ thuật chuyên sâu thể hiện chất liệu, sáng tác được tranh bố cục phong cảnh và tranh bố cục chủ đề bằng chất liệu sơn dầu chuyên sâu. Hỗ trợ định hướng phong cách sáng tạo Hội họa. 	4.0	<ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần, thái độ :10% + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20% + Điểm thi kết thúc học phần (thi viết, trắc nghiệm, vấn đáp): 70% - Thang điểm: 10
386	Lụa	<ul style="list-style-type: none"> Giúp sinh viên hiểu và ứng dụng các phương pháp tư duy, kỹ thuật, kỹ năng đặc thù của chất liệu lụa để thể hiện các bài tập sáng tác các tác phẩm Nghệ thuật tạo hình bằng ngôn ngữ Hội họa. 	2.0	Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
387	Đồ họa vi tính 2 (AutoCad 2D,3D)	<ul style="list-style-type: none"> Học phần giới thiệu hệ thống kiến thức tổng quát về phần mềm Autocad 2D, 3D giúp SV có khả năng vẽ bản vẽ kỹ thuật cơ khí, xây dựng trên máy tính - Áp dụng phần mềm 2D, 3D cho các bài học chuyên ngành sau này 	2.0	

388	Sáng tác Tranh trổ giấy	Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về sáng tác tranh trổ giấy, ứng dụng tranh trổ giấy vào sáng tác sản phẩm đồ họa ứng dụng. Nắm được ác biện pháp như phương thức gấp xếp lên nhau rồi cắt hoặc thủ pháp hình tượng.	2.0	Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau: + Điểm chuyên cần, thái độ :10% + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20% + Điểm thi kết thúc học phần (thi viết, trắc nghiệm, vấn đáp): 70% - Thang điểm: 10
389	Sơn mài	Giúp sinh viên hiểu và ứng dụng các phương pháp tư duy, kỹ thuật, kỹ năng đặc thù của chất liệu sơn mài để thể hiện các bài tập sáng tác các tác phẩm Nghệ thuật tạo hình bằng ngôn ngữ Hội họa.	2.0	Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
390	Bố cục tranh tổng hợp	Giúp sinh viên hiểu và ứng dụng các phương pháp tư duy, kỹ thuật, kỹ năng đặc thù của các chất liệu để thể hiện các chủ đề trong đời sống xã hội vào sáng tác các tác phẩm Nghệ thuật tạo hình bằng ngôn ngữ Hội họa.	8.0	
391	Thực tập nghề nghệ	+ Giúp sinh viên nắm được phương pháp khảo sát thực tế, lấy tư liệu. + Nắm được phương pháp lập đề án thiết kế sáng tác bằng văn bản, nghiên cứu hệ thống tư liệu đối tượng sáng tác. + Giúp sinh viên vận dụng các kiến thức đã học ở những học phần trước vào bài học thực hành cụ thể sáng tác tranh đồ họa - ứng dụng vào thiết kế sản phẩm đồ họa: Thiết kế lịch, bìa sách, tem,....	6.0	

392	Đồ án thiết kế đồ họa tổng hợp	<p>Đảm bảo cho sinh viên sau tốt nghiệp thành thạo để thực hiện thiết kế sản phẩm đồ họa.</p> <p>+ Thành thạo các phần mềm đồ họa và thiết kế các sản phẩm đồ họa</p> <p>+ Nắm vững kiến, kỹ năng, quy trình thiết kế các sản phẩm đồ họa ứng dụng vào thực tiễn sản xuất và tiêu dùng.</p> <p>+ Đủ điều kiện để thiết kế và sáng tác đồ họa ứng dụng, đáp ứng nhu cầu của xã hội về quảng cáo và khuyến chương sản phẩm.</p> <p>- Bồi dưỡng cảm xúc, cảm quan thẩm mỹ trong sáng tác sản phẩm đồ họa mang đậm chất Mỹ thuật công nghiệp ứng dụng trong đời sống. Biết trân trọng những giá trị thẩm mỹ cao đẹp của Chân, Thiện, Mỹ.</p>	8.0	
16	Bộ môn Thiết kế thời trang			
393	Lịch sử thời trang	<p>Cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quát về quá trình phát triển trang phục thế giới và trang phục Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử, sinh viên nhận biết được sự ảnh hưởng của các trào lưu nghệ thuật tới phong cách và thị hiếu thẩm mỹ thời trang qua các giai đoạn phát triển xã hội của nhân loại cũng như ở Việt Nam.</p> <p>Sinh viên nhận thức được quá trình hình thành phát triển và vẻ đẹp của trang phục qua các thời kỳ lịch sử phát triển của nghệ thuật làm cơ sở sáng tạo trong quá trình thực hiện ý tưởng và thiết kế thời trang.</p>	02	<p>Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau:</p> <p>+ Điểm chuyên cần, thái độ :10%</p> <p>+ Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20%</p> <p>+ Điểm thi kết thúc học phần (thi viết, trắc nghiệm, vấn đáp): 70%</p> <p>- Thang điểm: 10</p>
394	Vật liệu may mặc	<p>Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về công nghệ và vật liệu may mặc; nắm vững những nguyên tắc thiết kế kỹ thuật và cơ sở công nghệ sản xuất công nghiệp và cấu tạo, tính chất của các loại vật liệu sợi; hiểu được cấu tạo và tính chất của các loại phụ liệu may mặc.</p>	02	
395	Nhân trắc học- Cỡ số may mặc	<p>Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nhân trắc học; nắm vững cấu tạo cơ thể người, nhận biết được các dấu hiệu nhân trắc; nắm được các kích thước trên cơ thể người, xây dựng hệ thống cỡ số chuẩn.</p>	02	

396	Cơ sở lý luận thiết kế trang phục	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp cho sinh viên những nội dung nghiên về khái niệm và ý nghĩa của thiết kế thời trang. - Hệ thống lý luận cơ bản về sáng tác mỹ thuật ứng dụng nói chung và trong lĩnh vực thiết kế thời trang nói riêng. Đặc biệt là các khái niệm, quan hệ tạo hình, chất liệu, bản chất của cái đẹp trong thiết kế thời trang - Giúp sinh viên phương pháp tiếp cận, nghiên cứu các hiện tượng thời trang trong đời sống xã hội. 	02	
397	Thiết kế họa tiết trang trí vải và sản phẩm thời trang	Giới thiệu những kiến thức về nguyên lý cơ bản của nghệ thuật tạo hình, phong cách, phương pháp cách điệu, sáng tạo họa tiết, xây dựng bố cục trang trí trên các chủng loại vải phù hợp với các sản phẩm thời trang.	02	Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
398	Đồ họa thời trang - Phương pháp phác thảo mẫu đơn chiếc	Giới thiệu những kiến thức về tạo dáng cơ thể và phong cách trang phục trong thể hiện phác thảo mẫu vẽ thời trang; nắm bắt được kỹ thuật tả chất liệu mẫu trang phục, kỹ năng xây dựng bố cục phác thảo thể hiện ý tưởng sáng tạo bằng các phong cách đồ họa thời trang phục vụ cho quá trình tạo mẫu và thiết kế trang phục, đồng thời bồi dưỡng năng lực cảm thụ thẩm mỹ của sinh viên.	02	

399	Đồ họa thời trang - Phương pháp phác thảo nhóm mẫu	<p>Đưa ra phương pháp tìm nguồn cảm hứng, xây dựng biểu tượng cho bộ sưu tập nhóm mẫu.</p> <p>Bài học giúp SV nắm vững các nguyên tắc cơ bản để xây dựng bố cục nhóm mẫu trong phác thảo một bộ sưu tập thời trang.</p>	03	<p>- Học phần có cả lý thuyết và thực hành (tức là có tín chỉ lý thuyết và tín chỉ thực hành), thì điểm thi kết thúc học phần gồm 2 con điểm: điểm của bài thi đối với tín chỉ lý thuyết và điểm phần thực hành (đối với tín chỉ thực hành) làm trung bình chung</p>
400	Nguyên lý tạo dáng trang phục 2D	<p>Giúp sinh viên nắm vững các khái niệm về hình dáng, cấu trúc cơ thể người theo tỷ lệ chuẩn và hình dáng người trong thiết kế trang phục, các khái niệm thẩm mỹ về trang phục.</p> <p>Giúp sinh viên xây dựng mối quan hệ giữa hình dáng cấu trúc cơ thể người với cấu trúc trang phục.</p>	02	
401	Nguyên lý tạo dáng trang phục 3D	<p>- Học phần giới thiệu cho sinh viên kiến thức về nguyên lý bố cục khối không gian 3D; quan hệ cấu trúc khối không gian trong sự dịch chuyển sang các trạng thái bố cục; nhịp điệu, tỷ lệ, sự phân đoạn của khối biểu tượng trang phục trong tương quan với cấu trúc cơ thể người; cấu trúc cơ bản của cơ thể con người, vùng cử động của cơ thể và sự biến đổi của cấu trúc phù hợp; kỹ năng thiết kế trang phục nghệ thuật theo chủ đề.</p> <p>- Giúp sinh viên thực hành được các bài tập thiết kế trực tiếp trên manôquên bằng phương pháp cuộn xếp giấy để ứng dụng trong sáng tạo thiết kế thời trang.</p>	03	

402	Thiết kế Thời trang cho hình ảnh cá nhân	<p>- Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất để xây dựng một hình ảnh cho một nhân vật cụ thể dựa trên những:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hình dáng nhân vật + Cá tính nhân vật + Nghề nghiệp + Giới tính, lứa tuổi, sở thích..... <p>- Các bước tiến hành quy trình của một sản phẩm từ mẫu thiết kế dựng lên thành mẫu thật cho nhân vật đã được lựa chọn.</p>	03	
403	Thiết kế Thời trang trẻ em	<p>Học phần trang bị cho sinh viên phương pháp nghiên cứu tâm sinh lý, đặc điểm hình thể trẻ em các lứa tuổi; phương pháp nghiên cứu thiên nhiên tìm các yếu tố tạo hình (cấu trúc, màu sắc, phom dáng,...) cho quá trình tạo dáng trang phục trẻ em; kỹ thuật cắt may quần áo trẻ em</p> <p>Môn học tạo điều kiện cho sinh mở rộng nhận thức, hứng thú và say mê trong việc nghiên cứu học tập chuyên ngành.</p>	03	
404	Thiết kế bộ và đồng bộ trang phục công sở	<p>Học phần giới thiệu về sản phẩm may mặc; xu hướng mốt; bộ và đồng bộ trang phục công sở; phân loại đồng bộ trong sản xuất công nghiệp; sản xuất trong thời trang công nghiệp và đồ án sáng tác.</p> <p>Môn học tạo điều kiện cho sinh mở rộng nhận thức, hứng thú và say mê trong việc nghiên cứu học tập chuyên ngành.</p>	03	

405	Thiết kế bộ và đồng bộ trang phục dạ hội	Nhận thức thị trường thời trang dạ hội và phân khúc thị trường thời trang trên thế giới qua những tên tuổi lớn; nắm vững kỹ năng phát triển bộ dạ hội thành đồng bộ trang phục trong các sưu tập thời trang; phương pháp xác định và dự đoán xu hướng mốt.	03	Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
406	Thiết kế thời trang với nghệ thuật thủ công truyền thống	Vẽ đẹp nghệ thuật truyền thống trong thiết kế thời trang và phương pháp vận dụng những giá trị độc đáo của nghề thủ công truyền thống vào sáng tác thiết kế thời trang	03	
407	Công nghệ sản xuất sản phẩm may CN	Sinh viên nắm vững phương pháp xây dựng tài liệu chuẩn bị sản xuất cho mã hàng sản phẩm may công nghiệp	02	
408	Công nghệ cắt may sơ mi nam nữ	Sinh viên nắm vững phương pháp thiết kế kỹ thuật và cắt may các dạng sơ mi nam nữ.	03	
409	Công nghệ cắt may quần âu nam nữ	Sinh viên nắm vững phương pháp thiết kế kỹ thuật và cắt may các dạng quần âu nam nữ.	03	
410	Công nghệ cắt may váy-áo dài	Sinh viên nắm vững phương pháp thiết kế kỹ thuật và cắt may các dạng váy - áo dài.	03	
411	Công nghệ cắt may áo khoác ngoài nam nữ	Sinh viên nắm vững phương pháp thiết kế kỹ thuật và cắt may các dạng áo khoác ngoài.	04	

412	Thực tập cuối khóa	Hướng dẫn cho sinh viên nghiên cứu kiến thức cơ bản về hệ thống marketing nói chung và marketing thời trang nói riêng. Đồng thời nâng khả năng định hình về marketing thời trang trong thời đại công nghiệp, hội nhập. Trên cơ sở đó giúp cho sinh viên bao quát được xu hướng phát triển kỹ năng thiết kế thời trang sáng tạo, đồng thời nắm bắt được nền tảng kiến thức về kinh doanh, marketing trong ngành công nghiệp thời trang hiện đại.	06	
413	Đồ án thiết kế thời trang tổng hợp	Học phần tổng hợp kiến thức sinh viên đã học nghiên cứu bố cục nhóm mẫu trong phác thảo một bộ sưu tập thời trang, phát triển ý tưởng trong quảng cáo thời trang dựa trên những phương pháp đồ họa truyền thống và đương đại.	08	
17	Bộ môn Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành			
414	Quản trị học	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về quản trị trong tổ chức theo cách tiếp cận chức năng và ra quyết định quản trị.	03	Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau: + Điểm chuyên cần, thái độ :10% + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20% + Điểm thi kết thúc học phần (thi viết, trắc nghiệm, vấn đáp): 70% - Thang điểm: 10
415	Marketing	Học phần marketing còn giúp cho người học nắm bắt được 4 phối thức trong hoạch định, tổ chức và thực hiện một chiến lược marketing hỗn hợp (Marketing Mix): chiến lược phát triển sản phẩm (Product), chiến lược định giá sản phẩm (Price), chiến lược phân phối (Place), chiến lược xúc tiến hỗn hợp (Promotion) trong hoạt động marketing của doanh nghiệp.	02	

416	Kinh tế du lịch	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản và có hệ thống về hoạt động du lịch dưới góc độ kinh tế. Trên cơ sở đó sinh viên có thể hiểu rõ bản chất và rút ra được các quy luật hoặc tính quy luật vận động của các hiện tượng và các quan hệ kinh tế trong phạm vi ngành. Giúp người học có được tư duy và năng lực đánh giá, hoạch định được các vấn đề kinh tế mang tính chiến lược trong phạm vi ngành Du lịch.	03	
417	Quản trị dịch vụ	Học phần trang bị cho sinh viên những vấn đề lý luận cơ bản về đặc điểm của dịch vụ và thương mại dịch vụ, nội dung quản trị các nguồn lực dịch vụ, đặc điểm và nội dung quản trị cung và cầu dịch vụ, quy trình thực hiện quản trị quan hệ khách hàng trong dịch vụ, nội dung chiến lược phát triển dịch vụ	03	
418	Quản trị chất lượng dịch vụ	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị chất lượng dịch vụ (QTCLDV) trong tổ chức, doanh nghiệp..	03	
419	Quản trị nhân lực	Giúp sinh viên hiểu rõ vai trò then chốt của nguồn nhân lực và quản trị nguồn nhân lực trong các tổ chức. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và các công cụ cần thiết về quản lý con người trong doanh nghiệp. Nắm được những quan điểm và xu hướng mới trong quản trị nguồn nhân lực, hiểu được các chức năng quản trị nguồn nhân lực,	03	
420	Quản trị kinh doanh lễ hành	Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về kinh doanh lễ hành	02	

421	Thiết kế và điều hành tour	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được sự đa dạng của các tour du lịch, thành phần cấu thành tour du lịch. - Thiết kế và tính giá các tour du lịch từ đơn giản đến phức tạp. - Nắm được những công việc cơ bản của công tác điều hành du lịch. Cập nhật các nhà cung cấp dịch vụ và đặt được các dịch vụ cho tour du lịch. - Nắm được sự đa dạng của các tình huống phát sinh trong công tác điều hành tour du lịch và biết giải quyết một số tình huống cơ bản trong điều hành du lịch. 	03	
422	Quản trị thương hiệu	<ul style="list-style-type: none"> -Vai trò của thương hiệu trong kinh doanh, khái niệm tài sản thương hiệu và những lợi ích của việc tạo lập một thương hiệu mạnh; -Phương thức xây dựng và tạo lập tài sản thương hiệu, thiết kế và lựa chọn các thành tố thương hiệu, khuếch trương thương hiệu thông qua các chương trình marketing; -Phương pháp đánh giá thương hiệu và cách thức tiến hành đánh giá thương hiệu; -Các chiến lược xây dựng thương hiệu và điều chỉnh chiến lược xây dựng thương hiệu theo thời gian; -Bảo vệ thương hiệu và khai thác thương hiệu thông qua nhượng quyền thương mại. 	03	

423	Quản trị chiến lược	<p>Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về những nguyên lý quản trị chiến lược và sự vận dụng thực tiễn doanh nghiệp của nó như: Những khái niệm cơ bản về chiến lược và quản trị chiến lược các mô hình quản trị chiến lược, nguyên lý quản trị chiến lược của doanh nghiệp bao gồm: Hoạch định chiến lược; tổ chức thực hiện chiến lược; đánh giá, kiểm soát và điều chỉnh, thay đổi chiến lược của doanh nghiệp dưới những điều kiện môi trường, thị trường và nguồn nhân lực xác định của doanh nghiệp</p>	03	
424	Quản trị dự án	<p>Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về những nguyên lý quản trị dự án và sự vận dụng trong thực tiễn doanh nghiệp như: Trình bày các khái niệm về dự án, quản trị dự án và các cấu trúc tổ chức để quản trị dự án; Phân tích vai trò, trách nhiệm và các kỹ năng, phẩm chất cần phải có của nhà quản trị dự án; Phân tích các phương pháp đánh giá, so sánh lựa chọn dự án; Phân tích các phương pháp hoạch định, lập tiến độ và điều chỉnh tiến độ của dự án; Trình bày các phương pháp kiểm soát dự án và các vấn đề ảnh hưởng đến sự thành công của dự án.</p> <p>+ Nâng cao kỹ năng phân tích, lập luận và giải quyết vấn đề.</p> <p>+ Trau dồi thêm các kỹ năng quản trị khác như: đánh giá, lựa chọn và xử lý linh hoạt nhạy bén trong các tình huống kinh doanh.</p>	02	
425	Thực tế 1 (Thực tế tour miền Bắc)	<p>- Kiến thức: Giúp sinh viên biết cách viết bài thuyết minh, giới thiệu khi di chuyển trên các phương tiện, tại các điểm du lịch, trên cơ sở chuẩn bị kỹ càng, hiểu biết sâu sắc và toàn diện về đối tượng tham quan và điểm du lịch. Các kiến thức về sản phẩm du lịch, kiến thức về điểm đến...</p>	02	

426	Thực tế 2 (Thực tế tour miền Nam)	Giúp sinh viên xây dựng được chương trình du lịch dài ngày và viết bài thuyết minh, giới thiệu khi di chuyển trên các phương tiện, tại các điểm du lịch, trên cơ sở chuẩn bị kỹ càng, hiểu biết sâu sắc và toàn diện về đối tượng tham quan và điểm du lịch. Các kiến thức về sản phẩm du lịch, kiến thức về điểm đến...	02	
427	Thực tập nghề cuối khóa	<p>Thực tập cuối khoá là giúp sinh viên được rèn luyện kỹ năng nghề tại các công ty, doanh nghiệp kinh doanh du lịch. Tạo điều kiện để sinh viên vận dụng những kiến thức lý luận cũng như kỹ năng nghiệp vụ đã được trang bị trong quá trình đào tạo với thực tiễn tại doanh nghiệp. Thông qua kỳ thực tập này sinh viên nâng cao được kỹ năng nghề của mình, giúp sinh viên có được tay nghề vững vàng khi ra trường.</p> <p>Thông qua kỳ thực tập sinh viên cũng hiểu rõ cơ cấu và hoạt động của doanh nghiệp đồng thời nắm vững các văn bản, qui định của nhà nước về các vấn đề liên quan.</p>	08	<ul style="list-style-type: none"> - Thực tập cuối khóa được coi như một học phần với thời lượng là 8 tín chỉ. - Điểm thực tập cuối khóa gồm điểm chuyên cần (20%) + điểm đánh giá của đơn vị thực tập (60%) + điểm báo cáo thu hoạch thực tập (20%). + Điểm chuyên cần: giảng viên hướng dẫn sẽ theo dõi, kiểm tra quá trình thực tập của sinh viên và chấm điểm chuyên cần. Sinh viên phải liên hệ, trao đổi với giảng viên hướng dẫn theo quy định. + Điểm đánh giá của đơn vị thực tập: điểm đánh giá của đơn vị thực tập là điểm số ghi trong Giấy nhận xét (theo mẫu).
428	Kinh tế vi mô	<p>Trang bị cho sinh viên những kiến thức để phân tích cơ chế hoạt động của thị trường trong việc hình thành giá cả hàng hóa, dịch vụ và phân bổ nguồn lực có hạn cho các mục tiêu sử dụng khác nhau của nền kinh tế.</p> <p>Giúp sinh viên hiểu được hành vi, quyết định của người tiêu dùng và nhà sản xuất; các điều kiện, nguyên tắc hoạt động của thị trường cạnh tranh hoàn hảo, thị trường độc quyền thuần túy; những vấn đề cơ bản về thị trường các yếu tố của sản xuất.</p>	03	<p>Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần, thái độ :10% + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20%

429	Nguyên lý kế toán	<p>Sinh viên hiểu biết tổng quan về công tác kế toán trong doanh nghiệp, nắm vững đối tượng nghiên cứu của kế toán và các phương pháp kế toán.</p> <p>Giúp sinh viên hiểu được quy trình kế toán trong từng giai đoạn kinh doanh của doanh nghiệp, biết cách tính giá các tài sản trong doanh nghiệp như: tài sản cố định, nguyên vật liệu, thành phẩm... Sinh viên biết đọc và lập được bảng cân đối kế toán.</p>	03	<p>+ Điểm thi kết thúc học phần (thi viết, trắc nghiệm, vấn đáp): 70%</p> <p>- Thang điểm: 10</p>
430	Thương mại điện tử căn bản	<p>Học phần Thương mại điện tử cung cấp cho người học - sinh viên những khái niệm, những yếu tố cơ bản cấu thành nên sự phát triển của Thương mại điện tử, phương thức hoạt động và các vấn đề cơ bản xoay quanh Thương mại điện tử. Giúp học sinh nắm rõ cách thức hoạt động từ đó có những ứng dụng thực tế nói chung và liên hệ thực tiễn đối với ngành du lịch nói riêng. Học phần này tập trung phân tích, lý giải và làm rõ các vấn đề:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm, thuận lợi và khó khăn, các điều kiện để phát triển Thương mại điện tử; - Chỉ ra sự khác biệt giữa thị trường truyền thống và thương mại điện tử. Nghiên cứu thị trường thương mại điện tử Việt Nam để rút ra những nhận định và tìm hướng phát triển đúng đắn - Nghiên cứu kết cấu hạ tầng của Thương mại điện tử - Nghiên cứu các mô hình kinh doanh trong Thương mại điện tử. Đặc biệt là mô hình B2B và B2C. - Nghiên cứu về cách thức giao dịch trong thương mại điện tử, chỉ ra các thuận lợi, tìm ra các rủi ro và đưa ra các biện pháp khắc phục.. 	03	
431	Tiền tệ và thanh toán Quốc tế	<p>Sinh viên nắm được những kiến thức căn bản về tiền tệ và thanh toán quốc tế như bản chất và chức năng của tiền tệ, vai trò của thanh toán quốc tế trong hoạt động du lịch, vai trò và ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái đến hoạt động kinh doanh du lịch.</p> <p>Sinh viên hiểu được cách phát hành và lưu thông các phương tiện, phương thức trong thanh toán quốc tế nói chung và hoạt động kinh doanh du lịch nói riêng.</p>	02	

432	Tổng quan khách sạn	<ul style="list-style-type: none"> - Trang bị cho sinh viên những kiến thức, hiểu biết cơ bản về hệ thống cơ sở lưu trú trong hoạt động du lịch như: khái niệm, nguồn gốc, lịch sử hình thành và phát triển, chức năng – nhiệm vụ, vai trò của hệ thống cơ sở lưu trú; các hoạt động cơ bản, cơ sở vật chất kỹ thuật của các cơ sở lưu trú... - Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khái niệm, cơ sở phân loại, ý nghĩa của việc phân loại các loại hình cơ sở lưu trú. Đồng thời giúp sinh viên có được những kiến thức về cơ sở vật chất kỹ thuật, đặc điểm dịch vụ, đối tượng khách, những nét đặc trưng và những ưu thế, hạn chế của các loại hình cơ sở lưu trú. Trên cơ sở đó giúp sinh viên hiểu được những yếu tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn các loại hình cơ sở lưu trú của khách từ đó có sự lựa chọn hợp lý trong kinh doanh và phục vụ khách. - Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khách sạn: loại hình cơ sở lưu trú chủ yếu, phổ biến nhất và mang tính đại diện nhất trong hệ thống cơ sở 	02	<p>Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần, thái độ :10% + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20% + Điểm thi kết thúc học phần (thi viết, trắc nghiệm, vấn đáp): 70% - Thang điểm: 10
433	Giao dịch và đàm phán kinh doanh	<p>Học phần Giao dịch & đàm phán trong kinh doanh cung cấp cho người học - sinh viên những khái niệm, những yếu tố cơ bản để tạo nên một cuộc đàm phán thành công. Giao dịch & đàm phán trong kinh doanh sẽ trang bị kiến thức ở 2 phần chính:</p> <p>Phần 1: Giao tiếp – Kỹ năng giao tiếp</p> <p>Phần 2: Kỹ năng đàm phán và giao dịch trong kinh doanh</p> <p>Học phần này tập trung phân tích, lý giải và làm rõ các vấn đề:</p> <p>Khái quát chung về giao tiếp, chức năng của giao tiếp, phân loại các loại hình giao tiếp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích cấu trúc của hoạt động giao tiếp, truyền thông trong giao tiếp, giao tiếp là quá trình nhận thức và tác động qua lại lẫn nhau - Nghiên cứu các kỹ năng trong giao tiếp, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng diễn thuyết, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng giao dịch bằng thư tín, kỹ năng xã giao thông thường - Khát quát chung về đàm phán và giao dịch trong kinh doanh Nghiên cứu các tiến trình trong đàm phán và giao dịch trong kinh doanh - Phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới giá cả trong đàm phán 	03	

434	Quản trị kinh doanh khách sạn	Học phần Quản trị kinh doanh khách sạn là một trong những môn học cốt lõi trong hệ thống các môn học chuyên sâu của chuyên ngành đào tạo "Quản trị kinh doanh khách sạn". Học phần "Quản trị kinh doanh khách sạn" trang bị những kiến thức chuyên ngành sâu, cơ bản và toàn diện cho các sinh viên du lịch về hoạt động kinh doanh khách sạn.	03	<p>Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau:</p> <p>+ Điểm chuyên cần, thái độ : 10%</p> <p>+ Điểm thi kết thúc học phần là điểm trung bình chung của bài thi lý thuyết và bài thi thực hành: 90%</p> <p>- Thang điểm: 10</p>
435	Quản trị lễ tân khách sạn	Học phần Quản trị lễ tân khách sạn trang bị cho sinh viên những lý luận cơ bản về nghiệp vụ lễ tân khách sạn. Trên cơ sở đó nghiên cứu sâu về công tác quản trị Nghiệp vụ đặt buồng, Nghiệp vụ đăng ký khách sạn, Nghiệp vụ cung ứng các dịch vụ trong thời gian khách lưu trú tại khách sạn, Nghiệp vụ thanh toán cho khách trả phòng rời khách sạn.	03	
436	Quản trị buồng khách sạn	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống được các kiến thức cơ bản về buồng khách sạn - Phân biệt được các loại buồng, giường trong khách sạn - Xác định được các tiêu chuẩn về buồng khách sạn - Xác định được quy trình tổ chức, quản lý, thực hiện và duy trì chất lượng dịch vụ Buồng trong khách sạn. 	03	
437	Quản trị chế biến món ăn	Học phần Quản trị chế biến món ăn trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ chế biến món ăn trong khách sạn, trên cơ sở đó nghiên cứu sâu về công tác quản trị nhân sự trong bộ phận chế biến món ăn, kiến thức trong xây dựng thực đơn, kiến thức quản trị cơ sở vật chất; các kiến thức trong lựa chọn nguyên liệu thực phẩm trong chế biến món ăn, các phương pháp chế biến món ăn và thực hành món ăn Á, Âu.	04	
438	Quản trị nhà hàng	Học phần Quản trị Nhà hàng trang bị cho sinh viên những lý luận cơ bản về tổng quan ngành kinh doanh ăn uống, trên cơ sở đó nghiên cứu sâu về công tác quản trị các nghiệp vụ phục vụ nhà hàng.	03	
439	Quản trị an ninh khách sạn	<p>Học phần Quản trị nghiệp vụ an ninh khách sạn trang bị cho sinh viên những lý luận cơ bản về an ninh khách sạn, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hoạt động của bộ phận an ninh khách sạn - Các nghiệp vụ an ninh khách sạn như nghiệp vụ tuần tra, nghiệp vụ xử lý các tình huống gây mất an ninh an toàn trong khách sạn, nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy và đối phó với hỏa hoạn trong khách sạn, nghiệp vụ kiểm soát hàng hóa, nhân viên và khách vào ra khách sạn, nghiệp vụ kiểm soát chìa khóa, nhà kho và rác thải khách sạn. 	03	

440	Quản trị khu Resort	<p>- Những kiến thức, hiểu biết cơ bản khu resort trong hoạt động du lịch như: khái niệm, nguồn gốc, lịch sử hình thành và phát triển, chức năng – nhiệm vụ, vai trò của hệ thống cơ sở lưu trú; các hoạt động cơ bản, cơ sở vật chất kỹ thuật của các cơ sở lưu trú...</p> <p>- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các hoạt động quản lý khu resort: quản lý bộ phận lễ tân, buồng, nhà hàng, dịch vụ chăm sóc sức khỏe và vui chơi giải trí.</p>	03	<p>Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.</p>
441	Thực tế chuyên ngành 1	Thực tế chuyên ngành 1 là một học phần quan trọng trong chương trình đào tạo. Chương trình thực tế chuyên ngành này là một giai đoạn chuyển tiếp giữa môi trường học tập với môi trường xã hội thực tiễn. Mục tiêu của đợt thực tập này nhằm tạo điều kiện cho sinh viên có cơ hội cọ sát với thực tế, gắn kết những lý thuyết đã học được trên ghế giảng đường với môi trường thực tiễn bên ngoài.	02	
442	Thực tế chuyên ngành 2	Thực tế chuyên ngành 2 là một học phần trong chương trình đào tạo. Chương trình thực tế chuyên ngành này giúp người học tiếp cận gần hơn và đa dạng hơn các loại hình khách sạn ở môi trường thực tiễn trước khi thực hiện chương trình thực tập tốt nghiệp. Mục tiêu của đợt thực tập này nhằm tạo điều kiện cho sinh viên có cơ hội nắm bắt đa dạng hơn về thực tế, gắn kết những lý thuyết đã học được trên ghế giảng đường với môi trường thực tiễn bên ngoài.	02	
443	Thực tập nghề cuối khoá	Thực tập nghề cuối khóa là một học phần kết thúc trong chương trình đào tạo. Thực tập nghề cuối khóa giúp người học tiếp cận gần hơn các khách sạn ở góc độ chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ tổng hợp của nhân viên khách sạn, người quản lý khách sạn ở môi trường thực tế trước khi ra trường. Mục tiêu của đợt thực tập này nhằm tạo điều kiện cho sinh viên có cơ hội nắm bắt hoạt động kinh doanh khách sạn, tìm hiểu sâu về các hoạt động, các công việc trong tất cả các bộ phận của khách sạn.	08	

444	Kinh tế Việt Nam	<p>Học phần này giúp SV có được những kiến thức về các vấn đề kinh tế ở Việt Nam, phân tích được các bảng số liệu, có tư duy logic và thái độ đúng đắn trước thực trạng phát triển kinh tế đất nước; áp dụng tốt những kiến thức cơ bản vào thực tế</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: xác định được vị trí kinh tế của VN trong tổng thể kinh tế thế giới; các nguồn lực để phát triển kinh tế xã hội ở nước ta; Tăng trưởng kinh tế, công nghiệp hóa và hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, giáo dục- đào tạo, lao động- việc làm và an sinh xã hội; Đặc điểm phát triển, hiện trạng, phân bố và xu hướng phát triển các ngành, các vùng kinh tế ở nước ta; - Về kỹ năng: thực hành được các kỹ năng phân tích biểu đồ, số liệu thống kê và đọc được các bản đồ địa lý kinh tế Việt Nam - Về thái độ: nhận thức về thực trạng kinh tế Việt Nam và vận dụng vào thực tế công việc sau này. 	02	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần, thái độ :10% + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20% + Điểm thi kết thúc học phần (thi viết, trắc nghiệm, vấn đáp): 70% - Thang điểm: 10
19 Bộ môn Việt Nam học				
445	Kỹ năng giao tiếp	<ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm, đặc điểm, chức năng, vai trò, các loại giao tiếp, nguyên tắc giao tiếp - Các nghi thức giao tiếp cơ bản, ấn tượng ban đầu trong giao tiếp - Lĩnh hội được hệ thống kiến thức về kỹ năng giao tiếp trên cơ sở đó vận dụng vào việc rèn luyện kỹ năng - Nắm được nội dung, phương pháp và cách thức tổ chức các hoạt động tập thể và hoạt động xã hội trong khi tổ chức các hoạt động du lịch 	04	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần, thái độ :10% + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20% + Điểm thi kết thúc học phần (thi viết, trắc nghiệm, vấn đáp): 70%
446	Nghệ thuật biểu diễn truyền thống Việt Nam	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về đặc trưng thể loại, lịch sử hình thành cũng như quá trình phát triển của một số loại hình nghệ thuật biểu diễn truyền thống, nhằm giúp các em trong quá trình thực hành nghề nghiệp.	03	<ul style="list-style-type: none"> - Thang điểm: 10 (quy đổi ra thang điểm 4 và điểm chữ do phòng QLĐT thực hiện theo quy chế)

447	Tiến trình văn học Việt Nam	<p>Giúp SV có phương pháp tiếp cận, nghiên cứu về lịch sử hình thành và phát triển của văn học Việt Nam như:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được kiến thức chuyên sâu, cơ bản về văn học Việt Nam từ thế kỷ X đến nay, so sánh các giai đoạn văn học để thấy những biến đổi quan trọng của văn học từng giai đoạn trên các phương diện: quan niệm con người, quan niệm xã hội, quan niệm văn học, hệ thống thể loại và ngôn ngữ văn học. - Nắm được những đặc điểm và đóng góp chính của các tác giả, tác phẩm tiêu biểu trong từng giai đoạn văn học. - Hệ thống hoá những vấn đề mang tính lý luận trong văn học sử của mười thế kỷ, những vấn đề lý luận về chủ nghĩa nhân đạo, đổi mới về thi pháp của văn học trong từng giai đoạn 	03	
448	Thể chế chính trị đương đại	<p>Học phần cung cấp đến sinh viên những kiến thức cơ bản về Thể chế chính trị, Thể chế chính trị đương đại trên thế giới và Thể chế chính trị đương đại ở Việt Nam. Qua đó sinh viên hiểu được vai trò của thể chế chính trị đối với quá trình phát triển của quốc gia và dân tộc. Thể chế chính trị có vai trò to lớn trong đời sống chính trị - xã hội. Nó thể chế hóa những quan điểm, tư tưởng của giai cấp cầm quyền thành những chuẩn mực xã hội và các tiêu chí chính trị, thành “luật chơi chính trị” có tính cưỡng chế, bắt buộc mọi thành viên trong xã hội phải tuân theo.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học phần giúp sinh viên có những kiến thức cơ bản về thể chế chính trị của Việt Nam, đó là kết quả của hơn 60 năm đấu tranh, xây dựng của Đảng, Nhà nước và nhân dân. Các Hiến pháp năm 1946, 1959, 1980, 1992, 2013 là những văn bản pháp lý quan trọng nhất quy định mô hình, cấu trúc và nguyên tắc hoạt động của thể chế chính trị Việt Nam hiện đại. 	02	

449	Giao lưu văn hóa quốc tế	Sinh viên nắm vững những kiến thức cơ bản về giao lưu văn hóa quốc tế, lịch sử, xu hướng, tác động của giao lưu văn hóa quốc tế đối với các vấn đề kinh tế, văn hóa, xã hội; Những vấn đề giao lưu văn hóa quốc tế đối với mỗi nước, đặc biệt là nước nhỏ, kinh tế kém phát triển; Vấn đề giao lưu văn hóa quốc tế và văn hóa truyền thống của mỗi dân tộc quốc gia; Những vấn đề giao lưu văn hóa quốc tế đối với Việt Nam; Những giải pháp tích cực trong hội nhập thế giới để phát triển kinh tế, khoa học, công nghệ nhưng vẫn đảm bảo mục tiêu giữ gìn các giá trị văn hóa truyền thống và phát triển văn hóa Việt Nam.	02	
450	Mỹ thuật và kiến trúc Việt Nam	Học phần cung cấp phương pháp lý luận, phương pháp tiếp cận, nghiên cứu về Kiến trúc và Mỹ thuật Việt Nam truyền thống một cách tổng quát. - Cung cấp kiến thức, phương pháp nghiên cứu, ứng dụng Mỹ thuật và Kiến trúc Việt Nam vào các hoạt động của sinh viên chuyên ngành Văn hóa. - Định hướng khái lược các vấn đề mỹ thuật và kiến trúc Việt Nam theo dòng lịch sử và một số loại hình tiêu biểu, nhấn mạnh và làm nổi bật các giá trị văn hóa nghệ thuật của mỹ thuật và kiến trúc Việt Nam truyền thống	02	
551	Văn hóa Đông Nam Á	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về khu vực Đông Nam Á và kiến thức đa dạng về lĩnh vực văn hóa - xã hội, lịch sử, chính trị ... của các quốc gia trong khu vực nghiên cứu.	02	
452	Tổng quan du lịch	Sau khi kết thúc học phần sinh viên có thể mô tả được các khái niệm liên quan đến hoạt động du lịch. Nhận thức được vai trò của ngành du lịch đối với nền kinh tế quốc dân. Biết được các điều kiện ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch, đặc điểm lao động ngành du lịch cũng như kiến thức về sản phẩm du lịch, tính mùa vụ trong du lịch. Nhận biết và phân biệt được các loại hình du lịch cũng như những tác động của du lịch đến các lĩnh vực khác đề từ đó hiểu và biết được vai trò cũng như nhiệm vụ của mỗi người khi tham gia vào hoạt động du lịch.	03	

453	Địa lý du lịch	<p>Cung cấp hệ thống kiến thức cơ bản về địa lý ngành du lịch của một số quốc gia trên thế giới và các quốc gia Đông Nam Á cũng như ở Việt Nam; Các nhân tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển du lịch. SV đánh giá được thực trạng phát triển du lịch của các nước trong khu vực Đông Nam Á và tổ chức lãnh thổ các vùng du lịch Việt Nam. Giúp sinh viên bước đầu phân tích được tiềm năng và thế mạnh của du lịch Việt Nam và khả năng kết nối với du lịch các quốc gia Đông Nam Á và phát triển du lịch trong xu thế hội nhập thế giới.</p>	03	
454	Tâm lý khách du lịch	<p>Trang bị cho SV những kiến thức cơ bản của nhà cung ứng du lịch và khách du lịch với tư cách là người bán hàng và người mua hàng. Cụ thể:</p> <p>Cung cấp những kiến thức cơ bản về tâm lý du khách về đối tượng, chức năng, nhiệm vụ của tâm lý học du lịch, bản chất, quy luật hình thành và phát triển tâm lý khách du lịch,</p> <p>Những đặc điểm tâm lý của những người hoạt động trong lĩnh vực du lịch (nhà cung ứng du lịch)</p> <p>Đặc trưng tâm lý du khách theo nhiều tiêu chí phân loại khác nhau. Trên cơ sở đó nắm bắt các đặc điểm tâm lý đó, những người làm việc trong lĩnh vực du lịch sẽ có những cách thức giao tiếp, ứng xử phù hợp.</p>	02	
455	Di tích và danh thắng Việt Nam	<p>- Giúp người học nhận thức các vấn đề về Di tích – Danh thắng ở Việt Nam: đặc điểm, vai trò, các loại hình và khả năng thúc đẩy khai thác Di tích – Danh thắng trong hoạt động du lịch.</p> <p>- Người học nắm vững nội dung, hình thức, quy mô, mức độ, tư tưởng nghệ thuật, giá trị văn hoá tâm linh các di tích, danh thắng ở Việt Nam.</p> <p>- Người học hiểu được giá trị của hệ thống Di tích – danh thắng Việt Nam để nâng cao kiến thức chuyên ngành du lịch.</p>	03	

456	Tuyến điểm du lịch Việt Nam	<p>Giúp sinh viên phương pháp tiếp cận, nghiên cứu lý thuyết về tuyến, điểm du lịch. Nắm rõ đặc trưng văn hóa, thể mạnh của từng vùng du lịch, các tuyến, điểm du lịch đặc trưng của vùng, khả năng kết nối trong vùng, các vùng du lịch khác.</p> <p>Giúp sinh viên có thể xác định được các nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến việc xây dựng các tuyến điểm du lịch như: tài nguyên du lịch, cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật. Xác định được các tiêu chí, nguyên tắc cơ bản để xây dựng các tuyến điểm du lịch và có thể áp dụng thực tế trong hướng dẫn du lịch và thiết kế chương trình tour du lịch.</p>	02	
457	Kỹ năng hoạt náo trong du lịch	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về hoạt náo trong du lịch, các phương pháp gây hoạt náo.	03	
458	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch 1 <i>(Lý thuyết hướng dẫn du lịch)</i>	Học phần Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch 1 trang bị cho sinh viên một khối lượng kiến thức cơ bản về nghề hướng dẫn du lịch như: lịch sử của nghề hướng dẫn, vị trí của nghề trong kinh doanh du lịch, đặc biệt là lễ hành; những hoạt động chủ yếu, trách nhiệm của hướng dẫn viên; đặc điểm nghề, những thuận lợi và khó khăn trong nghề cũng như những yêu cầu cơ bản cần có của một người hướng dẫn viên du lịch. Những kiến thức này sẽ là nền tảng để cho sinh viên có định hướng học tập, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp của mình để có một tay nghề vững vàng khi ra trường	02	
459	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch 2 <i>(Thuyết minh điểm du lịch)</i>	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến về nghiệp vụ hướng dẫn và thuyết minh du lịch, quy trình hoạt động thuyết minh hướng dẫn du lịch. Kiến thức về các điểm du lịch thuộc tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn. Kiến thức về phương pháp tổ chức hướng dẫn và thuyết minh các điểm du lịch thuộc đối tượng tài nguyên du lịch nhân văn và tự nhiên. Nắm bắt được các phương thức, cách thức xử lý các tình huống gặp phải khi tổ chức hướng dẫn và thuyết minh.	03	

460	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch 3 <i>(Tổ chức HD chương trình DL)</i>	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về quy trình tổ chức hoạt động hướng dẫn; nhiệm vụ của hướng dẫn viên; cách thức xử lý các tình huống khẩn cấp trong tour và hệ thống các điểm đến, các nhà cung ứng dịch vụ để có thể tổ chức thực hiện các chương trình du lịch đơn giản, chương trình du lịch phức tạp có những yêu cầu đặc biệt như tổ chức hội nghị, làm galadinner,..	03	Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
461	Thực tế Du lịch 1 (Thực tế tour miền Bắc)	<ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức: Giúp sinh viên biết cách viết bài thuyết minh, giới thiệu khi di chuyển trên các phương tiện, tại các điểm du lịch, trên cơ sở chuẩn bị kỹ càng, hiểu biết sâu sắc và toàn diện về đối tượng tham quan và điểm du lịch. Các kiến thức về sản phẩm du lịch, kiến thức về điểm đến... - Kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng đọc sách, tra cứu tài liệu, Kỹ năng tổ chức hoạt động tập thể, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng thuyết phục các thành viên trong đoàn tin tưởng vào khả năng xử lý và kinh nghiệm bản thân và là người trực tiếp chăm sóc khách hàng... - Thái độ: Rèn luyện tính tự chủ, tự tin trong hoạt động. 	02	
462	Thực tế Du lịch 2 (Thực tế tour miền Nam)	Giúp sinh viên xây dựng được chương trình du lịch dài ngày và viết bài thuyết minh, giới thiệu khi di chuyển trên các phương tiện, tại các điểm du lịch, trên cơ sở chuẩn bị kỹ càng, hiểu biết sâu sắc và toàn diện về đối tượng tham quan và điểm du lịch. Các kiến thức về sản phẩm du lịch, kiến thức về điểm đến...	02	

463	Thực tập nghề cuối khoá (8 tuần)	<p>Thực tập cuối khoá là giúp sinh viên được rèn luyện kỹ năng nghề tại các công ty, doanh nghiệp kinh doanh du lịch. Tạo điều kiện để sinh viên vận dụng những kiến thức lý luận cũng như kỹ năng nghiệp vụ đã được trang bị trong quá trình đào tạo với thực tiễn tại doanh nghiệp. Thông qua kỳ thực tập này sinh viên nâng cao được kỹ năng nghề của mình, giúp sinh viên có được tay nghề vững vàng khi ra trường.</p> <p>Thông qua kỳ thực tập sinh viên cũng hiểu rõ cơ cấu và hoạt động của doanh nghiệp đồng thời nắm vững các văn bản, qui định của nhà nước về các vấn đề liên quan.</p>	08	<p>- Điểm thực tập cuối khoá gồm điểm chuyên cần (20%) + điểm đánh giá của đơn vị thực tập (60%) + điểm báo cáo thu hoạch thực tập (20%).</p> <p>+ Điểm chuyên cần: giảng viên hướng dẫn sẽ theo dõi, kiểm tra quá trình thực tập của sinh viên và chấm điểm chuyên cần. Sinh viên phải liên hệ, trao đổi với giảng viên hướng dẫn theo quy định.</p> <p>+ Điểm đánh giá của đơn vị thực tập: điểm đánh giá của đơn vị thực tập là điểm số ghi trong Giấy nhận xét (theo mẫu).</p> <p>+ Điểm báo cáo kết quả thực tập: do giảng viên hướng dẫn chấm</p>
464	Du lịch bền vững	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng quan tác động nhiều mặt của hoạt động du lịch đối với môi trường (tự nhiên, xã hội và kinh tế) với sự tập trung chú ý phân tích sâu hơn các tác động xấu của du lịch gây ra - Khái quát các vấn đề về du lịch bền vững, đặc điểm của du lịch bền vững, vai trò của du lịch bền vững với việc bảo vệ tính đa dạng của tự nhiên, bản sắc văn hóa của cộng đồng bản địa cũng như sự phát triển của xã hội - Trên cơ sở các nguyên tắc của du lịch bền vững, đề xuất các định hướng xây dựng các chính sách phát triển du lịch, các biện pháp kiểm soát tác động môi trường cũng như các phương pháp đánh giá tính bền vững của một lãnh thổ du lịch hoặc một dự án phát triển du lịch 	02	

465	Văn hóa ẩm thực	Nắm được những kiến thức lý thuyết cơ bản về văn hóa ẩm thực nói chung; văn hóa ẩm thực VN nói riêng; Hiểu được những yếu tố ảnh hưởng ẩm thực và văn hóa ẩm thực	02	
20	Bộ môn ngoại ngữ			
466	Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh 1)	<p>Cung cấp hệ thống từ vựng về một số chủ đề như: số đếm, số thứ tự, thông tin cá nhân, nghề nghiệp, gia đình, thời gian, thức ăn, đồ uống, hoạt động thường ngày, đồ dùng gia đình, sở thích...</p> <p>Giúp sinh viên nắm vững một số điểm ngữ pháp cơ bản như: Thì Hiện tại thường, Quá khứ đơn, các động từ tình thái, các từ chỉ số lượng, danh động từ, đại từ chỉ thị... và vận dụng những điểm ngữ pháp này vào trong các tình huống giao tiếp trong môi trường có yếu tố quốc tế.</p>	04	<p>- Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau:</p> <p>+ Điểm chuyên cần, thái độ :10%</p> <p>+ Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20%</p> <p>+ Điểm thi kết thúc học phần (thi viết): 70%</p> <p>- Thang điểm: 10</p>
467	Ngoại ngữ 2 (Tiếng Anh 2)	<p>- Cung cấp hệ thống từ vựng về một số chủ đề như: số đếm, số thứ tự, thông tin cá nhân, nghề nghiệp, gia đình, thời gian, thức ăn, đồ uống, hoạt động thường ngày, đồ dùng gia đình, sở thích...</p> <p>- Giúp sinh viên nắm vững một số điểm ngữ pháp cơ bản như: Thì Hiện tại thường, Quá khứ đơn, các động từ tình thái, các từ chỉ số lượng, danh động từ, đại từ chỉ thị... và vận dụng những điểm ngữ pháp này vào trong các tình huống giao tiếp trong môi trường có yếu tố quốc tế</p>	3	
468	Ngoại ngữ 1 (Tiếng Trung 1)	Học phần tiếng Trung 1 được thiết kế với đầy đủ các nội dung như từ mới, bài khóa, chú thích, ngữ âm, ngữ pháp và bài tập. Thông học phần này nhằm hướng dẫn và giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng phát âm bao gồm các vấn đề có liên quan đến thanh mẫu, vần mẫu, thanh điệu, biến âm, trọng âm... mô tả và phân tích cấu tạo chữ Hán, giải thích ý nghĩa và giới thiệu các nét chữ Hán cơ bản, các nét biến thể từ các nét cơ bản, một số bộ thủ thông dụng và quy tắc bút thuận. Giúp sinh viên hiểu và nhớ cách viết chữ Hán. Đọc, viết và dịch được khoảng hơn 200 từ vựng thông dụng.	04	

469	Ngoại ngữ 2 (Tiếng Trung 2)	Sau khi học xong học phần này sinh viên có thể: - Phân biệt đúng ngữ điệu cụm từ và của từng loại câu - Lựa chọn sử dụng từ ngữ đúng tình huống - Giải thích và mô phỏng được các mẫu câu và điểm ngữ pháp cơ bản	03
470	Ngữ pháp	Cung cấp cho sinh viên - Những thuật ngữ cần thiết cho việc miêu tả cấu tạo từ loại và các cụm từ cơ bản trong tiếng Anh; - Những đặc điểm cơ bản của danh từ, tính từ, động từ, giới từ, trạng từ, phương thức cấu tạo từ chủ yếu và thứ yếu; - Biết phân biệt các khái niệm cụm từ đơn, cụm từ phức, cụm từ cơ sở; - Những khái niệm cơ bản về các thành tố của câu.	04
471	Từ vựng và ngữ nghĩa Tiếng Anh	Học phần cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản về nguồn gốc cũng như đặc điểm cấu trúc, ngữ nghĩa của từ ngữ và câu Tiếng Anh.	03
472	Văn học Anh-Mỹ	- Sau khi kết thúc chương trình sinh viên được cung cấp một vốn kiến thức cơ bản về nền văn học Anh- lịch sử phát triển của nó qua từng giai đoạn. - Sau khi kết thúc chương trình sinh viên nắm bắt được một số trào lưu văn học, thể loại, tác giả và tác phẩm văn học tiêu biểu của từng giai đoạn	03
473	Đất nước học	Làm giàu kiến thức của sinh viên về đất nước Anh và Mỹ với các lĩnh vực như lịch sử, phong tục, tập quán, lễ hội, tôn giáo, hệ thống chính trị, giáo dục của nước Anh và Mỹ.	03
474	Ngữ âm – Âm vị học tiếng Anh	<ul style="list-style-type: none"> • Các khái niệm cơ bản và tầm quan trọng của môn ngữ âm- âm vị học tiếng Anh • Nắm vững cách miêu tả âm tiếng Anh và cơ chế chi phối quá trình phát âm • Quy tắc phát âm, trọng âm và ngữ điệu tiếng Anh • Nắm vững các vấn đề, kỹ thuật và phương pháp dạy môn ngữ âm tiếng Anh 	02

475	Nghe cơ sở 1	<p>Học phần Nghe cơ sở 1 được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ cơ bản và nền tảng nhất trong tiếng Anh, giúp sinh viên phát triển khả năng cảm thụ ngôn ngữ, hình thành các chiến lược nghe có hiệu quả nhằm phát hiện và ghi nhớ từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm trong những tình huống giao tiếp cụ thể. Từ những kiến thức nền tảng này sinh viên có thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình thành tư duy học nghe Tiếng Anh một cách hiệu quả - Giao tiếp với ngữ điệu, phát âm chuẩn - Trau dồi từ vựng về một số chủ đề như: thông tin cá nhân, nghề nghiệp, gia đình, hoạt động thường ngày, đồ dùng gia đình, sở thích, văn hóa, trường học, âm nhạc... - Biết cách sử dụng các mẫu câu, các cụm từ và ngữ pháp với nhiều tình huống đa dạng trong cuộc sống và nghề nghiệp liên quan đến một số chủ điểm ngữ pháp như: Thì Hiện tại thường, Quá khứ đơn, các động từ tình thái, các từ chỉ số lượng, danh động từ, đại từ chỉ thị, liên từ... 	03	Sinh viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành. Điểm trung bình cộng của tín chỉ trong học kỳ được làm tròn đến một chữ số thập phân là điểm của học phần thực hành.
476	Nói cơ sở 1	<p>Học phần Nói cơ sở 1 được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ cơ bản và nền tảng nhất trong tiếng Anh, giúp sinh viên phát triển khả năng cảm thụ ngôn ngữ, hình thành các chiến lược nói có hiệu quả nhằm luyện tập và nâng cao kỹ năng nói về các chủ điểm cụ thể, giúp sinh viên tự tin sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp và công việc. Từ những kiến thức nền tảng này sinh viên có thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng linh hoạt ngữ pháp và từ vựng vào những tình huống giao tiếp khác nhau một cách hiệu quả. - Hình thành tư duy nói Tiếng Anh với những chiến lược phù hợp - Giao tiếp với ngữ điệu, phát âm chuẩn 	03	

477	Đọc cơ sở 1	<ul style="list-style-type: none"> - Vốn từ vựng, cấu trúc để có thể đọc hiểu về các vấn đề liên quan đến cuộc sống con người, sự vật, hiện tượng xung quanh cuộc sống con người. - Kiến thức xã hội để phân tích, thảo luận và bình luận về nội dung bài đọc liên quan đến cuộc sống, sự vật, hiện tượng xung quanh cuộc sống con người. 	03	
478	Viết cơ sở 1	<p>Sinh viên cần nắm được kiến thức về:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết đúng các loại câu tiếng Anh. - Sử dụng các kỹ thuật ngắt câu. - Viết được câu chủ đề, các câu hỗ trợ - Biết cách thu thập thông tin, tổ chức sắp xếp các ý tưởng một cách có chọn lọc và logic. - Viết các đoạn văn diễn tả quan điểm cá nhân về một vấn đề nào đó - Viết các đoạn văn về diễn tả theo trật tự về mặt thời gian, thứ tự, ... 	03	
479	Nghe cơ sở 2	<p>Học phần <i>Nghe cơ sở 2</i> được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ cơ bản và nền tảng nhất trong tiếng Anh, giúp sinh viên phát triển khả năng cảm thụ ngôn ngữ, hình thành các chiến lược nghe có hiệu quả nhằm phát hiện và ghi nhớ từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm trong những tình huống giao tiếp cụ thể. Từ những kiến thức nền tảng này sinh viên có thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình thành tư duy học nghe Tiếng Anh một cách hiệu quả - Giao tiếp với ngữ điệu, phát âm chuẩn <ul style="list-style-type: none"> - Trau dồi từ vựng về một số chủ đề như: thông tin cá nhân, nghề nghiệp, gia đình, hoạt động thường ngày, đồ dùng gia đình, sở thích, văn hóa, trường học, âm nhạc... - Biết cách sử dụng các mẫu câu, các cụm từ và ngữ pháp với nhiều tình huống đa dạng trong cuộc sống và nghề nghiệp liên quan đến một số chủ điểm ngữ pháp như: Thì Hiện tại thường, Quá khứ đơn, các động từ tình thái, các từ chỉ số lượng, danh động từ, đại từ chỉ thị, liên từ... 	03	

480	Nói cơ sở 2	<p>Học phần <i>Nói cơ sở 2</i> được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ cơ bản và nền tảng nhất trong tiếng Anh, giúp sinh viên phát triển khả năng cảm thụ ngôn ngữ, hình thành các chiến lược nói có hiệu quả nhằm luyện tập và nâng cao kỹ năng nói về các chủ điểm cụ thể, giúp sinh viên tự tin sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp và công việc. Từ những kiến thức nền tảng này sinh viên có thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng linh hoạt ngữ pháp và từ vựng vào những tình huống giao tiếp khác nhau một cách hiệu quả. - Hình thành tư duy nói Tiếng Anh với những chiến lược phù hợp <p>Giao tiếp với ngữ điệu, phát âm chuẩn</p>	03	<p>- Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau: + <i>Điểm trung bình chung của học phần được tính bằng trung bình cộng điểm của các bài tập thực hành.</i></p> <p>- Thang điểm: 10</p>
481	Đọc cơ sở 2	<p>Sinh viên cần nắm được kiến thức lý thuyết về:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vốn từ vựng, cấu trúc và kỹ năng đọc hiểu về các vấn đề liên quan đến cuộc sống con người, sự vật, hiện tượng xung quanh cuộc sống. - Kiến thức phân tích, thảo luận và bình luận về nội dung bài đọc. 	03	
482	Viết cơ sở 2	<p>Sinh viên cần nắm được kiến thức về:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cách thức viết một đoạn văn, các bước thực hành viết đoạn văn - Viết các đoạn văn so sánh, nguyên nhân và kết quả 	03	
483	Nghe nâng cao 1	<ul style="list-style-type: none"> - Trang bị kiến thức và kỹ thuật nghe để đáp ứng mục tiêu đào tạo tương đương trình độ tiên B2 (Upper-intermediate). Trong đó nhấn mạnh đến kiến thức ngôn ngữ và kiến thức văn hoá xã hội phù hợp với trình độ này. - Phát triển kiến thức cơ sở và vốn từ vựng, cấu trúc diễn đạt liên quan đến các chủ đề thường gặp trong cuộc sống và trong bài thi FCE (Cambridge ESOL). 	03	

484	Nói nâng cao 1	<p>Học phần <i>Nói nâng cao 1</i> giúp sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - có cái nhìn tổng quan về các lĩnh vực nghề nghiệp, thể thao, du lịch, truyền thông, môi trường, sức khỏe, thời trang và mua sắm. - trang bị về kiến thức ngôn ngữ (từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp, chức năng giao tiếp) ở trình độ tiền B2 (tương đương upper-intermediate) để diễn đạt quan điểm, tình cảm, thái độ, và trao đổi thông tin về các vấn đề mà mình quan tâm và các chủ đề có trong chương trình thi FCE. - Phân tích và chứng minh các điểm mạnh, điểm yếu của một vấn đề nào đó. - Diễn đạt quan điểm, suy luận dựa trên chứng cứ, phân tích các vấn đề tồn tại và đề xuất giải pháp. 	03	
485	Đọc nâng cao 1	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng, cấu trúc và kỹ năng đọc hiểu về các những chủ điểm: sở thích cá nhân, thể thao, khoa học và công nghệ, giáo dục, sức khỏe, mua sắm, tài chính, giải trí, gia đình, du lịch, ... - Cung cấp vốn kiến thức để phân tích, thảo luận và bình luận về nội dung bài đọc liên quan đến các những chủ điểm trên. 	03	
486	Viết nâng cao 1	<p>Sinh viên cần nắm được kiến thức về:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cách thức viết một bài luận. - Viết các thể loại bài luận so sánh, nguyên nhân và kết quả, bình luận và thảo luận. - Các bước phát triển một bài luận, thực hành viết các thể loại bài luận. 	03	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm <i>trung bình chung của học phần được tính bằng trung bình cộng điểm của các bài tập thực hành.</i> - Thang điểm: 10
487	Nghe nâng cao 2	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp cho sinh viên những chiến lược nghe thông qua các bài luyện với nội dung thiết kế theo dạng thức của bài thi TOEFL, IELTS - Giúp người học làm quen với giọng nói của người bản ngữ với tốc độ tự nhiên và giúp hiểu rõ cách thi nghe trong kỳ thi TOEFL, IELTS. - Tăng vốn từ vựng, cấu trúc diễn đạt liên quan đến các chủ đề thường gặp trong cuộc sống. 	03	

488	Nói nâng cao 2	<p>Học phần <i>Nói nâng cao 2</i> giúp sinh viên:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trao đổi quan điểm và bồi dưỡng kiến thức về các vấn đề của cuộc sống gia đình như: tình yêu, hôn nhân, hạnh phúc gia đình, y tế, khoa học, việc làm.. - Phân tích sâu và bồi dưỡng kiến thức về các vấn đề liên quan đến giáo dục, tình yêu, hôn nhân, hạnh phúc gia đình, y tế, khoa học, việc làm, v.v. - Phân tích các nguyên nhân và hậu quả, các tác hại và cách phòng chống. 	03
489	Đọc nâng cao 2	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng, cấu trúc và kỹ năng đọc hiểu về các những chủ điểm thường được đề cập trong các bài đọc IELTS như: Chăm sóc sức khỏe, gia đình, giáo dục, khoa học và công nghệ, thiên nhiên và môi trường, thị trường công việc, địa danh và con người, văn hóa và xã hội hiện đại... - Kiến thức để phân tích, thảo luận và bình luận về nội dung bài đọc liên quan đến các những chủ điểm trên. 	03
490	Viết nâng cao 2	<p>Sinh viên cần nắm được kiến thức về:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cách thức miêu tả một biểu đồ, biểu bảng, quá trình. - Viết nghiên cứu, viết báo. - Các bước viết về một biểu đồ, biểu bảng và nghiên cứu khoa học. 	03
491	Biên dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên cần nắm được cấu trúc câu: câu đơn, câu ghép và câu phức trong khi dịch. - Trang bị cho sinh viên những kỹ năng dịch câu và hình thành kỹ năng thông qua dịch các đoạn văn từ tiếng Anh sang tiếng Việt và từ tiếng Việt sang tiếng Anh. - Đồng thời giúp sinh viên hiểu rõ một số khái niệm về ngôn ngữ, các vấn đề cơ bản về lý thuyết biên dịch và giúp phát triển năng lực ngôn ngữ cho sinh viên. 	03
492	Phiên dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về lý thuyết phiên dịch. - Bổ sung kiến thức và ngôn ngữ về các chủ đề thông thường như đất nước, con người, phong tục tập quán, dân số, kinh tế, thời sự, giáo dục, y tế... - Bổ sung kiến thức và ngôn ngữ về các chủ đề. 	03

493	Giao tiếp giao văn hóa	<ul style="list-style-type: none"> - Các khái niệm/thuật ngữ cơ bản và tầm quan trọng của việc nghiên cứu giao tiếp giao văn hoá. - Các bình diện phạm trù và nguyên tắc cơ bản trong nghiên cứu Giao tiếp giao văn hoá. - Những khác biệt cơ bản giữa giao tiếp ngôn từ và phi ngôn từ. - Các loại cấu trúc giao tiếp và những tương đồng-khác biệt cơ bản trong giao tiếp giao văn hoá Anh-Việt. - Khái niệm, lý do và biểu hiện của “Sốc văn hoá”. - Các nhân tố giúp điều chỉnh, giảm thiểu và loại trừ xung đột văn hoá và ngưng trệ giao tiếp. 	02	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau: + Điểm chuyên cần, thái độ :10% + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20% + Điểm thi kết thúc học phần (thi viết):70% - Thang điểm: 10
494	Ngôn ngữ học đối chiếu	<p>Sinh viên cần nắm được</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm cơ bản về phân tích đối chiếu ngôn ngữ - Khái niệm cơ bản về cơ sở tâm lý học của đối chiếu ngôn ngữ - Các nguyên tắc so sánh đối chiếu - Tiến trình so sánh đối chiếu - Đối tượng cụ thể của so sánh đối chiếu (trên phương diện vi mô và vĩ mô) - Đối chiếu ngôn ngữ trong giảng dạy và dịch thuật - Nâng cao năng lực sử dụng các ngôn ngữ được sử dụng để so sánh đối chiếu (cả ngôn ngữ đích và ngôn ngữ nguồn). 	02	<ul style="list-style-type: none"> - Thang điểm: 10

495	Thực tập nghề cuối khóa	<ul style="list-style-type: none"> - Thực tập tốt nghiệp là cơ hội để sinh viên tiếp cận và tìm hiểu tình hình thực tế sử dụng tiếng Anh trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp. Qua đó, sinh viên có thể vận dụng tổng hợp các kiến thức và kỹ năng đã học vào công việc thực tiễn, có thể góp phần giải quyết các vấn đề cụ thể tại cơ sở thực tập. 	08	<ul style="list-style-type: none"> - Điểm chuyên cần được đánh giá bởi giảng viên hướng dẫn - Điểm đánh giá của đơn vị thực tập được xác định dựa vào nhận xét của đơn vị thực tập với 5 tiêu chí là tác phong, thái độ, khả năng tiếp cận công việc, khả năng thực hiện công việc và ý nghĩa của các vấn đề được trình bày trong KLTN đối với đơn vị thực tập.
496	Tiếng Anh Văn phòng	<p>Sinh viên cần nắm được kiến thức về:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các công việc thường gặp trong văn phòng của người thư ký hay nhân viên điều hành văn phòng như liên lạc giao tiếp với khách hàng, xử lý thông tin, bảo quản hồ sơ, tổ chức meeting, sử dụng máy tính soạn gửi thư từ, giấy tờ công văn hay sử dụng máy fax. - Những khái niệm, thuật ngữ và chuyên ngành Tiếng Anh văn phòng 	02	
497	Tiếng Anh Du lịch	<p>Sinh viên cần nắm được kiến thức về:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các thuật ngữ và khái niệm chuyên ngành du lịch bằng tiếng Anh và tiếng Việt tương đương. - Các thông tin cơ bản về các vùng trên đất nước Việt Nam. - Nét đặc trưng văn hóa, phong tục tập quán của người Việt 	02	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần, thái độ :10% + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20% + Điểm thi kết thúc học phần (thi viết):70% - Thang điểm: 10
498	Tiếng Anh Luật	Giúp sinh viên tiếp cận, phát triển vốn thuật ngữ <i>Tiếng Anh chuyên ngành Luật</i> để đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu pháp luật Việt nam cũng như quốc tế.	02	
499	Tiếng Anh Thương mại	<p>Sinh viên cần nắm được:</p> <ul style="list-style-type: none"> +kiến thức về các thuật ngữ và khái niệm chuyên ngành thương mại bằng tiếng Anh và tiếng Việt tương đương: Hoạt động thương mại, tiếp thị và mại vụ, dịch vụ khách hàng, quản lý và lãnh đạo nhân lực, đầu tư và Tổ chức thương mại thế giới. + kiến thức cơ bản về các vấn đề trong lĩnh vực thương mại để có thể phân tích và hiểu đúng nội dung các bài đọc hiểu và dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt hoặc ngược lại. 	02	

500	Tiếng Anh chuyên ngành DL 1	Học phần <i>Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 1</i> trang bị kiến thức ngôn ngữ Tiếng Anh (ngữ pháp, từ vựng, thuật ngữ...) chuyên ngành khách sạn-nhà hàng, giúp sinh viên làm quen với việc giao tiếp bằng tiếng Anh trong môi trường kinh doanh dịch vụ khách sạn-nhà hàng	04	
501	Tiếng Anh chuyên ngành DL 2	Học phần <i>Tiếng Anh chuyên ngành du lịch 2</i> trang bị kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa, lịch sử, địa lý trong du lịch, cũng như kiến thức về ngôn ngữ Tiếng Anh (ngữ pháp, từ vựng, thuật ngữ...) trong lĩnh vực thuyết minh du lịch, giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng thuyết minh, hướng dẫn du lịch bằng tiếng Anh tại các tuyến, điểm du lịch.	04	
21. Công nghệ truyền thông				
502	Lịch sử truyền thông	Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về tiến trình lịch sử truyền thông Việt Nam và thế giới; trang bị thêm các phương pháp nghiên cứu lịch sử truyền thông để có thể hoàn thiện và nâng cao năng lực làm việc sau khi tốt nghiệp. Nghiên cứu, phân tích những khái niệm cơ bản về phát triển bền vững; các lý thuyết phát triển; các đặc tính của truyền thông, khả năng tác động của truyền thông đối với phát triển chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội; truyền thông và chiến lược phát triển bền vững ở Việt Nam ...	02	<p>Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Điểm chuyên cần, thái độ :10% + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20% + Điểm thi kết thúc học phần (thi viết):70% - Thang điểm: 10
503	Lý thuyết truyền thông	Học phần trang bị những kiến thức lý thuyết về truyền thông (khái niệm, mục tiêu, các phương tiện truyền thông, mô hình của truyền thông); vai trò và chức năng của truyền thông. vai trò, ... Từ đó, chúng ta có thể xây dựng lên được nội dung truyền thông.	02	
504	Ngôn ngữ truyền thông	- Cung cấp những kiến thức tổng quan về thông điệp trong truyền thông (khái niệm, đặc điểm, vai trò và các phương thức truyền tải thông điệp truyền thông); đưa ra các nguyên tắc của thông điệp truyền thông, đồng thời môn học cũng nêu lên phương pháp xây dựng các thông điệp truyền thông.	02	

505	Các loại hình truyền thông đại chúng	<p>Môn học cung cấp những kiến thức lý luận cơ bản về truyền thông và qui trình truyền thông; về các phương tiện, hình thức hoạt động và lịch sử phát triển của các phương tiện truyền thông đại chúng.</p> <p>Môn học cũng giới thiệu về báo chí như một hoạt động truyền thông đại chúng với chức năng, vai trò, vị trí của nó trong xã hội, những đặc thù của báo chí trong mối quan hệ với các hình thái ý thức xã hội khác; các nguyên tắc hoạt động báo chí, đặc trưng lao động của nhà báo và các vấn đề quan trọng như tính hiệu quả của báo chí, tự do báo chí, xu hướng phát triển báo chí...</p>	03	
507	Quan hệ công chúng	<p>Học phần phác thảo tổng quát về ngành Quan hệ công chúng. Phần Lý luận chung sẽ cung cấp kiến thức cơ sở lý luận của Quan hệ công chúng và so sánh Quan hệ công chúng với Quảng cáo, Marketing, Dân vận, Tuyên truyền. Phần lược sử Quan hệ công chúng đi qua lịch sử hình thành và phát triển của nghề Quan hệ công chúng trên thế giới và tại Việt Nam. Phần khái quát Quan hệ công chúng chuyên nghiệp sẽ giúp người học hiểu được vai trò, vị trí của Quan hệ công chúng trong tổ chức và xã hội, những chức năng, nhiệm vụ của Quan hệ công chúng, những hoạt động cơ bản của Quan hệ công chúng, những chức danh và vị trí công việc của người làm Quan hệ công chúng và những yêu cầu về phẩm chất, năng lực đối với người làm Quan hệ công chúng chuyên nghiệp.</p>	02	<p>- Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau: + Điểm chuyên cần, thái độ :10% + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20% + Điểm thi kết thúc học phần (thi viết):70%</p>
508	Công chúng truyền thông	<p>Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết về công chúng báo chí, hoạt động tiếp nhận sản phẩm, tác phẩm báo chí của công chúng, công việc nghiên cứu công chúng và tác động của công việc này với báo chí hiện đại; rèn luyện các kỹ năng nghiên cứu công chúng; sử dụng các kết quả nghiên cứu công chúng để lập kế hoạch truyền thông, sử dụng các phương tiện truyền thông đại chúng cho hoạt động truyền thông phù hợp với các nhóm công chúng cụ thể.</p>	03	<p>- Thang điểm: 10</p>

509	Xã hội học truyền thông	Truyền thông là một hoạt động cơ bản của mỗi xã hội. Truyền thông đại chúng là một quá trình xã hội trong đó thông tin được truyền đạt rộng rãi đến mọi người trong xã hội thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng như báo chí, phát thanh, truyền hình. Đặc điểm lớn nhất của đời sống truyền thông đại chúng là nó nhanh chóng dẫn đến hệ quả hình thành một định chế xã hội mới trong xã hội. Định chế này đóng vai trò quan trọng trong việc phổ biến thông tin và kiến thức cho người dân mà còn tác động một cách mạnh mẽ đến các định chế khác trong xã hội. Vì thế nghiên cứu về truyền thông trong xã hội học là nhu cầu cần thiết nhất định.	03	
510	Tâm lý học truyền thông	Học phần bao gồm những nội dung cơ bản, khái quát về tâm lý học và kiến thức cơ bản về tâm lý báo chí truyền thông. Sinh viên sẽ thực hành các kỹ năng phân tích, phản biện và vận dụng tâm lý học sáng tạo các sản phẩm, chiến dịch truyền thông trong nhiều lĩnh vực cụ thể. Phân tích, tổng hợp và nhận diện được tâm lý tiếp nhận của nhóm công chúng báo chí, truyền thông.	03	
511	Pháp luật và đạo đức truyền thông	Học phần áp dụng tri thức về pháp luật báo chí, các quan niệm về đạo đức báo chí vào thực tiễn hoạt động, truyền thông nói chung và quan hệ với báo chí nói riêng. Từ đó, người học xác định được những việc làm đúng sai của các chủ thể khi tác nghiệp quan hệ công chúng theo luật báo chí, đồng thời điều chỉnh các hành vi khi quan hệ công chúng với báo chí.	02	
512	Cơ sở đồ họa máy tính	Môn học Đồ họa vi tính cung cấp cho sinh viên kiến thức về kỹ thuật xử lý phần mềm đồ họa vi tính Corel Draw, Photoshop, Illustrator - phương tiện hỗ trợ tạo hình cho thiết kế đồ họa chuyên nghiệp. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng xác định mục tiêu, lựa chọn phương pháp, giải pháp tối ưu trong ứng dụng Corel Draw, Photoshop, Illustrator trong thiết kế in ấn, thiết kế đồ họa đa phương tiện và các đồ họa trực tuyến... thông qua các bài tập ở lớp và thực hành. Hướng dẫn sinh viên tham khảo, ý thức tìm hiểu nâng cao khả năng sử dụng phần mềm.	02	- Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm <i>trung bình chung của học phần được tính bằng trung bình cộng điểm của các bài tập thực hành.</i> - Thang điểm: 10

513	Kỹ năng mềm	Học phần khái quát kỹ năng làm việc nhóm, Kỹ năng ra quyết định, Kỹ năng thuyết trình, Kỹ năng quản lý thời gian, Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc.	02	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình chung của 02 tín chỉ trong học phần (01 tín chỉ lý thuyết và 01 tín chỉ thực hành. - GV được lựa chọn 02 hình thức: Đánh giá kết quả theo loại học phần lý thuyết hoặc thực hành. - Thang điểm: 10
514	Tiếng Anh chuyên ngành công nghệ truyền thông	Học phần Anh văn chuyên ngành gồm nhiều bài đọc chia theo các chủ đề như giới thiệu về ngành truyền thông, quảng cáo; các phương tiện truyền thông (phát thanh, truyền hình, báo chí, internet...). Các bài đọc này góp phần xây dựng cho sinh viên vốn từ vựng chuyên ngành cũng như giúp cho sinh viên làm quen và phát triển kỹ năng sử dụng tài liệu chuyên ngành bằng Tiếng Anh.	04	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau: + Điểm chuyên cần, thái độ :10% + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20% + Điểm thi kết thúc học phần (thi viết):70% - Thang điểm: 10
515	Bố cục và màu sắc (Học phần tự chọn)	Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức để nghiên cứu lý thuyết về màu sắc, các quy tắc về bố cục trong trang trí, thể hiện được các bài trang trí cơ bản (hình vuông, trang trí đường diềm, trang trí vải hoa,...); từ đó ứng dụng những hiểu biết vào các bài trang trí mang tính ứng dụng. Những kiến thức này giúp sinh viên từng bước có ý thức hơn về thẩm mỹ và sáng tạo trong nghệ thuật.	02	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình chung của học phần được tính bằng trung bình cộng điểm của các bài tập thực hành. - Thang điểm: 10

516	Truyền thông Internet (Học phần tự chọn)	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản truyền thông và truyền thông internet; hiểu được những hình thái truyền thông trên internet, xu thế của truyền thông hiện đại. Từ đó có được những kỹ năng để làm chủ hoạt động truyền thông trên internet. Đồng thời, biết cách để nâng cao hiệu quả truyền thông trên internet và có khả năng ứng dụng các kiến thức đã học vào phụ vụ thực tiễn đời sống cũng như công việc sau này.	02	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau: + Điểm chuyên cần, thái độ :10% + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20% + Điểm thi kết thúc học phần (thi viết):70% - Thang điểm: 10
517	Kỹ thuật quảng cáo (Học phần tự chọn)	Môn học cung cấp những kiến thức tổng quan về quảng cáo (định nghĩa, vai trò, chức năng, lịch sử của quảng cáo, vấn đề văn hóa và đạo đức trong quảng cáo); tổ chức hoạt động của phòng quảng cáo và công ty quảng cáo; đặc điểm của quảng cáo ngoài trời và trên các phương tiện giao thông công cộng, các loại hình quảng cáo khác; kế hoạch sử dụng các phương tiện truyền thông cho quảng cáo; quảng cáo ở VN.	02	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình chung của 02 tín chỉ trong học phần (01 tín chỉ lý thuyết và 01 tín chỉ thực hành. - GV được lựa chọn 02 hình thức: <i>Đánh giá kết quả theo loại học phần lý thuyết hoặc thực hành.</i> - Thang điểm: 10
518	Phương pháp biên tập và soạn thảo văn bản (Học phần tự chọn)	Môn học cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về phong cách ngôn ngữ hành chính để có thể biên tập và soạn thảo văn bản hành chính vừa đúng thể thức vừa chuẩn mực về phong cách ngôn ngữ. Giúp sinh viên nắm vững các nguyên tắc, quy trình, kỹ thuật soạn thảo và biên tập văn bản hành chính tiếng Việt..	02	

519	Truyền thông hình ảnh và quản lý hình ảnh truyền thông	<p>Môn học cung cấp những kiến thức tổng quan: Các khái niệm cơ bản về hình ảnh, truyền thông hình ảnh và quản lý hình ảnh truyền thông; sơ lược sự hình thành và phát triển của hình ảnh, truyền thông hình ảnh và vấn đề quản lý hình ảnh truyền thông; đặc điểm và vai trò của truyền thông hình ảnh và quản lý hình ảnh truyền thông; cơ sở pháp lý của vấn đề truyền thông hình ảnh và quản lý hình ảnh truyền thông; các nguyên tắc truyền thông hình ảnh và quản lý hình ảnh truyền thông Vận dụng những kiến thức trên và hoạt động truyền thông hình ảnh và quản lý hình ảnh truyền thông trong thực tiễn.</p>	02	
520	Thiết kế ấn phẩm truyền thông	<p>Đối với các sinh viên mong muốn sẽ làm việc liên quan trực tiếp đến quảng cáo hoặc lập kế hoạch truyền thông, môn học này sẽ cung cấp như một sự giới thiệu cho tiến trình đánh giá phản biện các lựa chọn phương tiện truyền thông, mua hoặc đưa chiến lược truyền thông vào thực hiện, lập kế hoạch đánh giá hiệu quả truyền thông và đánh giá hiệu quả của phương tiện truyền thông lên khán giả.</p> <p>Đối với các sinh viên khác môn học sẽ cung cấp một nền tảng kiến thức nhằm hiểu rõ vai trò của phương tiện truyền thông trong bối cảnh truyền thông chiến lược rộng lớn hơn. Môn học sẽ mô tả việc quản lý khách hàng, lập kế hoạch tiếp cận khách hàng, sáng tạo, database marketing, khuyến mãi và quan hệ công chúng liên quan đến lập kế hoạch phương tiện truyền thông.</p>	03	<p>- Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm <i>trung bình chung của học phần được tính bằng trung bình cộng điểm của các bài tập thực hành.</i></p> <p>- Thang điểm: 10</p>

521	Đồ họa hình động	<p>Trang bị cho sinh viên các kiến thức về thiết kế ảnh động bằng công cụ Macromedia Flash làm nền tảng học tập cho học phần thiết kế Web, gồm:</p> <p>Hiểu chức năng của phần mềm Flash và chức năng các công cụ để tạo hình ảnh tĩnh, hình ảnh động; Phân biệt các loại tập tin hình ảnh, các loại tập tin âm thanh, các loại tập tin Video và điều kiện sử dụng chúng; Phân biệt các kiểu chuyển động cũng như các kiểu biến hình trong Flash; Phân biệt được công dụng các hiệu ứng có sẵn của Flash; Nắm được cú pháp, ý nghĩa và áp dụng một số lệnh Action Script thông dụng để thiết kế ảnh động có sự tương tác.</p>	03	
522	Biên tập audio và video	<p>Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản cơ bản về âm thanh, tín hiệu số, kiến thức về cách thu âm, cắt, ghép, chỉnh sửa, trộn, phân tích âm thanh và sử dụng các phần mềm để biên tập và chỉnh sửa âm thanh phục vụ cho các mục đích khác nhau sau này và về phần mềm Premier của Adobe. Phần mềm Adobe Premiere Pro là một phần mềm chuyên biên tập xử lý làm video được các đài, các công ty truyền thông, hay các cửa hàng dịch vụ.</p>	02	
523	Sản xuất video truyền thông	<p>Môn học cung cấp những kiến thức tổng quan về quảng cáo, phân tích, đánh giá các khía cạnh ảnh hưởng đến sự thành công của chương trình quảng cáo, đồng thời đưa ra cách xây dựng nên một video quảng cáo hoàn chỉnh (phát triển ý tưởng, phác thảo nội dung, xây dựng kịch bản, thu thập dữ liệu và xử lý dữ liệu) để truyền tải những nội dung thông điệp quảng cáo.</p>	02	

524	Truyền thông doanh nghiệp và tiếp thị	Học phần cung cấp những hiểu biết về kiến thức căn bản bằng tiếng Anh về những nguyên lý truyền thông tích hợp, các công cụ truyền thông tiếp thị tích hợp và sự vận dụng thực tiễn doanh nghiệp của nó như: Xây dựng hình ảnh công ty và quản lý danh tiếng, thương hiệu, hành vi khách hàng, người tiêu dùng và tổ chức, các cơ hội xúc tiến hỗn hợp, các công cụ quảng cáo, xúc tiến và tích hợp trong truyền thông tiếp xúc tích hợp.	02	- Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau: + Điểm chuyên cần, thái độ :10% + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20% + Điểm thi kết thúc học phần (thi viết):70% - Thang điểm: 10
525	Kỹ năng viết truyền thông	Học phần tập trung vào việc giúp sinh viên hiểu được bản chất và các kỹ năng viết cho truyền thông bằng cách giới thiệu cho họ những kỹ năng viết thiết thực và đa dạng. Bên cạnh đó, sinh viên sẽ được thường xuyên tìm hiểu và phân tích các tin, bài trên báo, tạp chí để nhận biết văn phong viết báo chí cũng như cảm nhận tác động xã hội của báo chí truyền thông.	02	- Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình chung của 02 tín chỉ trong học phần (01 tín chỉ lý thuyết và 01 tín chỉ thực hành. - GV được lựa chọn 02 hình thức: <i>Đánh giá kết quả theo loại học phần lý thuyết hoặc thực hành.</i> - Thang điểm: 10
526	Tổ chức sự kiện	Môn học sẽ được tổ chức gắn liền giữa lý thuyết và thực hành. Một bài tập lớn sẽ đi theo suốt môn học. Sinh viên làm bài tập theo nhóm với sự kiện tự chọn dựa trên hướng dẫn của giảng viên, mỗi bài tập gắn liền với từng phần một của sự kiện. Kết thúc môn học đồng thời các nhóm nộp kế hoạch chi tiết tổ chức một sự kiện đã chọn.	02	- GV được lựa chọn 02 hình thức: <i>Đánh giá kết quả theo loại học phần lý thuyết hoặc thực hành.</i> - Thang điểm: 10
527	Xây dựng và quản lý chiến dịch truyền thông	Môn học giới thiệu các công cụ, kỹ thuật và phương tiện truyền thông được sử dụng để chiêu thị sản phẩm. Truyền thông marketing tích hợp (IMC) là một chiến lược phối hợp các công cụ truyền thông nhằm gia tăng mức độ tác động đến khách hàng mục tiêu. Người học sẽ được tiếp cận việc phân tích các cơ hội để chiêu thị, phân tích tiến trình truyền thông, thiết lập mục tiêu và ngân sách IMC. Môn học cũng tập trung vào nghiên cứu các chức năng và các thành phần cơ bản của chiêu thị trong các chương trình marketing của doanh nghiệp; Các khái niệm và tiến trình thiết lập chiến lược IMC.	03	- Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau: + Điểm chuyên cần, thái độ :10% + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20% + Điểm thi kết thúc học phần (thi viết):70%

528	Truyền thông nội bộ	Học phần nhằm trang bị những kiến thức cơ bản về cơ cấu tổ chức, mô hình tổ chức bộ máy quản trị của các doanh nghiệp, công ty, các tổ chức, cơ quan nhà nước; tìm hiểu các hoạt động quản trị truyền thông nội bộ của các tổ chức này. Kết thúc học phần, sinh viên phải có hiểu biết về cơ cấu tổ chức và hoạt động bên trong của các cơ quan, tổ chức, nắm được hoạt động quan hệ công chúng nội bộ, có kỹ năng tác nghiệp trong lĩnh vực quan hệ công chúng nội bộ nhằm xây dựng và duy trì quan hệ tốt đẹp trong tổ chức, góp phần hoàn thành mục tiêu của tổ chức.	02	- Thang điểm: 10
529	Thực hành triển khai dự án truyền thông	Môn học nghiên cứu lý thuyết và thực hành việc thiết kế và quản lý chương trình, dự án, chiến dịch truyền thông, trên cơ sở đó nâng cao năng lực quản lý báo chí truyền thông trong các cơ quan, tổ chức, đặc biệt là ở các cơ quan báo chí, đài truyền hình hoặc đài phát thanh.	03	- Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm <i>trung bình chung của học phần được tính bằng trung bình cộng điểm của các bài tập thực hành.</i> - Thang điểm: 10
530	Quản trị nội dung website	Môn học Quản trị nội dung website: trước khi thiết kế đều được định hình ý tưởng nội dung cụ thể. Môn học xác định được ý tưởng ban đầu của website sẽ giúp người quản trị dễ dàng tìm ra những bước đi đúng cho việc quản trị Web . Nội dung thông tin website chỉ là những thông tin đơn giản bắt buộc theo đúng yêu cầu và lập kế hoạch nội dung sao cho những thông tin đó được điều chỉnh đúng với ý đồ của Web.	02	- Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau: + Điểm chuyên cần, thái độ :10% + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20% + Điểm thi kết thúc học phần (thi

531	An toàn và bảo mật thông tin	Giới thiệu các nguy cơ với một hệ thống thông tin bao gồm về kỹ thuật và các vấn đề về quản lý, con người. Những vấn đề cần chú ý khi xây dựng chính sách, tiêu chuẩn về an toàn và bảo mật hệ thống thông tin. Qui trình và các điểm chú ý khi xây dựng một chương trình bảo đảm an toàn bảo mật hệ thống thông tin, một số chính sách điển hình trong hệ thống thông tin. Một số vấn đề kỹ thuật liên quan đến tấn công mạng máy tính, các lỗi tiềm tàng của lập trình viên trong tấn công các ứng dụng được phát triển, và bảo mật mạng máy tính. Các kỹ thuật mã hóa tiêu biểu và vấn đề đảm bảo an toàn thông tin trong lưu trữ và truyền thông tin trên mạng máy tính.	02	viết):70% - Thang điểm: 10
532	Kỹ thuật nhiếp ảnh	Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về các kỹ năng cần thiết trong việc sử dụng máy ảnh: tốc độ chụp, tiêu cự ống kính, ánh sáng, thời điểm, màu sắc... Hướng dẫn cho sinh viên biết cách chụp ảnh theo một bố cục hợp lý và màu sắc hài hòa nhất. Tạo cho sinh viên lòng yêu thích: yêu thích nhiếp ảnh, yêu thích nghệ thuật, yêu thích thiên nhiên, yêu thích môi trường, yêu phong cảnh đất nước con người...	02	- Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm <i>trung bình chung của học phần được tính bằng trung bình cộng điểm của các bài tập thực hành.</i> - Thang điểm: 10
533	Kỹ thuật quay phim	Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về quay phim đúng kỹ thuật các cỡ cảnh theo đài truyền hình Việt Nam và Quốc tế, quay phim theo chương trình thời sự của đài truyền hình Việt Nam.	02	- Thang điểm: 10

534	Truyền thông đa phương tiện (Học phần tự chọn)	<p>Các hệ thống đa phương tiện tích hợp nhiều loại dữ liệu khác nhau như văn bản, đồ họa, ảnh, video, và âm thanh trong một môi trường máy tính thống nhất. Năm 1990, có một sự phát triển phi thường trong lĩnh vực công nghiệp đa phương tiện hơn nhiều so với dự tính. Điều này kết hợp với sự phát triển của internet cho thấy rằng đây là một môn học có ý nghĩa quan trọng trong hệ thống chương trình đào tạo.</p> <p>Mục đích của môn học này nhằm giúp sinh viên phát triển sự hiểu biết về các nguyên tắc cơ bản về các hệ thống đa phương tiện và chúng được ứng dụng và phát triển như thế nào trong thực tế. Ngoài ra nhằm tạo cho sinh viên cơ hội tiếp cận thực sự chuyên sâu về môn học. Đồng thời cũng tạo điều kiện cho sinh viên tự học, phát triển năng lực, điểm mạnh, điểm yếu của mỗi cá nhân.</p>	02	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình chung của 02 tín chỉ trong học phần (01 tín chỉ lý thuyết và 01 tín chỉ thực hành. - GV được lựa chọn 02 hình thức: <i>Đánh giá kết quả theo loại học phần lý thuyết hoặc thực hành.</i> - Thang điểm: 10
535	Truyền thông đại chúng và dư luận xã hội (Học phần tự chọn)	<p>Học phần cung cấp cho người học những hiểu biết về các phương tiện truyền thông đại chúng, ảnh hưởng của truyền thông đại chúng đến đời sống xã hội. Cung cấp kiến thức nền tảng về bản chất, quy luật, hành vi, vai trò của Dư luận xã hội; phân biệt tin đồn và dư luận xã hội, ảnh hưởng của Dư luận xã hội đối với đời sống xã hội; Mối quan hệ giữa truyền thông đại chúng và dư luận xã hội. Đồng thời cung cấp các thao tác điều tra của Dư luận xã hội.</p>	02	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả đánh giá học phần của sinh viên được tính bằng điểm trung bình của các kết quả đánh giá sau: + Điểm chuyên cần, thái độ :10% + Điểm các bài kiểm tra giữa kỳ và bài tập: 20% + Điểm thi kết thúc học phần (thi viết):70% - Thang điểm: 10

536	Xây dựng và phát triển thương hiệu	Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý thuyết và thực tiễn về xây dựng, phát triển và quản lý thương hiệu. -Nghiên cứu lý thuyết đương đại về thương hiệu, giá trị thương hiệu và quản lý chiến lược thương hiệu. Đồng thời, môn học chú trọng vào nội dung “bằng cách nào” và “tại sao”, cung cấp những hoạch định, xây dựng, đo lường và quản lý giá trị thương hiệu. Một trong những nội dung môn học sẽ là bài tập về lập kế hoạch cụ thể cho một nhãn hiệu của sản phẩm mới hoặc hiện có.	02	
537	Xử lý khủng hoảng truyền thông	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản quản lý khủng hoảng đối với một tổ chức. Trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch để đề phòng khủng hoảng và truyền thông trong khủng hoảng và có các biện pháp xử lý các khủng hoảng.	02	
538	Văn hóa doanh nghiệp (Học phần tự chọn)	Nội dung của môn học nhằm trang bị cho học viên những kiến thức chung về văn hóa kinh doanh và những kỹ năng cần thiết để tổ chức, ứng dụng các kiến thức về văn hóa trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.	02	
539	Truyền thông quốc tế (Học phần tự chọn)	Học phần cung cấp cho người học những hiểu biết về truyền thông quốc tế: khái niệm, chức năng, vai trò, lịch sử và xu hướng phát triển. Cung cấp kiến thức nền tảng về trật tự truyền thông quốc tế mới, mối quan hệ giữa toàn cầu hóa và truyền thông quốc tế. Sức mạnh của thông tin và truyền thông trong kỷ nguyên mới.	02	

540	Thực tập chuyên ngành	<p>Học phần này cung cấp cho người học những hiểu biết thực tế đầu tiên về các thành phần tạo nên các hoạt động truyền thông: cơ sở vật chất, nội dung, các phương pháp cơ bản về hoạt động truyền thông. Thông qua chương trình học tập thực tế người học có cơ hội được tham gia, quan sát sự vận hành của một chương trình về truyền thông, đặc biệt là quá trình sử dụng công nghệ thông tin cho lĩnh vực truyền thông... Những hiểu biết ban đầu này có ý nghĩa rất quan trọng, giúp người học hiểu và hình dung đúng về các vị trí nghề nghiệp được đào tạo, hình thành lòng yêu nghề, niềm say mê học tập.</p>	04	<p>Sinh viên phải tham dự đầy đủ. Điểm là điểm của học phần thực hành làm tròn đến một chữ số thập phân. Giáo viên hướng dẫn cho 01 con điểm</p>
541	Thực tập tốt nghiệp (08 tuần)	<p>Học phần thực tập tốt nghiệp là cơ hội để người học tìm hiểu một cách hoàn chỉnh về hoạt động truyền thông do các đơn vị tổ chức và các công ty, nhóm, cá nhân. Người học cũng sẽ được vận dụng và thực hành tổng hợp các kiến thức, kỹ năng và thái độ đã được đào để hoàn thành các công việc được giao tại các cơ sở thực tập.</p>	08	<p>- Điểm thực tập tốt nghiệp gồm điểm chuyên cần (20%) + điểm đánh giá của đơn vị thực tập (60%) + điểm báo cáo thu hoạch thực tập (20%).</p> <p>+ Điểm chuyên cần: giảng viên hướng dẫn sẽ theo dõi, kiểm tra quá trình thực tập của sinh viên và chấm điểm chuyên cần. Sinh viên phải liên hệ, trao đổi với giảng viên hướng dẫn theo quy định.</p> <p>+ Điểm đánh giá của đơn vị thực tập: điểm đánh giá của đơn vị thực tập là điểm số ghi trong Giấy nhận xét (theo mẫu).</p> <p>+ Điểm báo cáo kết quả thực tập: do giảng viên hướng dẫn chấm</p>

D. Công khai thông tin về giáo trình, tài liệu tham khảo do cơ sở giáo dục tổ chức biên soạn

STT	Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)	Năm xuất bản	Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử)
1	Lịch sử truyền thông (Media history)	2019	<p>Kế hoạch năm 2019 dự kiến biên soạn: Ngành Cao học Quản trị dịch vụ du lịch & lữ hành: 19 học phần</p>
2	Lý thuyết truyền thông (Media theory)	2019	
3	Ngôn ngữ truyền thông (Media language)	2019	
4	Các loại hình truyền thông đại chúng (Types of mass media)	2019	
5	Quan hệ công chúng (Public Relations)	2019	
6	Công chúng truyền thông (Public Media)	2019	
7	Xã hội học truyền thông (Media sociology)	2019	
8	Tâm lý học truyền thông (Media psychology)	2019	
9	Pháp luật và đạo đức truyền thông (Law and moral Media)	2019	
10	Cơ sở đồ họa máy tính (Basis of Computer graphics)	2019	
11	Bố cục và màu sắc (Layout and color)	2019	
12	Truyền thông Internet (Internet Media)	2019	
13	Kỹ thuật quảng cáo (Advertising techniques)	2019	
14	Truyền thông hình ảnh và quản lý hình ảnh truyền thông Visual Media and the management of visual communication	2019	
15	Thiết kế ấn phẩm truyền thông (Design of media publications)	2019	
16	Đồ họa hình động (Animation graphics)	2019	
17	Biên tập audio và video (Audio and video editing)	2019	
18	Truyền thông doanh nghiệp và tiếp thị Business Media and marketing	2019	
19	Kỹ năng viết truyền thông (Communication writing skills)	2019	

20	Xây dựng và quản lý chiến dịch truyền thông Building and managing media campaigns	2019
21	Truyền thông nội bộ (Internal Media)	2019
22	Quản trị nội dung Website (Website content management)	2019
23	Kỹ thuật nhiếp ảnh (Photography techniques)	2019
24	Kỹ thuật quay phim (Filming techniques)	2019
25	Xây dựng và phát triển thương hiệu Building and developing brands	2019
26	Xử lý khủng hoảng truyền thông (Handling media crisis)	2019
27	Truyền thông đa phương tiện (Multimedia)	2019
28	Xã hội học truyền thông đại chúng và dư luận xã hội Sociology of mass media and public opinion	2019
29	Văn hóa doanh nghiệp	2019
30	Truyền thông quốc tế (International communication)	2019

E. Công khai thông tin về đề án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Tiến sĩ	x	x	x	x
2	Thạc sĩ	<i>Quản lý di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn xã Hoàng Quang, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa</i>	Lê Sĩ An	TS. Phạm Tuấn	(1) Luận văn đánh giá đầy đủ về những giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ về kiến trúc nghệ thuật hệ thống di tích tại xã Hoàng Quang và thực trạng (những ưu điểm, hạn chế, tồn tại cần khắc phục) của công

					<p>tác quản lý di tích lịch sử văn hóa trên địa bàn.</p> <p>(2) Luận văn sẽ đưa ra giải pháp để quản lý tốt hệ thống di tích, phát huy giá trị góp phần phát triển kinh tế-xã hội của địa phương.</p>
		<p><i>Xây dựng môi trường văn hóa ở Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa hiện nay</i></p>	<p>Hoàng Ngọc Bình</p>	<p>TS. Lê Văn Phong</p>	<p>(1) Luận văn đánh giá được thực trạng công tác xây dựng môi trường văn hóa ở trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa thời gian qua. Chỉ ra ưu điểm, hạn chế và những vấn đề đặt ra trong công tác xây dựng môi trường văn hóa ở trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa hiện nay.</p> <p>(3) Trên cơ sở đánh giá được những thực trạng công tác xây dựng môi trường văn hóa ở trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa thời gian qua và đề xuất các nhóm giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả xây dựng môi trường văn hóa ở</p>

					Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa trong giai đoạn tới.
		<i>Xây dựng đời sống văn hóa trên địa bàn phường An Hoạch, Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.</i>	Vũ Thị Hương Giang	TS. Nguyễn Thị Lan Hương	<p>(1) Luận văn làm rõ các vấn đề về xây dựng đời sống văn hóa cơ sở như: các khái niệm về văn hóa, đời sống văn hóa; những thành tố cơ bản của đời sống văn hóa; và những nội dung cơ bản của công tác xây dựng đời sống văn hóa cơ sở.</p> <p>(2) Luận văn phân tích thực trạng xây dựng đời sống văn hóa cơ sở phường An Hoạch, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Đánh giá những thành tựu và hạn chế còn tồn tại đồng thời chỉ ra nguyên nhân của hạn chế đó.</p> <p>(3) Từ việc phân tích thực trạng xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, luận văn đưa ra những giải pháp thiết thực nhằm nâng cao chất lượng hoạt động này trên địa bàn</p>

					phường An Hoạch trong bối cảnh hội nhập hiện nay.
		<i>Quản lý nhà nước về gia đình trên địa bàn huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.</i>	Mai Thị Ngọc Linh	TS. Nguyễn Thị Nguyệt	<p>(1) Nghiên cứu cơ sở lý thuyết và khái quát về gia đình, qua việc nghiên cứu tổng quan từ các công trình đi trước để vận dụng vào thực tiễn một địa bàn cụ thể.</p> <p>(2) Đánh giá được thực trạng công tác quản lý nhà nước về gia đình trên địa bàn huyện Đông Sơn hiện nay. Làm rõ được các yếu tố ảnh hưởng đến việc quản lý đó, đồng thời chỉ ra được những thuận lợi, khó khăn, hạn chế, những nguyên nhân dẫn đến những hạn chế trong công tác quản lý nhà nước về gia đình trên địa bàn huyện Đông Sơn hiện nay.</p> <p>(3) Đưa ra được những giải pháp, mô hình quản lý, tổ chức có tính thực tiễn và hiệu quả, phù hợp với thực tiễn địa phương.</p>

		<p><i>Quản lý hoạt động kinh doanh dịch vụ Karaoke trên địa bàn Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa</i></p>	<p>Trịnh Huy Ngọc</p>	<p>PGS.TS. Phan Văn Tú</p>	<p>(1) Tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý đối với dịch vụ karaoke trên địa bàn thành phố Thanh Hóa đảm bảo đúng định hướng của Đảng và các quy định của Nhà nước, đồng thời phù hợp với nhu cầu lợi ích xã hội, tạo điều kiện thuận lợi trong quản lý và tổ chức kinh doanh đạt hiệu quả, hạn chế thấp nhất về tệ nạn xã hội, các vụ cháy lớn do hoạt động kinh doanh karaoke gây ra, làm ảnh hưởng đến môi trường văn hóa chung của thành phố Thanh Hóa</p>
		<p><i>Quản lý hoạt động Trung tâm Văn hóa – Thể thao xã, thị trấn trên địa bàn huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.</i></p>	<p>Nguyễn Thị Nguyễn</p>	<p>TS. Nguyễn Thị Thục</p>	<p>Luận văn nghiên cứu và hệ thống hóa cơ sở lý luận về TCVH, phân tích cụ thể đặc điểm, chức năng, nhiệm vụ và nội dung quản lý hoạt động của TTVH-TT xã, thị trấn.</p> <p>(2) Nghiên cứu thực trạng công tác quản lý</p>

					<p>hoạt động Trung tâm văn hóa-thể thao xã, thị trấn trên địa bàn huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa</p> <p>(3) Đề ra định hướng quản lý hoạt động Trung tâm văn hóa-thể thao xã, thị trấn trên địa bàn huyện Đông Sơn trong điều kiện hiện nay.</p>
		<p><i>Quản lý nhà nước về gia đình trên địa bàn Thành phố Thanh Hóa</i></p>	<p>Nguyễn Thị Kiều Oanh</p>	<p>TS. Nguyễn Thị Nguyệt</p>	<p>(1) Trên cơ sở hệ thống hóa những vấn đề lý luận và thực tiễn về công tác quản lý nhà nước về gia đình, làm rõ thực trạng quản lý nhà nước về gia đình của thành phố Thanh Hóa từ năm 2010 đến nay, luận văn đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác quản lý nhà nước về gia đình trên địa bàn thành phố Thanh Hóa trong thời gian tới.</p>
		<p><i>Xây dựng đời sống văn hóa ở các khu đô thị mới trên địa bàn Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa</i></p>	<p>Lê Thị Phúc</p>	<p>TS. Nguyễn Thị Thục</p>	<p>(1) Luận văn khái quát về xây dựng đời sống văn hóa và tác động của nó đối với việc xây dựng đời sống văn</p>

					<p>hóa trên địa bàn thành phố Phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa</p> <p>(2) Luận văn sẽ luận giải về cơ sở lý thuyết xây dựng đời sống văn hóa và áp dụng vào công tác xây dựng đời sống văn hóa tại các khu đô thị mới nói chung.</p> <p>(3) Nghiên cứu hoạt động xây dựng đời sống văn hóa tại các khu đô thị trên địa bàn Thành phố Thanh Hóa.</p> <p>(4) Đề xuất giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao chất lượng xây dựng đời sống văn hóa tại các khu đô thị mới trên địa bàn thành phố Thanh Hóa trong thời gian tới.</p>
		<p><i>Xây dựng đời sống văn hóa trên địa bàn xã Thiệu Dương, Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa</i></p>	<p>Dương Thị Phương</p>	<p>TS. Võ Hồng Hải</p>	<p>(1) Luận văn nghiên cứu, đánh giá tổng thể các vấn đề liên quan đến việc xây dựng đời sống văn hóa trên đại bàn xã Thiệu Dương, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.</p> <p>(2) Qua tổng hợp</p>

					<p> nghiên cứu lý luận và đánh giá tình hình thực tiễn các mặt công tác xây dựng đời sống văn hóa, luận văn đã đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng xây dựng đời sống văn hóa tại xã Thiệu Dương hiện nay.</p>
		<p><i>Bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa đền thờ Nguyễn Văn Nghi, xã Đông Thanh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa</i></p>	<p>Nguyễn Thị Nhung</p>	<p>TS. Lê Thị Thảo</p>	<p>(1) Nghiên cứu cơ sở lý luận về DSVH và hoạt động bảo tồn phát huy các giá trị DSVH từ các công trình đi trước để vận dụng vào thực tiễn một di tích cụ thể đó là đền thờ Nguyễn Văn Nghi</p> <p>(2) Đánh giá được thực trạng bảo tồn và phát huy giá trị DSVH tại đền thờ Nguyễn Văn Nghi. Làm rõ được vai trò của công tác bảo tồn và phát huy giá trị DSVH, đồng thời chỉ ra được những kết quả đạt được và chưa đạt được trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị DSVH ở đền thờ Nguyễn Văn Nghi.</p>

					(3) Đưa ra được những giải pháp có tính thực tiễn và hiệu quả, phù hợp với thực tiễn địa phương.
		<i>Xây dựng môi trường văn hóa du lịch ở Thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa</i>	Phạm Văn Thanh	TS. Lê Thanh Hà	Trên cơ sở đánh giá thực trạng, dựa trên các quan điểm, định hướng xây dựng môi trường văn hóa du lịch thành phố Sầm Sơn, đề tài đã đề xuất đề xuất 5 nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả xây dựng môi trường văn hóa du lịch ở thành phố Sầm Sơn gồm: (1) Giải pháp về tạo lập một môi trường kinh tế chính trị lành mạnh, thuận lợi thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở địa phương gồm , (2) Giải pháp về văn hóa - xã hội, (3) Giải pháp về xây dựng môi trường hành vi ứng xử, (4) Giải pháp về giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, (5) Giải pháp về môi trường thẩm mỹ.
					(1) Nghiên cứu cơ sở

		<i>Quản lý di tích lịch sử - văn hóa trên địa bàn huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa</i>	Nguyễn Xuân Thanh	PGS.TS. Trần Văn Thức	<p>lý thuyết và khái quát về di tích lịch sử-văn hóa, qua việc nghiên cứu tổng quan từ các công trình đi trước để vận dụng vào thực tiễn một địa bàn cụ thể.</p> <p>(2) Đánh giá được thực trạng công tác quản lý di tích lịch sử-văn hóa trên địa bàn huyện Đông Sơn hiện nay. Làm rõ được các yếu tố ảnh hưởng đến việc quản lý đó, đồng thời chỉ ra được những thuận lợi, khó khăn, hạn chế những nguyên nhân dẫn đến những hạn chế trong công tác quản lý di tích lịch sử-văn hóa trên địa bàn huyện Đông Sơn hiện nay</p> <p>(3) Đưa ra được những giải pháp, mô hình quản lý, tổ chức có tính thực tiễn và hiệu quả, phù hợp với thực tiễn địa phương.</p>
					<p>(1) Luận văn nghiên cứu, đánh giá tổng thể các vấn đề liên quan đến việc Quản lý nhà</p>

		<p><i>Quản lý lễ hội đền Mung ở xã Trung Thành, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa</i></p>	<p>Nguyễn Thị Thiên Thu</p>	<p>TS. Hoàng Bá Tường</p>	<p>nước về công tác tổ chức lễ hội tại lễ hội truyền thống Đền Mung, xã Trung Thành, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Trên cơ sở nghiên cứu, phân tích, làm rõ các vấn đề liên quan đến lễ hội, quản lý nhà nước đối với lễ hội truyền thống; khái niệm quản lý và quản lý lễ hội truyền thống. Từ khảo sát thực trạng các hoạt động tổ chức lễ hội Đền Mung, luận văn đã phân tích, đánh giá một cách khách quan, trung thực đặc điểm của thực trạng công tác tổ chức lễ hội; phân tích, đánh giá và rút ra ưu điểm, những tồn tại bất cập và nguyên nhân của những tồn tại trong các công tác quản lý lễ hội Đền Mung.</p> <p>(3) Qua tổng hợp nghiên cứu lý luận và đánh giá tình hình thực tiễn các mặt công tác quản lý lễ hội, luận văn đã đề xuất một số</p>
--	--	---	------------------------------------	---------------------------	---

					giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý lễ hội truyền thống Đền Mung.
		<i>Quản lý Trung tâm Triển lãm - Hội chợ - Quảng cáo tỉnh Thanh Hóa</i>	Phạm Huyền Trang	PGS.TS. Phạm Bích Huyền	. Dựa trên quan điểm, định hướng về phát triển Trung tâm từ đó đề xuất 6 nhóm giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý Trung tâm Triển lãm, hội chợ, quảng cáo trong giai đoạn tới gồm: (1) Kiến tạo bộ máy tổ chức và phát huy vai trò của đoàn thể; (2) Đổi mới các hoạt động; (3) Giải pháp về hành chính tổ chức và cơ sở vật chất; (4) Giải pháp về nhân lực; (5) Giải pháp về tài chính; (6) Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá. Các nhóm giải pháp trên cần được thực hiện đồng bộ nhằm hướng tới quản lý hiệu quả theo lộ trình tự chủ và tiến tới tự chủ Trung tâm trong tương lai.
					(1) Luận văn làm rõ các vấn đề lý luận về xây dựng đời sống văn hóa cơ sở như: các

		<i>Xây dựng đời sống văn hóa trên địa bàn xã Hoàng Long, Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa</i>	Lê Hồng Tuấn	TS. Nguyễn Thị Lan Hương	<p>khái niệm về văn hóa, đời sống văn hóa; những thành tố cơ bản của đời sống văn hóa; và những nội dung cơ bản của công tác xây dựng văn hóa cơ sở.</p> <p>(2) Luận văn phân tích thực trạng xây dựng đời sống văn hóa cơ sở ở xã Hoàng Long, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Đánh giá những thành tựu và hạn chế còn tồn tại đồng thời chỉ ra nguyên nhân của hạn chế đó.</p> <p>(3) Từ việc phân tích thực trạng xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, luận văn đưa ra những giải pháp thiết thực nhằm nâng cao chất lượng hoạt động này trên địa bàn xã Hoàng Long trong bối cảnh hội nhập hiện nay.</p>
					<p>(1) Trên cơ sở nghiên cứu, phân tích, làm rõ các vấn đề về cơ sở lý luận liên quan đến quảng cáo, quản lý nhà</p>

		<p><i>Quản lý hoạt động quảng cáo trên truyền hình tỉnh Thanh Hóa</i></p>	<p>Lê Thị Cẩm Tú</p>	<p>PGS.TS. Trần Văn Thức</p>	<p>nước về hoạt động quảng cáo, luận văn đã phân tích, đánh giá một cách khách quan, trung thực đặc điểm của hoạt động quảng cáo và thực trạng công tác quản lý hoạt động quảng cáo trên truyền hình Thanh Hóa từ năm 2013 đến năm 2018; đồng thời đã rút ra ưu điểm, những hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế trong công tác quản lý hoạt động quảng cáo trên Truyền hình Thanh Hóa.</p> <p>(2) Luận văn đã đưa ra những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động quảng cáo trên truyền hình Thanh Hóa. Những giải pháp tập trung vào hai nhóm chính là: Nhóm giải pháp quản lý nhà nước về hoạt động quảng cáo và nhóm giải pháp về phía các đơn vị trực tiếp tham gia hoạt động quảng cáo.</p>
--	--	---	-----------------------------	------------------------------	---

		<i>Quản lý Di tích lịch sử - Văn hóa tại các xã ven biển huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa</i>	Vũ Thị Vân	TS. Nguyễn Văn Dũng	Luận văn góp phần làm rõ hơn thực trạng và công tác quản lý di tích nói chung và di tích lịch sử-văn hóa nói riêng tại các xã ven biển trên địa bàn huyện Hậu Lộc; luận văn đi sâu vào việc khảo sát, phân tích, đánh giá những kết quả đạt được, nêu lên những tồn tại, hạn chế, yếu kém trong công tác quản lý di tích tại các xã ven biển huyện Hậu Lộc. Từ đó đề xuất những giải pháp cụ thể, có tính khả thi, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, bảo tồn, phát huy giá trị di tích lịch sử-văn hóa trên địa bàn huyện Hậu Lộc.
		<i>Quản lý kinh doanh dịch vụ văn hóa trên địa bàn huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa</i>	Lê Minh Đức	PGS.TS Lê Văn Tạo	(1) Luận văn là công trình nghiên cứu về thực trạng và đề xuất giải pháp công tác quản lý hoạt động kinh doanh dịch vụ văn hóa trên địa bàn huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa. (2) Luận văn đi sâu đánh giá về thực trạng

					<p>của các cơ sở kinh doanh và 7 loại hình kinh doanh dịch vụ văn hóa trên địa bàn huyện Thọ Xuân: <i>Hoạt động kinh doanh dịch vụ internet – trò chơi điện tử; hoạt động kinh doanh dịch vụ karaoke; hoạt động kinh doanh dịch vụ băng đĩa nhạc; hoạt động kinh doanh dịch vụ lắp đặt biển hiệu quảng cáo; hoạt động kinh doanh dịch vụ tổ chức sự kiện nghệ thuật; hoạt động kinh doanh dịch vụ cho thuê trang phục biểu diễn nghệ thuật và hoạt động kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí cho trẻ.</i> Đồng thời nêu bật các mặt tích cực, tiêu cực của các loại hình dịch vụ văn hóa; thực trạng quản lý Nhà nước về hoạt động kinh doanh dịch vụ văn hóa trên địa bàn huyện.</p> <p>(3) Từ đó, tác giả đưa ra 7 giải pháp trọng tâm: giải pháp về công</p>
--	--	--	--	--	--

					tác tuyên truyền, giáo dục nhận thức (đối với chủ thể kinh doanh và người sử dụng các dịch vụ văn hóa); giải pháp về đào tạo nguồn nhân lực quản lý (bằng việc thực hiện tuyển dụng cán bộ, công chức có trình độ chuyên môn cao và nâng cao trình độ chuyên môn cho công chức văn hóa đặc biệt là cấp cơ sở); giải pháp về chính sách (chính sách ưu đãi, thu hút các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp đồng thời đẩy mạnh công tác xã hội hóa các hoạt động kinh doanh dịch vụ văn hóa); giải pháp về hoàn thiện hệ thống văn bản; giải pháp tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm; giải pháp phát huy vai trò, sự tham gia của cộng đồng trong công tác quản lý kinh doanh dịch vụ văn hóa và giải pháp áp dụng công nghệ thông tin
--	--	--	--	--	--

				<p>trong công tác quản lý kinh doanh dịch vụ văn hóa nhằm đẩy mạnh các loại hình kinh doanh dịch vụ văn hóa có tiềm năng và nâng cao hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về kinh doanh dịch vụ văn hóa trên địa bàn huyện Thọ Xuân.</p> <p>(4) Kết quả nghiên cứu là cơ sở cho các đơn vị làm công tác quản lý văn hóa có hệ thống tư liệu trong xây dựng hoạch định phát triển các hoạt động kinh doanh dịch vụ văn hóa cho phù hợp với địa bàn, từ đó định hướng nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động kinh doanh dịch vụ văn hóa, mang tính thực tiễn, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ, sinh hoạt văn hóa tinh thần, xây dựng đời sống văn hóa lành mạnh, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của huyện Thọ Xuân.</p> <p>(5) Luận văn sẽ là tư</p>
--	--	--	--	---

					<p>liệu tham khảo cho nghiên cứu, tìm hiểu về công tác quản lý Nhà nước về hoạt động kinh doanh dịch vụ văn hóa của nhiều địa phương khác. Đồng thời, kết quả nghiên cứu của luận văn cũng làm phong phú nguồn tài liệu tham khảo liên quan đến kinh tế học văn hóa, công nghiệp văn hóa, thị trường văn hóa, kinh doanh dịch vụ văn hóa, quản lý nhà nước về văn hóa, quản lý nhà nước về kinh doanh dịch vụ văn hóa, bổ sung vào nguồn tài liệu chuyên khảo địa phương và tài liệu phục vụ cho nghiên cứu, giảng dạy, học tập cho ngành Quản lý văn hóa.</p>
					<p>(1) Luận văn nghiên cứu, đánh giá tổng quan về công tác bảo tồn và phát huy giá trị DSVH nói chung, DSVH trên địa bàn phường An Hoạch, thành phố Thanh Hóa</p>

		<i>Bảo tồn và phát huy hệ thống Di sản văn hóa trên địa bàn phường An Hoạch, Thành phố Thanh Hóa phục vụ phát triển du lịch</i>	Nguyễn Thị Thu Hằng	TS. Lê Thanh Hà	nói riêng (2) Qua tổng hợp nghiên cứu lý luận và đánh giá tình hình thực tiễn về các mặt quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị ĐSVH phường AN Hoạch, thành phố Thanh Hóa và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị ĐSVH phục vụ phát triển du lịch trên địa bàn Phường An Hoạch trong hiện tại và tương lai.
		<i>Quản lý Thiết chế văn hóa trên địa bàn Phường Đông Vệ, Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa</i>	Hà Thị Hằng	TS. Nguyễn Văn Dũng	Trên cơ sở đánh giá thực trạng, dựa trên các quan điểm, định hướng quản lý các thiết chế văn hóa trên địa bàn phường Đông Vệ, đề tài đã đề xuất 5 nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý các TCVH trên địa bàn phường Đông Vệ gồm: (i) Hoàn thiện cơ chế, chính sách và các quy hoạch xây dựng cơ sở vật chất; (ii) Nâng cao chất lượng các hoạt động tổ chức tại các

					<p>thiết chế văn hóa; (iii) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực quản lý thiết chế văn hóa; (iv) Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn quỹ hoạt động các thiết chế văn hóa; (v) Tăng cường công tác khen thưởng, thanh, kiểm tra, xử lý vi phạm trong quản lý thiết chế văn hóa.</p>
		<p><i>Quản lý lễ hội Mừng Ca Da, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa</i></p>	<p>Vi Thị Huệ</p>	<p>TS. Hoàng Bá Tường</p>	<p>(1) Để phát huy và bảo tồn những nét văn hóa truyền thống của địa phương, nhân dân huyện Quan Hóa ngày nay cũng đang ra sức bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa tốt đẹp của Lễ hội Mừng Ca Da. Để các hoạt động của lễ hội như tế lễ, các trò diễn xướng dân gian, các trò chơi dân gian, các môn thể thao dân tộc còn lưu giữ và phát huy giá trị, góp phần làm phong phú đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân, làm tăng tình đoàn kết, gắn</p>

					bó của cộng đồng các dân tộc trong huyện, cùng xây dựng bản mường ngày càng giàu đẹp, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp đã đề ra.
		<i>Quản lý di tích lịch sử - văn hóa đã xếp hạng trên địa bàn huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa</i>	Nguyễn Thị Lan	TS. Phạm Tuấn	<p>(1) Đề tài luận văn góp phần hệ thống hóa lý luận về di sản văn hóa, quản lý di sản văn hóa; các quan điểm, cơ sở lý thuyết về quản lý di tích. Nghiên cứu các vấn đề lý luận chung về công tác quản lý di tích lịch sử-văn hóa trên địa bàn huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.</p> <p>(2) Nghiên cứu, phân tích thực trạng của công tác quản lý di tích lịch sử-văn hóa trên địa bàn huyện Quảng Xương. Đánh giá thực trạng công tác quản lý di tích lịch sử-văn hóa, đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác quản lý di tích lịch sử-văn hóa. Luận văn</p>

				<p>cung cấp thông tin, tư liệu về hệ thống các di tích lịch sử-văn hóa trên địa bàn huyện Quảng Xương. Qua đó làm rõ thực trạng tổ chức bộ máy và hoạt động quản lý di tích lịch sử-văn hóa, những tác động của sự phát triển kinh tế đối với các di tích trên địa bàn.</p> <p>(3) Luận văn đưa ra những quan điểm, kiến nghị, giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý di tích lịch sử-văn hóa, tạo nguồn lực thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của địa phương.</p>
				<p>(1) Luận văn hệ thống hóa cơ sở lý luận về quản lý hoạt động truyền thông di sản văn hóa trên sóng phát thanh truyền hình tỉnh Thanh Hóa, bước đầu đề cập đến các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động truyền thông di sản văn hóa trên sóng phát thanh truyền hình.</p>

		<i>Quản lý hoạt động truyền thông về Di sản Văn hóa tại Đài Phát thanh và truyền hình tỉnh Thanh Hóa</i>	Đào Thị Thanh Liên	TS. Lê Thị Thảo	(2) Trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động quản lý, luận văn đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý hoạt động truyền thông di sản văn hóa trên sóng phát thanh truyền hình tỉnh Thanh Hóa.
		<i>Quản lý di sản văn hóa dân tộc Mường gắn với phát triển du lịch tại huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình</i>	Võ Thị Kim Liên	TS. Vũ Văn Tuyền	(1) Kết quả nghiên cứu của Luận văn góp phần khẳng định các giá trị văn hóa của người Mường thông qua các di sản văn hóa. (2) Kết quả nghiên cứu của Luận văn là cơ sở cho các nhà quản lý văn hóa khẳng định hướng chỉ đạo và tổ chức hoạt động phù hợp với thực tiễn ở địa phương.
		<i>Quản lý Di sản văn hóa phi vật thể tại khu di sản văn hóa thế giới Thành Nhà Hồ, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa</i>	Nguyễn Văn Long	TS. Đỗ Quang Trọng	(1) Luận văn nghiên cứu, đánh giá tổng thể các vấn đề liên quan đến việc Quản lý nhà nước về công tác quản lý di sản văn hóa phi vật thể tại khu di sản văn hóa thế giới Thành Nhà Hồ, huyện Vĩnh

					<p>Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Trên cơ sở nghiên cứu, phân tích, luận văn làm rõ các vấn đề liên quan đến quản lý nhà nước đối với di sản văn hóa phi vật thể; làm rõ một số khái niệm cơ bản như khái niệm: di sản văn hóa, di sản văn hóa phi vật thể; khái niệm quản lý và quản lý nhà nước về di sản văn hóa phi vật thể. Từ khảo sát thực trạng công tác quản lý di sản văn hóa phi vật thể tại khu di sản văn hóa thế giới Thành Nhà Hồ, luận văn đã phân tích, đánh giá một cách khách quan, trung thực đặc điểm của thực trạng công tác quản lý di sản văn hóa phi vật thể tại khu di sản; phân tích, đánh giá và rút ra ưu điểm, những tồn tại bất cập và nguyên nhân của những tồn tại trong các mặt công tác quản lý di sản văn hóa phi vật thể tại khu di sản văn hóa thế giới Thành Nhà Hồ.</p>
--	--	--	--	--	---

					(2) Qua tổng hợp nghiên cứu lý luận và đánh giá tình hình thực tiễn các mặt công tác quản di sản văn hóa phi vật thể, luận văn đã đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý di sản văn hóa phi vật thể tại khu di sản thế giới Thành Nhà Hồ.
		<i>Quản lý làng nghề truyền thống ở huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa phục vụ phát triển du lịch</i>	Nguyễn Thị Nga	TS. Lê Thanh Hà	(1) Công tác quản lý lễ hội đã góp phần quan trọng vào việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc, nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân. Lễ hội được tổ chức với nghi thức cúng tế trang trọng, linh thiêng, thành kính. Chương trình hội đa dạng, phong phú, hấp dẫn đã bảo tồn có chọn lọc những phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc theo xu hướng tiết kiệm, lành mạnh, tiến bộ. Điều đó đã khẳng định bản lĩnh, trí tuệ, trách nhiệm của người dân xã Xuân Lập nói

				<p>riêng và nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa nói chung luôn hướng về nguồn cội của cộng đồng.</p> <p>(2) Trong những năm qua, công tác tổ chức, quản lý lễ hội Lê Hoàn đạt được nhiều kết quả nhất định trong quá trình hoạt động. Tuy nhiên trong quá trình phát triển đất nước, hội nhập kinh tế, phát triển văn hóa thì công tác tổ chức, quản lý lễ hội còn gặp nhiều khó khăn và tác động không nhỏ tới lễ hội. Trước những khó khăn đó đòi hỏi công tác tổ chức, quản lý lễ hội cần phải có đường lối, cơ chế chính sách phù hợp; nâng cao chất lượng quản lý nguồn nhân lực và bộ máy quản lý; làm phong phú thêm nội dung chương trình lễ hội; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, tăng cường kêu gọi nguồn xã hội hóa. Mặt khác cũng cần làm tốt</p>
--	--	--	--	--

					<p>công tác vệ sinh môi trường, an ninh trật tự, xử lý vi phạm trong lễ hội để hoạt động lễ hội được diễn ra trang nghiêm, lành mạnh góp phần bảo tồn và phát huy giá trị của lễ hội Lê Hoàn.</p> <p>(3) Việc tổ chức và quản lý lễ hội đền thờ Lê Hoàn tiếp tục thực hiện đảm bảo theo đúng Luật Di sản văn hóa, đảm bảo tính văn minh, phân cấp, phân quyền cụ thể, thực hiện theo đúng các văn bản chỉ đạo của Trung ương và địa phương, trong các nội dung trên thì việc tổ chức thực hiện đảm bảo vai trò của chủ thể quản lý lễ hội, những công việc của chủ thể tham gia quản lý lễ hội, cộng đồng tham gia quản lý lễ hội và các nhiệm vụ của cộng đồng, thể hiện được tinh nguyên tắc và nâng cao chất lượng tổ chức quản lý lễ hội, tiếp tục thực hiện tốt công tác tổ</p>
--	--	--	--	--	--

					<p>chức và quản lý lễ hội Lê Hoàn. Trên cơ sở nêu lên thực trạng quản lý lễ hội Lê Hoàn, luận văn đã đưa ra các giải pháp nhằm bảo tồn lễ hội nâng cao hiệu quả quản lý lễ hội, bao gồm nhóm giải pháp nâng cao nhận thức, nhóm giải pháp về nâng cao hiệu quả quản lý trực tiếp đối với lễ hội, giải pháp nâng cao vai trò tự quản của cộng đồng trong việc tổ chức, quản lý lễ hội.</p>
					<p>(1) Luận văn nghiên cứu, đánh giá tổng thể các vấn đề liên quan đến việc Quản lý làng nghề truyền thống ở huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Trên cơ sở nghiên cứu, phân tích, làm rõ các vấn đề liên quan đến làng nghề, công tác quản lý nhà nước đối với làng nghề; làm rõ một số khái niệm cơ bản như khái niệm: làng nghề, làng nghề truyền thống; khái niệm quản</p>

		<p><i>Quản lý làng nghề truyền thống ở huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa phục vụ phát triển du lịch</i></p>	<p>Ngô Việt Phương</p>	<p>PGS.TS. Nguyễn Thị Thúy</p>	<p>lý và quản lý làng nghề truyền thống. Từ khảo sát thực trạng các hoạt động quản lý làng nghề truyền thống huyện Thọ Xuân, luận văn đã phân tích, đánh giá một cách khách quan, trung thực đặc điểm của thực trạng công tác quản lý làng nghề truyền thống; phân tích, đánh giá và rút ra ưu điểm, những tồn tại bất cập và nguyên nhân của những tồn tại trong các mặt công tác quản lý làng nghề.</p> <p>(2) Qua tổng hợp nghiên cứu lý luận và đánh giá tình hình thực tiễn các mặt công tác quản lý làng nghề, luận văn đã đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý làng nghề truyền thống phục vụ phát triển du lịch.</p>
		<p><i>Xây dựng môi trường văn hóa tại Nhà văn hóa thiếu nhi Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa</i></p>	<p>Nguyễn Xuân Sang</p>	<p>PGS.TS. Lê Văn Tạo</p>	<p>Trên cơ sở đánh giá thực trạng, dựa trên các quan điểm, định hướng xây dựng môi</p>

					<p>trường văn hóa. Từ đó đề xuất 3 nhóm giải pháp nâng cao hiệu quả xây dựng môi trường văn hóa tại nhà văn hóa thiếu nhi thành phố Thanh Hóa gồm: (1) Xây dựng bộ quy chế thực hiện môi trường văn hóa tại Nhà văn hóa thiếu nhi thành phố Thanh Hóa. (2) Các giải pháp thực hiện bộ quy chế về môi trường văn hóa gồm: (i) Giải pháp tổng thể như: Nâng cao nhận thức về bảo vệ và xây dựng môi trường văn hóa cho cán bộ giáo viên; Đối với hoạt động thực hiện công khai dân chủ, cần thực hiện các mô hình hiệu quả trong công khai dân chủ; Phát huy sức mạnh tổng hợp của các đoàn thể, tổ chức hội phụ huynh; Nhằm xây dựng các hoạt động văn hóa phát triển môi trường văn hóa, quá trình tham gia và tổ chức thực hiện cần được thực hiện xã hội hóa. (ii) Giải pháp đối</p>
--	--	--	--	--	--

					<p>với cán bộ, giáo viên.</p> <p>(iii) Giải pháp đối với thiếu nhi và phụ huynh; và (iv) Giải pháp hỗ trợ chung.</p> <p>(3) Dự báo hiệu quả đạt được.</p>
		<p><i>Quản lý di sản văn hóa trên địa bàn xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa</i></p>	<p>Lê Văn Thiệu</p>	<p>TS. Nguyễn Minh Khang</p>	<p>Trên cơ sở đánh giá thực trạng, chỉ ra mặt hạn chế và nguyên nhân, dựa trên các quan điểm, định hướng quản lý DSVH, luận văn đề xuất 0 nhóm giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý DSVH gồm</p> <p>(1) Hoàn thiện công tác quy hoạch, kế hoạch bảo tồn và phát huy DSVH; (2) Tăng cường công tác chỉ đạo hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước, tăng cường giáo dục pháp luật về DSVH dưới các hình thức khác nhau; (3) Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học; (4) Tăng cường khai thác, quảng bá các giá trị DSVH; (5) Phát</p>

					huy vai trò của cộng đồng; (6) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra.
		<i>Xây dựng môi trường văn hóa ở các trường THCS trên địa bàn huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình</i>	Đỗ Thị Ngọc Thu	PGS. TS Trần Văn Thúc	<p>(1) Luận văn hệ thống hóa lí luận về môi trường văn hóa cơ sở khoa học của xây dựng tiêu chí văn hóa nhà trường trong các trường phổ thông</p> <p>(2) Luận văn bước đầu đánh giá thực trạng văn hóa nhà trường tiến hành khảo sát tại 3 trường THCS. Trên cơ sở đó chỉ ra những ưu điểm và hạn chế, những nguyên nhân chủ quan, khách quan tác động. Những thuận lợi, khó khăn khi xây dựng các tiêu chí văn hóa trong các trường THCS trên địa bàn huyện Kim Sơn</p> <p>(3) Luận văn đưa ra các yêu cầu, nguyên tắc chỉ đạo để đề xuất và hoàn thiện hệ thống các tiêu chuẩn, đảm bảo tính khoa học, ổn định, bền vững từ đó giúp các cơ quan quản</p>

					lí có định hướng quản lí góp phần nâng cao chất lượng đào tạo ở các trường THCS, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.
		<p><i>Quản lý lễ hội rước nước làng Bông Thượng, xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa</i></p>	<p>Nguyễn Thị Thúy</p>	<p>TS. Hoàng Bá Tường</p>	<p>(1) Luận văn nghiên cứu, đánh giá tổng thể các vấn đề liên quan đến việc Quản lý nhà nước về công tác tổ chức lễ hội tại lễ hội rước nước, xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Trên cơ sở nghiên cứu, phân tích, làm rõ các vấn đề liên quan đến lễ hội, quản lý nhà nước đối với lễ hội; làm rõ một số khái niệm cơ bản như khái niệm: lễ hội truyền thống; khái niệm quản lý và quản lý lễ hội truyền thống. Từ khảo sát thực trạng các hoạt động tổ chức lễ hội Rước nước, luận văn đã phân tích, đánh giá một cách khách quan, trung thực đặc điểm thực trạng công tác tổ chức lễ hội; phân tích, đánh giá và rút ra ưu điểm, những</p>

					<p>tồn tại bất cập và nguyên nhân của những tồn tại trong công tác quản lý lễ hội Rước nước.</p> <p>(2) Qua tổng hợp nghiên cứu lý luận và đánh giá tình hình thực tiễn công tác quản lý lễ hội, luận văn đã đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý lễ hội truyền thống rước nước.</p>
		<p><i>Quản lý Nhà nước về Văn hóa trên địa bàn thị trấn Sao Vàng, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa</i></p>	<p>Phạm Thị Thúy</p>	<p>TS. Võ Hồng Hải</p>	<p>(1) hoạt động thông tin, tuyên truyền, cổ động khá phong phú và đa dạng, các hình thức tuyên truyền trực quan, tuyên truyền lưu động, tuyên truyền trên hệ thống la truyền thanh cơ sở ngày càng được cải tiến nhằm nâng cao hiệu quả tuyên truyền cổ động.</p> <p>(2) Hoạt động quản lý văn hóa tín ngưỡng đã phối hợp chặt chẽ cơ quan liên ngành quản lý và đã được những thành tích đáng ghi nhận như giảm tệ</p>

					<p>nạn mê tín dị đoan.</p> <p>(3) Hoạt động Quản lý hoạt động xây dựng đời sống văn hóa cơ sở đạt được những kết quả khích lệ trong các phong trào như xây dựng gia đình văn hóa, gia đình thể thao, khu dân cư văn hóa, các hoạt động biểu dương người tốt việc tốt có tác dụng lan tỏa tình yêu thương xóm riềng, hoạt động lá lành đùm lá rách, giúp đỡ nhau xóa đói giảm nghèo đã tác động tích cực tới kinh tế hộ gia đình, đời sống nhân dân ngày càng ổn định hơn. Quản lý các thiết chế văn hóa cũng được thực hiện với nhiều nội dung phong phú, các NVH được người dân sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả, công tác văn nghệ quần chúng, các CLB thể dục thể thao được phát triển mạnh mẽ mang lại nhiều thành tích cho thị trấn. Cuối cùng là công tác quản lý</p>
--	--	--	--	--	---

					<p>hoạt động kinh doanh dịch vụ văn hóa và thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trên địa bàn thị trấn được tổ chức phối hợp tốt với các cơ quan liên ngành tạo nên hiệu quả quản lý nhất định.</p>
		<p><i>Quản lý làng nghề truyền thống trên địa bàn Thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa phục vụ phát triển du lịch</i></p>	<p>Phạm Đức Trí</p>	<p>TS. Nguyễn Thị Thục</p>	<p>(1) Luận văn nghiên cứu một số vấn đề lý luận về khái niệm vai trò... của làng nghề, làng nghề truyền thống; các vấn đề lý luận về quản lý nhà nước và quản lý nhà nước đối với phát triển làng nghề truyền thống phục vụ phát triển du lịch của địa phương; nghiên cứu, đúc rút một số bài học kinh nghiệm trong công tác quản lý nhà nước về phát triển làng nghề truyền thống phục vụ du lịch. Nghiên cứu thực trạng về phát triển của các làng nghề truyền thống phục vụ phát triển du lịch trên địa bàn thành phố Thanh Hóa từ đó có được những nhận xét,</p>

					<p>đánh giá thực trạng quản lý nhà nước đối với phát triển làng nghề truyền thống phục vụ du lịch của thành phố, chỉ ra những ưu điểm, hạn chế và nhất là nguyên nhân của những hạn chế.</p> <p>(2) Qua tổng hợp nghiên cứu lý luận và tình hình thực tiễn các mặt công tác quản lý, luận văn đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác quản lý nhà nước đối với việc phát triển làng nghề truyền thống phục vụ du lịch của thành phố Thanh Hóa trong thời gian tới.</p>
		<p><i>Xây dựng đời sống văn hóa ở xã Hoàng Quý, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa</i></p>	Trần Thị Thanh Tú	TS. Tạ Thị Thủy	<p>(1) Xây dựng ĐSVHCS là một hoạt động quan trọng để xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiến tiến đậm đà bản sắc dân tộc. Xây dựng ĐSVHCS cũng là một trong những trọng tâm của nhiệm vụ chính trị nhằm phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của</p>

				<p>đất nước với mục tiêu phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tạo động lực cho sự nghiệp đổi mới.</p> <p>(2) Từ việc tìm hiểu cơ sở lý luận của xây dựng đời sống văn hóa gồm các khái niệm cơ bản về đời sống văn hóa, xây dựng đời sống văn hóa chúng tôi chỉ rõ vai trò của đời sống văn hóa cơ sở; Trên cơ sở nền tảng lý luận đó, luận văn đi vào khái quát về đời sống văn hóa xã Hoàng Quỳ trên các phương diện: Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, đời sống văn hóa để làm cơ sở lý luận cho công tác khảo sát, đánh giá thực trạng xây dựng đời sống văn hóa ở xã Hoàng Quỳ.</p> <p>(3) Với truyền thống văn hóa lâu đời, đa dạng, phong phú là một trong những điều kiện tốt để xã Hoàng Quỳ xây dựng ĐSVH</p>
--	--	--	--	---

					<p>thời hiện đại. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” thời gian qua đã thực sự đi vào cuộc sống, lan tỏa vào từng lĩnh vực trong xã hội, khơi dậy tinh thần đoàn kết giúp đỡ nhau phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, làm giàu hợp pháp, xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Thông qua các nội dung hoạt động của phong trào, người dân và các tổ chức đã phát huy truyền thống tương thân, tương ái, đẩy mạnh hoạt động “Đền ơn đáp nghĩa”, thăm hỏi, động viên, thể hiện lòng biết ơn đối với người có công với đất nước, góp phần gắn kết người dân nêu cao ý thức trách nhiệm, tích cực hưởng ứng tham gia xây dựng nông thôn mới, phòng chống tội phạm và tệ</p>
--	--	--	--	--	---

				<p>nạn xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, Quá trình xây dựng đời sống văn hoá xã Hoàng Quỳ hiện tại đã đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận cũng như những hạn chế cần phải tiếp tục khắc phục. Luận văn, đã khái quát những thực trạng công tác triển khai thực hiện xây dựng đời sống văn hóa trên địa bàn xã Hoàng Quỳ; trên cơ sở thực trạng đã phân tích đánh giá, nhận xét những ưu điểm, chỉ rõ nhược điểm trong công tác xây dựng đời sống văn hóa trên địa bàn xã Hoàng Quỳ cũng như nguyên nhân của những hạn chế đó.</p> <p>(4) Trên cơ sở định hướng của Trung ương, của Tỉnh, huyện Hoàng Hóa đối với công tác xây dựng đời sống văn hóa cơ sở. Luận văn nêu ra hệ thống các giải pháp đảm bảo tính toàn diện, lâu dài, tác động</p>
--	--	--	--	--

					<p>đến tất cả các yếu tố cơ bản của công tác xây dựng ĐSVH đồng thời cũng có tính đến tính đặc thù của địa phương. Việc vận dụng các giải pháp mà luận văn nêu ra, sẽ góp phần hữu ích vào giải quyết những khó khăn hiện nay, khắc phục được những hạn chế yếu kém đang hiện hữu làm giảm hiệu quả hoạt động xây dựng ĐSVH và phát huy được những mặt tích cực để đạt được hiệu quả cao trong phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” góp phần vào thực hiện thắng lợi các mục tiêu mà địa phương đã đề ra.</p>
		<p><i>Quản lý Nhà nước về văn hóa trên địa bàn huyện Xiêng Khọ, tỉnh Hòa Phăn, Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào</i></p>	<p>PHOUTHONG PHANHTHAVONG</p>	<p>PGS.TS Trần Văn Thức</p>	<p>Luận văn đã đưa ra 5 nhóm giải pháp thực hiện</p> <p>(1) Nâng cao nhận thức về vai trò của Văn hóa và xây dựng mô hình tự quản về văn hóa.</p> <p>(2) Đẩy mạnh công tác</p>

					<p>đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực văn hóa.</p> <p>(3) Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư cho phát triển văn hóa</p> <p>(4) Tăng cường giáo dục pháp luật về văn hóa, góp phần giảm hành vi sai phạm pháp luật, giữ vững an ninh trật tự, hỗ trợ cho công tác QLVH về văn hóa trên địa bàn.</p> <p>(5) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý sai phạm trong hoạt động văn hóa.</p>
		<p><i>Xây dựng môi trường Văn hóa trên địa bàn huyện Sốp Bâu, tỉnh Hòa Phấn, Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào</i></p>	<p>VONGID THONGSAMAY</p>	<p>TS. Nguyễn Thị Thục</p>	<p>(1) Để đáp ứng yêu cầu trên đòi hỏi phải huy động sức mạnh tổng hợp của các cấp lãnh đạo Đảng, chính quyền, các cơ quan, ban ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội và cá nhân trên địa bàn huyện, tạo ra một sức bật mạnh mẽ trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, thúc đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong thời kỳ đổi</p>

				<p>mới. Phần đầu, xây dựng Sốp Bâu trở thành một huyện có tầm vóc tương xứng với vị thế "trung tâm chính trị - kinh tế - văn hóa" của tỉnh Hòa Phấn.</p> <p>Công cuộc đổi mới toàn diện theo chủ trương, đường lối của CHDCND Lào đã đem lại những thành tựu to lớn, tạo nên những đổi thay kỳ diệu về diện mạo của huyện, đời sống vật chất của nhân dân được nâng lên, chất lượng sinh hoạt văn hóa cộng đồng và mức hưởng thụ văn hóa tinh thần được cải thiện rõ rệt. Tuy vậy, ở huyện Sốp Bâu trong thời gian qua, bên cạnh những thành tựu nổi bật về xây dựng MTVH mà Đảng bộ và nhân dân huyện đã quyết tâm nỗ lực phấn đấu để đạt được cũng còn không ít những tồn tại, yếu kém cần khắc phục. Tình hình đó đặt ra yêu cầu</p>
--	--	--	--	---

					<p>nhiệm vụ mới cho hoạt động xây dựng MTVH của huyện Sốp Bâu trong thời gian tới là phải tiến hành khảo sát, điều tra, nghiên cứu, tổng kết toàn diện, sâu sắc thực trạng MTVH của huyện, trên cơ sở đó xây dựng một hệ thống những chính sách và giải pháp đồng bộ, hữu hiệu. Kết hợp phát huy vai trò tổng hợp của mọi tầng lớp nhân dân, khai thác tốt nhất những điều kiện thuận lợi để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, xây dựng MTVH</p>
		<p><i>Xây dựng lối sống văn hóa trong thanh niên trên địa bàn thành phố Thanh Hóa hiện nay.</i></p>	<p>Nguyễn Hữu Hòa</p>	<p>TS. Nguyễn Thị Lan Hương</p>	<p>(1) Nghiên cứu cơ sở lý thuyết và khái quát về xây dựng lối sống văn hóa trong thanh niên qua việc nghiên cứu tổng quan từ các công trình đi trước (trong nước, nước ngoài) để vận dụng vào thực tiễn một địa bàn cụ thể.</p> <p>(2) Đánh giá được thực trạng công tác xây dựng lối sống văn</p>

				<p>hóa trong thanh niên trên địa bàn thành phố Thanh Hóa hiện nay. Làm rõ được các yếu tố ảnh hưởng đến việc xây dựng lối sống văn hóa trong thanh niên thanh niên trên địa bàn thành phố Thanh Hóa.</p> <p>(3) Đưa ra được những giải pháp xây dựng lối sống văn hóa trong thanh niên có tính thực tiễn và hiệu quả, phù hợp với thực tiễn địa phương.</p>
--	--	--	--	---

G. Công khai thông tin đào tạo theo đơn đặt hàng của nhà nước, địa phương và doanh nghiệp

STT	Tên đơn vị đặt hàng đào tạo	Số lượng	Trình độ đào tạo	Chuyên ngành đào tạo
1	Công ty cổ phần Du lịch quốc tế Hữu Nghị	20	Đại học	Du lịch; Quản trị DVDL&LH
2	Công ty TNHH Du lịch và Dịch vụ khám phá xứ Thanh	15	Đại học	Du lịch; Quản trị DVDL&LH
3	Công ty du lịch quốc tế Tây Nguyên	30	Đại học	Du lịch; Quản trị DVDL&LH
4	Khách sạn Central	25	Đại học	Du lịch; Quản trị DVDL&LH; Quản trị khách sạn
5	Công ty cổ phần Dạ Lan	20	Đại học	Quản trị khách sạn
6	Khách sạn Mường Thanh Grand Thanh Hóa	25	Đại học	Du lịch; Quản trị DVDL&LH ; Quản trị khách sạn
7	Khách sạn Vinpearl Thanh Hóa	30	Đại học	Du lịch; Quản trị DVDL&LH ; Quản trị khách sạn
8	Khách sạn FLC Sầm Sơn	20	Đại học	Du lịch; Quản trị DVDL&LH ; Quản trị khách sạn
9	Khách sạn Thiên Ý	25	Đại học	Quản trị khách sạn

10	Khách sạn Lam Kinh	20	Đại học	Quản trị khách sạn
11	Khách sạn Long Anh	15	Đại học	Quản trị khách sạn
12	Khách sạn Mường Thanh	30	Đại học	Quản trị khách sạn
13	Khách sạn Sao Mai	20	Đại học	Quản trị khách sạn
14	Khách sạn BTC Sầm Sơn	20	Đại học	Quản trị khách sạn
15	Khách sạn Điện lực Sầm Sơn	15	Đại học	Quản trị khách sạn
16	Nhà hàng Mê Koong	20	Đại học	Quản trị khách sạn

H. Công khai hội nghị, hội thảo khoa học do cơ sở giáo dục tổ chức

STT	Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học	Thời gian tổ chức	Địa điểm tổ chức	Số lượng đại biểu tham dự
1	Hội thảo khoa học: “Phát huy vai trò tự học của sinh viên thông qua phương pháp CDIO trong trường đại học”	Tháng 3/2019	Trường ĐH VH,TT&DL Thanh Hóa	150 người
2	Hội nghị Sinh viên nghiên cứu khoa học năm học 2018-2019	Tháng 5/2019	Trường ĐH VH,TT&DL Thanh Hóa	250 người
3	Hội thảo khoa học: “Văn hóa – Nghệ thuật – Thể thao và Du lịch – Những vấn đề đặt ra đối với Thanh Hóa và khu vực Nam Sông Hồng – Bắc Trung Bộ”	Tháng 11/2019	Trường ĐH VH,TT&DL Thanh Hóa	140 người

I. Công khai thông tin về các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn

STT	Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ	Người chủ trì và các thành viên	Đối tác trong nước và quốc tế	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn
I	Cấp tỉnh					
1	Nghiên cứu đặc sản ẩm	TS. Lê Thị Lệ	Trong	2016 -	683.189.000đ	1. Sản phẩm của đề tài:

	thực Thanh Hóa phục vụ phát triển du lịch		nước	2018		<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tổng hợp số liệu thu thập thông tin - Các báo cáo chuyên môn: <ol style="list-style-type: none"> 1. Thực trạng đặc sản ẩm thực Thanh Hóa. 2. Bài học kinh nghiệm về xây dựng, khai thác đặc sản ẩm thực Việt Nam. 3. Giải pháp khai thác đặc sản ẩm thực Thanh Hóa trong hoạt động phát triển du lịch - Kỷ yếu hội thảo - Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ - Cuốn sổ tay về đặc sản ẩm thực Thanh Hóa <p>2. Ứng dụng thực tiễn: Đề tài mới được nghiệm thu trong tháng 10/2018, đang thực hiện công tác chuyển giao kết quả nghiên cứu đến các đơn vị liên quan.</p>
2	Nghiên cứu xây dựng sản phẩm du lịch từ giá trị văn hóa biển tỉnh Thanh Hóa	ThS. Nguyễn Thị Trúc Quỳnh	Trong nước	2016 - 2018	561.339.000đ	<p>1. Sản phẩm đề tài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tổng hợp số liệu thu thập thông tin - Báo cáo chuyên môn: <ol style="list-style-type: none"> 1. Giá trị văn hóa biển có tiềm năng xây dựng sản phẩm du lịch 2. Bài học kinh nghiệm trong việc xây dựng sản phẩm du lịch từ giá trị văn hóa biển ở Việt Nam. 3. Mô hình (lý thuyết) sản phẩm du lịch từ giá trị văn hóa biển ở huyện Hoằng Hóa 4. Mô hình (lý thuyết) sản phẩm du lịch từ giá trị văn hóa biển ở huyện Tĩnh Gia - Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện - Kỷ yếu hội thảo <p>2. Ứng dụng thực tiễn: Đề tài mới được nghiệm thu trong tháng 11/2018, đang thực hiện công tác chuyển giao kết quả nghiên cứu đến các đơn vị liên quan.</p>
3	Nghiên cứu giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị Đình làng ở Thanh Hóa trong giai đoạn hiện nay	TS. Lê Thị Thảo	Trong nước	2017 - 2019	728.070.000đ	<p>1. Sản phẩm của đề tài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả thu thập số tư liệu về đình làng ở Thanh Hóa (Ảnh chụp hiện trạng đình làng và các sinh hoạt cộng đồng liên quan đến đình làng; Bản báo cáo khảo sát thực tế tại các đình làng).

						<ul style="list-style-type: none"> - Các báo cáo chuyên môn của đề tài: 1: Giá trị của đình làng ở Thanh Hóa. 2: Thực trạng việc bảo tồn và phá hủy giá trị đình làng ở Thanh Hóa. 3. Bài học kinh nghiệm bảo tồn và phát huy giá trị một số đình làng ở Việt Nam. 4. Giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị đình làng ở Thanh Hóa trong giai đoạn hiện nay. - Báo cáo tổng hợp - Kỷ yếu hội thảo. - Bản đồ đình làng ở Thanh Hóa hiện còn (bản in trên khổ A0 + bản mềm) - 100 cuốn sách Đình làng xứ Thanh. - Báo cáo kế hoạch sử dụng kết quả đề tài. <p>2. Ứng dụng thực tiễn: Đề tài đang trong thời gian chuẩn bị nghiệm thu.</p>
4	Nghiên cứu nâng cao năng lực tiếng Anh chuyên ngành cho đội ngũ hướng dẫn viên, thuyết minh viên DL trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	TS. Lê Thanh Hà	Trong nước	2017 - 2019	698.970.000đ	<p>1. Sản phẩm của đề tài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo phân tích, xử lý số liệu thu thập thông tin - Báo cáo chuyên môn: 1. Thực trạng sử dụng và nhu cầu đào tạo tiếng Anh chuyên ngành cho đội ngũ thuyết minh viên, hướng dẫn viên du lịch trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. 2. Giải pháp nâng cao năng lực tiếng Anh chuyên ngành cho đội ngũ thuyết minh viên, hướng dẫn viên du lịch trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa - Báo cáo tổng hợp - Chương trình giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành du lịch đặc thù tại Thanh Hóa - Sổ tay hệ thống bài thuyết minh về 50 điểm du lịch ở Thanh Hóa bằng song ngữ Việt – Anh <p>2. Ứng dụng thực tiễn: Đề tài mới được nghiệm thu trong tháng 9/2019, đang thực hiện công tác chuyển giao kết quả nghiên cứu đến các đơn vị liên quan.</p>
5	XD mô hình làng bản VH gắn với đảm bảo	PGS.TS Nguyễn Thị Thúy	Trong nước	2017 - 2019	1.148.930.000đ	<p>1. Sản phẩm của đề tài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tổng hợp phân tích số liệu điều tra

	vững chắc quốc phòng an ninh các huyện vùng biên giới phía Tây tỉnh Thanh Hóa					<p>- Báo cáo chuyên môn:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Mối quan hệ trong việc xây dựng làng, bản văn hóa gắn với quốc phòng-an ninh. 2. Thực trạng đời sống văn hóa, quốc phòng – an ninh ở các làng, bản vùng biên giới phía Tây tỉnh Thanh Hóa 3. Mô hình lý thuyết làng, bản văn hóa gắn với đảm bảo vững chắc quốc phòng - an ninh vùng biên giới phía Tây tỉnh Thanh Hóa. 4. Kết quả thực hiện mô hình thực nghiệm: “Làng, bản văn hóa gắn với đảm bảo vững chắc quốc phòng - an ninh. 5. Giải pháp nhân rộng mô hình Làng, bản văn hóa gắn với đảm bảo vững chắc quốc phòng - an ninh vùng biên giới phía Tây tỉnh Thanh Hóa. <p>- Kỷ yếu hội thảo - Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu</p> <p>2. Ứng dụng thực tiễn: Đề tài mới được nghiệm thu trong tháng 6/2019, đang thực hiện công tác chuyển giao kết quả nghiên cứu đến các đơn vị liên quan.</p>
6	Nghiên cứu giá trị lịch sử, văn hóa và đề xuất giải pháp bảo tồn, tôn tạo, phát huy di tích chùa Am Các trong phát triển kinh tế xã hội tỉnh Thanh Hóa	PGS.TS Trần Văn Thức	Trong nước	2018 - 2019	2.631.357.000đ	<p>1. Sản phẩm của đề tài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo kết quả khai quật khảo cổ - Biên bản bàn giao các hiện vật khai quật được. - Báo cáo kết quả thu thập tư liệu văn hóa dân gian trong các khu dân cư khu vực quang chùa Am Các, tư liệu tại một số di tích ở Tỉnh Gia và các thông tin thu thập tại chùa Am Các - Các báo cáo chuyên môn: <ol style="list-style-type: none"> 1. Quá trình xây dựng và trùng tu, tôn tạo chùa Am Các 2. Giá trị lịch sử - văn hóa của chùa Am Các 3. Thực trạng chùa Am Các 4. Bài học kinh nghiệm bảo tồn và phát huy giá trị một số ngôi chùa tiêu biểu ở Việt Nam. 5. Cơ sở lý luận và thực tiễn làm cơ sở quy hoạch tổng thể di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh núi Am các và địa điểm Chùa Am các, xã Định hải, huyện Tĩnh Gia.

						<p>6. Phương án thiết kế tổng thể di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh núi Am Các và địa điểm chùa Am Các, tiến trình và giải pháp thực hiện đến năm 2030.</p> <p>7. Phương án thiết kế khái quát các hạng mục kiến trúc của di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh núi Am Các và địa điểm chùa Am Các.</p> <p>8. Giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị chùa Am Các trong giai đoạn hiện nay.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các Kỹ yếu hội thảo - Báo cáo tổng hợp kết quả đề tài. - Biên soạn và xuất bản sách chuyên khảo: Giới thiệu tổng quan về di tích danh thắng Chùa Am Các (sách dày khoảng 250 trang, in khổ 14,5 x 20,5, in 200 cuốn). <p>2. Ứng dụng thực tiễn: Đề tài đang trong thời gian triển khai thực hiện.</p>
7	Xây dựng cơ sở dữ liệu các tuyến du lịch trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa	ThS. Hà Đình Hùng	Trong nước	2018 - 2019	953.110.000đ	<p>1. Sản phẩm của đề tài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tổng hợp số liệu điều tra, khảo sát - Báo cáo chuyên môn: <ul style="list-style-type: none"> 1. Cơ sở dữ liệu tài nguyên du lịch trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. 2. Xây dựng danh mục các tour theo tuyến du lịch trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. 3. Giải pháp duy trì, phát triển Trang Website quảng bá các tour theo tuyến du lịch trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. - Xây dựng trang thông tin điện tử các tuyến du lịch trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa - Kỹ yếu Hội thảo - Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài. <p>2. Ứng dụng thực tiễn: Đề tài đang trong thời gian triển khai thực hiện.</p>
8	Phát huy giá trị ca khúc tiêu biểu viết về Thanh Hóa để phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, quê hương	ThS. Đoàn Tiến Dũng	Trong nước	2018 - 2019	816.770.000đ	<p>1. Sản phẩm của đề tài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tổng hợp số liệu điều tra, khảo sát - Báo cáo chuyên môn: <ul style="list-style-type: none"> 1. Thực trạng sáng tác và nhu cầu sử dụng ca khúc viết về Thanh Hóa. 2. Giá trị về nghệ thuật và nội dung trong các ca khúc

						viết về Thanh Hóa - Kỷ yếu hội thảo - Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài - Xuất bản cuốn tuyển tập 150 ca khúc viết về Thanh Hóa. - Thu âm 02 CD tuyển tập 30 ca khúc về Thanh Hóa 2. Ứng dụng thực tiễn: Đề tài đang trong thời gian triển khai thực hiện.
9	Nghiên cứu giải pháp thu hút khách du lịch quốc tế đến với tỉnh Thanh Hóa	TS. Nguyễn Thị Hồng Lê	Trong nước	2019 - 2020	1.055.556.000đ	1. Sản phẩm của đề tài: - Báo cáo tổng hợp số liệu điều tra, khảo sát - Báo cáo chuyên môn: + Thực trạng thu hút khách du lịch quốc tế ở tỉnh Thanh Hóa. + Tiềm năng thu hút khách du lịch quốc tế ở tỉnh Thanh Hóa. + Kinh nghiệm trong thu hút khách du lịch quốc tế và bài học cho Thanh Hóa + Giải pháp thu hút khách du lịch quốc tế đến với tỉnh Thanh Hóa. + Mô hình lý thuyết thu hút khách du lịch quốc tế đến với tỉnh Thanh Hóa đối với loại hình du lịch cộng đồng. + Mô hình lý thuyết thu hút khách du lịch quốc tế đến với tỉnh Thanh Hóa đối với loại hình du lịch nghỉ dưỡng biển. + Báo cáo kết quả triển khai mô hình thực nghiệm thu hút khách du lịch quốc tế đến với Pù Luông, Bá Thước tỉnh Thanh Hóa. + Báo cáo kết quả triển khai mô hình thực nghiệm thu hút khách du lịch quốc tế đến với Bãi Đông, Tĩnh Gia tỉnh Thanh Hóa. - Kỷ yếu hội thảo - Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài - Cuốn sổ tay giới thiệu về các khu, điểm du lịch có khả năng thu hút khách du lịch quốc tế. - 02 Video giới thiệu 2 điểm du lịch Pù Luông, Bá Thước và

						Bãi Đông, Tỉnh Gia bằng song ngữ Việt – Anh. 2. Ứng dụng thực tiễn: Đề tài đang trong thời gian triển khai thực hiện.
10	Nghiên cứu giá trị các làng nghề trên địa bàn Thanh Hóa và đề xuất giải pháp khai thác phục vụ phát triển du lịch của tỉnh.	TS. Nguyễn Thị Thục	Trong nước	2019 - 2020		1. Sản phẩm của đề tài: - Báo cáo tổng hợp số liệu điều tra, khảo sát - Báo cáo chuyên môn: + Báo cáo đánh giá giá trị và thực trạng hoạt động của các làng nghề trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; + Đề xuất hệ thống tiêu chí lựa chọn các làng nghề tiêu biểu ở Thanh Hóa phục vụ phát triển du lịch; + Hệ thống giải pháp khai thác phát triển và nhân rộng mô hình du lịch làng nghề ở Thanh Hóa. + Mô hình lý thuyết: “Làng nghề ở Thanh Hóa gắn với phát triển du lịch”. + Báo cáo kết quả thực hiện 3 mô hình thực nghiệm - Kỹ yếu hội thảo - Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu đề tài - Bản đồ hướng dẫn du lịch làng nghề ở Thanh Hóa 2. Ứng dụng thực tiễn: Đề tài đang trong thời gian triển khai thực hiện.
II	Cấp cơ sở					
*	Đề tài trọng điểm cấp trường					
1	Xây dựng website quản lý thư viện trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa	ThS. Trịnh Tất Đạt (Trung tâm TTTV)	Trong nước	2019	50.000.000đ	1. Sản phẩm của đề tài: - Báo cáo Chuyên đề 1. Cơ sở lý luận 2. Cách thức xây dựng, lập trình Website thư viện 3. Áp dụng hệ thống Website quản lý thư viện - Báo cáo tổng hợp kết quả đề tài 2. Ứng dụng thực tiễn: Đề tài mới được nghiệm thu trong tháng 12/2019, đang trong quá trình tổ chức triển khai ứng dụng.
2	Biện pháp quản lý sinh viên ngoại trú tại	ThS. Lê Xuân Sơn	Trong nước	2019	50.000.000đ	1. Sản phẩm của đề tài: - Báo cáo Chuyên đề 1. Cơ sở khoa học trong công tác quản lý sinh viên ngoại

	Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa	(Phòng Công tác HSSV)				trú 2. Thực trạng quản lý sinh viên ngoại trú tại trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa; 3. Giải pháp quản lý sinh viên ngoại trú tại trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa; - Báo cáo tổng hợp kết quả đề tài 2. Ứng dụng thực tiễn: Đề tài mới được nghiệm thu trong tháng 12/2018, đang trong quá trình tổ chức triển khai ứng dụng.
3	Hoàn thiện cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học & công nghệ tại trường Đại học VH TTDL Thanh Hóa	ThS. Nguyễn Thị Trúc Quỳnh (Phòng QLKH)	Trong nước	2019	50.000.000đ	1. Sản phẩm của đề tài: 1. Cơ sở lý luận về quản lý tài chính trong hoạt động khoa học và công nghệ; 2. Thực trạng quản lý tài chính trong hoạt động khoa học và công nghệ tại trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa; 3. Giải pháp hoàn thiện công tác quản lý tài chính trong hoạt động khoa học và công nghệ tại trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa; - Báo cáo khoa học tổng kết đề tài 2. Ứng dụng thực tiễn: Đã triển khai ứng dụng thực tiễn trên Cổng thông tin điện tử Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa
4	Nghệ thuật chạm khắc đèn Trần Khát Chân ứng dụng vào bài tập nghiên cứu dân tộc của sinh viên ngành sư phạm mỹ thuật	ThS. Bùi Đức Chung (Khoa Mỹ thuật)	Trong nước	2019	50.000.000đ	1. Sản phẩm của đề tài: - Báo cáo Chuyên đề 1. Cơ sở lý luận 2. Thực trạng dạy học phần bài tập nghiên cứu dân tộc cho sinh viên ngành sư phạm mỹ thuật 3. Vận dụng nghệ thuật chạm khắc đèn Trần Khát Chân vào bài tập nghiên cứu dân tộc cho sinh viên ngành mỹ thuật - Báo cáo tổng hợp kết quả đề tài

						2. Ứng dụng thực tiễn: Đề tài mới được nghiệm thu trong tháng 12/2018, đang trong quá trình tổ chức triển khai ứng dụng.
*	Đề tài NCKH của GV					
5	Sử dụng mạng xã hội hỗ trợ hoạt động học tập của sinh viên trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa	ThS. Trần Minh Thanh Hà (Khoa Văn hóa – Thông tin)	Trong nước	2019	18.000.000đ	1. Sản phẩm của đề tài: Báo cáo Chuyên đề 1. Cơ sở lý luận và thực tiễn 2. Thực trạng và các yếu tố tác động đến việc sử dụng mạng xã hội hỗ trợ hoạt động học tập của sinh viên trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa 3. Giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng mạng xã hội hỗ trợ hoạt động học tập tại trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa - Báo cáo tổng hợp 2. Ứng dụng thực tiễn: Đề tài mới được nghiệm thu trong tháng 12/2018, đang trong quá trình tổ chức triển khai ứng dụng.
6	Nghiên cứu xây dựng hệ thống bài đệm mẫu đàn phím điện tử dành cho đối tượng sinh viên Lào ngành Đại học Sư phạm Âm nhạc	ThS. Vi Minh Huy (Khoa Sư phạm nghệ thuật)	Trong nước	2019	18.000.000đ	1. Sản phẩm của đề tài: - Báo cáo chuyên đề 1. Cơ sở lý luận 2. Thực trạng làm việc nhóm của sinh viên khoa Luật&QLNN 3. Giải pháp, kiến nghị cho vấn đề làm việc nhóm của sinh viên khoa Luật&QLNN - Báo cáo tổng kết khoa học đề tài 2. Ứng dụng thực tiễn: Đề tài mới được nghiệm thu trong tháng 12/2018, đang trong quá trình tổ chức triển khai ứng dụng.
7	Nâng cao chất lượng dạy – học thực hành học phần “Xây dựng văn hóa cộng đồng” cho sinh viên ngành QLVH tại	ThS. Nguyễn Thị Thủy (Khoa Văn hóa – Thông tin)	Trong nước	2019	18.000.000đ	1. Sản phẩm của đề tài: - Báo cáo chuyên đề 1. Thực trạng tổ chức dạy và học của ngành Quản lý văn hóa hiện nay 2. Giải pháp tổ chức dạy – học thực hành học phần “Xây dựng văn hóa cộng đồng”

	trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa					- Báo cáo tổng kết khoa học đề tài 2. Ứng dụng thực tiễn: Đề tài mới được nghiệm thu trong tháng 12/2018, đang trong quá trình tổ chức triển khai ứng dụng.
8	Phát triển kỹ năng dạy học thông qua trò chơi cho sinh viên ngành GDMN trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa	ThS. Mai Thị Thanh Vân (Khoa Giáo dục Mầm non)	Trong nước	2019	18.000.000đ	1. Sản phẩm của đề tài: - Báo cáo chuyên đề: 1. Cơ sở lý luận về kỹ năng dạy học thông qua trò chơi của giáo viên mầm non 2. Thực trạng kỹ năng dạy học thông qua trò chơi của sinh viên giáo dục mầm non 3. Biện pháp phát triển kỹ năng dạy học thông qua trò chơi cho sinh viên giáo dục mầm non - Báo cáo tổng kết khoa học đề tài 2. Ứng dụng thực tiễn: Đề tài mới được nghiệm thu trong tháng 12/2019, đang trong quá trình tổ chức triển khai ứng dụng.
9	Xây dựng mô hình thực hành tư vấn pháp luật cho sinh viên ngành Luật trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa	Nguyễn Như Sơn (Khoa Luật và Quản lý nhà nước)	Trong nước	2019	18.000.000đ	1. Sản phẩm của đề tài: Báo cáo Chuyên đề: 1. Cơ sở lý luận của việc xây dựng mô hình thực hành tư vấn pháp luật trong trường Đại học cho sinh viên ngành Luật 2. Thực trạng hoạt động thực hành tư vấn pháp luật của sinh viên ngành Luật trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa và kinh nghiệm tại một số cơ sở đào tạo luật trong nước - Báo cáo tổng hợp 2. Ứng dụng thực tiễn: Đề tài mới được nghiệm thu trong tháng 12/2018, đang trong quá trình tổ chức triển khai ứng dụng.
10	Giải pháp phát triển phong trào rèn luyện thể chất phục vụ hướng nghiệp cho học sinh Trung học cơ sở Thành phố Thanh Hóa	TS. Trịnh Ngọc Trung (Khoa Thể dục thể thao)	Trong nước	2019	18.000.000đ	1. Sản phẩm của đề tài: - Báo cáo Chuyên đề: 1. cơ sở khoa học các vấn đề liên quan 2. Thực trạng kết quả nghiên cứu phong trào rèn luyện thể chất của học sinh Trung học cơ sở thành phố Thanh Hóa

						<p>3. Lựa chọn giải pháp phát triển phong trào rèn luyện thể chất phục vụ hướng nghiệp cho học sinh THCS thành phố Thanh Hóa</p> <p>-Báo cáo tổng hợp kết quả đề tài</p> <p>2. Ứng dụng thực tiễn: Đề tài mới được nghiệm thu trong tháng 12/2018, đang trong quá trình tổ chức triển khai ứng dụng.</p>
11	Đổi mới phương pháp giảng dạy các học phần Lý luận chính trị theo hướng tiếp cận năng lực người học	ThS. Phạm Thị Phương (Khoa Giáo dục Đại cương và Ngôn ngữ Anh)	Trong nước	2019	18.000.000đ	<p>1. Sản phẩm của đề tài:</p> <p>- Báo cáo Chuyên đề"</p> <p>1. Cơ sở lý luận về đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tiếp cận năng lực người học trong giảng dạy các học phần lý luận chính trị</p> <p>2. Thực trạng giảng dạy các học phần lý luận chính trị ở các trường Đại học trong thời gian qua</p> <p>3. Một số phương pháp giảng dạy các học phần lý luận chính trị theo hướng tiếp cận năng lực người học</p> <p>- Báo cáo tổng hợp kết quả đề tài</p> <p>2. Ứng dụng thực tiễn:</p> <p>Đề tài mới được nghiệm thu trong tháng 12/2019, đang trong quá trình tổ chức triển khai ứng dụng.</p>
12	Nghiên cứu và đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy nhóm môn luật kinh tế cho ngành Luật tại trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa	ThS. Nguyễn Thị Lan Anh (Khoa Luật và Quản lý nhà nước)	Trong nước	2019	18.000.000đ	<p>1. Sản phẩm của đề tài:</p> <p>- Báo cáo Chuyên đề:</p> <p>1. Một số vấn đề lý luận về chất lượng giảng dạy nhóm môn luật kinh tế</p> <p>2. Thực trạng các yếu tố ảnh hưởng tới chất lượng giảng dạy nhóm môn luật kinh tế trong ngành Luật trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa</p> <p>3. Một số giải pháp nâng cao chất lượng giảng dạy nhóm môn luật kinh tế trong ngành luật tại trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa</p> <p>- Báo cáo tổng hợp</p> <p>2. Ứng dụng thực tiễn:</p> <p>Đề tài mới được nghiệm thu trong tháng 12/2019, đang trong quá trình tổ chức triển khai ứng dụng.</p>

13	Nâng cao chất lượng đào tạo ngành Sư phạm Mỹ thuật theo chương trình Giáo dục phổ thông mới	ThS. Lê Thị Thanh (Khoa Sư phạm Nghệ thuật)	Trong nước	2019	18.000.000đ	<p>1. Sản phẩm của đề tài:</p> <p>- Báo cáo Chuyên đề:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Cơ sở lý luận về chất lượng đào tạo ngành sư phạm mỹ thuật 2. Thực trạng về việc đào tạo sư phạm mỹ thuật tại trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa 3. Một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo sư phạm mỹ thuật theo chương trình giáo dục phổ thông mới <p>- Báo cáo tổng hợp kết quả đề tài</p> <p>2. Ứng dụng thực tiễn:</p> <p>Đề tài mới được nghiệm thu trong tháng 12/2019, đang trong quá trình tổ chức triển khai ứng dụng.</p>
14	Nghiên cứu lồng ghép yếu tố văn hóa Việt Nam, Lào trong giảng dạy Tiếng Việt cho Lưu học sinh Lào tại trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa	ThS. Hoàng Thị Kim Oanh (Khoa Giáo dục Đại cương và Ngôn ngữ Anh)	Trong nước	2019	18.000.000đ	<p>1. Sản phẩm của đề tài:</p> <p>- Báo cáo Chuyên đề:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Cơ sở lý luận về ngôn ngữ, sự cần thiết của việc lồng ghép các yếu tố văn hóa trong dạy – học ngoại ngữ 2. Thực trạng giảng dạy tiếng Việt cho Lưu học sinh Lào tại trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa 3. Cách thức lồng ghép yếu tố văn hóa Việt Nam, Lào trong giảng dạy tiếng Việt cho Lưu học sinh Lào tại trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa <p>- Báo cáo tổng hợp kết quả đề tài</p> <p>2. Ứng dụng thực tiễn:</p> <p>Đề tài mới được nghiệm thu trong tháng 12/2019, đang trong quá trình tổ chức triển khai ứng dụng.</p>
	Nghiên cứu xây dựng kế hoạch huấn luyện các môn năng khiếu thể thao cho học sinh Tiểu học và Trung học cơ sở trên địa bàn TPTH	ThS. Phạm Cẩm Hùng (Trung tâm đào tạo các môn năng khiếu thể thao)	Trong nước	2019	18.000.000đ	<p>1. Sản phẩm của đề tài:</p> <p>- Báo cáo Chuyên đề:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Một số vấn đề lý luận trong công tác xây dựng kế hoạch huấn luyện các môn thể thao (bóng đá, vovinam, cờ vua) cho học sinh các trường Tiểu học và Trung học cơ sở trên địa bàn Thành phố Thanh Hóa 3. Xây dựng kế hoạch huấn luyện các môn thể thao (bóng đá, vovinam, cờ vua) cho học sinh các trường Tiểu học và Trung học cơ sở trên địa bàn Thành phố

						Thanh Hóa) 2. Thực trạng xây dựng - Báo cáo tổng hợp kết quả đề tài 2. Ứng dụng thực tiễn: Đề tài mới được nghiệm thu trong tháng 12/2019, đang trong quá trình tổ chức triển khai ứng dụng.
	Nghiên cứu xây dựng mô hình tự quản của cộng đồng dân cư thôn, bản trong xây dựng nông thôn mới ở các huyện ven biển Thanh Hóa	ThS. Hoàng Thị Thanh Bình (Phòng Quản lý khoa học)	Trong nước	2019	18.000.000đ	1. Sản phẩm của đề tài: - Báo cáo Chuyên đề: 1. Cơ sở lý luận và thực tiễn về xây dựng mô hình tự quản của cộng đồng dân cư thôn bản trong xây dựng nông thôn và tổng quan về 6 huyện ven biển Thanh Hóa 2. Thực trạng hoạt động tự quản của 6 huyện ven biển Thanh Hóa 3. Xây dựng mô hình lý thuyết và giải pháp thực hiện nhân rộng mô hình tự quản của cộng đồng dân cư thôn, bản trong xây dựng nông thôn mới ở các huyện ven biển Thanh Hóa - Báo cáo tổng hợp kết quả đề tài 2. Ứng dụng thực tiễn: Đề tài mới được nghiệm thu trong tháng 12/2019, đang trong quá trình tổ chức triển khai ứng dụng.
	Giải pháp nâng cao hiệu quả Hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học tại trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa	ThS. Lê Quốc Nguyên (Phòng Hợp tác quốc tế)	Trong nước	2019	18.000.000đ	1. Sản phẩm của đề tài: - Báo cáo Chuyên đề: 1. Một số vấn đề lý luận về hợp tác quốc tế trong NCKH tại các cơ sở giáo dục Việt Nam 2. Thực trạng công tác hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học tại trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa 3. Giải pháp nâng cao hiệu quả Hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học tại trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa - Báo cáo tổng hợp kết quả đề tài 2. Ứng dụng thực tiễn: Đề tài mới được nghiệm thu trong tháng 12/2019, đang trong quá trình tổ chức triển khai ứng dụng.

	<p>Nghiên cứu hình thức tổ chức và hoạt động của Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch tại trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa</p>	<p>ThS. Ngô Phương Thúy (Khoa Du lịch)</p>	<p>Trong nước</p>	<p>2019</p>	<p>18.000.000đ</p>	<p>1. Sản phẩm của đề tài: - Báo cáo Chuyên đề: 1. Cơ sở lý thuyết và bài học kinh nghiệm về hình thức tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch trong trường đại học 2. Xây dựng mô hình tổ chức, hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch tại trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa 3. Đề xuất giải pháp triển khai mô hình tổ chức, hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch tại trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa - Báo cáo tổng hợp kết quả đề tài 2. Ứng dụng thực tiễn: Đề tài mới được nghiệm thu trong tháng 12/2019, đang trong quá trình tổ chức triển khai ứng dụng.</p>
	<p>Nghiên cứu xây dựng video quy trình may các cụm chi tiết trong sản phẩm may cơ bản</p>	<p>ThS. Nguyễn Thị Hồng Thúy (Khoa Mỹ Thuật)</p>	<p>Trong nước</p>	<p>2019</p>	<p>18.000.000đ</p>	<p>1. Sản phẩm của đề tài: - Báo cáo Chuyên đề: 1. Những vấn đề cơ bản quy trình may các cụm chi tiết trong may cơ bản và tiêu chí đánh giá 2. Quy trình may các cụm chi tiết trong sản phẩm cơ bản 3. Video tổng hợp phương thức tiến hành may các cụm chi tiết trong may cơ bản - Báo cáo tổng hợp kết quả đề tài 2. Ứng dụng thực tiễn: Đề tài mới được nghiệm thu trong tháng 12/2019, đang trong quá trình tổ chức triển khai ứng dụng.</p>
	<p>Rèn luyện kỹ thuật thanh nhạc cho giọng nữ cao hệ đại học Thanh nhạc tại trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa</p>	<p>ThS. Bùi Thị Thu (Khoa Âm Nhạc)</p>	<p>Trong nước</p>	<p>2019</p>	<p>18.000.000đ</p>	<p>1. Sản phẩm của đề tài: - Báo cáo Chuyên đề: 1. Một số vấn đề lý luận về dạy học Thanh nhạc 2. Thực trạng dạy học Thanh nhạc cho sinh viên giọng nữ cao hệ đại học Thanh nhạc tại trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa 3. Giải pháp nâng cao chất lượng rèn luyện kỹ thuật cho giọng nữ cao tại trường ĐH.VHTTDL Thanh Hóa - Báo cáo tổng hợp kết quả đề tài</p>

						<p>2. Ứng dụng thực tiễn: Đề tài mới được nghiệm thu trong tháng 12/2019, đang trong quá trình tổ chức triển khai ứng dụng.</p>
	Vấn đề làm việc nhóm của sinh viên Khoa Luật&QLNN tại trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa	Hà Diệu Thu Thảo (Khoa Luật&Quản lý nhà nước)	Trong nước	2019	18.000.000đ	<p>1. Sản phẩm của đề tài: - Báo cáo Chuyên đề: 1. Cơ sở lý luận 2. Thực trạng làm việc nhóm của sinh viên khoa Luật&QLNN 3. Giải pháp, kiến nghị cho vấn đề làm việc nhóm của sinh viên khoa Luật&QLNN - Báo cáo tổng hợp kết quả đề tài</p> <p>2. Ứng dụng thực tiễn: Đề tài mới được nghiệm thu trong tháng 12/2019, đang trong quá trình tổ chức triển khai ứng dụng.</p>
	Các yếu tố tác động đến sự hài lòng của sinh viên khi học tập, rèn luyện tại trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa	ThS. Nguyễn Thị Hương (Phòng CTCTHSSV)	Trong nước	2019	18.000.000đ	<p>1. Sản phẩm của đề tài: - Báo cáo Chuyên đề: 1. Cơ sở lý luận 2. Tổng quan nghiên cứu 3. Mô hình và kết quả nghiên cứu - Báo cáo tổng hợp kết quả đề tài</p> <p>2. Ứng dụng thực tiễn: Đề tài mới được nghiệm thu trong tháng 12/2019, đang trong quá trình tổ chức triển khai ứng dụng.</p>
	Dạy học bố cục chất liệu sơn dầu ở trường ĐH. VH, TT& DL Thanh Hóa	ThS. Bùi Thị Ngoan (Khoa Mỹ thuật)	Trong nước	2019	18.000.000đ	<p>1. Sản phẩm của đề tài: - Báo cáo Chuyên đề: 1. Cơ sở lý luận 2. Thực trạng dạy học môn bố cục tại trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa 3. Giải pháp nhằm nâng cao dạy học bố cục sơn dầu tại trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa - Báo cáo tổng hợp kết quả đề tài</p> <p>2. Ứng dụng thực tiễn: Đề tài mới được nghiệm thu trong tháng 12/2019,</p>

						đang trong quá trình tổ chức triển khai ứng dụng.
	Các khu công nghiệp trong sự phát triển KTXH ở tỉnh Thanh Hóa	ThS. Lê Thùy Dung (Khoa VH TT)	Trong nước		18.000.000đ	<p>1. Sản phẩm của đề tài:</p> <p>- Báo cáo Chuyên đề:</p> <p>1. Cơ sở lý luận – thực tiễn về vai trò của các khu công nghiệp trong sự phát triển kinh tế - xã hội;</p> <p>2. Thực trạng tác động của các khu công nghiệp đối với sự phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa;</p> <p>3. Định hướng và giải pháp để các khu công nghiệp góp phần tích cực trong phát triển KTXH tỉnh Thanh Hóa;</p> <p>- Báo cáo tổng hợp kết quả đề tài</p> <p>2. Ứng dụng thực tiễn:</p> <p>Đề tài mới được nghiệm thu trong tháng 12/2019, đang trong quá trình tổ chức triển khai ứng dụng.</p>
	Trang phục người Dao đỏ trong giảng dạy thiết kế thời trang ấn tượng cho sinh viên ngành Thiết kế thời trang	ThS. Tăng Đức Vũ (Khoa Mỹ thuật)	Trong nước		18.000.000đ	<p>1. Sản phẩm của đề tài:</p> <p>- Báo cáo Chuyên đề:</p> <p>1. Cơ sở lý luận</p> <p>2. Tổng quan nghiên cứu</p> <p>3. Mô hình và kết quả nghiên cứu</p> <p>- Báo cáo tổng hợp kết quả đề tài</p> <p>2. Ứng dụng thực tiễn:</p> <p>Đề tài mới được nghiệm thu trong tháng 12/2019, đang trong quá trình tổ chức triển khai ứng dụng.</p>

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS Trần Văn Thức

